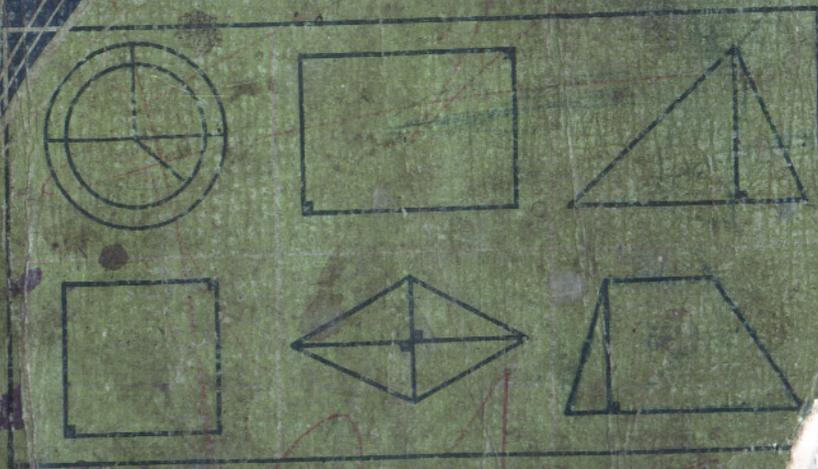


Em học

TOÁN PHẠP



BỘ GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN



20077

NHÂN DÂN HOA-KỲ

với sự hợp-tác của

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

thần tặng

các Trường Sĩ tại Việt-Nam

Sông
hay
chàng
chàng

Liền BTR

V7-10-1

EM HỌC TOÁN

ĐI NƠ

(PHÁP

2 TAY

TOÁN PHÁP

LỚP NHÌ

TỦ SÁCH
NGUYỄN TRỌNG TUẤN
 An Dân Tân Tạo, An Túc - 22031975

BỘ GIÁO - DỤC XUẤT - BẢN
1966

Handwritten scribbles and symbols on the left page, including a swastika-like symbol.

Extensive handwritten scribbles in blue and red ink covering the right page, including the name 'Trần Tuấn' written multiple times.

SOẠN-THAO VÀ ÁN-HÀNH TRONG
KHOẢNG-KỲ CHƯƠNG-TRÌNH HỢP-
TÁC GIỮA BỘ GIÁO-DỤC VÀ PHẢI
BỘ KINH-TẾ HOA-KY TẠI VIỆT-NAM

ĐỜI N

V-HA

Hoàng

Soạn-thảo dưới sự hướng-dẫn của

Ông LÝ CHÁNH ĐỨC

Chánh-sự-vụ Sở Học-liệu

gno

Với sự tham gia ý-kiến của

Ông ĐÌNH GIA DZU

Đại diện Nha Tiểu-học

và sự giúp đỡ về kỹ thuật của

Ông C. GRAHAM EDDY

và

Ông C. WESLEY BREWSTER

Phái-bộ kinh-tế Hoa-kỳ tại Việt-Nam

Handwritten signatures and red lines in the right margin.

Fragment of text from the reverse side of the page:
In-
đ
án
n
je
to
2
00 đi
số đi

Wuu
LỜI NÓI ĐẦU

Biên-soạn quyền TOÁN-PHÁP lớp Nhì này, chúng tôi theo sát chương-trình hiện-hành của Bộ Giáo-Dục và « chỉ chọn lấy những điều cốt-yếu cần cho đời sống mà dạy học-trò và luyện cho trẻ có khôn-phép và khuynh-hướng về đường thực-tế. »

Chúng tôi cố-gắng soạn những bài giản-dị, gãy-gọn, tuần-tự đi dễ đến khó và luôn luôn dựa trên những điều đã học hoặc thường thấy hàng ngày, để các em dễ hiểu những điều giảng dạy.

Chúng tôi đưa ra những thí-dụ cụ-thể, những hướng-dẫn minh-bạch, những hình-vẽ phong-phú để giúp học-sinh nhận-xét, so-sánh, suy-luận hầu tìm ra quy-tắc.

Để thực-hiện phương-châm « Dạy ít, tập nhiều » những bài tập, những toán đố áp-dụng và toán đố xếp loại sẽ giúp các vị giáo-chức tài-liệu để có thể tùy khả-năng của học-sinh mà lựa chọn và ra cho chúng làm ngay tại lớp hoặc ở nhà.

Trong **Sách Học-sinh**, chương-trình Số học, Đo-lường, Hình-học và vẽ Hình-học được chia thành từng bài. Mỗi bài gồm có những phần : Nhận-xét và Suy-luận, Ghi nhớ, Bài tập và Toán đố.

Riêng về Số-học, mỗi bài có kèm theo Tính trăm như đã ấn-định trong Chương-trình.

Trong **Sách chi-nam**, chúng tôi sẽ trình-bày những điều thiết cho giáo-chức như : Học-liệu, cách xử-dụng học-liệu, về cách giảng-dạy, lời giải đáp câu hỏi, cách giải những to-khúc-mắc, và đáp số của những bài toán đề-nghị.

Chúng tôi thành-tâm tiếp-nhận những lời chỉ-giáo xây-sửa-chữa cho quyền Toán-pháp này được hoàn-hảo.

Uen
Uen
PHẦN THỨ NHẤT

SỔ HỌC

Uen
CHƯƠNG I : Ôn lại 4 phép tính
với những số lớn

CHƯƠNG II : Phân-số

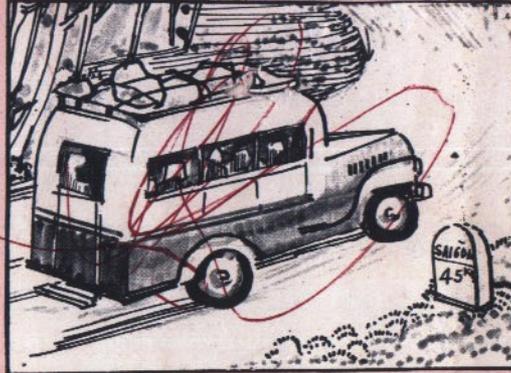
CHƯƠNG III : Tạp-số
Uen

CHƯƠNG I

1. Ôn lại: Số nguyên – Số thập-phân

I. SỐ NGUYÊN

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Đây là tờ giấy bạc bao nhiêu? Xe đò còn cách Saigon bao nhiêu km?

Số 20 và số 45 là những số nguyên.

BẢNG KÊ CÁC LỚP CỦA SỐ NGUYÊN

Lớp TỶ			Lớp TRIỆU			Lớp NGÀN			Lớp ĐƠN-VỊ		
Trăm	Chục	Đơn-vị	Trăm	Chục	Đơn-vị	Trăm	Chục	Đơn-vị	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn-vị
							3	7	4	5	2
	6	7	0	8	6	4	2	9	0	5	

452 đọc là : Ba mươi bảy ngàn, bốn trăm năm mươi hai.

8.642.905 đọc là : Sáu tỷ, bảy trăm lẻ tám triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm lẻ năm.

Uuu

GHI NHỚ : Muốn đọc những số nguyên lớn thì phân thành từng lớp : lớp đơn-vị, lớp ngàn, lớp triệu, lớp tỷ, mỗi lớp 3 đơn-vị, mỗi đơn-vị 1 con số, rồi đọc từ trái sang phải.

II. SỐ THẬP - PHÂN



0m,60 và 1kg450 là những số thập-phân

GHI NHỚ : Số thập-phân gồm có hai phần :
 - Phần bên trái dấu phẩy là phần số nguyên.
 - Phần bên phải dấu phẩy là phần số thập-phân.

ĐỌC VÀ VIẾT NHỮNG SỐ THẬP-PHÂN

Phần số nguyên	Phần số thập-phân		
Mét	đéci-mét	centi-mét	mili-mét
Đơn-vị	Phần mười	Phần trăm	Phần ngàn
6	2	3	5

Số 6,235 đọc là : 6 mét 235 mi-li-mét hoặc là 6 đơn-vị 235 phần ngàn.

Viết: 6m,235; hoặc 62dm,35; hoặc 623cm,5.

GHI NHỚ : Muốn đọc một số thập-phân thì đọc phần số nguyên rồi phần số thập-phân kèm theo tên đơn-vị mà con số thập-phân cuối cùng biểu-diễn.

Muốn viết một số thập-phân thì viết phần số nguyên, rồi dấu phẩy, tiếp theo là phần số thập-phân. Mỗi số thập-phân thiếu thay bằng một con số 0.

BÀI TẬP

1. Đọc những số sau đây :

7.425m ; 67.865l ; 159.940\$; 876.408kg ; 35.080kg.

2. Viết thành con số những số sau đây :

- Sáu ngàn, bốn trăm, chín mươi lăm kg.
- Bốn mươi chín ngàn, ba trăm bốn mươi bảy km.
- Hai tỷ, ba triệu, ba trăm đồng bạc.

3. Đọc những số thập phân sau đây :

3m,18 ; 71,45 ; 10\$,75 ; 3kg,875.

4. Viết những số thập-phân sau đây :

- (đơn vị m) hai mét sáu dm ; 7 mét hai mươi ba mm.
- Ba mươi đồng năm các ; 0 đồng bảy các rưỡi.
- Bốn đơn-vị, hai trăm sáu mươi hai phần ngàn.

TÍNH TRĂM

CỘNG MỘT SỐ VỚI MỘT SỐ CHẴN CHỤC

N XÉT VÀ SUY LUẬN

Thí-dụ: $20\$ + 37\$$

nhận thấy : $37 = 30 + 7$

vậy thì : $20\$ + 37\$ = 20\$ + 30\$ + 7\$$

đó : $2 \text{ chục} + 3 \text{ chục} + 7 = 5 \text{ chục} + 7 = 57$

GHI NHỚ : Muốn cộng một số với một số chẵn chục thì cộng những số hàng chục với nhau, rồi thêm số hàng đơn-vị vào.

BÀI TẬP

Làm những bài toán sau đây mà không cần đặt thành toán :
 $40m + 37m$; $30l + 89l$; $78\$ + 40\$$; $115kg + 50kg$.

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

TIỀN KIẾM = Tiền chi tiêu + Tiền để dành

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Một người phụ tãnh lương ngày. Mỗi ngày anh chi tiêu 93\$, còn để dành được 17\$. Hỏi mỗi ngày anh kiếm được bao nhiêu ?

TÍNH

$$\begin{array}{r} 93\$ \\ + 17\$ \\ \hline 110\$ \end{array}$$

LỜI GIẢI

Mỗi ngày anh kiếm được :

$$93\$ + 17\$ = 110\$$$

Đáp số : 110\$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

1. Một công-chức mỗi tháng chi về tiền ăn uống hết 3.000\$, thuê nhà hết 750\$, chi tiêu vặt hết 2.000\$; cuối tháng để dành được 580\$. Hỏi lương tháng của công-chức này bao nhiêu ?
2. Một thương-gia tính ra, năm rồi, gia-đình chi tiêu hết 72.000\$ về ăn uống, trả công những người giúp việc hết 32.000\$, tiêu linh-tinh 62.000\$; để dành được 95.500\$. Tìm số tiền thương-gia này đã kiếm được ?

2. Cộng số nguyên

TOÁN CỘNG – Ý-NHĨA CỦA TOÁN CỘNG

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



$$\begin{array}{r} \text{Thí-dụ:} \quad 124\$ \\ + \quad 105\$ \\ \hline 229\$ \end{array}$$

Một bà nội-trợ mua một con gà giá 124\$ và một con vịt giá 105\$. Hỏi bà tiêu hết bao nhiêu tiền?

— Muốn tìm tổng-số hai món tiền ấy, em phải làm toán cộng sau đây:

$$\begin{array}{r} + 124\$ \\ + 105\$ \\ \hline 229\$ \end{array} \left. \vphantom{\begin{array}{r} + 124\$ \\ + 105\$ \\ \hline 229\$ \end{array}} \right\} \text{ các số hạng của tính cộng}$$

229\$ → tổng-số hay số thành.

Khi nào thì em làm toán cộng?

— Em làm toán cộng khi muốn tìm một tổng-số (số tổng-cộng) của hai hay nhiều lượng đồng loại.

Làm toán cộng cách nào?

— Phải đặt số chỉ đơn-vị dưới số đơn-vị, số chỉ hàng chục dưới hàng chục, hàng trăm dưới hàng trăm v. v...

Bắt đầu cộng từ phải sang trái, tổng-số cột nào trên một cột thì phải mang số nhớ (số giữ) sang cột liền bên trái.

- II NHỚ :
- Em chỉ cộng được những lượng cùng một loại.
 - Khi đặt toán, em nhớ đặt số chỉ đơn-vị dưới số đơn-vị, số chỉ hàng chục dưới hàng chục v.v...
 - Em bắt đầu cộng từ cột bên phải sang trái, cột nào tổng-số trên một chục thì em phải mang số nhớ (số giữ) sang cột liền bên trái.

Handwritten signature or name in blue ink.

BÀI TẬP

1. Làm những toán cộng sau đây :

$$4.375\$ + 395\$; 76m + 935m + 6.075m; 86l. + 325l. + 2.475l.$$

2. Một cây xăng, tuần-lễ đầu bán được 3.152 lít; tuần-lễ thứ hai bán 4.795 lít; tuần-lễ thứ ba bán 2.780 lít và tuần-lễ thứ tư bán 975 lít. Hỏi cây xăng ấy bán được bao nhiêu lít tất cả ?

TÍNH TRỀM

ÔN LẠI : CỘNG MỘT SỐ VỚI MỘT SỐ CHẴN CHỤC

$$180 + 75 = 180 + 70 + 5 = 255$$

BÀI TẬP

Tìm các tổng-số sau đây mà không cần đặt thành toán :

$$240\$ + 92\$; 375l. + 50l.; 550kg + 68kg$$

$$347m + 80m; 689l. + 30l.; 775\$ + 60\$$$

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

$$\begin{array}{l} \text{TÌN VỐN} = \text{Tiền mua} + \text{Tiền đãi-tải} \\ \text{Tiền mua} + \text{Tiền phí-tồn} \end{array}$$

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI :

Một tiệm buôn một số bàn ghế giá 7.500\$; tiền chuyên-chở hết 125\$. Hỏi giá vốn số bàn ghế ấy là bao nhiêu ?

TÍNH

$$\begin{array}{r} + 7.500\$ \\ + 125\$ \\ \hline 7.625\$ \end{array}$$

LỜI GIẢI

Giá vốn số bàn ghế ấy là:
 $7.500\$ + 125\$ = 7.625\$$

Đáp số : 7.625\$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

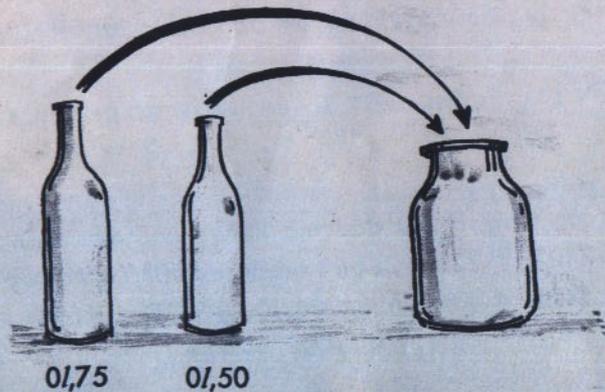
1. Ông Ba mua một lô hàng hóa giá 32.500\$. Tiền thuê hết 325\$. Tìm giá vốn lô hàng ấy.

2. Một người buôn một số heo giá 13.500\$. Tiền chuyên-chở đi 230\$ tiền nuôi cho đến lúc bán hết 125\$. Tìm tiền vốn heo ấy.

$$\begin{array}{r} 13.500\$ \\ + 230\$ \\ + 125\$ \\ \hline 13.855\$ \end{array}$$

3. Cộng số thập-phân

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



Có hai chai đầy giấm: chai lớn chứa 0,75, chai nhỏ đựng 0,50. Người ta đổ cả hai chai vào một bình. Em tính xem bình giấm này chứa tổng-cộng bao nhiêu?

- Muốn tìm số giấm trong bình em phải làm toán gì?
- Em đề ý đến bài toán cộng bên đây xem các dấu phẩy được đặt như thế nào?

$$\begin{array}{r} + 0,75 \\ 0,50 \\ \hline 1,25 \end{array}$$

toán cách nào?

Em xếp-đặt cũng như trong bài toán cộng số nguyên.

Em nhớ đặt dấu phẩy thẳng hàng dọc.

Cộng phải bắt đầu từ bên phải, hết phần số thập-phân, đến phần số nguyên.

Được số thành rồi thì đặt dấu phẩy dưới cột dấu phẩy.

Mieu

- GHI NHỚ :**
- Muốn tìm tổng-số (số lượng tổng-cộng) em làm toán cộng.
 - Khi đặt toán em xếp cho các dấu phẩy thành cột thẳng hàng dọc.
 - Em cộng như cộng số nguyên.
 - Ở số thành em nhớ đặt dấu phẩy dưới cột dấu phẩy.

BAI TẬP

1. Làm những toán cộng sau đây:

$$34\$62 + 17\$36; 169m,125 + 48m,073.$$

$$516l,73 + 89l,49 + 68l,30; 124kg750 + 21kg600 + 93kg250.$$

2. Có ba cuộn dây kẽm, cuộn thứ nhất dài 26m18; cuộn thứ hai dài 18m45 và cuộn thứ ba dài 112m40. Hỏi cả ba cuộn dài bao nhiêu?

157m03

3. Một người gánh năm con heo nhỏ ra chợ bán. Con thứ nhất nặng 12kg25, con thứ nhì 11kg50, con thứ ba 9kg45, con thứ tư 7kg35, và con thứ năm 7kg80. Hỏi 5 con heo nặng tất cả bao nhiêu?

48kg35

TÍNH TRỀM

CỘNG MỘT SỐ VỚI MỘT SỐ GẦN CHẴN CHỤC

NHẬN XÉT VÀ SUY LUẬN

Thí-dụ : $57\$ + 18\$$

$$57\$ + 18\$ = (57\$ + 20\$) - 2\$ = 75\$$$

Thí-dụ : $57\$ + 19\$$

$$57\$ + 19\$ = (57\$ + 20\$) - 1\$ = 76\$$$

- GHI NHỚ :**
- Muốn cộng một số với 18, thì cộng với 20 rồi bớt đi 2.
 - Muốn cộng một số với 19, thì cộng với 20 rồi bớt đi 1.

BÀI TẬP

Làm những toán cộng sau đây :

$$17m + 18m; 64l. + 19l.; 18\$ + 214\$; 19kg + 245kg.$$

TOÁN ĐỐ XẾP LOẠI

$$\text{TIỀN BÁN} = \text{Tiền mua} + \text{Tiền lời}$$

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Một tiệm tạp-hóa mua bàn chải đánh răng giá 9,\$30 một cái. Khi bán được lời 0\$70 một cái. Hỏi giá bán cái bàn chải là bao nhiêu ?

TÍNH	LỜI GIẢI
$\begin{array}{r} 9\$30 \\ + 0\$70 \\ \hline 10\$00 \end{array}$	Giá bán một cái bàn chải là : $9\$30 + 0\$70 = 10\$00$ Đáp số : 10\$00

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

1. Một hiệu buôn mua gôm giá 1\$50 một cục, khi bán được lời 0\$50; viết chì giá 2\$60 một cây, khi bán được lời 0\$40. Hỏi giá bán một cục gôm, giá bán một cây viết chì.

2. Mai mua một cục gôm và một cây viết chì thì phải trả bao nhiêu tiền ?

3. Một tiệm buôn xà-bông, mỗi cục giá 5\$70, bán được lời 0\$30 một cục; khăn mặt giá 10\$75 một chiếc, bán được lời 0\$25. Hỏi giá bán một cục xà-bông và một chiếc khăn mặt.

4. Phép thử toán cộng

NHẬN XÉT VÀ SUY LUẬN

Thực-hành :

TOÁN CỘNG	THỬ TOÁN CỘNG
$\begin{array}{r} 439m \\ + 1.262m \\ \hline 1.734m \\ \hline 3.435m \end{array}$ <p>Cộng từ trên xuống</p>	$\begin{array}{r} 3.435m \\ - 439m \\ \hline 1.262m \\ + 1.734m \\ \hline 3.435m \end{array}$ <p>Cộng từ dưới lên</p>
<p>Kết quả giống nhau là toán đúng</p>	

GHI NHỚ : Muốn thử toán cộng thì cộng ngược từ dưới lên. So-sánh kết-quả này với số thành tìm được trước, nếu thấy giống nhau thì toán đúng.

BÀI TẬP

- Làm rồi thử những toán cộng sau đây :
 $648m + 7.943m; 785kg + 2.097kg; 90l. + 285l. + 6.083l.$
- Tháng hai nhà em ăn hết 97kg50 gạo, tháng ba ăn hơn tháng hai 3kg45. Tính rồi thử lại xem trong hai tháng nhà em ăn hết bao nhiêu gạo ?

TÍNH TRỀM

ÔN LẠI : CỘNG MỘT SỐ VỚI MỘT SỐ GẦN CHẴN CHỤC

- Muốn cộng một số với một số gần chẵn chục, em làm thế nào ? Cho thí dụ.

2. Cộng thêm những số sau đây :

$$23\$ + 18\$; 19\text{kg} + 32\text{kg}; 45\% + 39\%; 27\text{m} + 48\text{m}.$$

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI

$$\text{TIỀN BÁN} = \text{Tiền vốn} + \text{Tiền lời}$$

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Một tiệm buôn mua một lô hàng-hóa giá 22.500\$, tiền thuế hết 560\$, khi bán đi được lời 2.730\$. Tìm tiền bán lô hàng.

TÍNH	
$\begin{array}{r} 22.500\$ \\ + 560\$ \\ \hline 23.060\$ \end{array}$	$\begin{array}{r} 23.060\$ \\ + 2.730\$ \\ \hline 25.790\$ \end{array}$

LỜI GIẢI
Tiền vốn là :
 $22.500\$ + 560\$ = 23.060\$$
Tiền bán lô hàng là :
 $23.060\$ + 2.730\$ = 25.790\$$
Đáp số : 25.790\$

Ghi chú : Cũng có thể cộng liền : Tiền mua + Tiền thuế + Tiền lời

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

Một người buôn một số gà giá 16.250\$, tiền xe hết 245\$, khi mua thóc nuôi trước khi bán hết 480\$. Hỏi tiền vốn buôn là bao nhiêu ? Tiền bán là bao nhiêu, biết tiền lời là 765\$?

Một tiệm buôn một toa gạo giá 85.700\$, tiền thuế hết 300\$, tiền chuyên chở hết 3.250\$. Tìm giá vốn buôn toa gạo. Muốn được lời 1.750\$ thì tiệm ấy phải bán toa gạo bao nhiêu ?

5. Học ôn về toán cộng

1. Trả lời những câu hỏi sau đây :

Khi nào thì em làm toán cộng ?

Số bao gạo và số con gà có thể cộng được với nhau không ?

Tại sao ?

Khi nào thì hai lượng có thể cộng với nhau được ?

Khi đặt tính em phải xếp các cột số như thế nào ?

Khi nào cần phải nhớ (số giữ) ?

Khi cộng các số thập-phân, phải đặt các dấu phẩy thế nào ?

Muốn thử toán cộng thì làm thế nào ?

2. Làm rồi thử những toán cộng sau đây :

$$25\$ + 675\$; 6.795\text{m} + 705\text{m}; 508\text{kg} + 7.094\text{kg} + 210.796\text{kg}$$

3. Ty Công-chánh đắp một con đường, tháng đầu đắp được 7km,125; tháng thứ nhì đắp được 6km, 95; tháng thứ ba đắp được 8km,37 thì xong. Hỏi con đường đó dài bao nhiêu ?

4. Một tiệm buôn gạo còn lại hai bao. Bao thứ nhất cân được 47kg,35, bao thứ nhì 68kg,85. Hỏi tiệm này còn lại bao nhiêu kg gạo ?

5. Một tiệm may mua ba tấm vải, tấm thứ nhất dài 12m,75; tấm thứ nhì dài hơn tấm thứ nhất 0m,25; tấm thứ ba dài 15m. Hỏi cả ba tấm vải dài bao nhiêu mét ?

TÍNH TRỪ

**ÔN LẠI : CỘNG MỘT SỐ VỚI MỘT SỐ CHẴN CHỤC
CỘNG MỘT SỐ VỚI MỘT SỐ GẦN CHẴN CHỤC**

BÀI TẬP

1. Trả lời câu hỏi :

- Muốn cộng một số với một số chẵn chục thì làm thế nào ?
- Muốn cộng một số với một số gần chẵn chục thì làm thế nào ?

2. Tính trừ những tổng-số sau đây :

$64\$ + 20\$$; $45m + 30m$; $50\$ + 73\$$; $127l + 40l$; $145kg + 80kg$

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

TIỀN MUA = Tiền bán + tiền lỗ

TOÁN ĐÒ DẪN GIẢI

Chị Tư buôn trứng gà, vì chị đánh vỡ mất một ít, nên chỉ bán được 615\$. Tính ra chị bị lỗ mất 32\$. Tìm tiền mua số trứng ấy.



LỜI GIẢI

Tiền mua số trứng ấy là :

$$615\$ + 32\$ = 647\$$$

Đáp số : 647\$

Tiền bán (615\$) + Tiền lỗ (32\$)

Tiền bỏ ra tức tiền mua

TOÁN ĐÒ TƯƠNG TỰ

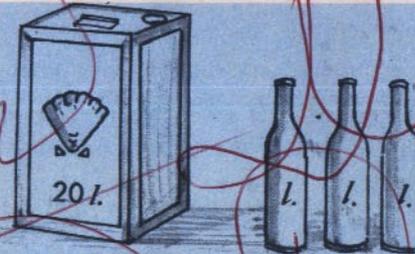
Tam buôn xoài, đem về bị hư một ít; chỗ còn lại bán được 50\$. Tính ra bị lỗ mất 120\$. Hỏi tiền mua số xoài là bao nhiêu ?

Một người bán một lô ly thủy-tinh được 1.250\$; tiền xe hết 72\$ đem về đánh vỡ một ít nên khi bán bị lỗ 68\$. Tìm tiền mua lô ly thủy-tinh ấy.

6. Toán trừ

Ý-NGHĨA CỦA TOÁN TRỪ

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



1. Tìm số còn lại.

- Thùng đầy dầu hỏa đựng bao nhiêu ?
- Đã lấy ra mấy lít ?
- Còn lại bao nhiêu ?

Có	20 l.
Lấy ra	3 l.
Còn lại	17 l.

2. Tìm hiệu-số hay số hơn kém.

- Tấm vải trắng dài bao nhiêu mét ?
- Tấm vải màu dài bao nhiêu mét ?
- Tấm trắng dài hơn bao nhiêu mét ?



Em làm toán trừ để xem	24 m
tấm trắng dài hơn tấm	18 m
màu bao nhiêu mét ?	6 m

3. Tìm số còn thiếu.



- Hồ đầy nước chứa được bao nhiêu lít ?
- Hiện thời hồ chứa được bao nhiêu ?
- Còn thiếu bao nhiêu lít nữa mới đầy ?

Em làm toán trừ để tìm chỗ còn thiếu.

$$\begin{array}{r} 500 \text{ l.} \\ - 300 \text{ l.} \\ \hline 200 \text{ l.} \end{array}$$

GHI NHỚ : Em làm toán trừ để :

- Tìm số còn lại.
- Tìm số hơn kém của hai lượng gọi là hiệu-số.
- Tìm chỗ còn thiếu.

BÀI TẬP

1. Em có 15\$, mua bút chì màu hết 7\$ thì còn lại bao nhiêu tiền ?
2. Một con trâu giá 28.000\$; một con bò giá 23.000\$. Hỏi con trâu đắt hơn con bò bao nhiêu ?
3. Giá một đôi dép là 140\$. Em mới có 95\$. Hỏi còn phải thêm bao nhiêu tiền mới đủ mua dép ?

TÍNH TRỪ

TRỪ MỘT SỐ VỚI MỘT SỐ CHẴN CHỤC

NHẬN XÉT VÀ Suy LUẬN

Thí-dụ: $49\$ - 20\$$

Em nhận thấy : $49 = 40 + 9$

Em nói : $49 - 20 = (40 - 20) + 9 = 29$

GHI NHỚ : Muốn trừ một số với số chẵn chục thì trừ số hàng chục với nhau, rồi cộng thêm số đơn-vị vào.

TẬP

5
Tim những hiệu-số sau đây mà không cần đặt thành toán :

$29\$ - 10\$$; $37\text{m} - 20\text{m}$; $86 \text{ l.} - 40 \text{ l.}$

$48\$ - 30\$$; $51\text{m} - 40\text{m}$; $92 \text{ l.} - 70 \text{ l.}$

Kiên Trường K.T.

Mười
Thư từ

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

TIỀN CHI TIÊU = Tiền kiếm - Tiền để dành

TIỀN ĐỂ DÀNH = Tiền kiếm - Tiền chi tiêu

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Chú em đi làm, lương tháng được 6.738\$. Cuối tháng để dành được 500\$. Hỏi chú em đã chi tiêu hết bao nhiêu ?

TÍNH

$$\begin{array}{r} 6.738\$ \\ - 500\$ \\ \hline 6.238\$ \end{array}$$

LỜI GIẢI

Chú em đã chi tiêu hết :
 $6.738\$ - 500\$ = 6.238\$$

Đáp số : 6.238\$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

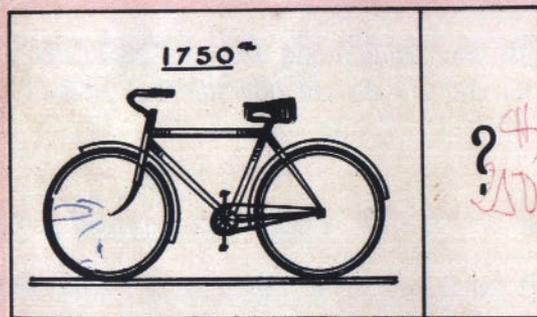
1. Năm vừa qua cha em kiếm được 102.000\$. Cuối năm xem quỹ tiết-kiệm thấy cha em để dành được 9.600\$. Hỏi năm vừa qua, gia-đình em đã chi tiêu hết bao nhiêu ?
2. Bác Hoàn làm thợ mộc mỗi tháng kiếm được 3.000\$. Gia-đình ăn hết 2.400\$ và chi tiêu vặt hết 500\$. Hỏi cuối tháng Bác Hoàn để dành được bao nhiêu ?
3. Một người cha chết đi để lại cho 2 con một căn nhà trị giá 250.000\$; một thửa vườn giá 98.500\$ và một số tiền trong quỹ tiết-kiệm là 126.300\$. Người em được cái nhà, người anh lấy vườn và tiền. Hỏi ai được nhiều hơn ? Và nhiều hơn bao nhiêu ?

7. Trừ số nguyên

NHẬN XÉT VÀ SUY LUẬN

Thí-dụ: $2.000\$ - 1.750\$$

Cha em mang đi $2.000\$$ mua cái xe đạp hết $1.750\$$. Tìm xem cha em còn bao nhiêu tiền?



— Muốn tìm số tiền còn lại em làm tính trừ.

số phải trừ $\rightarrow 2.000\$$
số trừ $\rightarrow 1.750\$$

— Số trừ bao giờ cũng nhỏ hơn số phải trừ.

số thành $\rightarrow 250\$$

5 cách nào?

- Phải đặt số lớn trên số nhỏ; đơn-vị dưới đơn-vị, hàng chục dưới hàng chục; hàng trăm dưới hàng trăm v.v...
- Phải bắt đầu từ bên phải; khi có số nhớ (số giữ) thì phải cộng vào con số liền bên trái của số nhỏ.

GHI NHỚ: Em chỉ trừ những lượng đồng loại.

- Khi đặt tính, em xếp số chỉ đơn-vị vào cột đơn-vị, số hàng chục vào cột hàng chục...
- Em trừ từ bên phải sang bên trái và để ý đến số nhớ (số giữ).

BÀI TẬP

1. Làm những toán trừ sau đây:

$3.468\$ - 985\$$; $6.374\$ - 2.895\$$; $2.156m - 668m$;
 $1.475m - 849m$; $8.567l. - 7.068l.$; $2.786kg - 1.859kg$.

2. Hai lu nước, lu thứ nhất chứa $92l.$; lu thứ hai chứa $74l.$ Muốn cho hai lu bằng nhau thì em phải lấy bớt ở lu thứ nhất ra bao nhiêu lít?

3. Em muốn mua một cây đàn giá $250\$$. Em đã để dành được $125\$$; ba em cho thêm $50\$$. Hỏi em còn thiếu bao nhiêu tiền nữa mới đủ mua cây đàn ấy?

TÍNH TRỪ

ÔN LẠI: TRỪ MỘT SỐ VỚI MỘT SỐ CHẴN CHỤC

Thí-dụ: $45 - 30$

$$45 - 30 = (40 - 30) + 5 = 15$$

BÀI TẬP

1. Muốn trừ một số với một số chẵn chục em làm thế nào?

2. Tìm kết-quả sau đây mà không cần đặt thành toán:

$57\$ - 20\$$; $68\$ - 30\$$; $72\$ - 40\$$;
 $125l. - 80l.$; $256l. - 90l.$; $198m - 40m$.

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI

$$\text{TIỀN LỜI} = \begin{array}{l} \text{Tiền bán} - \text{Tiền mua} \\ \text{Tiền bán} - \text{Tiền vốn} \end{array}$$

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

1. Ông Năm buôn 1.312\$ sầu riêng. Tiền xe về hết 125\$. Mang về bán hết thu được 2.215\$. Tính xem ông Năm lời bao nhiêu?



2.215\$ tiền bán		Lời
1.312\$ tiền mua	+ 125\$ xe	
----- vốn		

LỜI GIẢI

Tiền vốn buôn sầu riêng là :

$$1.312\$ + 125\$ = 1.437\$$$

Tiền được lời là :

$$2.215\$ - 1.437\$ = 778\$$$

Đáp số : 778\$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

5. Một người mua một cái nhà giá 175.000\$. Người ấy sửa chữa lại tốn hết 20.000\$, sau đó bán được 215.500\$. Hỏi người ấy được lời bao nhiêu?

2. Bà Tư mua con heo hết 9.500\$, tiền chuyên-chở hết 115\$, và nuôi heo mất 175\$. Bà Tư bán thu được 11.300\$. Tính tiền lời?

8. Trừ số thập-phân

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí dụ : $12,25 - 7,50$



GIA-ĐỊNH

7km,50

12km25

THỦ-ĐỨC

— Em thấy Gia-định cách Thủ-đức bao nhiêu km? $12\text{km},25$

— Em An đã đi được bao nhiêu rồi? $7\text{km},50$

— Em còn phải đi bao nhiêu nữa? $4\text{km},75$

- Muốn tìm quãng đường còn lại em làm toán trừ :
- Em đặt các dấu phẩy thẳng một cột, cả ở số thành.
- Bắt đầu trừ từ bên phải sang trái.

— Một hàng vải có tám vải dài 32m, cắt ra, bán 7m,25 thì còn lại bao nhiêu? $32\text{m},00$
 $7\text{m},25$
 $24\text{m},75$

- Em xếp các dấu phẩy thẳng một cột hàng dọc.
- Em thay những số thiếu ở phần thập-phân bằng những số 0.

- GHI GHỚ :**
- Em chỉ trừ những lượng cùng một loại và đo lường bằng cùng một đơn-vị.
 - Em đặt dấu phẩy cho thẳng một cột hàng dọc.
 - Thay những số thiếu ở phần thập-phân bằng những số 0.
 - Làm toán trừ như toán trừ số nguyên. Để ý nhớ và đánh dấu phẩy ở số thành, thẳng cột dấu phẩy.

BÀI TẬP

1. Làm những toán trừ sau :

25m,75 - 18m,90 ; 168m,40 - 95m,75 ; 328l. - 175l,50 ;
238l. - 112l,250 ; 162kg,45 - 78kg ; 179kg,280 - 128kg.

2. Mẹ tôi có 3m,50 vải, đem may áo hết 2m,25. Hỏi mẹ tôi còn lại bao nhiêu ?

3. Trò Ba có cuộn dây gai dài 10m. Ba đã dùng hết 3m ; bây giờ lại dùng 2m,40. Tính xem cuộn dây còn lại bao nhiêu ?

TÍNH TRỪ

TRỪ MỘT SỐ VỚI MỘT SỐ GẦN CHẴN CHỤC

Thí-dụ : 53 - 19

Em có 53\$, em mua quyển sách hết 19\$. Em đưa cho nhà hàng tờ giấy 20\$ thì còn lại : $53\$ - 20\$ = 33\$$. Sau đó nhà hàng trả lại em 1\$, thành ra em còn : $33\$ + 1\$ = 34\$$.

Nhận xét : $53\$ - 19\$ = (53\$ - 20\$) + 1\$ = 34\$$.

GHI NHỚ :

- Muốn trừ một số với 19, thì trừ 20 rồi thêm 1.
- Muốn trừ một số với 18, thì trừ 20 rồi thêm 2.

BÀI TẬP

Tính trừ những toán trừ sau đây :

37m - 18m ; 45m - 19m ; 63m - 18m ;
58l. - 19l. ; 73l. - 18l. ; 86l. - 19l.

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

TIỀN VỐN = Tiền bán - Tiền lời

TOÁN ĐỀ DẪN GIẢI

Một chị bán trái cây đi Lái-thiêu mua măng-cụt. Đem về bán được 2.400\$. Tính ra được lời 615\$. Tìm tiền vốn buôn măng cụt.

TÍNH
- 2.400\$
 615\$

 1.785\$

LỜI GIẢI

Tiền vốn buôn măng cụt là :
 $2.400\$ - 615\$ = 1.785\$$

Đáp số : 1.785\$

TOÁN ĐỀ TƯƠNG TỰ

1. Một người buôn 230 con vịt ; tiền chuyên chở hết 145\$. Đem bán hết thu được 7.250\$. Tính ra được lời 895\$. Tìm giá mua 230 con vịt.
2. Mẹ tôi có một tấm vải dài 43m,50. Mẹ tôi may áo cho chị tôi hết 2m,30, may cho anh tôi hết 1m,80 và may cho tôi hết 1m,70. Hỏi tấm vải còn lại bao nhiêu ?

9. Phép thử toán trừ

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Em thử toán trừ để làm gì?

Em có 50\$. Em mua một hộp chì màu hết 18\$. Hỏi em còn bao nhiêu?

Em làm toán trừ và thử xem có đúng không?

$$\begin{array}{r}
 50\$ \text{ Tiền có} \\
 - 18\$ \text{ Giá hộp chì màu} \\
 \hline
 32\$ \text{ Tiền còn lại}
 \end{array}
 \begin{array}{c}
 \longrightarrow + \\
 \longrightarrow + \\
 \longrightarrow +
 \end{array}
 \begin{array}{r}
 18\$ \\
 32\$ \\
 \hline
 50\$ \text{ Tiền có}
 \end{array}$$

Em thấy số tiền đúng với lúc chưa tiêu; vậy là bài toán đúng.

GHI NHỚ: Muốn thử toán trừ, em đem số nhỏ cộng với số thành, nếu thấy bằng số lớn thì bài toán đúng.

BÀI TẬP

Làm và thử những toán trừ sau:

$$\begin{array}{l}
 92m - 85m; 256m - 185m; 653l. - 487l.; \\
 948l. - 675l.; 26kg,17 - 18kg; 45kg - 38kg,37.
 \end{array}$$

TÍNH TRỪ

ÔN LẠI: TRỪ MỘT SỐ VỚI MỘT SỐ GẦN CHÂN CHỤC

BÀI TẬP

Trả lời câu hỏi:

- Muốn trừ với 18, em làm thế nào?
- Muốn trừ với 19, em làm thế nào?
- Muốn trừ với 29, thì em trừ cho bao nhiêu và thêm vào bao nhiêu?

Cam

2. Làm tính trừ những toán trừ sau đây:

$$\begin{array}{l}
 45m - 19m; 37m - 18m; 64\$ - 28\$; \\
 46\$ - 29\$; 56\$ - 48\$; 67\$ - 58\$.
 \end{array}$$

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

$$\text{TIỀN BÁN} = \begin{array}{l} \text{Tiền mua} - \text{Tiền lỗ} \\ \text{Tiền vốn} - \text{Tiền lỗ} \end{array}$$

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Bà Sáu buôn một số gà giá tổng cộng 3.000\$. Đem về chết mất mấy con nên khi bán bà bị lỗ mất 50\$. Tìm tiền bán chỗ gà còn lại.

TÍNH

$$\begin{array}{r}
 3.000\$ \\
 - 50\$ \\
 \hline
 2.950\$
 \end{array}$$

LỜI GIẢI

$$\text{Tiền bán chỗ gà còn lại:} \\
 3.000\$ - 50\$ = 2.950\$$$

Đáp số: 2.950\$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

1. Một tiệm buôn đồ gỗ mua một tủ gương. Tiền thuê xe hàng 25\$. Khi chở tủ vì bị sây-sát nên chỉ bán được 1.750\$. Tủ 4 ra lỗ mất 150\$. Tìm giá mua cái tủ.
2. Bà An buôn hai sọt trứng. Tiền xe đai tải hết 42\$, về nhà đánh vỡ mất một ít. Bán hết bà thu được 2.972\$. Tính ra bà An lỗ mất 18\$. Tìm tiền mua số trứng.

10. Học ôn về toán trừ

BÀI TẬP

1. Trả lời những câu hỏi sau đây :

- Em làm toán trừ để làm gì ?
- Còn những trường-hợp nào em phải làm toán trừ nữa ?
- Hai lượng phải thế nào mới trừ với nhau được ?
- Khi đặt toán em phải xếp các cột số thế nào ?
- Khi nào thì toán trừ có nhớ (số giữ) ?
- Em làm toán trừ có số nhớ cách nào ?
- Khi toán trừ có số thập-phân, ở phần thập-phân thiếu số em làm thế nào ?
- Em thử toán trừ cách nào ?

2. Làm rồi thử những toán trừ sau đây :

$$25\$ - 17\$; 48m - 29m; 6.953m - 785m;$$

$$491,57 - 121,65; 471,25 - 381; 158kg - 79kg, 250.$$

3. Người ta phải đắp một con đường dài 12km,25. Nay đã đắp được 7km,50 rồi. Hỏi còn phải đắp bao nhiêu nữa mới xong ?

4. Mẹ tôi có một xấp vải dài 15m,50. Mẹ tôi đã dùng hết 4m,8 nay lại may áo hết 2m,50. Hỏi xấp vải còn lại bao nhiêu ?

Am

TÍNH TRỪ

HỌC ÔN : TRỪ MỘT SỐ VỚI SỐ CHẴN CHỤC
TRỪ MỘT SỐ VỚI SỐ GẦN CHẴN CHỤC

BÀI TẬP

1. Trả lời câu hỏi :

- Muốn trừ một số với một số chẵn chục, em làm thế nào ? Cho thí-dụ.
- Muốn trừ một số với số 19 em làm thế nào ?
- Muốn trừ một số với số 48 em làm thế nào ?

2. Tính trừ những hiệu-số sau đây :

$$49m - 20m; 47m - 18m; 153m - 60m; 176l - 50l; 85kg - 49kg; 215kg - 90kg.$$

Bảng

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

ÔN LẠI VỀ : MUA - BÁN - LÃI - LỖ

1. Một hàng trái cây buôn ổi xá-lị, tiền đi xe mất 25\$ về nhà bị hư mất mấy trái, khi bán thu được 450\$. Tính ra nhà hàng bị lỗ mất 10\$. Tìm tiền mua ổi.
2. Bà Tư buôn bưởi Biên-Hòa về Sài-gòn bán. Tiền mua bưởi là 5.800\$, tiền thuê xe hết 180\$, đem về bán hết thu được 6.250\$. Hỏi bà Tư được lời bao nhiêu ?
3. Một người buôn 7 lu đựng nước, mỗi cái giá 150\$. Tiền chuyên chở hết 90\$. Đem về một cái bị bể (vỡ), nên bán chỗ còn lại chỉ thu được 1.100\$. Hỏi người ấy bị lỗ bao nhiêu ?

*450
20
430
110*

11. Toán nhân

Ý-NHĨA CỦA TOÁN NHÂN – NHÂN SỐ NGUYÊN

Trường-hợp : MỖI THỪA SỐ CHỈ CÓ MỘT CON SỐ

Thí-du : 5×4

NHẬN XÉT VÀ SUY LUẬN



Mỗi bông hoa có 5 cánh. Tìm xem 4 bông hoa có tất cả bao nhiêu cánh? Em có thể tìm số cánh hoa tổng-cộng bằng hai cách khác nhau.

Cách thứ 1 : TOÁN CỘNG

$$\begin{array}{r} 5 \text{ cánh} \\ + 5 \text{ c} \\ + 5 \text{ c} \\ + 5 \text{ c} \\ \hline 20 \text{ cánh} \end{array}$$

Cách thứ 2 : TOÁN NHÂN

$$\begin{array}{r} 5 \text{ cánh} \rightarrow \text{số phải nhân} \\ \times 4 \rightarrow \text{số nhân} \\ \hline 20 \text{ cánh} \rightarrow \text{tích-số} \end{array}$$

Dùng hai cách trên em thấy kết-quả đều giống nhau, vậy khi cần cộng nhiều số giống nhau, thì em làm toán nhân cho ngắn và nhanh hơn.

GHI NHỚ :

- Muốn làm toán nhân em phải thuộc bảng cửu-chương tức là những bảng nhân.
- Ở mỗi toán nhân, số phải nhân và tích-số thuộc cùng một lượng (chỉ cùng một đơn-vị).

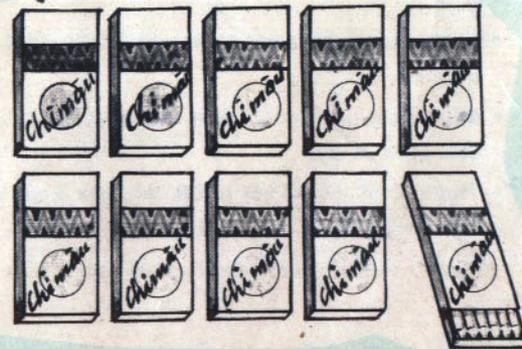
BÀI TẬP

- Dùng cái thước có chia mm, đếm từng 4mm một, mỗi lần lấy bút chì chấm một cái.
- Cũng làm như trên dùng từng 6 mm một lần.
- Dùng những mảnh giấy nhỏ làm tiền 5\$ đếm đến 100\$.
- Đọc bảng nhân 8, nhân 9.
- | | |
|-------------|-------------|
| 6 lần 7 = ? | 9 lần 8 = ? |
| 7 lần 8 = ? | 9 lần 7 = ? |
| 8 lần 9 = ? | 9 lần 6 = ? |
| 6 lần 6 = ? | 8 lần 6 = ? |
| 7 lần 9 = ? | 9 lần 9 = ? |

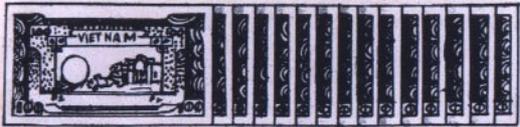
TÍNH TRĂM

NHÂN MỘT SỐ VỚI 10, 100, 1.000

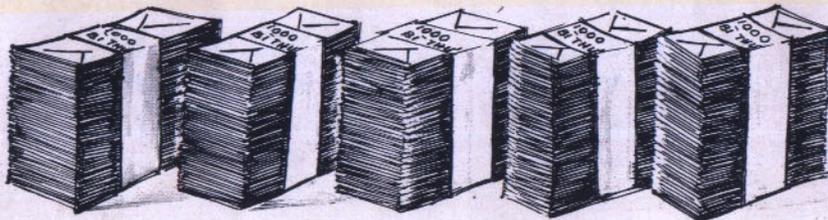
NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



- Số viết chì tổng-cộng là : 6 viết chì $\times 10 = 60$ viết chì. So-sánh số phải nhân với tích-số, em nhận thấy tích-số là số phải nhân thêm 1 con số 0.



2. Số tiền tổng-cộng là : $100\$ \times 15 = 1.500\$$. Em nhận thấy tích số 1.500 là số 15 có thêm 2 con số 0 theo sau.



3. Số bao thư tổng-cộng là : $1.000b \times 5 = 5.000$ bao thư. Em nhận thấy tích-số 5.000 là số 5 có thêm 3 con số 0 theo sau.

- GHI NHỚ :**
- Muốn nhân một số với 10, thì thêm 1 con số 0 vào bên phải số ấy.
 - Muốn nhân một số với 100, thì thêm 2 con số 0 vào bên phải số ấy.
 - Muốn nhân một số với 1.000, thì thêm 3 con số 0 vào bên phải số ấy.

BÀI TẬP

Tính trảm những toán nhân sau đây :

$$34\$ \times 10; 97m \times 10; 42\$ \times 100; 98kg \times 100;$$

$$56l. \times 1.000; 68m \times 1.000.$$

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI

TIỀN KIẾM = lương 1 giờ \times số giờ làm việc

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Một giáo-sư tư-thực, mỗi giờ dạy lãnh được 65\$. Mỗi tuần, ông dạy 24 giờ. Hỏi một tháng giáo-sư ấy kiếm được bao-nhiêu (tính một tháng chẵn 4 tuần) ?

TÍNH	
24 giờ	65\$
$\times 4$	$\times 96$
96 giờ	390
	585
	<hr/> 6.240\$

LỜI GIẢI

Số giờ dạy trong một tháng là :
 $24 \text{ giờ} \times 4 = 96 \text{ giờ}$
 Mỗi tháng giáo-sư ấy kiếm được :
 $65\$ \times 96 = 6.240\$$

Đáp số : 6.240\$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

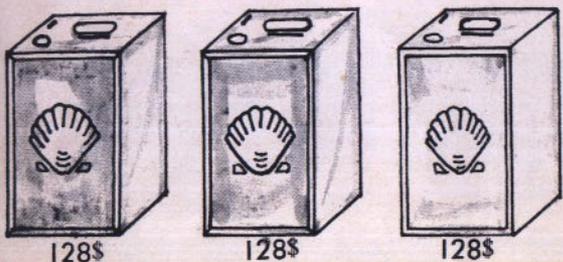
- Ông Thân làm trong một nhà máy, mỗi giờ làm việc lãnh được 150\$. Mỗi tuần-lễ, ông làm việc 18 giờ. Hỏi trong tháng rồi ông Thân lãnh được bao nhiêu, biết ông làm việc 4 tuần ?
- Anh Hiếu làm thợ sơn, mỗi giờ làm việc anh lãnh 20\$. Mỗi ngày anh làm việc 6 giờ. Hỏi tháng vừa qua anh lãnh được bao nhiêu, biết tháng vừa qua có 30 ngày, trong đó có 4 ngày anh nghỉ việc.

12. Nhân số nguyên

Trường-hợp : SỐ PHẢI NHÂN CÓ NHIỀU CON SỐ
SỐ NHÂN CHỈ CÓ 1 CON SỐ

Thí-dụ : 128×3

NHẬN XÉT VÀ SUY LUẬN



Một người mua 3 thùng
dầu lửa, mỗi thùng giá
128\$ thì phải trả bao
nhiêu ?

Muốn tìm số tiền phải trả em làm tính nhân sau đây :

Em nhân cột đơn-vị trước.

$$8 \times 3 = 24$$

128\$ 24 gồm 2 chục và 4 đơn-vị

$$\times 3$$

$$(2) 4$$

Em chỉ viết số đơn-vị (4) còn số 2 chục em để
lại rồi cộng sang cột chục.

Em nhân tiếp đến cột chục

$$2 \times 3 = 6$$

$$128\$$$

$$\times 3$$

$$84$$

Số 6 này ở cột chục. Em cộng thêm 2 chục giữ
lúc trước là :

$$6 + 2 = 8$$

Em viết số 8 vào cột chục.

Em nhân tiếp-tục cột trăm.

$$128\$$$

$$\times 3$$

$$384\$$$

$$1 \times 3 = 3$$

Lần này không có số cộng thêm, em
viết ngay số 3 vào cột trăm.

Handwritten signature

GHI NHỚ : Khi tích-số cột nào quá 9 thì phải giữ số chục lại
để thêm vào cột liền bên trái.

Phải viết tên đơn-vị của số phải nhân vào bên phải
tích-số.

BÀI TẬP

1. Làm những toán sau đây :

$$136\$ \times 3 ; 245\text{kg} \times 4 ; 664\text{m} \times 7 ; 368\text{l} \times 8 ; 657\text{l} \times 9.$$

2. Bác Tam làm thợ hồ mỗi ngày lãnh được 125\$. Tuần vừa
qua bác làm 6 ngày thì lãnh được bao nhiêu ?

3. Bác Kính mỗi tuần dệt được 143m vải, con bác được 117m.
Hỏi một năm (52 tuần lễ) hai cha con bác dệt được bao
nhiêu mét vải ?

TÍNH TRĂM

ÔN LẠI : NHÂN MỘT SỐ VỚI 10, 100, 1.000

BÀI TẬP

1. Trả lời câu hỏi :

- Muốn nhân một số với 10, em làm thế nào ? Cho một
thí-dụ.
- Muốn nhân một số với 100, em làm thế nào ? Cho một
thí-dụ.
- Muốn nhân một số với 1.000, em làm thế nào ? Cho một
thí-dụ.

2. Làm những toán sau đây mà không đặt thành toán :

$$479\text{m} \times 10 ; 853\$ \times 10 ; 795\text{l} \times 100 ;$$

$$673\text{l} \times 100 ; 78\$ \times 1.000 ; 65\text{m} \times 1.000.$$

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI

TIỀN KIẾM = Công nhật \times Số ngày làm việc

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Bác Đài thợ mộc mỗi ngày làm việc lãnh 220\$. Bác đóng tủ cho ông Hai hết 9 ngày. Hỏi bác lãnh được bao nhiêu khi xong việc?



LỜI GIẢI

Đóng xong tủ bác thợ
mộc lãnh được:

$$220\$ \times 9 = 1.980\$$$

Đáp số: 1.980\$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

- Hai cha con ông Sáu làm thợ nề ăn lương công-nhật, cha lãnh 185\$ và con lãnh 145\$ một ngày. Tháng vừa qua cha làm 20 ngày, con làm 22 ngày. Hỏi tháng ấy hai cha con lãnh được bao nhiêu?
- Anh Chương làm phụ hồ mỗi ngày lãnh 90\$. Tuần đầu anh làm 6 ngày, tuần thứ hai vì đau làm 4 ngày, và tuần thứ ba làm 5 ngày thì hết việc. Hỏi làm xong anh lãnh được bao nhiêu?

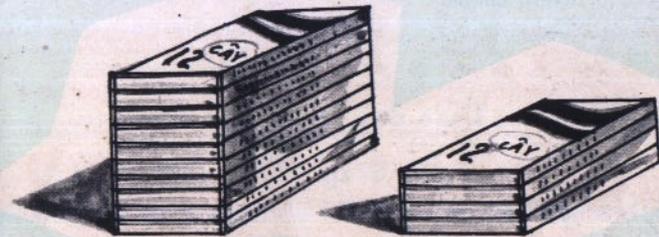
13. Nhân số nguyên

Trường-hợp : SỐ PHẢI NHÂN VÀ SỐ NHÂN
CÙNG CÓ NHIỀU CON SỐ

Thí-dụ : 12×14

NHẬN XÉT VÀ SUY LUẬN

Có 14 hộp bút chì màu, mỗi hộp có 12 cây. Tìm xem tổng cộng có bao nhiêu cây viết chì?



- Muốn tìm số bút chì, em có thể xếp viết chì thành 2 chồng, như hình vẽ, rồi em tìm số viết chì ở mỗi chồng xong cộng chung lại sẽ ra kết-quả.

$$4 \text{ hộp v. chì : } 12 \times 4 = 48 \text{ c. (Tích-số 1)}$$

$$10 \text{ hộp v. chì : } 12 \times 10 = 120 \text{ c. (Tích-số 2)}$$

Cộng 14 hộp viết chì có tất cả: 168 c.

Nhưng cho tiện hơn em làm toán như sau :

- Em không làm 2 toán nhân nhỏ mà làm gộp chung thành một con toán : $12 \text{ c} \times 14$
- Khi nhân cột hàng chục em không biên con số 0 ở phần tích-số riêng, em chỉ cần viết con số đầu của tích-số riêng dưới con số đã dùng để nhân là đủ ; nói cách khác :

$$\begin{array}{r} 12 \text{ c} \\ \times 14 \\ \hline 48 \\ 12 \\ \hline 168 \text{ c} \end{array}$$

khi nhân cột hàng chục, em đặt con số đầu tiên của kết quả vào cột hàng chục; đến cột hàng trăm em đặt kết quả ở cột hàng trăm v.v...

— Em cộng những tích-số riêng lại thành tích-số chung.

GHI NHỚ: Muốn làm một toán nhân mà số phải nhân và số nhân cùng có nhiều con số thì nhân số phải nhân với từng con số của số nhân bắt đầu từ bên phải, rồi viết con số thứ nhất của tích-số tìm được ở dưới con số nhân đã dùng để nhân. Sau chót cộng tất cả những tích-số riêng để thành tích-số chung.

BÀI TẬP

1. Làm những toán sau đây :

$$18m \times 15; 27kg \times 23; 128\$ \times 34;$$
$$347 \$ \times 137; 285m \times 128; 792l. \times 623.$$

2. Chị tôi mua 16m vải trắng, mỗi mét giá 34\$. Hỏi chị tôi phải trả bao nhiêu tiền ?

3. Chị Liên phụ hồ mỗi ngày kiếm được 85\$. Tháng vừa qua chị làm 28 ngày thì lãnh được bao nhiêu ?

TÍNH TRĂM

NHÂN MỘT SỐ VỚI 20, 30, 40

NHẬN XÉT VÀ SUY LUẬN

Thí dụ: Tôi để dành được 15\$. Anh tôi để dành được gấp 20 lần số tiền của tôi. Chú tôi gấp 30 lần và cha tôi gấp 40 lần. Tìm tiền để dành của anh, chú, và cha tôi.

1) Tìm tiền để dành của anh tôi :

Tôi nhận thấy : $20 = 2 \times 10$

$$\text{Vậy } 15\$ \times 20 = 15\$ \times 2 \times 10$$
$$\text{hay } \underline{30\$} \times 10 = 300\$$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 20, thì nhân số ấy với 2 rồi thêm 1 số 0 vào bên phải kết-quả.

2) Tìm tiền để dành của chú tôi :

Tôi nhận thấy $30 = 3 \times 10$

$$\text{Vậy } 15\$ \times 30 = 15\$ \times 3 \times 10$$
$$\text{hay } \underline{45\$} \times 10 = 450\$$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 30, thì nhân với 3 rồi thêm 1 số 0 vào bên phải kết-quả.

3) Tìm tiền để dành của cha tôi :

Tôi nhận thấy : $40 = 4 \times 10$

$$\text{Vậy } 15\$ \times 40 = 15\$ \times 4 \times 10$$
$$\text{hay } \underline{60\$} \times 10 = 600\$$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 40, thì nhân với 4 rồi thêm 1 số 0 vào bên phải kết-quả.

BÀI TẬP

Tính trăm những tích-số sau đây :

$$23\$ \times 20; 36\$ \times 20; 45l. \times 30;$$
$$96m \times 30; 47\$ \times 40; 63\$ \times 40.$$

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

$$\text{TIỀN KIẾM NĂM} = \text{lương tháng} \times 12$$

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Một người thợ ăn lương công nhật là 130\$. Đều đều mỗi tháng làm 25 ngày. Hỏi 1 năm người ấy kiếm được bao nhiêu ?

TÍNH		LỜI GIẢI
130\$	3.250\$	Một tháng người thợ kiếm được:
$\times 25$	$\times 12$	$130\$ \times 25 = 3.250\$$
<hr/> 650	<hr/> 6500	Một năm người ấy kiếm được:
260	3 250	$3.250\$ \times 12 = 39.000\$$
<hr/> 3.250\$	<hr/> 39.000\$	

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

1. Chị Hoa bán hàng, mỗi tháng kiếm được 3.860\$, chi tiêu hết 3500\$. Hỏi mỗi năm chị để dành được bao nhiêu ?
2. Bác Ba chở 13 bao hàng, mỗi bao được trả 24\$ trên quãng đường 1km. Nếu đường dài 15km thì bác lãnh được bao nhiêu tiền ?

14. Nhân số nguyên

Trường-hợp : SỐ PHẢI NHÂN CÓ NHIỀU CON SỐ
SỐ NHÂN TẬN CÙNG BẰNG SỐ 0

$$\text{Thí-du : } 85 \times 300$$

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

I. *Thí-du* : Anh Quý thợ điện lương công-nhật là 85\$. Năm ngoái, anh làm việc 300 ngày thì kiếm được bao nhiêu ?

Em làm toán nhân sau đây : $85\$ \times 300$

$$\begin{array}{r} 85 \\ \times 300 \\ \hline 255 \end{array}$$

Em hãy để riêng 2 số 0 chưa nói tới, rồi bắt đầu nhân với số 3. Em nhân : $5 \times 3 = 15$
Số 3 ở cột trăm, vậy em bắt đầu viết số 5 ở cột trăm, và giữ 1. Em làm tiếp : $8 \times 3 = 24 + 1 = 25$

$$\begin{array}{r} 85 \\ \times 300 \\ \hline 25.500 \end{array}$$

Đây là số chót nên em viết cả 25. Ở tích-số, em thêm 2 số 0 vào bên mặt (2 số 0 ở số nhân đã để riêng ra lúc trước.)

Sau cùng em đặt dấu đơn-vị (\$) sau 2 số 0.

II. *Thí-du* : $278\$ \times 430$

278\$ Cũng như toán trên, em để riêng số 0 ở số nhân ra. Em nhân bắt đầu từ số 3.

$$\begin{array}{r} 278 \\ \times 430 \\ \hline 834 \end{array}$$

$8 \times 3 = 24$

1112 Em viết số 4 thẳng dưới cột số 3 và giữ 2 sang cột kế và tiếp-tục nhân số 4...

$$\begin{array}{r} 278 \\ \times 430 \\ \hline 834 \\ 1112 \\ \hline 119.540\$ \end{array}$$

Sau đó em cộng để tìm kết-quả.
Cuối cùng em lấy số 0 để riêng lúc đầu, hạ xuống bên phải số thành, rồi để đơn-vị ở số phải nhân xuống là xong.

GHI NHỚ : Khi gặp số nhân tận cùng bằng những số 0, em để riêng những số 0 ấy ra không nhân đến.

Nếu số nhân tận cùng bằng 1 số 0, thì lúc nhân số kể, em đặt lùi sang bên trái 1 cột; ở tích số thêm 1 số 0.
 Nếu số nhân tận cùng bằng 2 số 0, thì lúc nhân số kể, em đặt lùi sang bên trái 2 cột; ở tích số thêm 2 số 0.

BÀI TẬP

1. Làm những toán sau đây: $68\$ \times 70$; $137\$ \times 80$;
 $462m \times 200$; $189\$ \times 320$; $172l. \times 1.600$; $498kg \times 3.800$.
2. Một bao gạo cân nặng 72kg. Hỏi 250 bao cân nặng bao nhiêu ?
3. Mỗi chuyến xe bò chở được 145 viên gạch. Hỏi chở 30 chuyến thì được bao nhiêu viên gạch ?

TÍNH TRĂM

ÔN LẠI : NHÂN MỘT SỐ VỚI 20, 30, 40

BÀI TẬP

1. Trả lời câu hỏi :
 - Muốn nhân một số với 20, em làm thế nào ? Cho thí-dụ.
 - Muốn nhân một số với 30, em làm thế nào ? Cho thí-dụ.
 - Muốn nhân một số với 40, em làm thế nào ? Cho thí-dụ.
2. Tính trăm những tích-số sau đây: $45m \times 20$; $38m \times 20$
 $54l. \times 30$; $67\$ \times 30$; $46l. \times 40$; $57\$ \times 40$.

TOÁN ĐỐ XẾP LOẠI

Xem lại hai bài trước nói về **TIỀN KIỂM ĐƯỢC**

1. Một người thợ điện lãnh lương công-nhật 145\$. Hỏi mỗi tuần người ấy lãnh được bao nhiêu biết rằng chủ-nhật nghỉ việc?
2. Ông Hòa công-chức, mỗi tháng chi tiêu trong gia-đình hết 6.585\$, tiêu vặt vật 720\$, còn để dành 450\$. Hỏi một năm ông lãnh bao nhiêu tiền lương ?
4. Bác Bảy thợ máy mỗi ngày ăn hết 65\$, tiêu vặt hết 13\$, cứ ba tháng lại mua quần áo hết 150\$. Tìm số tiền bác kiếm được trong một năm.

Cam

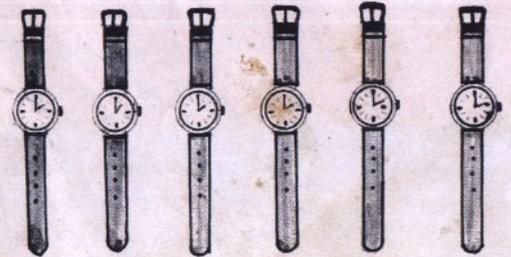
15. Nhân số nguyên

Trường hợp : SỐ PHẢI NHÂN TẬN CÙNG BẰNG SỐ 0

Thí-dụ : 1.300×6

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1. Số nhân có 1 con số :
 Mỗi cái đồng-hồ đeo tay giá 1.300\$ thì 6 cái giá bao nhiêu tiền ?



Em đặt toán nhân thực-hành như sau :

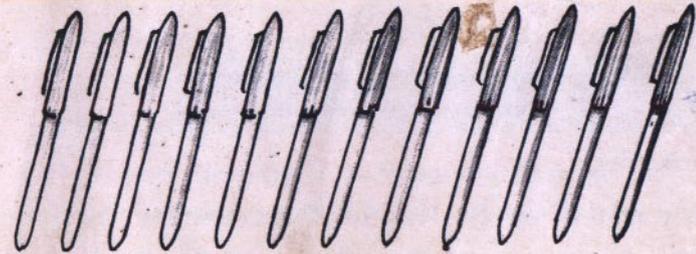
$$\begin{array}{r} 1.300\$ \\ \times 6 \\ \hline 78 \end{array}$$

Em hãy đề riêng 2 số 0 ở số phải nhân ra, rồi bắt đầu nhân như toán thường.
 Ở tích-số, em thêm 2 con số 0 vào bên phải sẽ được kết-quả.

$$\begin{array}{r} 1.300\$ \\ \times 6 \\ \hline 7.800\$ \end{array}$$

2. Số nhân có nhiều con số. *Thí-dụ* : 1.700×12

Một cây viết Parker giá 1.700\$ thì 12 cây giá bao nhiêu ?



$$\begin{array}{r} 1700 \\ \times 12 \\ \hline 3400 \\ 17000 \\ \hline 20400 \end{array}$$

Em đặt toán thực-hành như sau :

$$\begin{array}{r} 1.700\$ \\ \times 12 \\ \hline 34 \\ 17 \\ \hline 204 \end{array}$$

Em để riêng 2 số 0 ở số phải nhân ra, rồi làm toán như toán nhân thường.

$$\begin{array}{r} 1.700\$ \\ \times 12 \\ \hline 34 \\ 17 \\ \hline 20.400\$ \end{array}$$

Ở tích-số, em đem 2 số 0 vào bên phải sẽ được kết-quả.

GHI NHỚ : Khi gặp số phải nhân tận cùng bằng những số 0 em để riêng những số ấy ra không nhân đến.

- Nếu số phải nhân tận cùng bằng 1 số 0 thì thêm 1 số 0 vào bên phải tích-số.
- Nếu số phải nhân tận cùng bằng 2 số 0 thì thêm 2 số 0 vào bên phải tích-số.

BÀI TẬP

- 1) Tìm những tích-số sau đây :
 $1.500\$ \times 7$; $6.500\text{kg} \times 9$; $7.000\text{l} \times 185$; $65.000\text{m} \times 856$.
- 2) Anh Hải có một cây mận trĩu được 400 trái ; nếu anh trồng 24 cây thì trĩu được bao nhiêu trái ?

TÍNH TRĂM

ÔN LẠI : Nhân một số với 10, 100, 1000
Nhân một số với 20, 30, 40

1. Trả lời câu hỏi :

Muốn nhân một số với 10, 100, 1.000 thì làm thế nào ?
Muốn nhân một số với 20, 30, 40 thì làm thế nào ?

2. Tính trăm những tích-số sau đây :

$$23\$ \times 10 ; 95\text{l} \times 10 ; 65\$ \times 100 ; 86\text{kg} \times 100 ; 45\text{kg} \times 1.000$$
$$98\text{m} \times 1.000 ; 35\text{m} \times 20 ; 64\text{l} \times 20 ; 78\$ \times 30 ; 94\text{kg} \times 30$$
$$14\text{m} \times 40 ; 85\text{kg} \times 40.$$

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI

GIÁ MUA TỔNG-CỘNG = Giá đơn-vị \times số lượng

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Một tấm vải dài 25m ; mỗi mét giá 34\$. Hỏi tấm vải giá bao nhiêu ?

TÍNH

$$\begin{array}{r} 34\$ \\ \times 25. \\ \hline 170 \\ 68 \\ \hline 850\$ \end{array}$$

LỜI GIẢI

Tấm vải ấy giá là :
 $34\$ \times 25 = 850\$$

Đáp số : 850\$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

1. Chị Tám buôn 50 con gà, giá 48\$ một con, tiền chuyên-chở hết 25\$. Hỏi tiền vốn buôn gà là bao nhiêu ?
2. Một hàng trái cây buôn 60kg sầu riêng giá 36\$ một kg, và 8 trăm măng-cụt giá 85\$ một trăm. Tiền xe hết 65\$. Hỏi tiền vốn tất cả là bao nhiêu ?

16. Nhân số nguyên

Trường-hợp : SỐ PHẢI NHÂN VÀ SỐ NHÂN ĐỀU TẬN CÙNG BẰNG SỐ 0

Thí dụ : 4.500×150

NHẬN XÉT VÀ SUY LUẬN

Một hãng dầu xăng có xe chuyên-chở, mỗi xe chứa 4.500 lít. Tháng vừa qua hãng đã bán được 150 xe. Như vậy hãng ấy đã bán được bao nhiêu lít xăng ?



Muốn tìm số lít xăng bán, em làm tính nhân sau đây :

Em hãy đề riêng ra tất cả 3 số 0 tận cùng ở

4.500 lít số phải nhân và số nhân.

$$\begin{array}{r} \times 150 \\ 225 \\ 45 \\ \hline 675 \end{array}$$

Sau đó em nhân những số còn lại như toán nhân thường. Khi viết tích-số đầu tiên em nhớ chừa chỗ cho 3 con số 0.

$$\begin{array}{r} 4.500 \text{ lít} \\ \times 150 \\ \hline \end{array}$$

Ở bên phải tích-số em đặt trả lại 3 số 0 đã đề riêng ra sẽ được kết-quả.

$$\begin{array}{r} 225 \\ 45 \\ \hline 675.000 \text{ lít} \end{array}$$

GHI NHỚ : Khi số phải nhân và số nhân đều tận cùng bằng những số 0, em đề riêng tất cả những số 0 ấy ra không nhân đến, cuối cùng em thêm đủ những con số 0 ấy vào bên phải tích-số.

BÀI TẬP

Làm những toán nhân sau đây :

$$200\$ \times 70; 630\text{m} \times 90; 4.700\text{l} \times 120; 5.600\$ \times 270;$$

$$3.560\text{m} \times 300; 7.500\text{kg} \times 300; 9.100\text{l} \times 800.$$

TÍNH TRỪ NHÂN MỘT SỐ VỚI 5, 50

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Một kg đường giá 24\$. Mẹ em mua 5 kg, thì phải trả bao nhiêu ? Một chủ tiệm mua 50 kg thì phải trả bao nhiêu ?

Em nhận thấy : $5 = 10 : 2$

Vậy $24\$ \times 5 = 24\$ \times 10$ chia cho 2.

$$\text{Mẹ em trả : } \frac{240\$}{2} = 120\$.$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 5, em nhân số ấy với 10, rồi chia tích-số cho 2.

Em tìm tiền chủ tiệm trả 50 kg đường :

Em nhận thấy : $50 = 100 : 2$

Vậy $24\$ \times 50 = 24\$ \times 100$ chia cho 2.

$$\text{Chủ tiệm trả : } \frac{2.400\$}{2} = 1.200\$$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 50, em nhân số ấy với 100, rồi chia tích-số cho 2.

BÀI TẬP

Tính trăm những tích-số sau đây :

$$42\$ \times 5; 64l. \times 5; 68\$ \times 5;$$

$$58m \times 50; 72m \times 50; 85l. \times 50.$$

TOÁN ĐỐ XẾP LOẠI

ÔN LẠI : GIÁ MUA TỔNG-CỘNG = giá đơn-vị \times số-lượng

1. Tiệm Hưng-Thịnh buôn 15 đôi dép giá 24\$ một đôi và 32 đôi giày giá 195\$ một đôi. Tìm giá mua tổng-cộng.
2. Ông Tá mua một thửa đất làm vườn diện-tích 2.800m² giá 70\$ một mét vuông. Tiền rào chung quanh hết 3.700\$ và tiền trồng 120 cây xoài giá 60\$ một cây. Tìm giá vốn cái vườn sau khi đã trồng cây.
3. Một vựa cá mua 1.800 kg cá đem về Sài-gòn bán, được lời mỗi kg 2\$, tiền chuyên-chở hết 850\$. Tiền bán tổng-cộng là 45.000\$. Tìm tiền mua số cá.

Handwritten signature

17. Nhân số nguyên

Trường-hợp : SỐ NHÂN CÓ SỐ 0 XEN VÀO GIỮA

Thí-dụ : 576×206

NHẬN XÉT VÀ SUY LUẬN

I. Thí dụ :



Tiệm An-Lợi buôn 206 tạ gạo, mỗi tạ giá 576\$. tìm giá buôn số gạo đó.

Muốn tìm giá buôn gạo em làm toán nhân sau đây :

$$\begin{array}{r} 576\$ \\ \times 206 \\ \hline 3456 \\ 000 \\ 1152 \\ \hline 118.656\$ \end{array}$$

Nhưng trên thực-tế người ta làm toán nhân $576\$ \times 206$ như sau đây :

$$\begin{array}{r} 576 \\ \times 206 \\ \hline 3456 \\ 1152 \\ \hline 118.656 \end{array}$$

- con số 6 ở cột đơn-vị nhân như thường.
- con số 0 ở cột hàng chục bỏ qua không nhân.
- con số 2 ở cột hàng trăm nhân như thường nhưng con số đầu tiên của tích-số riêng ấy phải đặt lùi sang bên trái một cột tức là đặt ở cùng một cột có con số 2 vừa dùng để nhân.

$$\begin{array}{r} 45000 \\ - 4450 \\ \hline 40550 \end{array} \quad 1800$$

$$\begin{array}{r} 180 \\ 576 \\ \hline 36 \\ \hline 04 \end{array}$$

Nếu số nhân tận cùng bằng 1 số 0, thì lúc nhân số kể, em đặt lùi sang bên trái 1 cột ; ở tích-số thêm 1 số 0.
 Nếu số nhân tận cùng bằng 2 số 0, thì lúc nhân số kể, em đặt lùi sang bên trái 2 cột ; ở tích-số thêm 2 số 0.

BÀI TẬP

- Làm những toán sau đây: $68\$ \times 70$; $137\$ \times 80$; $462m \times 200$; $189\$ \times 320$; $172l. \times 1.600$; $498kg \times 3.800$.
- Một bao gạo cân nặng 72kg. Hỏi 250 bao cân nặng bao nhiêu ?
- Mỗi chuyến xe bò chở được 145 viên gạch. Hỏi chở 30 chuyến thì được bao nhiêu viên gạch ?

TÍNH TRĂM

ÔN LẠI : NHÂN MỘT SỐ VỚI 20, 30, 40

BÀI TẬP

- Trả lời câu hỏi :
 - Muốn nhân một số với 20, em làm thế nào ? Cho thí-dụ.
 - Muốn nhân một số với 30, em làm thế nào ? Cho thí-dụ.
 - Muốn nhân một số với 40, em làm thế nào ? Cho thí-dụ.
- Tính trăm những tích-số sau đây: $45m \times 20$; $38m \times 20$; $54l. \times 30$; $67\$ \times 30$; $46l. \times 40$; $57\$ \times 40$.

TOÁN ĐỐ XẾP LOẠI

Xem lại hai bài trước nói về **TIỀN KIỂM ĐƯỢC**

- Một người thợ điện lãnh lương công-nhật 145\$. Hỏi mỗi tuần người ấy lãnh được bao nhiêu biết rằng chủ-nhật nghỉ việc?
- Ông Hòa công-chức, mỗi tháng chi tiêu trong gia-đình hết 6.585\$, tiêu vặt vật 720\$, còn để dành 450\$. Hỏi một năm ông lãnh bao nhiêu tiền lương?
- Bác Bảy thợ máy mỗi ngày ăn hết 65\$, tiêu vặt hết 13\$, cứ ba tháng lại mua quần áo hết 150\$. Tìm số tiền bác kiếm được trong một năm.

Cam

15. Nhân số nguyên

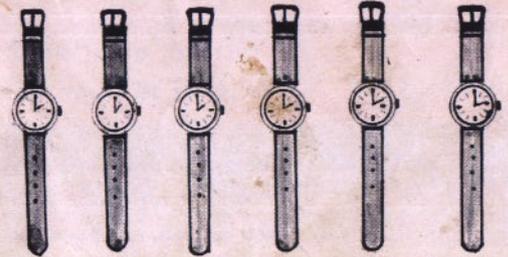
Trường hợp : SỐ PHẢI NHÂN TẬN CÙNG BẰNG SỐ 0

Thí-dụ : 1.300×6

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1. Số nhân có 1 con số :

Mỗi cái đồng-hồ đeo tay giá 1.300\$ thì 6 cái giá bao nhiêu tiền?



Em đặt toán nhân thực-hành như sau :

$$\begin{array}{r} 1.300\$ \\ \times 6 \\ \hline 78 \end{array}$$

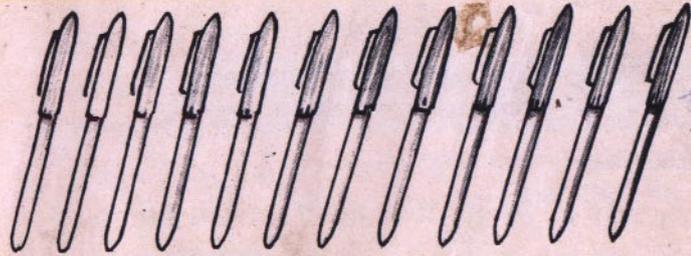
Em hãy để riêng 2 số 0 ở số phải nhân ra, rồi bắt đầu nhân như toán thường.

Ở tích-số, em thêm 2 con số 0 vào bên phải sẽ được kết-quả.

$$\begin{array}{r} 1.300\$ \\ \times 6 \\ \hline 7.800\$ \end{array}$$

2. Số nhân có nhiều con số. *Thí-dụ* : 1.700×12

Một cây viết Parker giá 1.700\$ thì 12 cây giá bao nhiêu?



$$\begin{array}{r} 1700 \\ \times 12 \\ \hline 3400 \\ 17000 \\ \hline 20400 \end{array}$$

Em đặt toán thực-hành như sau :

$$\begin{array}{r} 1.700\$ \\ \times 12 \\ \hline 34 \\ 17 \\ \hline 204 \end{array}$$

Em đề riêng 2 số 0 ở số phải nhân ra, rồi làm toán như toán nhân thường.

$$\begin{array}{r} 1.700\$ \\ \times 12 \\ \hline 34 \\ 17 \\ \hline 20400\$ \end{array}$$

Ở tích-số, em đem 2 số 0 vào bên phải sẽ được kết-quả.

GHI NHỚ : Khi gấp số phải nhân tận cùng bằng những số 0 em để riêng những số ấy ra không nhân đến.

- Nếu số phải nhân tận cùng bằng 1 số 0 thì thêm 1 số 0 vào bên phải tích-số.
- Nếu số phải nhân tận cùng bằng 2 số 0 thì thêm 2 số 0 vào bên phải tích-số.

BÀI TẬP

1) Tìm những tích-số sau đây :

$$1.500\$ \times 7; 6.500\text{kg} \times 9; 7.000\text{l} \times 185; 65.000\text{m} \times 856.$$

2) Anh Hải có một cây mận trĩu được 400 trái; nếu anh trồng 24 cây thì trĩu được bao nhiêu trái ?

TÍNH TRỪM

ÔN LẠI : Nhân một số với 10, 100, 1000
Nhân một số với 20, 30, 40

1. Trả lời câu hỏi :

Muốn nhân một số với 10, 100, 1.000 thì làm thế nào ?

Muốn nhân một số với 20, 30, 40 thì làm thế nào ?

2. Tính trừm những tích-số sau đây :

$$23\$ \times 10; 95\text{l} \times 10; 65\$ \times 100; 86\text{kg} \times 100; 45\text{kg} \times 1.000$$
$$98\text{m} \times 1.000; 35\text{m} \times 20; 64\text{l} \times 20; 78\$ \times 30; 94\text{kg} \times 30$$
$$14\text{m} \times 40; 85\text{kg} \times 40.$$

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI

GIÁ MUA TỔNG-CỘNG = Giá đơn-vị \times số lượng

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Một tấm vải dài 25m; mỗi mét giá 34\$. Hỏi tấm vải giá bao nhiêu ?

TÍNH

$$\begin{array}{r} 34\$ \\ \times 25 \\ \hline 170 \\ 68 \\ \hline 850\$ \end{array}$$

LỜI GIẢI

Tấm vải ấy giá là :
 $34\$ \times 25 = 850\$$

Đáp số : 850\$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

1. Chị Tám buôn 50 con gà, giá 48\$ một con, tiền chuyên-chở hết 25\$. Hỏi tiền vốn buôn gà là bao nhiêu ?
2. Một hàng trái cây buôn 60kg sầu riêng giá 36\$ một kg, và 8 trăm măng-cụt giá 85\$ một trăm. Tiền xe hết 65\$. Hỏi tiền vốn tất cả là bao nhiêu ?

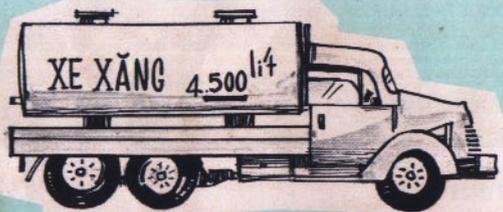
16. Nhân số nguyên

Trường-hợp : SỐ PHẢI NHÂN VÀ SỐ NHÂN ĐỀU TẬN CÙNG BẰNG SỐ 0

Thí dụ : 4.500×150

NHẬN XÉT VÀ SUY LUẬN

Một hãng dầu xăng có xe chuyên-chở, mỗi xe chứa 4.500 lít. Tháng vừa qua hãng đã bán được 150 xe. Như vậy hãng ấy đã bán được bao nhiêu lít xăng?



Muốn tìm số lít xăng bán, em làm tính nhân sau đây :
Em hãy đề riêng ra tất cả 3 số 0 tận cùng ở 4.500 lít số phải nhân và số nhân.

$$\begin{array}{r} \times 150 \\ 225 \\ 45 \\ \hline 675 \end{array}$$

Sau đó em nhân những số còn lại như toán nhân thường. Khi viết tích-số đầu tiên em nhớ chừa chỗ cho 3 con số 0.

Ở bên phải tích-số em đặt trả lại 3 số 0 đã đề riêng ra sẽ được kết-quả.

$$\begin{array}{r} 4.500 \text{ lít} \\ \times 150 \\ \hline 225 \\ 45 \\ \hline 675.000 \text{ lít} \end{array}$$

GHI NHỚ : Khi số phải nhân và số nhân đều tận cùng bằng những số 0, em đề riêng tất cả những số 0 ấy ra không nhân đến, cuối cùng em thêm đủ những con số 0 ấy vào bên phải tích-số.

BÀI TẬP

Làm những toán nhân sau đây :

$$200\$ \times 70; 630\text{m} \times 90; 4.700\text{l} \times 120; 5.600\$ \times 270;$$

$$3.560\text{m} \times 300; 7.500\text{kg} \times 300; 9.100\text{l} \times 800.$$

TÍNH TRĂM NHÂN MỘT SỐ VỚI 5, 50

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Một kg đường giá 24\$. Mẹ em mua 5 kg, thì phải trả bao nhiêu? Một chủ tiệm mua 50 kg thì phải trả bao nhiêu?

Em nhận thấy: $5 = 10 : 2$

Vậy $24\$ \times 5 = 24\$ \times 10$ chia cho 2.

$$\text{Mẹ em trả: } \frac{240\$}{2} = 120\$.$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 5, em nhân số ấy với 10, rồi chia tích-số cho 2.

Em tìm tiền chủ tiệm trả 50 kg đường :

Em nhận thấy: $50 = 100 : 2$

Vậy $24\$ \times 50 = 24\$ \times 100$ chia cho 2.

$$\text{Chủ tiệm trả: } \frac{2.400\$}{2} = 1.200\$$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 50; em nhân số ấy với 100, rồi chia tích-số cho 2.

BÀI TẬP

Tính tròn những tích-số sau đây :

$$42\$ \times 5; 64l. \times 5; 68\$ \times 5;$$

$$58m \times 50; 72m \times 50; 85l. \times 50.$$

TOÁN ĐÓ XÉP LOẠI

ÔN LẠI : GIÁ MUA TỔNG-CỘNG = giá đơn-vị \times số-lượng

1. Tiệm Hưng-Thịnh buôn 15 đôi dép giá 24\$ một đôi và 32 đôi giày giá 195\$ một đôi. Tìm giá mua tổng-cộng.
2. Ông Tá mua một thửa đất làm vườn diện-tích 2.800m² giá 70\$ một mét vuông. Tiền rào chung quanh hết 3.700\$ và tiền trồng 120 cây xoài giá 60\$ một cây. Tìm giá vốn cái vườn sau khi đã trồng cây.
3. Một vựa cá mua 1.800 kg cá đem về Sài-gòn bán, được lời mỗi kg 2\$, tiền chuyên-chở hết 850\$. Tiền bán tổng-cộng là 45.000\$. Tìm tiền mua số cá.

Handwritten signature

17. Nhân số nguyên

Trường-hợp : SỐ NHÂN CÓ SỐ 0 XEN VÀO GIỮA

Thí-dụ : 576×206

NHẬN XÉT VÀ SUY LUẬN

I. Thí dụ :



Tiệm An-Lợi buôn 206 tạ gạo, mỗi tạ giá 576\$. tìm giá buôn số gạo đó.

Muốn tìm giá buôn gạo em làm toán nhân sau đây:

$$\begin{array}{r} 576\$ \\ \times 206 \\ \hline 3456 \\ 000 \\ 1152 \\ \hline 118.656\$ \end{array}$$

Nhưng tiền thực-tế người ta làm toán nhân $576\$ \times 206$ như sau đây:

$$\begin{array}{r} 576 \\ \times 206 \\ \hline 3456 \\ 1152 \\ \hline 118.656 \end{array}$$

- con số 6 ở cột đơn-vị nhân như thường.
- con số 0 ở cột hàng chục bỏ qua không nhân.
- con số 2 ở cột hàng trăm nhân như thường nhưng con số đầu tiên của tích-số riêng ấy phải đặt lùi sang bên trái một cột tức là đặt ở cùng một cột có con số 2 vừa dùng để nhân.

$$\begin{array}{r} 45000 \\ - 4450 \\ \hline 40550 \end{array} \quad 1800$$

$$\begin{array}{r} 180 \\ 550 \\ \hline 360 \\ 04 \end{array}$$

- Trên thực-tế người ta có nhân với số 0 ở số nhân không? Trong thí-dụ trên, số 2 của số nhân ở cột hàng gì?
- Vậy thì khi nhân đến cột này, con số đầu tiên của tích-số của nó phải đặt vào cột hàng trăm so với tích-số trên.

$\begin{array}{r} \text{II. Thí-dụ : } 485m \\ \times 3007 \\ \hline 3395 \\ 000 \\ 000 \\ \hline 1455 \\ \hline 1.458.395m \end{array}$	<p>Trên thực-tế người ta làm toán như bên mặt đây:</p> $\begin{array}{r} 485m \\ \times 3007 \\ \hline 3395 \\ 1455 \\ \hline 1.458.395m \end{array}$
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

- Trong thí-dụ trên, người ta có nhân 2 con số 0 ở số nhân không? Số 3 (ở số nhân) ở cột hàng gì? Vậy số đầu tiên của tích-số của nó phải đặt vào cột nào?

GHI NHỚ : Khi số nhân có 1, 2, 3 con số 0 xen vào giữa, em không cần nhân với những số 0 đó, nhưng khi nhân đến số kế tiếp em nhớ đặt lùi sang bên trái 1, 2, 3 hàng nữa, nghĩa là con số đầu của tích-số ấy phải được đặt thẳng hàng dọc với cột con số nhân (hàng chục, hàng trăm, hàng ngàn...)

BÀI TẬP

1. Làm những toán nhân sau đây :

$$235m \times 180; 765\$ \times 805; 985kg \times 905;$$

$$1095l. \times 2005; 5624\$ \times 3005.$$

2. Một nông-gia bán 204 tạ lúa; mỗi tạ 125\$. Hỏi nông-gia này đã thu được bao nhiêu tiền?

TÍNH TRỪM

ÔN LẠI : NHÂN MỘT SỐ VỚI 5, 50

BÀI TẬP

1. Câu hỏi: Muốn nhân một số với 5 thì làm thế nào? Muốn nhân một số với 50 thì làm thế nào?
2. Tính trừm những tích-số sau đây :

$$26l. \times 5; 69\$ \times 5; 104kg \times 5; 34m \times 50;$$

$$204kg \times 50; 654m \times 50.$$

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI

TIỀN BÁN TỔNG-CỘNG = Tiền bán đơn-vị \times số-lượng

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Một tiệm gạo bán được 3 tạ gạo, giá 8\$ 1kg. Hỏi tiền bán tất cả 3 tạ gạo là bao nhiêu?

	TÍNH	LỜI GIẢI
100 kg	8\$	3 tạ gạo cân nặng :
$\times 3$	300	$100kg \times 3 = 300kg$
300 kg	2.400\$	Tiền bán 3 tạ gạo là :
		$8\$ \times 300 = 2.400\$$

Đáp số : 2.400\$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

1. Chị Tám buôn 105 con gà; giá 48\$ một con. Trong khi đi đường 3 con bị chết ngộp, chị đem về bán được mỗi con 57\$. Tìm tiền bán, tiền lời.

2. Tiệm An-Mỹ buôn 72 tạ gạo giá 785\$ một tạ; tiền chuyên-chở hết 430\$; đem về bán được 820\$ một tạ. Hỏi tiệm ấy được lời bao nhiêu?

18. Nhân số nguyên

HỌC ÔN

438/ $\times 6$
? Tìm tích-số con toán bên trái.
Hãy nói cách làm của em.
Tìm những tích-số sau: $387m \times 8$; $642m \times 5$;
 $7.836l. \times 4$; $4.864l. \times 7$; $8.649\$ \times 3$.

137\$ $\times 43$
? Làm con toán bên đây lên bảng.
Khi nhân tới số 4 (cột hàng chục của số nhân) thì em để kết-quả vào cột nào?
Hãy giảng tại sao em để kết-quả ấy vào cột hàng chục (lùi sang bên trái 1 hàng so với cột đơn-vị).

78m $\times 200$
? Em nói cách làm con toán bên đây.
Tìm những tích-số sau: $89\$ \times 120$; $6.375l. \times 2.800$;
 $3.798m \times 680$.

2.800kg $\times 7$
? Nói cách làm con toán bên đây.
Tìm những tích-số sau: $760l. \times 8$; $3.400kg \times 27$;
 $6.850m \times 43$; $5.800\$ \times 14$; $7.320m \times 26$.

4.500m $\times 40$
? Con toán bên trái có gì đặc-biệt?
Nói cách làm loại toán này.
Nhân: $340 \$ \times 50$; $360kg \times 700$.

247kg $\times 305$
? Khi có số 0 xen vào giữa số nhân thì làm toán như thế nào?
Nhân: $457\$ \times 309$; $1243m \times 2005$.

TÍNH TRĂM

NHÂN MỘT SỐ CÓ 2 CON SỐ VỚI 11

Trường-hợp: TỔNG SỐ KHÔNG QUÁ 9

NHẬN-XÉT VÀ 'SUY-LUẬN

1) Một túi kẹo có 25 cái. Tìm xem 11 túi có bao nhiêu kẹo?

10 túi kẹo có: $25 \text{ cái} \times 10 = 250 \text{ cái}$.

$1 \quad : 25 \quad \times 1 = 25$

11 túi kẹo có: $\quad = 275 \text{ cái}$.

2) Em nhận xét thấy con số 7 ở chính giữa là tổng-số 2 con số của số phải nhân (Số phải nhân ... $2 + 5 = 7$)

GHI NHỚ: Muốn nhân với 11 một số có 2 con số mà tổng-số không quá 9, em lấy tổng-số của 2 con số ấy đặt vào giữa 2 con số.

BÀI TẬP

Nhân với 11 những số sau đây:

14\$; 34l.; 45m; 53kg; 72m; 81kg.

TOÁN ĐỐ XẾP LOẠI

ÔN LẠI: TIỀN BÁN TỔNG-CỘNG = Tiền bán đơn-vị \times số-lượng.

- Chị Sáu bán hoa quả mua 1 tá (12 trái) bưởi giá 13\$ một trái đem về bán được 17\$ một trái, tiền chuyên chở hết 20\$. Tìm tiền lời.
- Một tiệm buôn 25 cái nệm ny-lông. Đem về bán 10 cái được 75\$ một cái, 15 cái được 78\$ một cái. Tính ra lời được tất cả 300\$. Tìm tiền mua nệm.

19. Nhân số thập-phân

Trường-hợp : CHỈ CÓ MỘT SỐ HẠNG LÀ SỐ THẬP-PHÂN

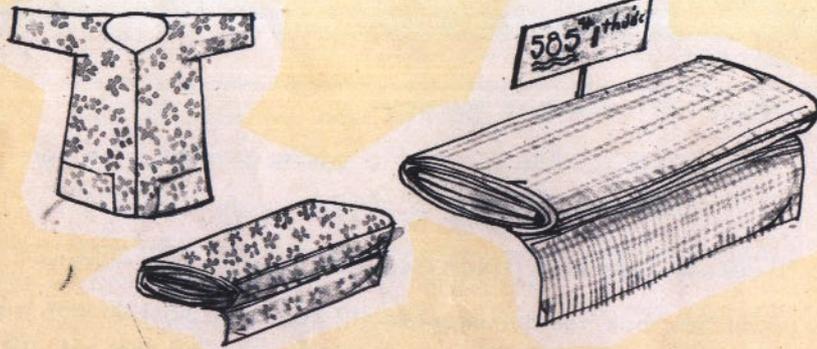
Thí-dụ 1 : $1,25 \times 3$

Bà Hai may một cái áo bà-ba hết 1m, 25 vải. Bà muốn may 3 cái thì phải dùng bao nhiêu vải ?

Em làm toán nhân để tìm số mét vải cần dùng.

1m, 25 Em nhận thấy ở phần thập-phân trong số phải
 $\times 3$ nhân có mấy con số ? (2 con).

3m, 75 Ở tích-số, em đếm 2 con số, bắt đầu từ bên
 phải, rồi đặt dấu phẩy vào.



Thí-dụ 2 : $585 \times 2,75$

Một mét nỉ giá 585\$, anh tôi mua 2m,75 để may quần áo thì phải trả bao nhiêu tiền ?

Em làm toán nhân để tìm số tiền phải trả.
 Em nhận thấy ở số nhân có 2 con số thập-phân.

Ở tích-số, em đếm 2 con số, bắt đầu từ bên phải, rồi đặt dấu phẩy vào.

$$\begin{array}{r} 585\$ \\ 2,75 \\ \hline 2925 \\ 4095 \\ \hline 1170 \\ \hline 1608,75 \end{array}$$

GHI NHỚ : Khi làm toán nhân có một số-hạng là số thập-phân, em đếm xem phần thập-phân có bao nhiêu con số thì ở tích-số em cũng đếm bấy nhiêu con số, bắt đầu từ bên phải, rồi đặt dấu phẩy vào.

BÀI TẬP

1. Làm những toán nhân sau đây :

$$2m,65 \times 16 ; 7kg85 \times 17 ; 4581,50 \times 84 ; 126m \times 6,45.$$

2. Bà Mỹ mua 31,75 dầu giá 6\$ một lít. Hỏi bà phải trả bao nhiêu tiền ?

3. Cha tôi mua 8 mét hàng giá 582\$,50 một mét. Tìm số tiền cha tôi phải trả.

TÍNH TRĂM

NHÂN MỘT SỐ CÓ 2 CON SỐ VỚI 11

Trường-hợp : TỔNG-SỐ QUÁ 9

Thí-dụ : 39×11

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Một tiệm nhôm bán 11 cái chậu nhôm giá 39\$ một cái. Tìm tiền bán 11 cái chậu.

$$10 \text{ chậu giá : } 39\$ \times 10 = 390\$$$

$$1 \text{ chậu giá : } 39\$ \times 1 = 39\$$$

$$11 \text{ chậu giá : } \underline{\hspace{1cm}} \hspace{1cm} 429\$$$

Em làm như sau :

Tổng-số 2 con số (3 + 9) là 12 (quá 9), em đặt số 2 (hàng đơn-vị) vào giữa 2 con số 3 và 9, rồi em cộng thêm 1 vào số cột trăm (3) thành 4. Em có kết-quả : 429.

GHI NHỚ : Muốn nhân trăm với 11 một số có 2 con số mà tổng-số quá 9 thì đặt số hàng đơn-vị của tổng-số vào giữa 2 con số ấy rồi thêm 1 vào số hàng chục cũ (số bên trái).

BÀI TẬP

Nhân trăm những số sau đây với 11 :

38\$; 48m ; 75kg ; 82m ; 96l ; 98m.

TOÁN ĐỐ XẾP LOẠI

ÔN LẠI : Mua — Bán — Lỗ — Lãi

1. Chị Ba buôn trứng giá 36\$ một tá, đem về bán mỗi tá được lãi 4\$,5. Chị buôn tất cả 20 tá. Hỏi tiền bán tất cả là bao nhiêu ?
2. Tiệm vải Phú-Mỹ mua một tấm vải dài 65m, giá mỗi mét 28\$,50. Đem về bị hư mất 1m,50. Chỗ còn lại bán được 31\$ một mét. Hỏi lời hay lỗ bao nhiêu ?
3. Ông Huy bán bát đĩa, ông buôn 308 cái bát, giá 3\$,50 một cái. Tiền xe hết 25\$. Đi đường vỡ mất 7 cái ; chỗ còn lại bán được 5\$ một cái. Tính xem ông Huy được lời bao nhiêu ?

20. Nhân số thập-phân

Trường-hợp : CẢ HAI SỐ-HẠNG ĐỀU LÀ SỐ THẬP-PHÂN



Thí-du : $16,5 \times 3,5$

Rượu giá 16\$,50 một lít ; mua 31,50 thì phải trả bao nhiêu ?
Muốn tìm giá 31,5 rượu em làm toán nhân sau đây :

— Phần thập-phân của số phải nhân có mấy con số? Phần thập-phân của số nhân có mấy con số?	16,5$ $\times 3,5$ <hr/>
— Tổng-cộng có 2 con số thập-phân.	8 2 5 <hr/>
— Ở tích-số, em đếm 2 con số, bắt đầu từ bên phải, rồi đặt dấu phẩy vào.	4 9 5 <hr/>
	57\$,7 5

GHI NHỚ : Khi làm toán nhân mà cả hai số-hạng đều là số thập-phân, em đếm ở phần thập-phân của cả hai số-hạng xem có bao nhiêu con số thì ở tích-số em cũng đếm ra bấy nhiêu con số, kể từ bên phải, rồi đặt dấu phẩy vào.

BÀI TẬP

1. Làm những toán nhân sau đây :

$6m,7 \times 3,5$; 18,5 \times 2,4 ; $32kg,85 \times 7,4$; $145l,65 \times 8,5$.$

2. Chị Ba mua 2kg,75 thịt, giá 140\$,5 một kg. Hỏi chị phải trả bao nhiêu tiền ?

TÍNH TRĂM

ÔN LẠI: NHÂN MỘT SỐ VỚI 11

1. Trả lời câu hỏi sau đây :

- Muốn nhân một số có 2 con số mà tổng-số không quá 9 thì làm thế nào ?
- Muốn nhân một số có 2 con số mà tổng-số quá 9 thì làm thế nào ?

2. Làm tròn những con toán sau đây :

$$23m \times 11; 35kg \times 11; 81\$ \times 11;$$

$$56kg \times 11; 75m \times 11; 98l. \times 11.$$

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

ÔN LẠI: Tiền kiếm – Tiền chi tiêu – Tiền để dành

- Ông Hòa mỗi tháng chi tiêu cho gia-đình hết 7.650\$, thuê nhà hết 850\$. Cuối năm ông còn để dành được 12000\$. Hỏi mỗi năm ông kiếm được bao nhiêu ?
- Anh Bình sửa xe đạp, mỗi ngày ăn tiêu hết 95\$; mỗi tháng tiêu vặt hết 720\$. Cuối năm anh mắc nợ 1.500\$. Hỏi mỗi năm anh kiếm được bao nhiêu ?
- Ông Điện làm kỹ-sư, mỗi ngày gia-đình ông chi tiền ăn 125\$, tiêu vặt hết 75\$. Cuối năm ông để dành được 6.500\$. Hỏi một năm ông kiếm được bao nhiêu ?

21. Phép thử toán nhân

1. Cách thứ nhất : Đòi chỗ các số-hạng

Một cái áo sơ-mi giá 149\$, một tiệm buôn 12 cái thì phải trả bao nhiêu tiền ?

149\$	Muốn biết toán nhân này có đúng	12
$\times 12$	không, em thử lại bằng cách đòi	$\times 149$
<hr/>	chỗ hai số-hạng rồi nhân lại.	<hr/>
298	Em thấy hai tích-số giống nhau ;	108
149	như vậy là bài toán đúng.	48
<hr/>		<hr/>
1.788\$		12
		<hr/>
		1.788

2. Cách thứ hai : Thử bằng cách trừ 9

Vẫn dùng thí-dụ trên để thử như sau :

Em tính số dư của số phải nhân, số nhân và tích-số sau khi bỏ 9 đi ; có hai lối :

Lối 1

Số phải nhân :
 $149 : 9 = 16 \text{ dư } 5$

Số nhân :
 $12 : 9 = 1 \text{ dư } 3$

Tích-số :
 $1.788 : 9 = 198 \text{ dư } 6$

Lối 2

Cộng các con số của số phải nhân :
 $1 + 4 + 9 = 14 - 9 = 5$

Cộng các con số của số nhân :
 $1 + 2 = 3$

Cộng các con số của tích-số :
 $1 + 7 + 8 + 8 = 24; 2 + 4 = 6$

Nếu số dư của 2 tích-số bằng nhau thì bài toán đúng, nếu khác nhau thì sai (trang sau).

Bài toán này đúng

$$\begin{array}{r} 149^{\text{th}} \\ \times 12 \\ \hline 298 \\ 149 \\ \hline 1.788^{\text{th}} \end{array}$$

số dư của số phải nhân
số dư của số nhân
tích-số các số dư của số phải nhân và số nhân
 $5 \times 3 = 15 ; 1 + 5 = 6$
số dư của tích-số

BÀI TẬP

Làm rồi thử những toán sau đây :

$158\$ \times 42 ; 675 \text{ kg} \times 8,65 ; 976 \text{ l} \times 8,65 ; 10,96 \text{ l},5 \times 68.$

TÍNH TRĂM

NHÂN MỘT SỐ THẬP-PHÂN VỚI 10, 100, 1000

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Tiệm may Đông-Tân may áo sơ-mi trẻ con, cắt một áo hết 1m, 25 vải. Muốn cắt 10 áo thì tốn bao nhiêu vải ? Nếu cắt 100 áo thì cần bao nhiêu vải ? Nếu cắt 1.000 áo thì tốn bao nhiêu mét vải ?

$$\begin{array}{r} 1 \text{ m},25 \\ \times 10 \\ \hline 12 \text{ m},50 \end{array}$$

Số mét vải cần để cắt 10 cái áo là :
 $1 \text{ m},25 \times 10 = 12 \text{ m},50$

— Em nhận thấy những con số của số phải nhân và tích-số giống nhau, nhưng ở tích-số dấu phẩy dịch 1 hàng về bên phải.

$$\begin{array}{r} 1 \text{ m},25 \\ \times 100 \\ \hline 125 \text{ m},00 \end{array}$$

Số mét vải cần để may 100 cái áo là :
 $1 \text{ m},25 \times 100 = 125 \text{ m}$

— Em nhận thấy dấu phẩy dịch 2 hàng về bên phải.

$$\begin{array}{r} 1 \text{ m},25 \\ \times 1.000 \\ \hline 1.250 \text{ m},00 \end{array}$$

Số mét vải cần dùng để may 1.000 cái áo là :
 $1 \text{ m},25 \times 1.000 = 1.250 \text{ m}$ vải

Những con số có nghĩa của số phải nhân và tích-số vẫn giống nhau, nhưng dấu phẩy đã lùi sang bên phải 3 hàng (vì không còn hàng nào ở phần thập-phân nên phải thêm 1 con số 0 vào).

GHI NHỚ : Muốn nhân một số thập phân với 10 thì dịch dấu phẩy sang bên phải 1 hàng. Muốn nhân một số thập phân với 100 thì dịch dấu phẩy sang bên phải 2 hàng. Muốn nhân một số thập-phân với 1000 thì dịch dấu phẩy sang bên phải 3 hàng. Như vậy tức là đếm xem có mấy số 0 thì dịch dấu phẩy sang bên phải ngần ấy hàng.
Nếu phần thập-phân có ít số thì phải thêm số 0 vào cuối cho đủ số.

BÀI TẬP

Tính trăm những tích số sau đây :

$27 \text{ m},45 \times 10 ; 46\$,50 \times 10 ; 36 \text{ l},215 \times 100 ;$
 $560 \text{ kg},76 \times 100 ; 4\$,50 \times 1.000 ; 6 \text{ m},925 \times 1.000.$

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

ÔN LẠI : TIỀN KIỂM – TIỀN CHI TIÊU – TIỀN ĐỂ DÀNH

- Mỗi tháng gia-đình ông Tâm chi về ăn uống hết 3.600\$, các món khác hết 1.750\$. Nếu lương tháng của ông là 6.000\$ thì một năm ông để dành được bao nhiêu ?
- Chú Sáu làm thợ máy, mỗi ngày ăn hết 120\$, mỗi tháng trả tiền nhà hết 450\$, mỗi năm may mặc hết 1.800\$. Cuối năm chú còn để dành được 1.500\$. Hỏi một năm chú kiếm được bao nhiêu tiền ?

22. Toán nhân

HỌC ÔN

1. Trả lời những câu hỏi sau đây :

- Khi số phải nhân có phần thập-phân gồm 1 con số, thì ở tích-số, phần thập-phân gồm mấy con số ?
- Khi số phải nhân có 2 con số thập-phân thì ở tích-số có mấy con số thập-phân ?
- Khi số nhân có 1 con số thập-phân thì ở tích-số phần thập-phân gồm mấy con số ?
- Khi số nhân có 2 con số thập-phân thì ở tích-số có mấy con số thập-phân ?
- Khi số phải nhân có phần thập-phân gồm 2 con số, và số nhân có 1 con số thập-phân thì ở tích-số có mấy con số ở phần thập-phân ?
- Có mấy cách thử toán nhân ? Hãy kể ra.

2. Làm và thử những toán sau đây :

$$689m,75 \times 25 ; 839l,15 \times 2,7 ; 376\$ \times 4,7 ;$$
$$39m,63 \times 4,53 ; 63l,75 \times 9,25 ; 68m,4 \times 48,25.$$

TÍNH TRĂM

ÔN LẠI : NHÂN MỘT SỐ THẬP-PHÂN VỚI 10, 100, 1000

CÂU HỎI

- Muốn nhân một số thập-phân với 10, em làm thế nào ? Cho thí-dụ.
- Muốn nhân một số thập-phân với 100, em làm thế nào ? Cho thí-dụ.

- Muốn nhân một số thập-phân với 1000, em làm thế nào ? Cho thí-dụ.
- Khi phần thập-phân có ít số, không đủ để lùi dấu phẩy lại, em phải làm thế nào ?

BÀI TẬP

Tính trăm những tích-số sau đây :

$$6m,75 \times 10 ; 3l,25 \times 10 ; 9kg,495 \times 100$$
$$5kg,28 \times 100 ; 7$,5 \times 1.000 ; 8kg,45 \times 1.000.$$

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

ÔN LẠI VỀ : MUA, BÁN, LÃI, LỖ

1. Chị Cúc, buôn 125 trái cam giá 6\$,5 một trái. Bán hết tính ra được lời mỗi trái 0\$,5. Tìm tiền bán số cam.
2. Một tiệm buôn 24 thùng nước mắm, mỗi thùng chứa 18l,5 mỗi lít giá 25\$. Tìm tiền mua 24 thùng nước mắm.
3. Một vựa rau buôn 2.300 kg rau Đà-lạt, giá mua 2\$,50 một kg. Tiền chuyên-chở hết 650\$ về đến nhà bị hư mất 37 kg. Chỗ còn lại bán được 2\$,80 một kg. Hỏi khi bán hết thu được bao nhiêu tiền ? Lời hay lỗ bao nhiêu ?
4. Một người buôn gà vịt, mua 76 con gà giá 88\$ một con, và 325 con vịt giá 72\$ một con. Tiền xe hết 65\$, đi đường chết mất 2 con gà và 3 con vịt. Chỗ còn lại bán được 95\$ một con gà, 80\$ một con vịt. Tính xem người ấy được lời bao nhiêu ?

23. Toán chia

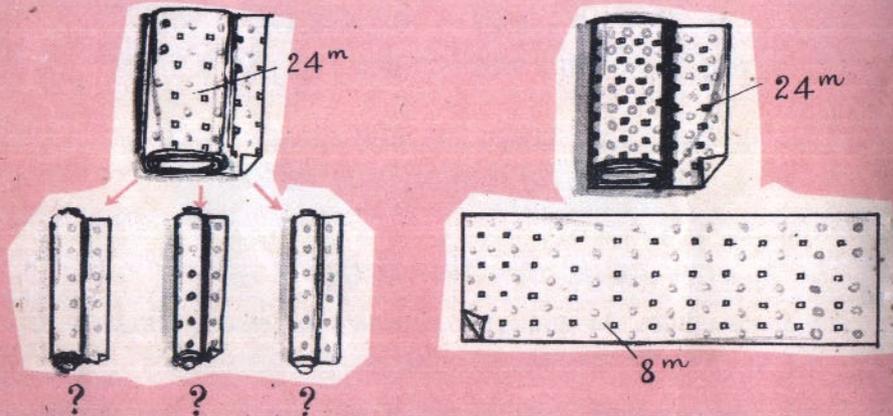
Ý-NHĨA CỦA TOÁN CHIA – NHẬN XÉT VỀ TOÁN CHIA

NHẬN XÉT VÀ SUY LUẬN

• Tại sao em làm toán chia ?

1) Em làm toán chia để tìm giá-trị của một phần trong những phần bằng nhau.

2) Em làm toán chia để tìm số phần đều nhau.



Thí-dụ 1 : Một tấm vải dài 24m chia làm 3 phần đều nhau. Mỗi phần dài bao nhiêu ?

$$\begin{array}{r} 24m \mid 3 \\ 0 \mid 8m \end{array}$$

Mỗi phần dài: $24m : 3 = 8m$.

Ta cũng có thể gấp tấm vải làm 3, rồi đo thì thấy mỗi phần chẵn 8m. Chia không có số dư gọi là chia chẵn.

Thí-dụ 2 : Một tấm vải dài 24m chia thành những phần dài 8m. Tìm số phần ?

$$\begin{array}{r} 24 \mid 8 \\ 0 \mid 3 \text{ phần} \end{array}$$

Có tất cả: $24 : 8 = 3$ phần.

Chữ viết tay: Lưu ý

GHI NHỚ : Dấu của toán chia là hai chấm (:)

– Số 24m (trong thí-dụ 1) là số phải chia.

– Số 3 (trong thí-dụ 1) là số chia.

– Số 8 (trong thí-dụ 1) là thương-số.

– Trong hai bài toán trên không có số dư. Phép chia không có số dư gọi là phép chia chẵn.

$$\text{Số phải chia} = \text{Số chia} \times \text{thương số}$$

• Tính chia có số dư :

Một hộp ngòi bút có 20 cái đem chia làm 3 phần. Mỗi phần có bao nhiêu cái ?

$$\begin{array}{r} 20 \mid 3 \\ 2 \mid 6 \end{array}$$

Số 2 thừa ra vì không chia được cho 3; đó là một số dư.

Số 2 (dư) nhỏ hơn số 3 (số chia)

GHI NHỚ : Số phải chia = (số chia x thương số) + số dư
Số dư bao giờ cũng nhỏ hơn số chia

BÀI TẬP

• Trả lời các câu hỏi sau đây :

1. Khi nào thì em phải làm toán chia ?
2. Cho thí-dụ về mỗi trường hợp.
3. Cho một thí-dụ và chỉ đâu là số phải chia ? Số chia ?
Thương-số ? Số dư ?
4. Thế nào là toán chia chẵn ?
5. Trong toán chia chẵn nếu ta nhân thương-số với số chia ta sẽ thấy số nào ?

6. Trong toán chia có số dư, so-sánh số dư với số chia em thấy thế nào ?
7. Một tấm vải dài 30m đem may áo sơ-mi mỗi áo hết 2m thì được bao nhiêu áo ?
8. Cha cho 5 con 150\$. Hỏi mỗi người được bao nhiêu ?

TÍNH TRĂM

NHÂN MỘT SỐ VỚI 20, 30, 40, 10, 100, 1.000, 5, 50

BÀI TẬP

Làm trăm những bài toán sau đây :

- 42m × 20 ; 57l. × 20 ; 68l. × 30 ; 94\$ × 30 ; 26l. × 40 ;
 75m × 40 ; 43\$ × 10 ; 102 kg × 10 ; 48m × 100 ;
 64m × 100 ; 12l. × 1.000 ; 24\$ × 1.000 ; 18\$ × 5 ;
 34l. × 5 ; 14m × 50 ; 84 kg × 50.

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI

$$\text{GIÁ MUA MỘT ĐƠN-VỊ} = \frac{\text{Giá mua tổng-cộng}}{\text{Số đơn-vị}}$$

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Em Thành mua 7 quyển tập phải trả 28\$ tất cả. Tính giá 1 quyển tập.

TÍNH

$$\begin{array}{r} 28\$ \\ 0 \quad | \quad 7 \\ \hline 4\$ \end{array}$$

LỜI GIẢI

Giá mua một tập là :

$$28\$: 7 = 4\$$$

Đáp số : 4\$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

1. — Di Ba mua cho em tôi 8 cây viết chì xanh đỏ. Di đưa giấy 100\$, nhà hàng trả lại 52\$. Tìm giá một cây viết chì.
2. — Bình mang 2 tờ giấy 50\$ đi mua 6 cuốn tập và một bình mực viết máy giá 12\$. Khi về Bình còn lại 46\$. Tìm giá một cuốn tập.

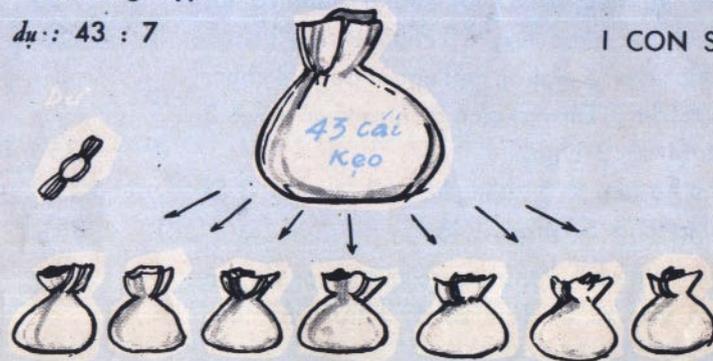
24. Chia số nguyên

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

- Trường hợp : SỐ CHIA VÀ THƯƠNG-SỐ CHỈ CÓ

Thí dụ : 43 : 7

1 CON SỐ



Bây em chia nhau 43 cái kẹo thì mỗi em được mấy cái?

43 | 7 Em nói 42 chia cho 7 được 6 lần, còn dư 1.
 1 | 6 Em viết 6 vào thương-số, và 1 là số dư.

- Trường hợp : SỐ CHIA CHỈ CÓ 1 CON SỐ

Thí dụ : 735 : 5



Chia 735\$ cho 5 người thì mỗi người được bao nhiêu ?

Đặt tính :

Lấy 7 trăm chia cho 5 người, mỗi người được 1 trăm còn dư 2 trăm. Em viết 1 ở thương-số và số 2 dưới số 7.

$$\begin{array}{r} 735 \quad | \quad 5 \\ 2 \quad | \quad 1 \end{array}$$

Em hạ tiếp số 3 chục xuống thành có hai trăm ba chục hay 23 chục. Đem 23 chục chia cho 5 người, mỗi người được 4 chục, còn dư 3. Em viết số 4 ở thương-số và số 3 dưới số 3 chục.

$$\begin{array}{r} 735 \quad | \quad 5 \\ 23 \quad | \quad 14 \\ 3 \end{array}$$

Em hạ tiếp số 5 xuống kế số 3, em có 35\$ chia cho 5 được 7 lần.

$$\begin{array}{r} 735 \quad | \quad 5 \\ 23 \quad | \quad 147 \\ 35 \\ 0 \end{array}$$

Em viết số 7 ở thương-số không còn dư, và em viết số 0 dưới số 5. Như vậy mỗi người được 147\$.

GHI NHỚ : Em làm toán chia lần lượt từ bên trái sang bên phải. Số dư của cột nào, em để dưới cột ấy, rồi hạ số kế xuống và chia tiếp.

BÀI TẬP

Làm những toán chia sau đây :

$$683l. : 3 ; 245l. : 3 ; 368\$: 4 ; 1.725m : 4 ;$$

$$2.495m : 5 ; 1.273l : 8 .$$

- Một túi kẹo có 128 chiếc ; đem chia cho 4 trẻ thì mỗi trẻ được bao nhiêu chiếc ?
- Một tấm vải dài 22m,5 ; thêm vào 1m,5 rồi đem cắt áo thì được 8 cái. Hỏi may mỗi cái áo tốn mấy mét vải ?

TÍNH TRĂM

NHÂN MỘT SỐ VỚI 11

NHÂN MỘT SỐ THẬP-PHÂN VỚI 10, 100, 1.000.

BÀI TẬP

Làm trăm những toán sau đây :

$$24\$ \times 11 ; 36 \text{ kg} \times 11 ; 51l. \times 11 ;$$

$$56m \times 11 ; 74l. \times 11 ; 98\text{kg} \times 11 ;$$

$$2m,50 \times 10 ; 54l, 25 \times 10 ; 36l.15 \times 100 ;$$

$$7m,125 \times 100 ; 5\text{kg},654 \times 1.000 ; 12l,725 \times 1.000.$$

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

$$\text{GIÁ BÁN 1 ĐƠN-VỊ} = \frac{\text{Giá bán tổng cộng}}{\text{Số đơn-vị}}$$

TOÁN ĐỀ DẪN GIẢI

Một tiệm vải bán 9m len, thu được 2.205\$. Tìm giá bán 1m len.

LỜI GIẢI

$$\text{Giá 1m len là : } 2.205\$: 9 = 245\$.$$

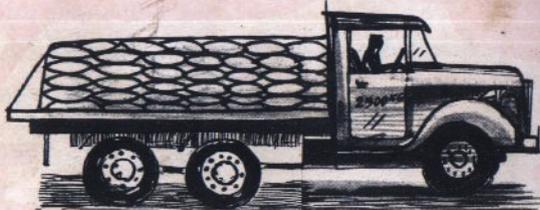
TOÁN ĐỀ TƯƠNG TỰ

1. Một tiệm đồ gỗ buôn 8 cái tủ phải trả 14.000\$. Tiền dài tài hết 240\$, bán hết được lời 1.200\$. Tìm giá bán 1 cái tủ.
2. Một người mua 6 con heo nhỏ mỗi con giá 450\$. Người ấy nuôi tốn hết 1.280\$. Trong khi nuôi chết mất một con, nên lúc bán người ấy chỉ còn lời được 1.420\$. Tìm giá bán 1 con heo.

25. Chia số nguyên

SỐ PHẢI CHIA VÀ SỐ CHIA ĐỀU TẬN CÙNG BẰNG SỐ 0
NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí dụ : 2.500 : 50



Một xe vận-tải có thể chở được 2.500 kg. Xe đó chở những bao xi-măng, mỗi bao nặng 50 kg. Hỏi xe ấy chở được bao nhiêu bao xi-măng?

Số chia có 1 số 0, em gạch bỏ con số 0 đó và cũng gạch bỏ 1 con số 0 ở số phải chia rồi làm toán như thường.

$$\begin{array}{r|l} \text{Đặt tính} & \\ 2.50\cancel{0} & 5\cancel{0} \\ 00 & 50 \end{array}$$

GHI NHỚ : Trong một toán chia, khi số chia và số phải chia đều tận cùng bằng số 0 thì:

- Em đếm xem số chia có bao nhiêu số 0 rồi gạch bỏ đi.
- Và cũng gạch bỏ ngàn ấy số 0 ở bên số phải chia.
- Sau đó làm toán chia như thường.

BÀI TẬP

— Làm những toán chia sau đây:

$$910\$: 20 ; 4.800\text{m} : 60 ; 6.000 : 120 ;$$

$$42.500\text{l} : 2500 ; 268.500\text{m} : 6800 ; 48.000\$: 12.000.$$

— Một người bán 600 tạ lúa được 270.000\$. Tính tiền bán 1 tạ.

Can

TÍNH TRĂM

CHIA MỘT SỐ CHO 10, 100, 1000

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí dụ 1 : Chị Mai mua 10 trái xoài phải trả 140\$. Tính giá một trái xoài.

Đặt tính :

140\$	10
40	14\$
0	

— Em nhận thấy số phải chia và thương-số có những con số giống nhau nhưng ở thương-số dấu phẩy được đặt lùi sang bên trái một hàng.

Thí dụ 2 : Một người thợ dệt 100m vải, lãnh được 400\$ tiền công. Tính xem tiền công dệt 1m là bao nhiêu?

— Em nhận thấy thương-số giống số phải chia nhưng dấu phẩy được đặt lùi lại 2 hàng về bên trái.

400\$	100
00	4\$

Thí dụ 3 : Ấp Tân-Mai đắp một con đường dài 1.000m tốn hết tất cả 253.000\$. Tính xem 1m đường đó làm tốn hết bao nhiêu?

Đặt tính :

253.000\$	1000
53 00	253\$
3 000	
000	

— Em nhận thấy thương-số giống số phải chia nhưng dấu phẩy được đặt lùi lại 3 hàng về bên trái.

- GHI NHỚ :**
- Muốn chia một số cho 10, em lùi dấu phẩy 1 hàng về bên trái của số phải chia.
 - Muốn chia một số cho 100, em lùi dấu phẩy 2 hàng về bên trái.
 - Muốn chia một số cho 1000, em lùi dấu phẩy 3 hàng về bên trái.

BÀI TẬP

Làm những toán sau đây :

$$264m : 10 ; 86m : 10 ; 372\$: 100$$

$$864\$: 100 ; 1981l. : 1000 ; 9763l. : 1000.$$

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI

$$\text{SỐ NGÀY LÀM VIỆC} = \frac{\text{Tiền kiếm được}}{\text{Công-nhật}}$$

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Một người thợ sơn biển quảng cáo, mỗi ngày lãnh 90\$. Xong việc người ấy lãnh được 1.350\$. Hỏi người ấy đã làm việc mấy ngày ?

TÍNH

$$\begin{array}{r} 1.350\$ \quad | \quad 90 \\ 450 \quad | \quad 15 \\ \hline 00 \end{array}$$

LỜI GIẢI

Người thợ sơn đã làm việc trong:
1 ngày \times 1.350 : 90 = 15 ngày
Đáp số : 15 ngày.

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

1. Trong tuần lễ vừa qua anh Ba chi tiêu hết 980\$, còn thừa 40\$. Anh lãnh lương công-nhật 170\$. Hỏi anh đã làm việc bao nhiêu ngày ?
2. Một công-nhân làm đường lãnh lương công-nhật là 68\$. Tháng vừa qua gia-đình ăn hết 1.200\$; chi tiêu linh tinh hết 350\$, cuối tháng còn để dành được 150\$. Hỏi tháng ấy người công-nhân đó đã làm việc bao nhiêu ngày ?
3. Anh Đắc làm phu, anh lãnh lương công-nhật 65\$. Tháng vừa qua gia-đình ăn hết 1.100\$, tiêu vặt hết 320\$, con ốm chữa thuốc 180\$. Tính ra anh mắc nợ mất 170\$. Hỏi anh đã làm việc bao nhiêu ngày ?

26. Chia số nguyên

Trường-hợp : THƯƠNG SỐ CÓ SỐ 0 XEN VÀO GIỮA

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí-dụ : 3.563 : 7

Một tiệm tạp-hóa trong tuần vừa qua thu được 3.563\$.
Tìm xem trung-bình mỗi ngày thu được bao nhiêu ?

Đặt tính

$$\begin{array}{r} 3.563\$ \quad | \quad 7 \\ 06 \quad | \quad 5 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3.563\$ \quad | \quad 7 \\ 063 \quad | \quad 509\$ \\ 0 \end{array}$$

— Em nói : 35 chia cho 7 được 5 lần.

Em viết 5 ở thương-số và số 0 dưới số 35. Em hạ số 6 kế bên số 0.

6 không chia được cho 7, em phải đặt số 0 ở thương-số rồi hạ số 3 xuống để chia tiếp.

GHI NHỚ : Mỗi khi hạ một con số của số phải chia xuống mà thấy số ấy nhỏ hơn số chia thì em phải đặt số 0 ở thương-số, rồi mới hạ số kế và chia tiếp.

BÀI TẬP

1. Làm những toán chia sau đây :

$$235.125 : 5 ; 60.540 : 12 ; 272.432l. : 45 ;$$

$$61.732l. : 59 ; 362.549m : 72.$$

2. Một cây xăng có 6.120l. xăng đóng thành thùng 60l. Hỏi được bao nhiêu thùng ?
3. Một người có 70.345\$ đem đổi ra giấy bạc 100\$. Hỏi được bao nhiêu tấm ? Muốn có thêm 1 tấm giấy 100\$ nữa thì phải thêm bao nhiêu tiền ?

TÍNH TRĂM
CHIA MỘT SỐ CHO 20, 30, 40

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí-dụ : Em có 120\$ mang đi mua áo.

- Nếu mua loại 20\$ một áo thì được mấy áo ?
- Nếu mua loại 30\$ một áo thì được mấy áo ?
- Nếu mua loại 40\$ một áo thì được mấy áo ?

Nhận-xét :

Em thấy 20 là 2 lần 10; 30 là 3 lần 10; và 40 là 4 lần 10.

Đặt tính :	$\begin{array}{r} 120 \overline{) 20} \\ \underline{00} \\ 00 \end{array}$	$120 : 2 = 60$ $60 : 10 = 6 \text{ cái}$	
	$\begin{array}{r} 120 \overline{) 30} \\ \underline{00} \\ 00 \end{array}$	$120 : 3 = 40$ $40 : 10 = 4 \text{ cái}$	
	$\begin{array}{r} 120 \overline{) 40} \\ \underline{00} \\ 00 \end{array}$	$120 : 4 = 30$ $30 : 10 = 3 \text{ cái}$	

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 20 thì chia cho 2, rồi lại chia cho 10.
 Muốn chia một số cho 30 thì chia cho 3, rồi lại chia cho 10.
 Muốn chia một số cho 40 thì chia cho 4, rồi lại chia cho 10.

Chú-ý : Chia cho 10 thì lùi dấu phẩy về bên trái 1 hàng.

BÀI TẬP

240\$: 20 ; 60\$: 20 ; 90\$: 30 ; 720m : 30 ; 160l : 40.

TOÁN ĐỐ XẾP LOẠI — ÔN LẠI VỀ : MUA, BÁN

1. Chú Tám buôn 25 chậu trồng cây giá 200\$ một chậu ; khi bán được lời 50\$. Tìm giá bán 1 cái chậu.
2. Chị Hòa buôn 10 chục xoài mỗi trái giá 5\$; chị được thêm nửa chục đem về bán được 5\$ 50 một trái. Hỏi chị được lời bao nhiêu ?

27. Chia số nguyên

Trường-hợp : SỐ PHẢI CHIA VÀ SỐ CHIA CÓ NHIỀU
CON SỐ, THƯƠNG-SỐ CÓ MỘT CON SỐ

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí-dụ : 2.825 : 565

Bác An bán 565\$ một bao gạo. Bán hết thu được 2.825\$. Hỏi bác An đã bán mấy bao gạo ?

Đặt tính : — Số chia có 3 con số, em cũng lấy 3 con số ở số phải chia, nhưng 282 nhỏ hơn không chia được cho 565, nên em lấy 4 con số, chia ra được thương-số là 5.

$$\begin{array}{r} 2.825 \overline{) 565} \\ \underline{000} \\ 5 \end{array}$$

Trường-hợp : CẢ BA SỐ-HẠNG ĐỀU CÓ NHIỀU CON SỐ

Thí-dụ : 58.590 : 3.255

— Một tiệm bán máy hát mỗi cái giá 3.255\$. Tháng vừa qua tiền bán tổng-cộng là 58.590\$. Tìm số máy hát đã bán.

Số chia có 4 con số. Em cũng lấy 4 số đầu ở số phải chia ; 5 859 chia cho 3255 được 1 lần còn dư 2604.



Đặt tính :

$$\begin{array}{r|l} 58.590\$ & 3.255 \\ 26\ 040 & 18 \\ \hline 0\ 000 & \end{array}$$

Em hạ số 0 xuống rồi chia tiếp được 8 lần.

Tiệm ấy đã bán được 18 cái máy hát.

- GHI NHỚ :**
- Số chia có bao nhiêu con số, thì em cũng lấy ngàn ấy con số ở số phải chia để chia.
 - Nếu lấy ngàn ấy con số mà còn nhỏ hơn số chia thì em lấy thêm một số nữa.

BÀI TẬP

1) Làm những toán chia sau đây : (thương-số chỉ lấy chẵn, còn để số dư lại.)

$$3.756\$: 274 ; 3.692l : 158 ; 4.375m : 48 ;$$

$$6.758\$: 64 ; 32.786\$: 452 ; 285.752\text{ kg} : 148.$$

2) Một nông-gia bán lúa thu được 14.154\$. Hỏi ông đã bán bao nhiêu tạ, biết 1 tạ lúa giá 674\$?

3) Một toán phu lực-lộ mỗi ngày sửa được 215m đường lộ. Họ cần sửa một con đường dài 2km,58 thì phải làm việc trong bao nhiêu ngày?

TÍNH TRĂM

CHIA MỘT SỐ CHO 0,5

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Một đoạn dây gai dài 8m; nếu cắt ra thành những đoạn dài 0m,5, thì được bao nhiêu đoạn?

Giảng

Thoạt tiên, nếu ta cắt thành những đoạn dài 1m thì được 8 đoạn. 0m,5 tức là nửa mét. Vậy nếu ta đem 8 đoạn dài 1m nói trên cắt mỗi đoạn làm hai thì được 16 đoạn, mỗi đoạn dài nửa mét.

Nhận-xét

Được 16 đoạn ; 16 tức là 8×2 ,

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 0,5 thì nhân số đó với 2.

BÀI TẬP

Làm những toán sau đây :

$$14\$: 0,5 ; 16l : 0,5 ; 26l : 0,5 ;$$

$$21m : 0,5 ; 24m : 0,5 ; 100\text{kg} : 0,5.$$

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI

$$\text{SỐ ĐƠN-VỊ} = \frac{\text{Tiền mua tổng-cộng}}{\text{Tiền mua 1 đơn-vị}}$$

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Một tiệm buôn giày hết 1.925\$. Biết rằng giá mỗi đôi giày là 275\$. Hỏi tiệm ấy đã buôn mấy đôi giày?

TÍNH

$$\begin{array}{r|l} 1.925 & 275 \\ 000 & 7 \\ \hline & \end{array}$$

LỜI GIẢI

Số đôi giày đã buôn là :

$$1đ \times 1.925 : 275 = 7 \text{ đôi.}$$

Đáp số : 7 đôi.

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

1. Một người buôn một số gà, tiền chuyên-chở hết 125\$, đem về bán hết được 4.680\$. Tính ra được lời 739\$. Hỏi người ấy đã bán bao nhiêu con gà, biết rằng giá mua mỗi con là 53\$.

2. Một tiệm buôn bấp thuê xe chuyên-chở hết 280\$. Giá buôn 425\$ một tạ, mang về bán hết thu được 11.750\$. Tính ra được lời 845\$. Tính xem tiệm ấy đã buôn bao nhiêu tạ bấp?

28. Chia số nguyên

Trường-hợp : THƯƠNG-SỐ LÀ SỐ THẬP-PHÂN

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí-dụ : 222 : 12

Một người mua 12m vải phải trả 222\$. Tính giá mỗi mét vải?

Đặt tính :

$$\begin{array}{r} 222' \quad | \quad 12 \\ 102 \quad | \quad 18 \\ \hline 06 \end{array} \quad \begin{array}{l} - \text{ Em làm toán chia như thường cho đến khi} \\ \text{có số dư là 6, và bên số phải chia không} \\ \text{còn số để hạ nữa.} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 222' \quad | \quad 12 \\ 102 \quad | \quad 18,5 \\ \hline 060 \\ 00 \end{array} \quad \begin{array}{l} - \text{ Em đặt dấu phẩy ở thương-số và} \\ \text{thêm một số 0 ở bên phải số dư rồi} \\ \text{chia tiếp.} \end{array}$$

GHI NHỚ : Trong một toán chia có số dư, khi chia đến số dư, em đặt dấu phẩy bên phải thương-số và thêm số 0 vào số dư rồi tiếp-tục chia.
Nếu còn số dư, lại thêm số 0 nữa và chia tiếp.

Trường-hợp : SỐ PHẢI CHIA NHỎ HƠN SỐ CHIA

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí-dụ : 12 : 15

Một người buôn 15 cục gôm phải trả 12\$. Tìm giá 1 cục gôm.

Đặt tính :

$$\begin{array}{r} 12\$ \quad | \quad 15 \\ \quad \quad | \quad 0, \\ \hline 12\$0 \quad | \quad 15 \\ 00 \quad | \quad 0\$8 \end{array} \quad \begin{array}{l} - \text{ 12 không chia được cho 15, em phải} \\ \text{viết 1 số 0 và dấu phẩy ở thương-số,} \\ \text{rồi thêm số 0 vào số phải chia để tiếp} \\ \text{tục chia.} \end{array}$$

GHI NHỚ : Trong một toán chia có số dư ; khi số phải chia nhỏ hơn số chia em phải viết số 0 và dấu phẩy ở thương-số. Em gạch bỏ dấu phẩy ở số phải chia, thêm số 0 vào rồi tiếp tục chia.

BÀI TẬP

1. Làm những toán chia sau đây :

97\$: 15 ; 495m : 24 ; 673m : 35 ; 872l. : 40 ; 1.712l. : 93.

2. Giá 40 cái bánh là 24\$. Một cái bánh giá bao nhiêu?

TÍNH TRĂM

ÔN LẠI : CHIA MỘT SỐ CHO 0,5

BÀI TẬP

150\$: 0,5 ; 374m : 0,5 ; 426m : 0,5 ; 805l. : 0,5 ; 918kg : 0,5.

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI

$$\text{LƯƠNG THÁNG} = \frac{\text{Tiền kiếm một năm}}{12}$$

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Ông Đán là tư-chức, năm vừa qua ông lãnh tổng-cộng được 38.400\$. Tính lương tháng của ông ấy.

Đặt tính

$$\begin{array}{r} 38'400\$ \quad | \quad 12 \\ 24 \quad \quad | \quad 3.200\$ \\ \hline 000 \end{array}$$

LỜI GIẢI

Lương tháng của ông Đán là :

$$38.400\$: 12 = 3.200\$$$

Đáp số : 3.200\$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

1. Chú tôi làm y-tá mỗi năm chi tiêu hết 87.200\$; còn để dành được 2.800\$. Hỏi mỗi tháng chú tôi lãnh lương bao nhiêu?
2. Anh Lý làm thư-ký nhà buôn, mỗi ngày anh chi tiêu 210\$ về việc ăn uống cho gia-đình, trả tiền nhà mỗi tháng 850\$. Cuối năm anh nợ 3.750\$. Hỏi mỗi tháng anh lãnh bao nhiêu tiền lương?

29. Học ôn về toán chia

CÂU HỎI

Làm con toán $3471 : 29$ rồi chỉ đâu là số phải chia? đâu là số chia? đâu là thương-số? số dư?

Khi nào thì toán chia chẵn?

Trong phép chia chẵn tích-số của thương-số và số chia sẽ bằng số nào?

Trong toán chia có số dư, so sánh số dư với số chia em thấy thế nào?

Mỗi khi hạ thêm một con số của số phải chia xuống mà còn thấy nhỏ hơn số chia thì em phải làm thế nào?

BÀI TẬP

1. Làm các toán chia sau đây:

$$268m : 9 ; 673l : 8 ; 3.185l : 1186 ;$$

$$8.575l : 1265 ; 5275m : 2417 ; 6785m : 2136.$$

2. Mười hai người góp 1.500\$ để ăn tiệc. Hỏi mỗi người phải góp bao nhiêu?

TÍNH TRĂM

ÔN LẠI : CHIA MỘT SỐ CHO 10, 100, 1000

CHIA MỘT SỐ CHO 20, 30, 40

BÀI TẬP

1. Trả lời câu hỏi:

Muốn chia một số cho 10, em làm thế nào?

Muốn chia một số cho 100, em làm thế nào?

Muốn chia một số cho 1000, em làm thế nào?

Muốn chia một số cho 20, em làm thế nào?

Muốn chia một số cho 30, em làm thế nào?

Muốn chia một số cho 40, em làm thế nào?

2. Tìm kết-quả của những toán chia trên đây:

$$76m : 10 ; 984m : 100 ; 5820m : 1000 ;$$

$$690\$: 20 ; 620\$: 30 ; 7.840\$: 40.$$

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

$$\text{CÔNG-NHẬT} = \frac{\text{Tiền kiếm}}{\text{Số ngày làm việc}}$$



Một người thợ nề tháng vừa qua làm việc 26 ngày, cuối tháng lãnh được 3.250\$. Hỏi công-nhật người thợ nề là bao nhiêu?

LỜI GIẢI

Công-nhật của người thợ nề là:

$$3.250\$: 26 = 125\$$$

Đáp số : 125\$

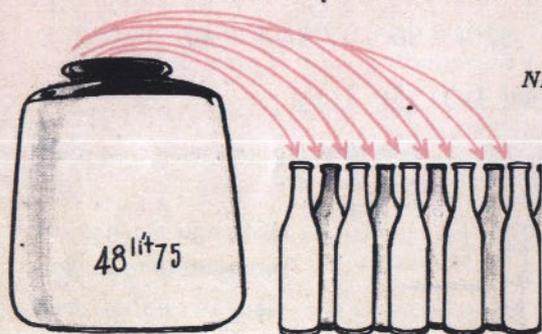
TOÁN ĐỒ TƯƠNG-TỰ

1. Chú Chín làm thợ mộc, tháng vừa qua chú chi về tiền ăn hết 2.400\$, chi tiêu vặt hết 830\$. Cuối tháng chú còn để dành được 150\$. Tìm công-nhật của chú biết rằng tháng vừa qua chú làm việc 26 ngày?

2. Hai anh em chú Mỹ làm thợ nề lãnh xây chung một cái nhà nhỏ. Người anh làm trong 20 ngày và người em làm 22 ngày thì xong. Tiền lãnh tổng-cộng là 4.840\$, mỗi người lấy một nửa. Tính tiền công-nhật của mỗi người?

30. Chia số thập-phân

CHIA SỐ THẬP-PHÂN CHO SỐ NGUYÊN



NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí-dụ : $48,75 : 65$

Một lu nước mắm chứa $48,75$ người ta đem đổ vào được 65 chai đầy. Tìm dung-tích mỗi chai.

— 48 không đủ chia cho 65 , em lấy thêm số 7 của phần thập-phân; nhưng phải đặt số 0 và dấu phẩy ở thương-số rồi mới chia.

Đáp số : $0,75$.

Đặt tính

$$\begin{array}{r} 48,75 \quad | \quad 65 \\ 3 \quad 25 \quad | \quad 0,75 \\ \hline 00 \end{array}$$

GHI NHỚ : Trong toán chia số thập-phân cho số nguyên khi hạ con số đầu tiên của phần thập-phân, em phải đặt dấu phẩy vào thương-số rồi mới chia.

SỐ PHẢI CHIA LÀ SỐ NGUYÊN,

SỐ CHIA TẬN CÙNG BẰNG SỐ 0

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí-dụ : $125 : 50$

Một tấm vải dài 125 mét cắt ra làm 50 mảnh nhỏ. Tính xem mỗi mảnh dài bao nhiêu ?

Đặt tính :

$$\begin{array}{r} 125m \quad | \quad 50 \\ \hline \end{array}$$

Em gạch bỏ số 0 ở số chia và lùi dấu phẩy lại 1 hàng ở số phải chia.

$$12m, 5 \quad | \quad 50$$

$$\begin{array}{r} 12m, 5' \quad | \quad 5 \\ 2 \quad 5 \quad | \quad 2m, 5 \\ \hline 0 \end{array}$$

Sau đó em làm toán chia như chia số thập-phân, nghĩa là khi hạ tới số 5 bên phải dấu phẩy xuống thì em đặt dấu phẩy ở số thương rồi mới chia tiếp.

GHI NHỚ : Trong một toán chia số thập-phân cho số nguyên, khi em gạch bỏ bao nhiêu số 0 ở số chia thì ở số phải chia em phải lùi dấu phẩy sang bên trái bấy nhiêu hàng. Khi chia đến con số đầu tiên sau dấu phẩy, em nhớ đặt dấu phẩy ở thương-số rồi mới chia tiếp.

BÀI TẬP

1. Làm những toán chia sau đây :

$$5m, 25 : 35 ; 1.313m, 28 : 24 ; 2931, 76 : 32 ;$$

$$625\$: 50 ; 348m, 78 : 53 ; 1141, 24 : 84.$$

2. Một người mua 60 con ngỗng hết $7.530\$$. Hỏi một con giá bao nhiêu tiền ?

3. Một thùng chứa 20 lít dầu lạc, đem đóng chai, mỗi chai $0,75$. Hỏi được bao nhiêu chai, biết rằng phải bỏ đi $0,5$ dầu cặn.

TÍNH TRĂM

CHIA MỘT SỐ CHO 5

NHẬN XÉT VÀ SUY LUẬN

Thí-dụ : $125 : 5$

Một người đem cắt một cuộn dây thùng dài $125m$ thành từng cuộn dài $5m$ thì được bao nhiêu cuộn nhỏ ?

Em nhận thấy 5 là $10 : 2$

Đặt tính :

$$\begin{array}{r} 125 \overline{) 5} \\ 25 \overline{) 25} \\ \hline 0 \end{array}$$

Thực-hành :

Em chia 125 cho 10 :

$$125 : 10 = 12,5$$

và nhân với 2 :

$$12,5 \times 2 = 25 \text{ cuộn}$$

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 5 thì chia số đó cho 10 rồi nhân với 2.

BÀI TẬP

Làm những toán sau đây :

$$375\$: 5 ; 465\$: 5 ; 680m : 5 ;$$

$$890m : 5 ; 915l : 5 ; 980l : 5.$$

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

ÔN LẠI : LƯƠNG-BÓNG

1. Anh Tâm làm thợ hớt tóc; mỗi tuần lễ anh chi tiêu hết 665\$. Cuối tuần anh để dành được 94\$. Hỏi mỗi ngày anh kiếm được bao nhiêu tiền biết rằng anh nghỉ nửa ngày.
2. Ông Hải làm cho hãng buôn, mỗi ngày ông chi tiêu 165\$ về việc ăn uống, mỗi năm may mặc và trả tiền thuê nhà hết 10.800\$. Cuối năm còn dư được 11.235\$. Hỏi lương tháng của ông là bao nhiêu?
3. Trong tháng giêng dương-lịch anh Sáu làm việc 26 ngày. Mỗi ngày gia-đình anh chi tiêu hết 95\$, cuối tháng anh trả tiền nhà và chi tiêu hết 1.255\$. Tính ra anh mắc nợ 300\$. Hỏi lương công-nhật của anh là bao nhiêu?

(Lưu ý : Ngày nghỉ cũng phải chi tiêu.)

31. Chia số thập-phân

CHIA SỐ NGUYÊN CHO SỐ THẬP-PHÂN

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



$$\begin{array}{r} 3m,5 \\ \hline 3m,5 \\ \hline 3m,5 \\ \hline 3m,5 \\ \hline \end{array}$$

Thí-dụ : 14 : 3,5

Một cuộn dây kẽm dài 14m được cắt thành những đoạn dài 3m,5. Tìm xem được bao nhiêu đoạn ?

Thoạt tiên em nhận thấy phần thập-phân ở số chia có 1 con số (số 5). Em gạch bỏ dấu phẩy ở số chia đi và thêm 1 số 0 vào số phải chia.

Đặt tính :

$$14 \overline{) 3,5}$$

Sau đó em chia như toán chia số nguyên.

$$\begin{array}{r} 140 \overline{) 35} \\ 00 \overline{) 4} \end{array}$$

Đáp số : 4 đoạn

GHI NHỚ : Khi số chia là số thập-phân, em phải đếm xem phần thập-phân có bao nhiêu con số rồi gạch bỏ dấu phẩy đi. Xong em thêm ngàn ấy số 0 vào bên phải số phải chia. Sau đó em chia như toán chia số nguyên.

BÀI TẬP

1. Làm những toán chia sau đây :

$$84\$: 2,4 ; 162\$: 3,6 ; 105m : 4,2 ;$$

$$168m : 4,8 ; 145l : 9,8 ; 182kg : 18,2.$$

2. Một bao đường cân nặng 45kg, đem đóng bao nhỏ 2kg,5. Hỏi được bao nhiêu bao ?
3. Một thợ may có 72m hàng đem may quần áo ; mỗi bộ hết 3m,6. Hỏi được bao nhiêu bộ ?

TÍNH TRĂM

ÔN LẠI : CHIA MỘT SỐ CHO 5

BÀI TẬP

- 1) Muốn chia một số cho 5 thì làm thế nào ?
- 2) Làm những bài toán sau đây bằng tính trăm :

$$46\$: 5 ; 194\$: 5 ; 984m : 5 ;$$
$$2.845l. : 5 ; 3.490l. : 5 ; 4.594kg : 5.$$

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI CHIA PHẦN ĐỀU NHAU

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Bốn người rủ nhau vào tiệm ăn cơm. Ăn xong nhà hàng tính hết 344\$. Hỏi mỗi người phải trả bao nhiêu tiền ?

TÍNH

$$\begin{array}{r|l} 344\$ & 4 \\ 24 & 86\$ \\ \hline & 0 \end{array}$$

LỜI GIẢI

Mỗi người phải trả :
 $344\$: 4 = 86\$$
Đáp số : 86\$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

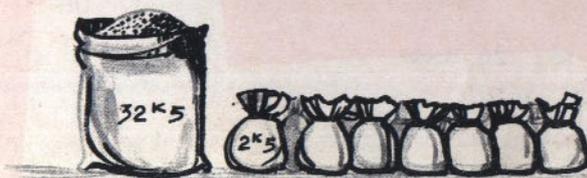
1. Hai người mua chung một thùng dầu giá 248\$, tiền chuyên chở hết 12\$. Hỏi mỗi người phải trả bao nhiêu ?
2. Anh Thu và anh Hạ mua chung 2 vé số. Số của anh Thu trúng 5.000\$; số của anh Hạ trúng 1.000\$. Hỏi anh Thu phải đưa cho bạn bao nhiêu tiền để cho hai phần đều nhau ?
3. Ba anh em được hưởng một gia-tài gồm có một căn nhà trị giá 125.000\$, một thửa vườn trị giá 86.000\$ và một số tiền mặt là 59.000\$. Anh cả lấy căn nhà, anh thứ hai lấy cái vườn và em út lấy số tiền. Hỏi mỗi người anh phải trả lại cho em út bao nhiêu để ba người đều bằng nhau ?

32. Chia số thập-phân

CHIA SỐ THẬP-PHÂN CHO SỐ THẬP-PHÂN

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí-dụ : $32,5 : 2,5$



Thí dụ 1 : Một bao đường nặng 32kg,5 được chia thành những túi nhỏ mỗi túi nặng 2kg,5. Tìm xem được bao nhiêu túi ?

Em thấy cả hai phần thập-phân ở số chia và số phải chia đều có 1 con số. Vậy em gạch bỏ dấu phẩy ở cả hai bên và chia như toán chia số nguyên.

Đặt tính :

$$32\text{kg},5 \overline{) 2\text{kg},5}$$

$$\begin{array}{r|l} 325 & 25 \\ 75 & 13 \end{array}$$

Đáp số : 13 túi.

Thí-dụ 2 : Một người đem một cuộn dây kẽm dài 32m,5 chia thành những đoạn dài 1m,25. Tính xem được mấy đoạn ?

Em nhận thấy số chia có 2 số lẻ mà số phải chia chỉ có 1 số lẻ.

Em thêm 1 số 0 vào phần thập-phân ở số phải chia cho 2 phần thập-phân cùng có 2 con số, rồi em gạch bỏ dấu phẩy và chia như ở thí-dụ 1.

Đáp số: 26 đoạn

Thí-dụ 3: Mẹ tôi có 1 xấp vải dài 12m,25, đem cắt áo sơ-mi cho anh em tôi; mỗi áo hết 1m,5. Hỏi mẹ tôi may được mấy cái áo ?

Em nhận thấy số chia có 1 số thập-phân và số phải chia có 2 số thập-phân. Em gạch bỏ dấu phẩy ở số chia và lùi dấu phẩy ở số phải chia sang bên phải một hàng. Sau đó em làm toán chia như chia số thập-phân ở bài 30.

Đáp số: Mẹ tôi may được 8 cái áo còn dư 0m,25.

Đặt tính :

$$32m,5 \overline{) 1m,25}$$

$$\begin{array}{r} 32,50 \overline{) 125} \\ 750 \quad \overline{) 26} \\ 00 \end{array}$$

Đặt tính :

$$12m,25 \overline{) 1m,5}$$

$$122,5 \overline{) 15}$$

$$\begin{array}{r} 122,5 \overline{) 15} \\ 025 \quad \overline{) 8} \text{ áo} \end{array}$$

- GHI NHỚ :**
- Trong toán chia số thập-phân cho số thập-phân. Khi các con số ở phần thập-phân của số chia và số phải chia bằng nhau thì em gạch bỏ dấu phẩy ở cả hai bên rồi chia như toán chia số nguyên.
 - Khi ở phần thập-phân của số chia có nhiều con số hơn ở phần thập-phân của số phải chia, thì em phải thêm số 0 vào phần thập-phân của số phải chia để cho hai phần thập-phân đều có con số bằng nhau rồi em làm như trường-hợp trên.
 - Khi số phải chia có nhiều con số thập phân hơn số chia, em đếm phần số thập-phân của số chia xem có bao nhiêu con số thì gạch bỏ dấu phẩy đi, và dịch dấu phẩy ở số phải chia bấy nhiêu hàng sang bên phải rồi làm toán chia như thường.

BÀI TẬP

1. Làm những toán chia sau đây :

$$141,4 : 2 ; 42kg,5 : 2,5 ; 941,4 : 3,2$$

$$96$,56 : 4,6 ; 98kg,5 : 4,75 ; 128m,28 : 2,3.$$

2. Em có 7\$,5. Hỏi em mua được mấy cuốn vở mỗi cuốn giá 2\$,5 ?

3. Chị Tám buôn cam mỗi trái giá 4\$,5; vì người bán bớt cho 2\$,5 nên chị chỉ phải trả 200\$. Tìm số cam chị Tám đã mua ?

TÍNH TRỪM

CHIA MỘT SỐ CHO 50

Thí-dụ : 850 : 50

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Một tiệm buôn mũ phải trả số tiền 850\$ để lấy một số mũ giá 50\$ một cái. Tính xem tiệm ấy buôn được bao nhiêu mũ ?

Thực-hành :

Em chia 850 cho 100 :

$$850 : 100 = 8,5$$

Em nhân kết-quả với 2 :

$$8,5 \times 2 = 17 \text{ cái}$$

Đặt tính :

$$\begin{array}{r} 850\$ \overline{) 50} \\ 350 \quad \overline{) 17} \text{ mũ} \\ 00 \end{array}$$

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 50, thì chia số ấy cho 100 rồi nhân kết-quả với 2.

BÀI TẬP

Làm các toán chia sau đây bằng cách tính trăm :

42\$: 50 ; 68m : 50 ; 72m : 50 ;

1.004kg : 50 ; 1.050kg : 50 ; 4.650l : 50.

**TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI
CHIA PHẦN ĐỀU NHAU**

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

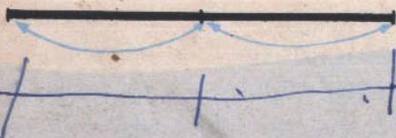
Hai anh em có chung một số tiền là 420\$. Anh có gấp đôi của em. Hỏi mỗi người có bao nhiêu ?

Lời giải

Em :



Anh :



Hai anh em có :

1 ph. + 2 ph. = 3 phần

Em có :

420\$: 3 = 140\$

Anh có :

140\$ x 2 = 280\$

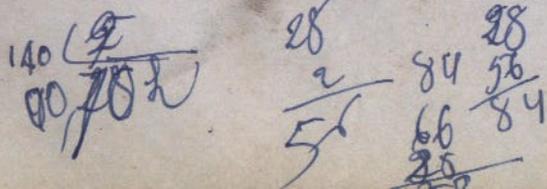
Đáp-số 1) anh có 280\$

2) em có 140\$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG-TỰ

1) Ba chị em An, Hùng và Lân có chung số tiền 240\$. An có gấp đôi của Hùng và Hùng có gấp ba của Lân. Tính tiền của mỗi người ?

2) Ba người chia nhau một số sữa là 140 hộp. Người thứ nhất lấy gấp đôi người thứ nhì và người thứ nhì lấy gấp đôi người thứ ba. Hỏi mỗi người có bao nhiêu hộp sữa ?



33. Thử toán chia

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Có 2 cách thử toán chia :

1. Thử bằng cách nhân.

2. Thử bằng cách trừ 9.

1. Thử bằng cách nhân :

a. Toán chia chẵn :

Thí-dụ :
$$\begin{array}{r} 492 \overline{) 12} \\ 12 \overline{) 41} \\ 0 \end{array}$$

Em nhân thương-số với số chia :
 $41 \times 12 = 492$

Em thấy tích-số này bằng số phải chia. Vậy là bài toán đúng.

b. Toán chia có số dư :

Thí-dụ :
$$\begin{array}{r} 348 \overline{) 15} \\ 48 \overline{) 23} \\ 3 \end{array}$$

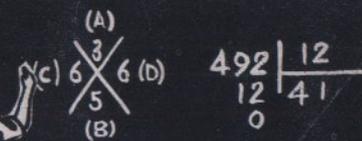
Em tìm tích-số của thương-số với số chia rồi cộng thêm số dư :

$(23 \times 15) + 3 = 345 + 3 = 348$

Kết-quả bằng số phải chia. Vậy là bài toán đúng.

2. Thử bằng cách trừ 9

a. Toán chia chẵn.



34. Ôn lại toán chia

BÀI TẬP

1. Trả lời những câu hỏi sau đây:

Em làm toán chia để làm gì?

Thế nào là toán chia chẵn?

Ngược lại là phép chia gì?

Trong phép chia chẵn tích-số của số chia và thương-số bằng số nào?

Trong toán chia có số dư, làm thế nào để tìm thấy số phải chia?

Số dư so với số chia có gì đặc-biệt?

Trong toán chia, khi hạ 1 con số phải chia xuống mà còn thấy nhỏ hơn số chia em phải làm thế nào?

Trong toán chia có số thập-phân, hai phần thập-phân có con số bằng nhau em làm thế nào?

Nếu phần thập-phân của số chia có nhiều con số hơn phần thập-phân ở số phải chia thì phải làm thế nào?

Có mấy cách thử toán chia? hãy kể ra.

2. Làm và thử những toán chia sau đây:

$$648m : 82 ; 7.549m : 68 ; 982l : 94 ;$$
$$48.500l : 250 ; 385\$,5 : 4,5 ; 27.500\$: 40,5.$$

TÍNH TRĂM

ÔN LẠI : CHIA MỘT SỐ CHO 0,5, 5, 50

BÀI TẬP

1. Câu hỏi

Muốn chia một số cho 0,5 em làm thế nào? Cho thí-dụ.

Muốn chia một số cho 5 em làm thế nào? Cho thí-dụ.

Muốn chia một số cho 50 em làm thế nào? Cho thí-dụ.

2. Tính trăm kết-quả những bài toán sau đây:

$$36\$: 0,5 ; 78\$: 0,5 ; 360m : 5 ;$$

$$2.050m : 5 ; 480l : 50 ; 5.850l : 50.$$

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

ÔN LẠI : CHIA PHẦN ĐỀU NHAU

1. Năm người buôn chung một món hàng giá 350.000\$; tiền phí tồn hết 5.500\$. Đem bán được tất cả là 420.500\$. Hỏi mỗi người lời bao nhiêu?
2. Chú Ba và anh Lý làm chung nhau một công-việc, xong việc họ lãnh được 4.500\$. Chú Ba làm 10 ngày, anh Lý làm hơn chú Ba 5 ngày. Hỏi tiền công-nhật của mỗi người là bao nhiêu?
3. Một tiệm bán vừa áo vừa mũ thu được 6.900\$. Số mũ bán gấp ba số áo. Áo giá 175\$ một cái; mũ giá 95\$ một cái. Hỏi tiệm ấy đã bán mỗi loại bao nhiêu cái?
4. 12 người rủ nhau bao một chuyến đi du-ngoạn Vũng-tàu tồn-phí hết 5.400\$. Sau có một số người không dự, nên những người có mặt phải trả thêm mỗi người 90\$. Hỏi có bao nhiêu người không dự?

CHƯƠNG II

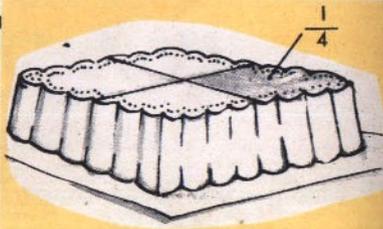
35. Phân số

Ý-NIỆM VỀ PHÂN-SỐ CÁCH ĐỌC, CÁCH VIẾT PHÂN-SỐ

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

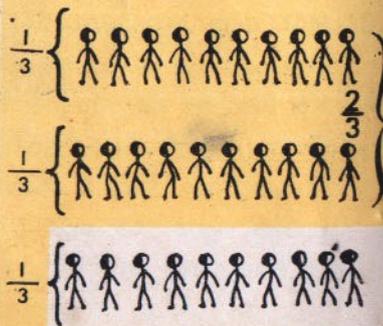
Thí-dụ 1 : Một cái bánh dùng làm đơn-vị.

Má có một cái bánh, má chia làm bốn phần đều nhau. Má cho Sửu 1 phần, cho Tý 3 phần, Sửu được $\frac{1}{4}$ cái bánh, Tý được $\frac{3}{4}$ cái bánh. Những số $\frac{1}{4}$, $\frac{3}{4}$ gọi là phân số của một lượng. Lượng này là cái bánh dùng làm đơn-vị để chia thành những phần đều nhau.



Thí-dụ 2 : Một số học-sinh dùng làm đơn-vị.

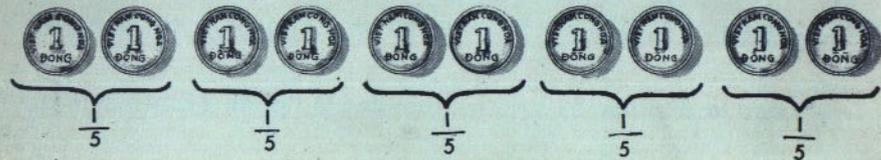
Lớp Nhì A có 30 học-sinh, thầy giáo lớp Nhì bảo chia số học-sinh này thành 3 toán đều nhau. Mỗi toán là $\frac{1}{3}$ sĩ-số lớp nhì A. Thầy cho 2 toán đi uống sữa trước. Hai toán này là $\frac{2}{3}$ sĩ-số lớp nhì A. Những số $\frac{1}{3}$, $\frac{2}{3}$ cũng là phân số của một lượng. Lượng này là sĩ-số một lớp học được dùng làm đơn-vị để chia thành những phần đều nhau.



Uew

Thí-dụ 3 : Một số tiền dùng làm đơn-vị:

Má có 10\$ đem chia làm 5 phần đều nhau, má cho Tý 3 phần, cho Sửu 2 phần.



Tý : $\frac{3}{5}$

Sửu : $\frac{2}{5}$

Mỗi phần là $\frac{1}{5}$ số tiền.

Tý được 3 phần là $\frac{3}{5}$ số tiền.

Sửu được 2 phần là $\frac{2}{5}$ số tiền.

$\frac{3}{5}$, $\frac{2}{5}$ cũng là phân số của một số tiền dùng làm đơn-vị để chia thành những phần đều nhau.

Kết-luận: Bất cứ cái gì hoặc một lượng nào cũng có thể dùng làm đơn-vị để chia thành những phần đều nhau. Những phần đều nhau ấy gọi là phân số của đơn-vị.

• Hai số-hạng của phân số :

Trở lại thí-dụ 1. — Tý được phần mấy của cái bánh ? Số 3 là tử-số chỉ số phần đều nhau mà Tý được. Số 4 là mẫu-số chỉ số phần đều nhau mà cái bánh được chia ra.

- GHI NHỚ :**
- Khi một lượng được lấy làm đơn-vị chia thành những phần đều nhau thì một hay nhiều phần đều nhau ấy là phân-số của đơn-vị ấy.
 - Mẫu-số chỉ số phần đều nhau tổng-cộng mà đơn-vị được chia ra. Tử-số chỉ số phần mà người ta lấy. Mẫu-số và tử-số là hai số-hạng của phân-số.

Viết phân-số : Muốn viết một phân-số thì viết tử-số, gạch một cái dưới tử-số rồi viết mẫu-số dưới gạch ngang.

Đọc phân-số :

$\frac{1}{4}$ đọc là 1 phần 4 $\frac{2}{3}$ đọc là 2 phần 3
 $\frac{3}{5}$ đọc là 3 phần 5 $\frac{1}{2}$ đọc là 1 phần 2 hay một nửa.

- GHI NHỚ :**
- Viết tử-số trên gạch ngang, mẫu-số dưới gạch ngang.
 - Đọc tử-số trước, kèm theo chữ phần, rồi đọc mẫu-số sau cùng.

BÀI TẬP

- 1) 3 ngày là phần mấy của tuần lễ ?
- 2) 3 tuần lễ là phần mấy của một tháng ?
- 3) Vẽ một hình vuông, chia nó làm 9 phần đều, tô màu 5 phần đều rồi viết vào phần tô màu và vào phần không tô màu một phân-số thích-hợp.
- 4) Một người nhận chở 10 cái tủ; mỗi lần người ấy chỉ chở được 2 cái tủ. Như vậy tủ chở trong một chuyến xe là phần mấy số tủ tổng-cộng nhận chở ?

Sau 4 chuyến xe thì số tủ chở được là mấy chiếc? và là phần mấy số tủ nhận chở ?

- 5) Rổ cam có 30 trái; lần đầu chị Ba bán $\frac{1}{3}$ rổ. Lần sau bán nốt. Hỏi số cam bán lần sau là phần mấy rổ; nếu giá bán 1 trái là 8\$ thì số tiền bán cả rổ cam là bao nhiêu ?

Mew

TÍNH TRỪ NHÂN MỘT SỐ VỚI 0,5

Suy-luận : 0,5 tức là $\frac{1}{2}$.

Nhân một số với 0,5 tức là chia số ấy làm 2 phần rồi lấy 1 phần.

$$\text{Thí-dụ : } 6 \times 0,5 = \frac{6}{2} = 3$$

$$12 \times 0,5 = \frac{12}{2} = 6$$

- GHI NHỚ :** Muốn nhân một số với 0,5 thì chia số ấy cho 2.

BÀI TẬP

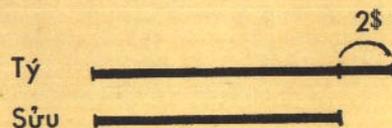
1. Làm toán trừ :
 0,5 \times 12$; 0,5 \times 14$; 0,5 \times 28$; $18m \times 0,5$.
2. Tôi mua 18 chiếc kẹo, mỗi chiếc giá 0\$,5. Hỏi tôi trả bao nhiêu tiền ?
3. Tý mua 24 viên bi, mỗi viên giá 0\$,5. Hỏi Tý phải trả bao nhiêu tiền ?

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI CHIA PHẦN KHÔNG ĐỀU TÌM HAI SỐ, BIẾT TỔNG-SỐ VÀ HIỆU-SỐ

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Má có 10\$. Má chia làm 2 phần không đều. Má cho Tý phần lớn, cho Sửu phần nhỏ. Tý được hơn Sửu 2\$. Hỏi Tý được bao nhiêu tiền ? Sửu được bao nhiêu tiền ?

— Suy-luận: Nếu tạm bỏ 2\$ hơn của Tý đi thì còn hai phần đều là $10\$ - 2\$ = 8\$$. Hai phần đều là 8\$ thì một phần là bao nhiêu? Phải làm tính gì để tìm phần nhỏ. Sau đó tìm phần lớn cách nào?



Lời dẫn: Tạm bỏ số hơn đi rồi chia 2, sẽ thấy phần nhỏ.
Sau cùng cộng trả lại số hơn sẽ thấy phần lớn.

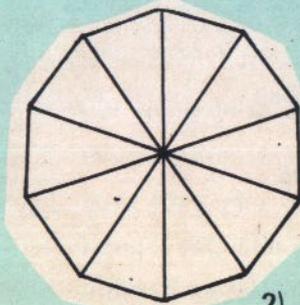
TOÁN ĐỒ TƯƠNG-TỰ

- Một miếng đất hình chữ nhật có chu-vi 40m; biết chiều dài hơn chiều rộng 4m. Hỏi mỗi chiều đo được bao nhiêu?
- Tôi chạy vòng quanh một sân hình chữ nhật chu-vi 120m. Hỏi chiều dài, chiều rộng sân ấy? Biết chiều rộng kém chiều dài 4m.
- Má có 55\$ chia làm 2 phần không đều nhau. Má cho Tý phần lớn, Sửu phần nhỏ. Sửu xin ba được 5\$ nữa, thế là cả Tý và Sửu có đủ tiền mua mỗi em một trái banh giá bằng nhau. Hỏi má đã cho Tý bao nhiêu tiền; Sửu bao nhiêu tiền?

36. Phân-số thập-phân

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

- Trong một hình đa-giác đều-đặn có 10 góc, 10 cạnh thì mỗi góc là $\frac{1}{10}$ số góc tổng-cộng, mỗi cạnh là $\frac{1}{10}$ chu-vi.



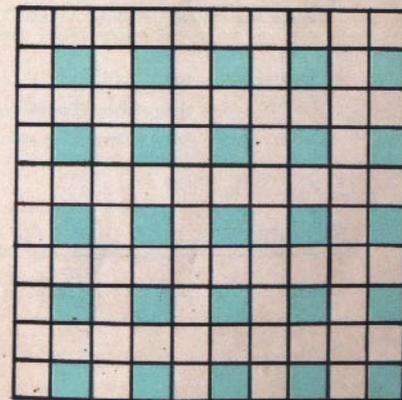
Trong cái mét gập có 10 đoạn thì mỗi đoạn là $\frac{1}{10}$ mét. Mỗi cm là $\frac{1}{100}$ mét, mỗi mm là $\frac{1}{1000}$ mét.

- $\frac{1}{10}$, $\frac{1}{100}$, $\frac{1}{1000}$ gọi là phân-số thập-phân.

GHI NHỚ: Khi đơn-vị phân-số chia làm 10 phần hoặc 100 phần hay 1000 phần, thì phân-số gọi là phân-số thập-phân. Phân-số thập-phân có mẫu số 10, 100, 1000.

- Trị-số thập-phân của một phân-số. Đòi phân-số ra số thập-phân.

Cứ 4 ô vuông lại có một ô màu. Vậy diện-tích tô màu là $\frac{1}{4}$ diện-tích hình vuông, tổng-cộng có bao nhiêu ô vuông?



Có bao nhiêu ô màu (25). Vậy diện-tích tô màu là $\frac{25}{100}$ diện-tích hình vuông. Nếu diện-tích hình vuông là 1m^2 tức 100dm^2 thì diện-tích tô màu là 25dm^2 hay $0\text{m}^2,25$.

$$\text{Kết-luận : } \frac{1}{4} = \frac{25}{100} = 0,25 \quad \text{hay } 1 : 4 = 0,25.$$

GHI NHỚ : Muốn đổi phân-số ra số thập-phân thì chia tử-số cho mẫu-số.

4) Đổi số thập-phân ra phân-số thập-phân :

$$\text{Thí dụ 1 : } 0\text{m},5 = \frac{5}{10} \text{ m}$$

$$\text{Thí dụ 2 : } 0\text{m},25 = \frac{25}{100} \text{ m}$$

$$\text{Thí dụ 3 : } 0\text{m},125 = \frac{125}{1000} \text{ m}$$

Ta nhận thấy : trong ba thí-dụ trên, tử-số là phần thập-phân và mẫu-số là 1 kèm theo những 0. Phần thập-phân có bao nhiêu con số thì tử-số cũng có bấy nhiêu con số và mẫu-số cũng có bấy nhiêu 0 kèm theo số 1.

GHI NHỚ : Muốn đổi số thập-phân ra phân-số thập-phân thì lấy số thập-phân (bỏ dấu phẩy) làm tử-số, và nếu phần thập-phân có 1 con số thì mẫu-số là 10 ; có 2 con số thì mẫu-số là 100, có 3 con số thì mẫu-số là 1000.

5) Đổi phân-số thập-phân ra phân-số thường.

$$\text{Thí-dụ : } \frac{25}{100} \text{ m} = \frac{1}{4} \text{ m}$$

Chứng-minh : Nếu ta gom 100 ô vuông thành từng phần, mỗi phần 25 ô và xếp riêng phần có 25 ô tô màu ra thì sẽ

Uuu

thấy phần tô màu bằng $\frac{1}{4}$ diện-tích tổng-cộng. Gom 25 ô làm một phần tức là chia 25 cho 25. Gom 100 ô làm 4 phần tức là chia 100 cho 25.

GHI NHỚ : Muốn đổi phân-số thập-phân ra phân-số thường thì chia tử-số và mẫu-số cho cùng một số (gọi là đơn-giản phân-số).

BÀI TẬP

- Đổi ra số thập-phân : $\frac{1}{2}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{1}{8}$
- Đổi ra phân-số thập-phân : 0,3 ; 0,45 ; 0,752.
- Đổi ra phân-số thường 0,5 ; 0,75 ; 0,125.
- Mua 10kg nho giá 240\$ một kg và một số lê nặng bằng $\frac{3}{5}$ trọng-lượng nho. Giá 1kg lê bằng $\frac{3}{5}$ giá 1kg nho. Hãy đổi phân-số ra số thập-phân rồi tính tiền số lê và nho đã mua.
- Một miếng vườn hình chữ nhật dài 20m rộng 16m. Một miếng đất khác hình bình hành chiều cao bằng $\frac{4}{5}$ chiều dài hình chữ nhật, và đường đáy bằng $\frac{3}{4}$ chiều rộng vườn chữ nhật. Hãy đổi phân-số ra số thập-phân rồi tìm xem hai miếng đất hơn kém nhau bao nhiêu m^2 .

TÍNH TRỪM

ÔN LẠI : NHÂN MỘT SỐ VỚI 0,5

Nhân với 0,5 tức là chia cho 2. Tại sao vậy ? Vì 0,5 hay $\frac{5}{10}$ là trị-số thập-phân của phân-số $\frac{1}{2}$.

BÀI TẬP

Nhân trừm :

$$0,5 \times 12 ; 24,1 \times 0,5 ; 0\text{m},5 \times 36 ; 38\text{kg} \times 0,5 ; 84,6 \times 0,5.$$

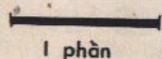
**TOÁN ĐỒ XÉP LOẠI
CHIA PHẦN KHÔNG ĐỀU**

Tim hai số bội nhau, biết tổng-số

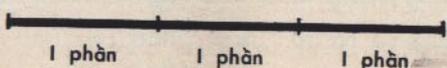
TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Má có 40 cái kẹo chia làm 2 phần; phần lớn cho Tý, phần nhỏ cho Sửu. Tý được gấp 3 Sửu. Hỏi mỗi em được bao nhiêu kẹo?

Phần của Sửu :



Phần của Tý :



Bài giảng

- Sửu được 1 phần nhỏ, thì Tý được 3 phần nhỏ. Tổng-cộng cả hai có 4 phần là 40 cái kẹo.
- Sửu được 1 phần là $\frac{40}{4}$ kẹo = 10 kẹo.
- Tý được 3 phần là $10 \text{ kẹo} \times 3 = 30 \text{ kẹo}$.

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

1. Tổng-cộng số bi của Nam và Bắc có là 42 bi. Biết Nam có gấp 5 Bắc. Hỏi số bi của mỗi em?
2. Chu-vi một miếng đất là 60 m. Tính diện-tích miếng đất; biết chiều dài gấp 2 chiều rộng.
3. Một miếng đất hình thang chiều cao 20m và diện-tích bằng 1.000m². Tính mỗi đường đáy biết đáy lớn gấp 3 đáy nhỏ.

37. So-sánh phân-số với đơn-vị

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1. Má cho Tý một hộp phó-mát đầu bò, trong có 8 miếng phó-mát đều nhau. Tý ăn hết 3 miếng.



So-sánh $\frac{3}{8}$ hộp với 1 hộp đang nào nhỏ hơn.

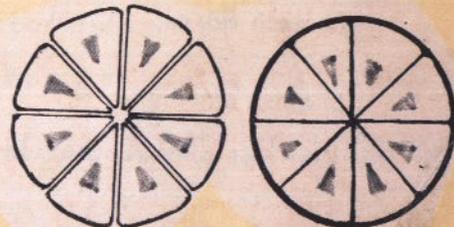
Trong phân-số $\frac{3}{8}$ hãy so-sánh tử-số với mẫu-số. Tử-số nhỏ hơn hay mẫu-số nhỏ hơn?

Tử-số 3 nhỏ hơn mẫu-số 8

$\frac{3}{8}$ nhỏ hơn 1 hộp

GHI NHỚ : Phân-số nhỏ hơn đơn-vị nếu tử-số nhỏ hơn mẫu-số.

2. Buổi chiều sau khi đi chơi banh về Tý đói quá nên ăn 8 miếng phó-mát là $\frac{8}{8}$ hộp phó-mát. Như vậy là Tý đã ăn hết cả hộp phó-mát chưa?



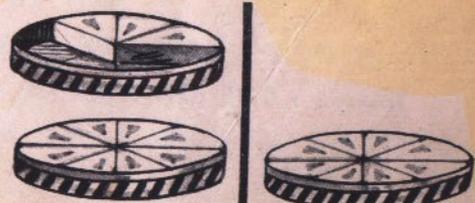
Vậy thì $\frac{8}{8}$ hộp có bằng một hộp không?

Tử-số 8 bằng mẫu-số 8

$\frac{8}{8}$ hộp bằng 1 hộp

GHI NHỚ : Phân-số bằng đơn-vị nếu tử-số bằng mẫu-số.

3. Như vậy, cả ngày hôm ấy Tý đã ăn hết 3 miếng + 8 miếng là 11 miếng phó-mát tức là $\frac{11}{8}$ hộp.



Hãy so-sánh $\frac{11}{8}$ hộp với 1 hộp.

$\frac{11}{8}$ hộp lớn hay 1 hộp lớn hơn?

Tử-số 11 lớn hơn mẫu-số 8

$\frac{11}{8}$ hộp lớn hơn 1 hộp

Trong phân số $\frac{11}{8}$ tử số lớn hơn hay mẫu số lớn hơn ?

GHI NHỚ : Phân số lớn hơn đơn vị nếu tử số lớn hơn mẫu số.

Chú ý : Tử số chỉ giá trị phân số.

Mẫu số chỉ giá trị đơn vị.

BÀI TẬP

- Vẽ một hình chữ nhật dài 8cm, rộng 4cm, chia thành 8 phần rồi tô màu $\frac{5}{8}$ hình ấy.
- Hãy thêm vào những phân số trong bảng dưới cho đủ một đơn vị.

Phân số đã có	$\frac{3}{4}$ lít	$\frac{5}{8}$ m	$\frac{5}{7}$ kg	$\frac{5}{6}$ l	$\frac{7}{9}$ kg
Phân số cần thêm	?	?	?	?	?

- Hãy bớt một phân số cho còn đủ một đơn vị :

Phân số đã có	$\frac{6}{5}$	$\frac{9}{8}$	$\frac{13}{7}$	$\frac{11}{6}$	$\frac{13}{8}$
Phân số cần bớt đi	?	?	?	?	?

TÍNH TRĂM

NHÂN MỘT SỐ VỚI 0,25

Nhận xét : 0,25 đổi ra phân số thập phân là $\frac{25}{100}$ và rút gọn đi là $\frac{1}{4}$.

Thí dụ : $8 \times 0,25 = 8 : 4 = 2$.

GHI NHỚ : Nhân với 0,25 tức là nhân với phân số tương đương $\frac{1}{4}$ nghĩa là chia cho 4.

BÀI TẬP

Bỏ-tức bằng (dưới đây):

Biết giá tiền 1 cái kẹo là 0\$25 :

Số kẹo mua	12	16	20	24	28	94	104
Số tiền phải trả	?	?	?	?	?	?	?

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI

CHIA PHẦN KHÔNG ĐỀU - TÌM HAI SỐ BỘI NHAU, BIẾT HIỆU-SỐ

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Má có một số tiền đem chia làm 2 phần : phần lớn cho Tý, phần nhỏ cho Sửu. Tý được gấp 3 Sửu nên hơn Sửu 20\$. Hỏi mỗi em được bao nhiêu tiền ?

LỜI GIẢI

Sửu được một phần thì Tý được 3 phần tức là hơn Sửu :
 $3 - 1 = 2$ phần là 20\$.

Sửu được một phần là : $20\$: 2 = 10\$$

Tý được 3 phần là : $10\$ \times 3 = 30\$$

hay : $10\$ + 20\$ = 30\$$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG-TỰ

- An có hơn Minh 150\$, biết rằng An có gấp 3 Minh. Tìm phần của mỗi em.
- Một miếng đất có chiều dài gấp 4 chiều rộng. Biết chiều rộng kém chiều dài 60m. Tính diện-tích miếng đất.
- Ông Giáp hơn cậu Ất 18 tuổi. Biết tuổi ông Giáp gấp 3 tuổi cậu Ất. Hỏi tuổi mỗi người là bao nhiêu ?

38. So-sánh phân-số

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí-dụ 1 : Tý và Sửu có một hộp phó-mát « đầu bò » trong có 8 miếng đều nhau. Tý ăn 5 miếng. Sửu ăn 3 miếng. Hỏi em nào ăn nhiều hơn ?



$$\frac{5}{8}$$

Nhận-xét : Hai phân-số $\frac{5}{8}$ và $\frac{3}{8}$ có mẫu-số giống nhau, chỉ khác tử-số.



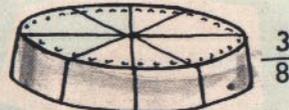
$$\frac{3}{8}$$

GHI NHỚ : Nếu mẫu-số bằng nhau, thì phân-số có tử-số lớn hơn là phân-số lớn hơn.

Thí-dụ 2 : Tý và Sửu, mỗi em có một chiếc bánh lớn bằng nhau. Tý cắt bánh của nó làm 5 miếng đều nhau. Sửu cắt bánh của nó làm 8 miếng đều nhau. Mỗi em ăn 3 miếng trong cái bánh của mình. Hỏi ai ăn nhiều hơn ?



$$\frac{3}{5}$$



$$\frac{3}{8}$$

Nhận-xét : Hai phân-số $\frac{3}{5}$ và $\frac{3}{8}$ có tử-số giống nhau, chỉ khác mẫu-số.

GHI NHỚ : Nếu tử-số bằng nhau, thì phân-số có mẫu-số nhỏ hơn là phân-số lớn hơn.

BÀI TẬP

1. Sắp xếp những phân-số dưới đây theo thứ-tự từ nhỏ tới lớn :

a) $\frac{4}{7}$ $\frac{5}{7}$ $\frac{3}{7}$ $\frac{2}{7}$ $\frac{9}{7}$ $\frac{1}{7}$ $\frac{15}{7}$

b) $\frac{4}{7}$ $\frac{4}{3}$ $\frac{4}{5}$ $\frac{4}{12}$ $\frac{4}{25}$

2. Sắp xếp những phân-số dưới đây theo thứ-tự từ lớn tới nhỏ :

a) $\frac{3}{5}$ $\frac{7}{5}$ $\frac{13}{5}$ $\frac{11}{5}$

b) $\frac{7}{3}$ $\frac{7}{8}$ $\frac{7}{13}$ $\frac{7}{25}$ $\frac{7}{5}$

3. Minh và Đức vượt một cây cầu dài 3m. Đức phải đi 4 bước. Minh phải đi 5 bước. Hỏi mỗi bước của mỗi em là phần mấy của mét ?
4. Chị Ba mua $\frac{3}{8}$ tấm vải, chị Năm mua $\frac{5}{8}$ tấm vải. Tấm vải dài 16m,24. Hỏi chị nào mua nhiều hơn ? Hơn bao nhiêu mét ?

TÍNH TRĂM

ÔN LẠI : NHÂN MỘT SỐ VỚI 0,25

(Nhắc lại : Đổi số thập-phân 0,25 ra phân-số thập-phân $\frac{25}{100}$ rồi đơn-giản đi cho thành ra phân-số thường $\frac{1}{4}$).

- GHI NHỚ :**
- Nhân với 0,25 cũng bằng nhân với $\frac{1}{4}$.
 - Nhân với $\frac{1}{4}$ cũng bằng chia cho 4.

BÀI TẬP

Nhân những số sau đây với 0,25 :

$2\$ \times 0,25$; $24l. \times 0,25$; $68m \times 0,25$; $0l,25 \times 8$; $0kg,25 \times 120$.

TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI

ÔN LẠI : CHIA PHẦN KHÔNG ĐỀU

1. Tìm hai số, biết tổng-số và hiệu-số.

Nhớ lại : Trừ bớt số hơn đi sẽ còn lại 2 phần đều nhau. Chia đôi sẽ được phần nhỏ.

Cộng trả lại số tạm bớt sẽ được phần lớn.

II. Tìm hai số bội nhau, biết tổng-số.

Nhớ lại : Coi phần nhỏ là 1 phần.

Phần lớn gấp bao nhiêu phần nhỏ thì cho từng nấy phần. Cộng số phần lại xem có bao nhiêu phần thì chia cho từng nấy sẽ thấy phần nhỏ, sau cùng nhân trị-giá phần nhỏ với số lần bội, sẽ thấy phần lớn.

III. Tìm hai số bội nhau, biết hiệu-số.

Nhớ lại : Coi phần nhỏ là một phần.

Phần lớn sẽ bằng một số phần ngang với số lần bội. Xem phần lớn hơn phần nhỏ bao nhiêu thì chia hiệu-số cho số phần hơn ấy sẽ thấy trị-giá phần nhỏ. Nhân trị-giá phần nhỏ với số lần bội sẽ thấy trị-giá phần lớn.

TOÁN ĐỒ TƯƠNG-TỰ

- Hai ông Ninh và Mai chia nhau một thửa đất rộng 2.465m^2 . Lô đất của ông Ninh gấp đôi lô đất của ông Mai lại còn thêm 65m^2 . Tìm diện-tích của mỗi lô đất.
- Một thửa vườn hình chữ nhật, chiều dài gấp 3 chiều rộng. Rào quanh thửa vườn ấy hết $12.000\$$. Biết 1m rào giá $50\$$, tính chiều dài, chiều rộng thửa vườn.
- Một thửa đất hình thang, chiều cao 20m , bán theo giá $100\$$ một m^2 thì được $150.000\$$. Hỏi mỗi đường đáy của thửa đất đo được bao nhiêu, biết đường đáy lớn dài hơn đường đáy nhỏ 30m .

39. Số phân-số

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1) Số phân-số là gì ?



$\frac{1}{8}$ hay 1 hộp



$\frac{3}{8}$ hộp

Hình trên là hai hộp phó-mát. Một hộp còn nguyên vẹn 8 miếng. Hộp đã chỉ còn 3 miếng. Cả hai hộp có bao nhiêu ? (11 miếng) Mỗi miếng là phần mấy hộp ? ($\frac{1}{8}$)

11 miếng là $\frac{11}{8}$ hộp hay là 1 hộp và $\frac{3}{8}$ hộp.

Cứ 8 miếng là đủ một hộp. 11 miếng có mấy lần 8 miếng ? (được 1 lần, còn thừa 3 miếng, tức là $\frac{3}{8}$ hộp).

$\frac{11}{8}$ hộp tức là một phân-số lớn hơn đơn-vị.

$1\frac{3}{8}$ hộp là một số phân-số.

GHI NHỚ : Số phân-số là một số nguyên kèm theo một phân-số nhỏ hơn đơn-vị.

2) Đổi phân-số ra số phân-số

Theo thí-dụ trên : $\frac{11}{8}$ hộp phó-mát gồm có 1 hộp ($\frac{8}{8}$ hộp) và $\frac{3}{8}$ hộp tức là 1 và $\frac{3}{8}$; viết là $1\frac{3}{8}$.

GHI NHỚ : Muốn đổi một phân-số ra số phân-số thì chia tử-số cho mẫu số; được bao nhiêu lần là bấy nhiêu đơn-vị. Số còn dư là tử-số, mẫu-số giữ nguyên.

3) Đổi số phân-số ra phân-số

Thí-dụ : Toán A có 9 học sinh; thầy trao cho anh toán-trưởng $\frac{3}{8}$ hộp bánh và $\frac{3}{8}$ hộp bánh nữa (mỗi hộp có 8 miếng

bánh đều nhau) để chia cho mỗi toán-
viên $\frac{3}{8}$ hộp. Em phân chia cách nào
nếu em làm toán-trưởng ?



3 miếng = $\frac{3}{8}$ hộp



8 miếng



8 miếng



8 miếng

Một hộp bánh chia làm 8 phần đều nhau. Mỗi phần là $\frac{1}{8}$ hộp
bánh. Ba hộp được: $8 \text{ miếng} \times 3 = 24 \text{ miếng}$; $\frac{3}{8}$ hộp tức
là 3 miếng. Tổng-cộng được: $24 + 3 = 27 \text{ miếng}$ tức là $\frac{27}{8}$
hộp bánh.

Số này vừa đủ để chia chẵn cho 9 toán-viên, mỗi em
được 3 miếng.

Ta nhận-xét thấy: $3 \text{ hộp } \frac{3}{8} = \frac{27}{8} \text{ hộp}$

Số phân-số đã được đổi ra phân-số.

GHI NHỚ : Muốn đổi số phân-số ra phân-số thì nhân số nguyên
với mẫu-số rồi cộng thêm vào tử-số. Mẫu-số vẫn giữ
nguyên.

BÀI TẬP

1. Chép và bỏ-tức bảng dưới đây :

Số phân-số	$2\text{m} \frac{3}{4}$	$4\text{l} \frac{2}{5}$	$3\text{kg} \frac{3}{4}$	$5\text{l} \frac{2}{3}$	$6\text{m} \frac{3}{7}$	$7\text{l} \frac{3}{8}$
Phân-số	?	?	?	?	?	?

2. Chép và bỏ-tức bảng dưới đây :

Phân-số :	$\frac{11}{5}\text{m}$	$\frac{37}{4}\text{l}$	$\frac{45}{7}\text{kg}$	$\frac{39}{8}\text{m}$	$\frac{37}{4}\text{l}$	$\frac{43}{5}\text{kg}$
Số phân-số :	?	?	?	?	?	?

3. Toán của Mai gồm có 9 toán-viên được phát $4\frac{1}{2}$ ổ bánh
mì, Mai sẽ chia cho mỗi bạn phần mấy ổ bánh mì ?

TÍNH TRỪM

NHÂN MỘT SỐ VỚI 0,2

Nhận-xét : 0,2 đổi ra phân-số thập-phân là $\frac{2}{10}$. Đơn-giản
 $\frac{2}{10}$ thì được $\frac{1}{5}$.

Thí-dụ : $6 \times 0,2 = \frac{6}{10} \times 2 = 0,6 \times 2 = 1,2$
hoặc $6 : 5 = 1,2$.

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 0,2 thì chia số ấy cho 10 rồi nhân
với 2 hoặc chia số ấy cho 5.

BÀI TẬP

Theo giá 0\$,20 một cái kẹo, hãy tính trừm số tiền phải
trả:

Số kẹo mua	25	35	45	60	72	92
Số tiền phải trả	?	?	?	?	?	?

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI

TÌM NHIỀU SỐ, BIẾT TỔNG-SỐ VÀ HIỆU-SỐ

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Chia 85\$ cho Bắc, Nam, Đông. Bắc hơn Nam 5\$. Nam
hơn Đông 10\$.

85\$	}	Đông	$\overline{\hspace{2cm}}$?
		Nam	$\overline{\hspace{2cm}}$	+ 10\$
		Bắc	$\overline{\hspace{2cm}}$	+ 10\$ + 5\$

- Giải-thích* : — Nam hơn Đông bao nhiêu tiền ? 10\$
 — Bắc hơn Đông bao nhiêu ? $10\$ + 5\$ = 15\$$
 — Cả hai em hơn Đông bao nhiêu ? 25\$
 — Có 85\$, bớt đi 25\$ thì còn bao nhiêu ? 60\$
 — 60\$ chia 3, thì 1 phần được $60\$: 3 = 20\$$

LỜI GIẢI

Nam và Bắc hơn Đông : $10\$ + 10\$ + 5\$ = 25\$$.
 Nếu tạm bớt 25\$ đi thì sẽ có 3 phần đều nhau được là:
 $85\$ - 25\$ = 60\$$.

Phần của Đông : $60\$: 3 = 20\$$

Phần của Nam : $20\$ + 10\$ = 30\$$

Phần của Bắc : $30\$ + 5\$ = 35\$$
 hoặc $20\$ + 10\$ + 5\$ = 35\$$.

Đáp-số : 20\$, 30\$, 35\$.

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

- Thầy thưởng 65 ngòì viết cho Nam, Bình, và An. Nam được hơn Bình 7 ngòì, An hơn Nam 6 ngòì. Hỏi mỗi em được bao nhiêu ?
- Đông, Nam, Tây chia nhau 76 trái quít, Đông lấy hơn Nam 6 trái, Tây lấy hơn Đông 4 trái. Mỗi trái quít giá 4\$. Hỏi mỗi người phải trả bao nhiêu ?
- Một thửa vườn hình thang, hai đường đáy và chiều cao đo được 132m. Đường đáy lớn hơn đường đáy nhỏ 20m; đường đáy nhỏ hơn chiều cao 8m. Tính diện-tích thửa vườn.

40. Học ôn về phân-số

- Trả lời những câu hỏi sau đây :
 Phân-số có mấy số-hạng ? Hãy kể ra.
 Mẫu-số chỉ gì ? Tử-số chỉ gì ?
 Phân-số có mẫu-số là 10, 100 hoặc 1.000 gọi là phân-số gì ?
 Muốn đổi phân-số thường ra phân-số thập-phân thì làm thế nào ?
 Muốn đổi số thập-phân ra phân-số thập-phân thì lấy số nào làm tử-số ?
 Khi nào phân-số lớn hơn đơn-vị ? nhỏ hơn đơn-vị ? bằng đơn-vị ?
 Khi nào ta có thể đổi phân-số ra số phân-số ?
 Đổi phân-số ra số phân-số cách nào ? Đổi số phân-số ra phân-số cách nào ?

2) Đổi ra phân-số thập-phân : $\frac{1}{2}$, $\frac{1}{5}$, $\frac{3}{4}$.

Đổi ra phân-số thường : 0,5 ; 0,75 ; 1,25.

3) Xếp theo thứ-tự từ lớn xuống nhỏ : $\frac{1}{8}$, $\frac{13}{8}$, $\frac{5}{8}$, $\frac{7}{8}$.

4) Đổi ra số phân-số : $\frac{8}{5}$; $\frac{15}{6}$; $\frac{24}{17}$.

Đổi ra phân-số thường : $1\frac{8}{9}$; $3\frac{4}{5}$; $12\frac{2}{13}$.

TÍNH TRÀM

HỌC ÔN: NHÂN MỘT SỐ VỚI 0,5, 0,25, 0,2

BÀI TẬP

- Đổi 0,5 ra phân-số thập-phân rồi chia hai số-hạng cho 5. Nhân với 0,5 làm thế nào cho lẹ? Cho thí-dụ.
- Đổi 0,25 ra phân-số thập-phân rồi chia cả hai số-hạng cho 25. Nhân với 0,25 làm thế nào cho lẹ? Cho thí-dụ.
- Đổi 0,2 ra phân-số thập-phân rồi chia cả hai số-hạng cho 2. Nhân với 0,2 làm thế nào cho lẹ? Cho thí-dụ.
- Làm những toán sau đây:
 $8m \times 0,5 = ?$; $24m \times 0,5 = ?$; $32kg \times 0,25 = ?$
 $44l. \times 0,25 = ?$; $45l. \times 0,2 = ?$; $60\$ \times 0,2 = ?$

TOÁN ĐÓ XÉP LOẠI

ÔN LẠI CÁC TRƯỜNG HỢP CHIA PHẦN KHÔNG ĐỀU

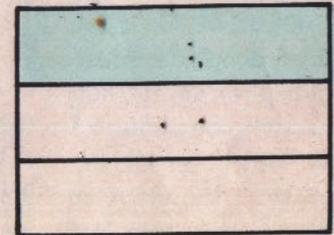
- Đông và Tây chia nhau 60m vải. Đông lấy hơn Tây 10m. Mỗi mét giá 40\$. Tính số tiền mỗi người phải trả.
- Một miếng đất chữ nhật chiều dài gấp 3 chiều rộng. Tính giá miếng đất, biết $1m^2$ giá 300\$ và chu-vi miếng đất là 120m.
- Đông và Tây chia nhau một số cam. Đông lấy gấp 3 Tây. Mỗi trái cam giá 8\$. Đông trả tiền hơn Tây 192\$. Hỏi mỗi người mua bao nhiêu trái cam?
- Đông, Nam, Tây chia nhau 54m vải. Đông lấy hơn Nam 2m. Nam lấy hơn Tây 8m. Một mét vải giá 35\$. Tính số tiền mỗi người phải trả.

41. Phân-số bằng nhau

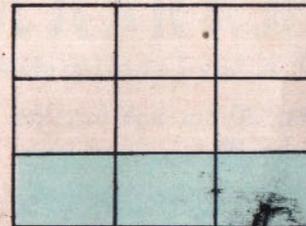
ĐẶC-TÍNH CĂN-BẢN CỦA PHÂN-SỐ ĐƠN-GIẢN PHÂN-SỐ

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

- Nếu chia hình chữ nhật ra làm 3 phần đều nhau thì mỗi phần là phần mấy hình chữ nhật?



Trong phân-số ($\frac{1}{3}$ hình chữ-nhật) mẫu số 3 chỉ rằng hình chữ nhật có 3 miếng đều, tử-số 1 chỉ rằng ta lấy 1 miếng.



Nếu mỗi miếng lại chia thành 3 miếng nhỏ, thì tử-số 1 được nhân với 3. Mẫu-số 3 cũng được nhân với 3. Và ta sẽ có phân-số $\frac{3}{9}$ hình chữ-nhật. $\frac{1}{3}$ hình chữ nhật so với $\frac{3}{9}$ hình chữ nhật có bằng nhau không?
Hai số-hạng của $\frac{1}{3}$ và $\frac{3}{9}$ tuy khác nhau nhưng trị-số của $\frac{1}{3}$ và $\frac{3}{9}$ ngang nhau.

GHI NHỚ : Đặc-tính 1. — Khi ta nhân hai số-hạng của một phân-số với cùng một số, ta không thay đổi trị-số của phân-số, nói khác đi là ta có một phân-số mới trị-số bằng trị-số của phân-số cũ, mặc dầu số-hạng khác nhau.

2. Ngược lại nếu trong phân số $\frac{3}{9}$ hình chữ nhật ta lại ghép 3 miếng nhỏ làm một miếng lớn thì tử số 3 được chia cho 3; mẫu số 9 cũng được chia cho 3. Và ta lại có một phân số mới là $\frac{1}{3}$ hình chữ nhật. Ta có hai phân số $\frac{1}{3}$ và $\frac{3}{9}$ vẫn bằng nhau.

GHI NHỚ: Đặc-tính II. — Khi ta chia hai số-hạng của phân số cho cùng một số, ta cũng không thay đổi trị-số của phân số.

3. Ứng dụng :

Đặc-tính II. được ứng-dụng để đơn-giản phân-số. Thế nào là đơn-giản phân-số ?

— Hãy quan-sát hình vẽ bên; lớp nhì A có 30 học-sinh chia làm 3 toán đều nhau. Thầy cho 10 trò của toán I được thưởng. Như vậy có thể nói phân-số chỉ số học-sinh được thưởng là: $\frac{10}{30}$ sĩ-số lớp nhì A hay $\frac{1}{3}$ sĩ-số lớp nhì A.



Cho 10 học-sinh hợp làm một toán, 30 học-sinh hợp làm 3 toán là ta đã chia 10 cho 10 và 30 cho 10.

Nghĩa là đã chia tử-số và mẫu-số cho cùng một số để có phân-số $\frac{1}{3}$ bằng phân-số $\frac{10}{30}$. Thay đổi như vậy ta đã được một phân-số có những số-hạng giản-dị hơn. Nhưng trị-số không thay đổi.

Như thế gọi là đơn-giản phân-số.

GHI NHỚ: Đơn-giản phân-số là làm cho 2 số-hạng của phân-số giản-dị hơn.

Muốn đơn-giản phân-số, ta chia 2 số-hạng cho cùng một số.

BAI TẬP

1. Đơn-giản những phân-số dưới đây bằng cách chia dần cho 2.

$$\frac{16}{40} \quad \frac{24}{40} \quad \frac{32}{40} \quad \frac{84}{96}$$

2. Đơn-giản bằng cách chia cho 3:

$$\frac{18}{45} \quad \frac{27}{45} \quad \frac{35}{45} \quad \frac{72}{96}$$

3. Một tiệm tạp-hóa có 480 lít nước mắm. Tiệm ấy bán đi 4 thùng, mỗi thùng 40 lít. Như vậy số nước mắm bán đi là phần mấy số nước mắm còn lại ?
4. Trong một cuộc du-lịch, ba tôi tiêu hết 2.400\$. Đây là các món tiêu: đi xe hết 400\$, tiền ăn 1.200\$ tiền tiêu vặt 800\$. Mỗi món tiêu là phần mấy số tiền tổng-cộng? Tiền xe bằng phần mấy tiền ăn? Tiền tiêu vặt bằng phần mấy tiền ăn?

TÍNH TRĂM

NHÂN MỘT SỐ VỚI 1,5

Nhận xét: 1,5 tức là $1 + 0,5$.

Nhân với 1 thì số phải nhân không thay đổi.

Thí-dụ: 8×1 vẫn là 8. Nhân với 0,5 tức là chia 2 lấy 1, hay nói một cách khác là lấy $\frac{1}{2}$ của số phải nhân.

$$\text{Thí-dụ: } 8 \times 0,5 = \frac{8}{2} = 4.$$

GHI NHỚ: Muốn nhân một số với 1,5 thì thêm vào số ấy $\frac{1}{2}$ của nó.

$$\text{Thí-dụ: } 8l. \times 1,5 = 8l. + \frac{8}{2}l. = 8l. + 4l. = 12l.$$

BÀI TẬP

Một cái bánh giá 1\$5. Hãy tính số tiền bánh kê trong bảng dưới đây :

Số bánh mua	12	14	36	42	50	60
Số tiền trả	?	?	?	?	?	?

TOÁN ĐÓ XÉP LOẠI
GIẤY THỬ

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Tôi có 60\$ gồm hai loại giấy bạc 5\$ và 10\$. Biết số giấy bạc 5\$ và 10\$ bằng nhau. Hỏi có mấy giấy bạc mỗi loại ?

Tính : 4 lần $\left\{ \begin{array}{l} 1 \text{ giấy } 5\$ \\ 1 \text{ giấy } 10\$ \\ \hline 15\$ \end{array} \right.$ $\begin{array}{r} 60\$ \overline{) 15\$} \\ 0 \quad 4 \text{ lần} \end{array}$

Lời giải : Giả thử có 1 giấy bạc 5\$ thì cũng có một giấy bạc 10\$, thành tiền là 15\$. Mỗi lần có 15\$ là có một giấy bạc mỗi loại. Số tiền 60\$ có 4 lần 15\$ thì số giấy 5\$ và 10\$ mỗi loại có 4 lần là : 4 giấy 5\$ và 4 giấy 10\$.

Đáp số : 4 giấy 5\$
4 giấy 10\$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG-TỰ

- Bác tôi mua một tấm vải và một tấm lụa dài bằng nhau. Bác tôi đã tiêu tất cả là 2.000\$. Biết giá 1m vải là 40\$, 1m lụa là 60\$. Hỏi chiều dài mỗi tấm là bao nhiêu ?
- Một nông-gia mua một số gà và một số vịt bằng nhau. Một con gà giá 65\$, một con vịt giá 35\$. Hỏi người ấy đã mua mỗi loại bao nhiêu con, biết nông-gia ấy đã tiêu tất cả là 5.000\$.

View

42. Đơn-giản phân-số (tiếp theo)

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1. Hãy đơn - giản phân-số $\frac{24}{40}$ bằng cách chia dần cho 2.

$$\begin{array}{l} \frac{24}{40} : 2 = \frac{12}{20} \\ \frac{12}{20} : 2 = \frac{6}{10} \\ \frac{6}{10} : 2 = \frac{3}{5} \end{array}$$

- Ta phải làm mấy toán chia ? (3 toán)
Bây giờ hãy đơn-giản phân-số ấy bằng cách chia liền cho 8.

$$\frac{24}{40} : 8 = \frac{3}{5}$$

Ta có được kết-quả giống như trên không ?

Ta phải làm mấy toán chia ? (1 toán) Vậy cách nào lạ hơn ? Nhưng điều cần-thiết là ta phải biết 24 và 40 đều chia chắn cho 8.

Dưới đây là vài cách giúp các em đơn-giản phân-số một cách mau lẹ.

2. Vài điều-kiện chia chắn số :

(Lên lớp nhất các em sẽ học được nhiều điều-kiện chia chắn số.

Ở đây chỉ nêu ra vài trường-hợp dễ hiểu thôi).

- Số nào tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 đều chia chắn cho 2.
- Số nào tận cùng là 0, 5 đều chia chắn cho 5.

3. Bảng nhân đặc-biệt :

$$\begin{array}{l} (12) \quad 2 \times 6 \\ \quad \quad 4 \times 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} (24) \quad 2 \times 12 \\ \quad \quad 3 \times 8 \\ \quad \quad 4 \times 6 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} (30) \quad 2 \times 15 \\ \quad \quad 3 \times 10 \\ \quad \quad 5 \times 6 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} (40) \quad 2 \times 20 \\ \quad \quad 4 \times 10 \\ \quad \quad 5 \times 8 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} (45) \quad 3 \times 15 \\ \quad \quad 5 \times 9 \end{array}$$

$$(36) \begin{array}{l} 2 \times 18 \\ 3 \times 12 \\ 4 \times 9 \\ 6 \times 6 \end{array}$$

$$(48) \begin{array}{l} 2 \times 24 \\ 3 \times 16 \\ 4 \times 12 \\ 6 \times 8 \end{array}$$

$$(60) \begin{array}{l} 2 \times 30 \\ 3 \times 20 \\ 4 \times 15 \\ 6 \times 10 \end{array}$$

$$(72) \begin{array}{l} 2 \times 36 \\ 3 \times 24 \\ 4 \times 18 \\ 6 \times 12 \end{array}$$

$$(75) \begin{array}{l} 3 \times 25 \\ 5 \times 15 \end{array}$$

$$(90) \begin{array}{l} 2 \times 45 \\ 3 \times 30 \\ 6 \times 15 \\ 9 \times 10 \end{array}$$

• Ứng dụng:

Thí dụ 1: $\frac{12}{14}$ có hai số hạng chia chẵn cho 2 vì tận cùng là 2 và 4. Vậy đơn-giản bằng cách chia cho 2.

$$\frac{12}{14} : \frac{2}{2} = \frac{6}{7}$$

Thí dụ 2: $\frac{10}{15}$ có hai số hạng chia chẵn cho 5 vì tận cùng là 0 và 5. Vậy đơn-giản bằng cách chia cho 5.

$$\frac{10}{15} : \frac{5}{5} = \frac{2}{3}$$

Thí dụ 3: $\frac{24}{36}$ coi bằng nhân đặc-biệt, ta thấy 24 và 36 đều chia chẵn cho số lớn nhất là 12. Vậy đơn-giản bằng cách chia cho 12.

$$\frac{24}{36} : \frac{12}{12} = \frac{2}{3}$$

BÀI TẬP

Đơn-giản những phân-số dưới đây:

$$\frac{12}{24} \quad \frac{16}{48} \quad \frac{24}{72} \quad \frac{15}{75} \quad \frac{15}{45} \quad \frac{120}{240} \quad \frac{360}{720}$$

TÍNH TRẦM

ÔN LẠI VÀ BỔ-TÚC: NHÂN MỘT SỐ VỚI 1,5

Nhận-xét: 1,5 tức là $\frac{3}{2}$.

$$\text{Thí-dụ: } 8 \times 1,5 = \frac{8}{2} \times 3 = 4 \times 3 = 12.$$

GHI NHỚ: Muốn nhân một số với 1,5 có thể chia cho 2 rồi nhân với 3.

BÀI TẬP

Một ngòì viết giá 1\$, hãy tính số tiền mua ngòì viết, kê trong bảng dưới:

Số ngòì viết mua:	12	14	16	18	24	36
Số tiền phải trả:	?	?	?	?	?	?

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI

GIẢ THỬ (tiếp theo)

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Một số tiền gồm có hai loại giấy bạc 5\$ và 10\$. Số tiền giấy 10\$ hơn số tiền giấy 5\$ là 20\$; nhưng số giấy bạc bằng nhau. Hỏi giấy bạc mỗi thứ là bao nhiêu?

$$\text{TÍNH: } \begin{array}{l} 4 \text{ lần} \left\{ \begin{array}{l} 1g \text{ } 10\$ \\ 1g \text{ } 5\$ \end{array} \right. \end{array} \quad \begin{array}{r} 20 \quad | \quad 5 \\ 0 \quad 4 \text{ lần} \end{array}$$

Giả thử có 1 giấy 10\$ thì cũng có 1 giấy 5\$ như vậy 2 số tiền hơn kém nhau 5\$. Cứ thấy hơn kém nhau 5\$ là có 1 giấy 5\$ và 1 giấy 10\$. Số hơn kém tổng-cộng: 20\$ có 4 lần 5\$. Vậy số giấy kê trên mỗi thứ cũng có 4 lần là 4 giấy 10\$ và 4 giấy 5\$.

Đáp-số: 4 giấy bạc 5\$, 4 giấy bạc 10\$.

TOÁN ĐỒ TƯƠNG-TỰ

- Một tiệm tạp-hóa mua một số dép và một số mũ bằng nhau. Giá một cái mũ 65\$, một đôi dép 35\$. Biết số tiền mua mũ hơn số tiền mua dép là 120\$. Hỏi người ấy đã mua bao nhiêu mũ? Bao nhiêu dép?
- Bác tôi mua một tấm lụa và tấm vải dài bằng nhau. Giá một mét lụa 60\$, một mét vải 40\$. Tấm lụa đắt hơn tấm vải 600\$. Hỏi chiều dài mỗi tấm là bao nhiêu?

43. Học ôn về đơn-giản phân-số

- Đơn giản phân-số là gì ?
- Muốn đơn giản một phân-số thì làm thế nào ?
- Đơn giản những phân-số dưới đây :

$$\frac{12}{30} \quad \frac{48}{72} \quad \frac{15}{60} \quad \frac{15}{75} \quad \frac{25}{75} \quad \frac{50}{105}$$

$$\frac{48}{90} \quad \frac{60}{75} \quad \frac{30}{75} \quad \frac{36}{45} \quad \frac{24}{90} \quad \frac{120}{720}$$

- Một thùng dầu lửa giá 160\$. Nếu mua $\frac{15}{60}$ thùng thì phải trả bao nhiêu tiền ?
- Chị Bảy và chị Bình buôn chung một sọt quít có 615 trái. Chị Bảy lấy $\frac{25}{75}$ số quít. Hỏi mỗi người lấy bao nhiêu trái quít ?

TÍNH TRĂM

NHÂN MỘT SỐ VỚI 15

Nhận-xét : 15 là 10 lần 1,5

Nhớ lại : Muốn nhân một số với 1,5 thì thêm vào số ấy $\frac{1}{2}$ của nó.

Thí-dụ : $8\$ \times 15 = (8\$ + \frac{8}{2}) \times 10$
 $= (8\$ + 4) \times 10 = 12\$ \times 10 = 120\$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 15 ta thêm vào số ấy $\frac{1}{2}$ của nó rồi nhân với 10.

Mew

BÀI TẬP

Làm những toán trăm sau đây :

$$8m \times 15 ; 12\$ \times 15 ; 24l. \times 15$$

$$36\$ \times 15 ; 48l. \times 15 ; 96kg \times 15.$$

TOÁN ĐÓ XÉP LOẠI

● GIẢ THỬ (tiếp theo)

TOÁN ĐÒ DẪN GIẢI

Có 140\$ gồm hai loại giấy 5\$ và 10\$. Số giấy 10\$ gấp 3 số giấy 5\$. Hỏi mỗi thứ giấy bạc có mấy tấm ?

$$4 \text{ lần } \left\{ \begin{array}{l} 1 \text{ giấy } 5\$ = 5\$ \\ 3 \text{ giấy } 10\$ = 30\$ \\ \hline 35\$ \end{array} \right. \quad \begin{array}{r} 140 \quad \underline{35} \\ 00 \quad 4 \text{ lần} \end{array}$$

LỜI GIẢI :

Giả thử có 1 giấy 5\$ thì phải có 3 giấy 10\$ thành tiền là 35\$. Cứ có 35\$ là có 1 giấy 5\$ và 3 giấy 10\$. Số tiền 140\$ có 4 lần 35. Vậy số giấy kẻ trên cũng có 4 lần là :

$$1 \text{ giấy} \times 4 = 4 \text{ giấy bạc } 5\$$$

$$3 \text{ giấy} \times 4 = 12 \text{ giấy bạc } 10\$$$

TOÁN ĐÒ TƯƠNG TỰ

- Một nhà chăn nuôi mua một số gà và một số vịt 9.200\$. Giá con gà 65\$, con vịt 35\$. Biết số gà mua gấp 3 số vịt. Hỏi người ấy đã mua bao nhiêu con gà ? bao nhiêu con vịt ?
- Má tôi mua một tấm vải và một tấm lụa hết 880\$. Giá 1 mét lụa 60\$, một mét vải 40\$, biết tấm lụa dài gấp 3 tấm vải. Tìm chiều dài mỗi tấm ?

48/110

44. Hóa-đồng mẫu-số

Trường-hợp : 2 PHÂN-SỐ

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

1. Hai thửa vườn chữ nhật bằng nhau. Ở thửa trên $\frac{3}{5}$ vườn được trồng ngô. Ở miếng dưới $\frac{2}{3}$ vườn được trồng đậu. Hỏi diện-tích trồng ngô lớn hay nhỏ hơn diện-tích trồng đậu?



$\frac{3}{5}$ vườn

— Hãy so-sánh $\frac{2}{3}$ và $\frac{3}{5}$. Hai phân-số này không có tử-số đều nhau, cũng không có mẫu-số đều nhau. Vậy muốn so-sánh phải làm thế nào?



$\frac{2}{3}$ vườn

Phải làm cho hai mẫu-số đồng đều. Như vậy gọi là hóa đồng mẫu-số.

2. Ta ứng-dụng đặc-tính nào của phân-số để hóa đồng mẫu-số?

Nhớ lại đặc-tính của 1 phân-số:

Khi ta nhân hai số-hạng của phân-số với cùng một số thì trị-số của phân-số vẫn không thay đổi.

Vậy nếu ta nhân hai số-hạng của phân-số $\frac{2}{3}$ với 5 ta sẽ có một phân-số bằng phân-số $\frac{2}{3}$ là:

$$\frac{2 \times 5}{3 \times 5} = \frac{10}{15}$$

Nếu ta nhân hai số-hạng của phân-số $\frac{3}{5}$ với 3 ta sẽ có một phân-số bằng $\frac{3}{5}$ là:

$$\frac{3 \times 3}{5 \times 3} = \frac{9}{15}$$

Tóm lại : ta đã có hai phân-số có mẫu-số đều là 15. $\frac{2}{3}$ so với $\frac{3}{5}$ cũng ví như $\frac{10}{15}$ so với $\frac{9}{15}$. Bây giờ ta biết $\frac{10}{15}$ lớn hơn $\frac{9}{15}$, tức diện-tích trồng đậu lớn hơn diện-tích trồng ngô.

GHI NHỚ : Muốn hóa-đồng mẫu-số của hai phân-số thì nhân hai số-hạng của phân-số nọ với mẫu-số của phân-số kia.

BÀI TẬP

Hóa-đồng mẫu-số :

$$\begin{array}{ccc} \frac{2}{3} \text{ và } \frac{4}{5} & \frac{3}{4} \text{ và } \frac{2}{3} & \frac{6}{5} \text{ và } \frac{6}{7} \\ \frac{4}{5} \text{ và } \frac{5}{6} & \frac{6}{7} \text{ và } \frac{7}{8} & \frac{7}{8} \text{ và } \frac{8}{9} \end{array}$$

TÍNH TRẦN

ÔN LẠI VÀ BỎ-TỨC: NHÂN MỘT SỐ VỚI 15

Nhận-xét : $15 = \frac{30}{2}$

Thí-dụ : $8\$ \times 15 = \frac{8\$}{2} \times 3 \times 10 =$

$4\$ \times 3 \times 10 =$

$12\$ \times 10 = 120\$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 15 ta có thể chia số ấy cho 2 rồi nhân với 3, sau cùng nhân với 10.

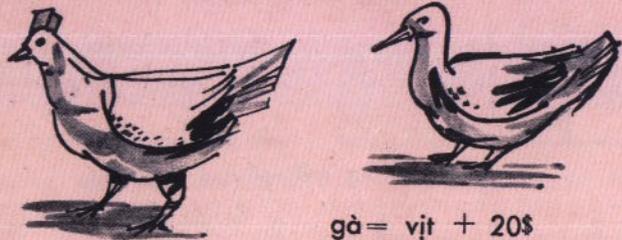
BÀI TẬP

Nhân với 15 mà không cần đặt toán :

$12\$ \times 15 =$ $72l. \times 15 =$ $84m \times 15 =$

$47l. \times 15 =$ $96\$ \times 15 =$ $106kg \times 15 =$

Mua 3 con vịt và 5 con gà hết 420\$. Hỏi giá con gà con vịt? biết rằng con gà đắt hơn con vịt 20\$.



gà = vịt + 20\$

• CÁCH THỨ NHẤT

LỜI GIẢI

Đổi 5 con gà lấy 5 con vịt thì bớt được mỗi con 20\$ là:
 $20\$ \times 5 = 100\$$.

Vậy phải trả: $420\$ - 100\$ = 320\$$ là giá 3 + 5 = 8 con vịt.

Giá 1 con vịt là: $320\$: 8 = 40\$$.

Giá 1 con gà: $40\$ + 20\$ = 60\$$.

Đáp số: Gà : 60\$; Vịt : 40\$

• CÁCH THỨ 2

Đổi 3 con vịt lấy 3 con gà thì phải trả thêm mỗi con 20\$ là: $20\$ \times 3 = 60\$$. Vậy phải trả tất cả là: $420\$ + 60\$ = 480\$$ là giá 8 con gà.

Giá 1 con gà: $480\$: 8 = 60\$$. Giá 1 con vịt: $60\$ - 20\$ = 40\$$.

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

1. Anh Năm mua 5m lụa và 8m vải hết 660\$. Biết 1m lụa đắt hơn 1m vải 15\$. Hỏi giá 1m lụa? 1m vải?
2. Em mua 6 quyển vở và 8 quyển sách hết 178\$. Hỏi giá quyển sách? quyển vở? Biết quyển sách đắt hơn vở 17\$.

45. Hóa-đồng mẫu-số (tiếp theo)

Trường-hợp : NHIỀU PHÂN-SỐ

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1. Thí-dụ : Hóa-đồng mẫu-số của 3 phân-số : $\frac{1}{2}$, $\frac{2}{3}$ và $\frac{3}{4}$

2. Nếu nhân mẫu-số với nhau thì sẽ có :

$$2 \times 3 \times 4 = 24 \text{ đó là mẫu số chung.}$$

Trong phân-số $\frac{1}{2}$ phải nhân mẫu-số 2 với mấy để thành ra 24? (12).

$$\text{Vậy : } \frac{1}{2} = \frac{1 \times 12}{2 \times 12} = \frac{12}{24}$$

Trong phân-số $\frac{2}{3}$ phải nhân mẫu-số 3 với mấy để thành ra 24? (8)

$$\text{Vậy : } \frac{2}{3} = \frac{2 \times 8}{3 \times 8} = \frac{16}{24}$$

Trong phân-số $\frac{3}{4}$ phải nhân mẫu-số 4 với mấy để thành ra 24? (6)

$$\text{Vậy : } \frac{3}{4} = \frac{3 \times 6}{4 \times 6} = \frac{18}{24}$$

GHI NHỚ : Muốn hóa-đồng mẫu-số của nhiều phân-số thì nhân 2 số hạng của phân-số nọ với các mẫu-số của những phân-số kia.

BÀI TẬP

Hóa-đồng mẫu-số :

$$\frac{1}{2}, \frac{2}{5} \text{ và } \frac{4}{7}; \frac{2}{3}, \frac{3}{4} \text{ và } \frac{4}{5}; \frac{3}{4}, \frac{4}{5} \text{ và } \frac{5}{6}.$$

TÍNH TRĂM

NHÂN MỘT SỐ VỚI 150

Nhận-xét : 150 là 100 lần 1,5.

Nhắc lại : Nhân với 1,5 thì thêm vào số phải nhân $\frac{1}{2}$ của nó. Thí-dụ : $8 \times 1,5 = 8 + 4 = 12$. Cũng có thể chia số phải nhân cho 2 rồi nhân với 3.

$$\text{Thí-dụ : } 8 \times 1,5 = \frac{8}{2} \times 3 = 4 \times 3 = 12.$$

$$\begin{aligned} \text{Thí dụ : } 8 \times 150 &= (8 + 4) \times 100 \\ &= 12 \times 100 = 1200 \end{aligned}$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 150, thì thêm vào số phải nhân $\frac{1}{2}$ của nó rồi nhân với 100.

BÀI TẬP

Nhân tròn với 150 :

- $6\$ \times 150$; $14l. \times 150$; $24m \times 150$;
- $32kg \times 150$; $,36\$ \times 150$; $96l. \times 150$.

**TOÁN ĐÓ XÉP LOẠI
ĐỒNG HÓA (tiếp theo)**

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Một cặp kính và một cây viết giá 100\$. Hỏi giá cặp kính và giá cây viết ? Biết rằng 2 cặp kính đắt bằng 3 cây viết.
Nhận-xét : Cứ có hai cặp kính thì có thể đổi lấy 3 cây viết.



LỜI GIẢI

Nếu một cặp kính và một cây viết giá 100\$ thì 2 cặp kính và 2 cây viết giá 200\$. Đổi 2 cặp kính được 3 cây viết. Vậy tất cả sẽ có 5 cây viết giá 200\$.

Một cây viết : $200\$: 5 = 40\$$. Một cặp kính : $100\$ - 40\$ = 60\$$.

Đáp số : cặp kính giá 60\$; cây viết giá 40\$.

TOÁN ĐỒ TƯƠNG-TỰ

1. Một mét lụa và một mét vải giá 125\$. 2m lụa bằng 3m vải. Hỏi giá 1m lụa, 1m vải là bao nhiêu ?
2. Một bàn và một ghế giá 1.400\$. Hỏi giá 1 cái bàn, 1 cái ghế ? Biết 3 cái bàn giá bằng 4 cái ghế.

meu

46. Hóa-đồng mẫu-số (tiếp theo)

Trường-hợp đặc-biệt 1 : **MẪU-SỐ LỚN LÀ BỘI-SỐ CỦA MẪU-SỐ NHỎ**

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí-dụ : Hóa-đồng mẫu-số của hai phân-số $\frac{1}{2}$ và $\frac{5}{6}$ 6 gấp mấy lần 2 ? (3 lần). Vậy chỉ cần thay đổi phân-số $\frac{1}{2}$ sao cho có mẫu-số 6 là được :

$$\frac{1}{2} = \frac{1 \times 3}{2 \times 3} = \frac{3}{6}$$

GHI NHỚ : Muốn hóa-đồng mẫu-số của hai phân-số khi mẫu-số lớn là bội-số của mẫu-số nhỏ thì nhân hai số-hạng của phân-số có mẫu-số nhỏ với số lần gấp bội.

BÀI TẬP

Hóa-đồng mẫu-số của những phân-số sau đây :

$$\begin{aligned} \frac{5}{6} \text{ và } \frac{7}{12}, & \quad \frac{3}{5} \text{ và } \frac{4}{15}, & \quad \frac{5}{8} \text{ và } \frac{13}{24} \\ \frac{4}{5} \text{ và } \frac{9}{25}, & \quad \frac{3}{5} \text{ và } \frac{11}{20}, & \quad \frac{13}{63} \text{ và } \frac{2}{9} \end{aligned}$$

TÍNH TRẦN

ÔN LẠI : NHÂN VỚI 150

1. Trả lời những câu hỏi sau đây :

150 là 1,5 nhân với mấy ?

Muốn nhân một số với 150 thì làm cách nào ? Cho thí-dụ.

150 là 300 chia cho mấy ?

Muốn nhân một số với 150, có cách nào nữa ? Cho thí-dụ.

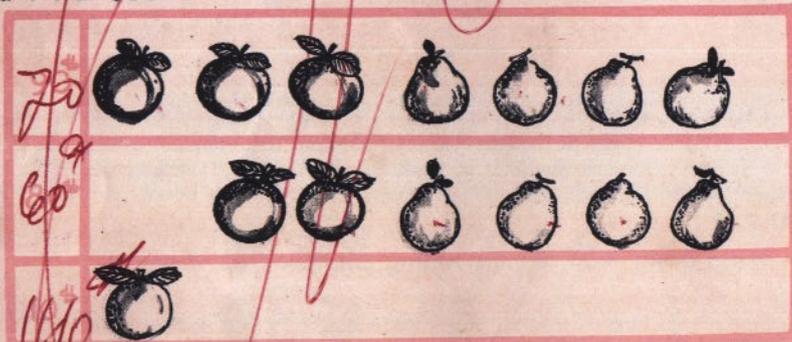
2. Nhân trăm với 150 :

$18m \times 150$; $24\$ \times 150$; $62l. \times 150$; $150kg \times 64$; $150m \times 92$.

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI THỂ KHỬ

TOÁN ĐỒ DẪN-GIẢI :

Lần đầu tôi mua 3 trái cam và 4 trái bưởi hết 90\$, lần sau tôi mua 2 trái cam và 4 trái bưởi hết 80\$. Tìm giá 1 trái cam? giá 1 trái bưởi?



Dẫn-giải: Số bưởi mua hai lần bằng nhau, vậy khử đi thì hết. Ta đã khử bớt được loại bưởi còn loại cam. Lần đầu mua mấy trái? Lần sau mua mấy trái? Lần sau số cam ít hơn mấy trái? ($3 - 2 = 1$).

Lần sau trả tiền ít hơn lần trước bao nhiêu?

$$90\$ - 80\$ = 10\$$$

Vậy 1 trái cam giá bao nhiêu? 10\$

2 trái cam giá bao nhiêu? ($10\$ \times 2 = 20\$$)

80\$ là giá 2 trái cam và 4 trái bưởi; 2 trái cam giá 20\$ thì 4 trái bưởi giá bao nhiêu? ($80\$ - 20\$ = 60\$$)

1 trái bưởi giá bao nhiêu? $60\$: 4 = 15\$$

ĐẶT TOÁN

$$3c + 4b = 90\$$$

$$2c + 4b = 80\$$$

$$1c + 0 = 10\$$$

LỜI GIẢI

Lần sau mua kém lần đầu:

3 trái cam - 2 = 1 trái cam.

nên trả ít hơn: $90\$ - 80\$ = 10\$$

10\$ là giá 1 trái cam.

Giá 2 trái cam: $10\$ \times 2 = 20\$$

Giá 4 trái bưởi: $80\$ - 20\$ = 60\$$

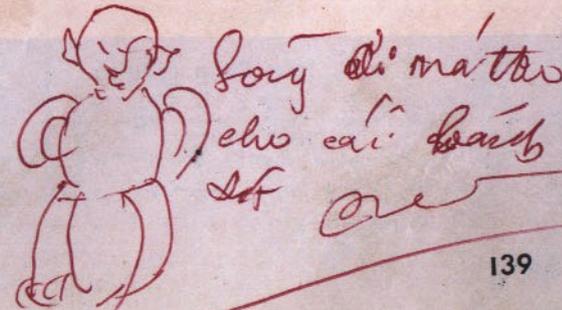
Giá 1 trái bưởi: $60\$: 4 = 15\$$

Đáp số : $\begin{cases} 1 \text{ trái cam } 10\$ \\ 1 \text{ trái bưởi } 15\$ \end{cases}$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG-TỰ:

1. Lần đầu mua 4 trái cam và 5 trái bưởi hết 115\$, lần sau mua 3 trái cam và 5 trái bưởi hết 105\$. Tính giá 1 trái cam, 1 trái bưởi.

2. Hai tháng trước má em mua 3 cái tô và 10 cái bát (chén) giá 74\$. Tháng này má em mua thêm 3 cái tô và 8 cái bát hết 64\$. Tìm giá 1 cái tô, 1 cái bát.



47. Hóa-đồng mẫu-số (tiếp theo)

Trường-hợp đặc-biệt II : MÃU-SỐ LỚN NHẤT LÀ BỘI-SỐ CHUNG CỦA CÁC MÃU-SỐ NHỎ

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí-dụ: Hóa-đồng mẫu-số của ba phân số :

$$\frac{1}{4} \quad \frac{7}{12} \quad \text{và} \quad \frac{2}{3}$$

$$\frac{1}{4} \quad \frac{7}{12} \quad \frac{2}{3}$$

12 gấp mấy lần 4 ? (3 lần)

Vậy mẫu-số 4 phải được nhân với mấy ? (3)

12 gấp mấy lần 3 ? (4 lần)

Vậy mẫu-số 3 phải được nhân với mấy ? (4)

$$\text{Kết-quả ta có: } \frac{1}{4} = \frac{1 \times 3}{4 \times 3} = \frac{3}{12}$$

$$\frac{2}{3} = \frac{2 \times 4}{3 \times 4} = \frac{8}{12}$$

GHI NHỚ : Muốn hóa-đồng mẫu-số của nhiều phân-số khi mà mẫu-số lớn nhất là bội-số chung của các mẫu-số nhỏ, ta lấy mẫu-số lớn nhất làm mẫu-số chung rồi nhân hai số-hạng của những phân-số có những mẫu-số nhỏ với số lần gấp bội.

BÀI TẬP

Hóa-đồng mẫu-số :

$$\frac{1}{3} \quad \frac{5}{6} \quad \text{và} \quad \frac{7}{12}; \quad \frac{3}{8} \quad \frac{7}{24} \quad \text{và} \quad \frac{5}{6}; \quad \frac{4}{5} \quad \frac{7}{30} \quad \text{và} \quad \frac{1}{6}$$

$$\frac{3}{4} \quad \frac{11}{36} \quad \text{và} \quad \frac{7}{9}; \quad \frac{11}{12} \quad \frac{7}{48} \quad \text{và} \quad \frac{5}{16}; \quad \frac{5}{72} \quad \frac{13}{36} \quad \text{và} \quad \frac{7}{12}$$

Uuuu

TÍNH TRĂM
NHÂN MỘT SỐ VỚI 0,125

Nhận xét: 0,125 đổi ra phân-số thập-phân là $\frac{125}{1000}$ và đơn giản cho 125 là:

$$\frac{125 : 125}{1000 : 125} = \frac{1}{8}$$

$$\text{Thí-dụ: } 16\text{m} \times 0,125 = \frac{16\text{m}}{8} = 2\text{m}$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 0,125 thì lấy số phải nhân chia cho 8.

BÀI TẬP

Mỗi đoạn dây dài 0m125 hãy tính bề dài của những đoạn dây kê trong bảng dưới đây:

Số đoạn dây :	24	32	40	48	56	64
Bề dài (m) :	?	?	?	?	?	?

TOÁN ĐỒ XẾP LOẠI
THỂ KHỬ (tiếp theo)

TOÁN ĐỒ DẪN-GIẢI

Lần đầu tôi mua 1 trái cam và 2 trái xoài hết 40\$, lần sau mua 2 trái cam và 3 trái xoài hết 65\$. Tính giá 1 trái cam, 1 trái xoài ?

I			40\$
II			65\$

DẪN-GIẢI

Ta nhận thấy lần sau số cam mua gấp 2 lần đầu, vậy nếu lần đầu ta mua gấp đôi số hàng thì ta sẽ có số cam bằng nhau trong 2 lần.

Nếu lần đầu mua gấp đôi số hàng ta sẽ có 2 trái cam, 4 trái xoài và trả gấp đôi tiền là 80\$.

Bây giờ hãy so-sánh số cam trong hai lần có bằng nhau không. Mỗi lần bao nhiêu cam? 2 trừ với 2 còn hay hết? Vậy ta khử bớt được loại cam. Còn loại xoài? Lần sau mua kém lần trước bao nhiêu trái xoài? (1 trái). Vậy trả tiền ít hơn bao nhiêu? ($80\$ - 65\$ = 15\$$)

15\$ tức là giá 1 trái gì?

1 trái xoài giá 15\$ thì 2 trái xoài giá bao nhiêu?

$$(15\$ \times 2 = 30\$)$$

40\$ là giá một trái cam và 2 trái xoài. 2 trái xoài giá 30\$ thì còn 1 trái cam giá bao nhiêu?

$$(40\$ - 30\$ = 10\$)$$

ĐẶT TOÁN

$$(1c + 2x = 40\$) \times 2 = 2c + 4x = 80\$$$

$$\begin{array}{r} 2c + 3x = 65\$ \\ \underline{2c + 4x = 80\$} \\ 0 + 1x = 15\$ \end{array}$$

LỜI GIẢI

Nếu lần đầu mua gấp đôi sẽ có 2 trái cam và 4 trái xoài, số tiền trả cũng gấp đôi là: $40\$ \times 2 = 80\$$.

Uuu

Như vậy so với lần đầu thì lần sau trả tiền ít hơn:

$$80\$ - 65\$ = 15\$ \text{ vì đã mua ít hơn: } 4x - 3x = 1x$$

Vậy 1 trái xoài giá 15\$.

$$\text{Giá 2 trái xoài: } 15\$ \times 2 = 30\$.$$

$$\text{Giá 1 trái cam là: } 40\$ - 30\$ = 10\$.$$

Đáp số: $\left\{ \begin{array}{l} 1 \text{ trái xoài } 15\$ \\ 1 \text{ trái cam } 10\$ \end{array} \right.$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

1. Lần đầu chị Tư mua 1m lụa và 2m vải hết 100\$. Lần sau mua 3m lụa và 5m vải hết 280\$. Hỏi giá 1m lụa? giá 1m vải?
2. Lần đầu mẹ tôi mua 1 con gà và 3 con chim câu hết 315\$. Lần sau mua 2 gà và 5 chim câu hết 560\$. Tính giá 1 con gà, giá 1 con chim câu.

48. Học ôn : Hóa-đồng mẫu-số

BÀI TẬP

1. Trả lời những câu hỏi sau đây :

Hóa-đồng mẫu-số là gì ?

Muốn hóa-đồng mẫu-số của hai phân-số : $\frac{3}{5}$ và $\frac{4}{7}$ thì làm thế nào ?

Muốn hóa-đồng mẫu-số của nhiều phân-số thì làm cách nào ?

Muốn hóa-đồng mẫu-số của 2 phân-số mà mẫu-số của phân-số nọ là bội-số của phân-số kia thì làm thế nào ?

2. Hóa-đồng mẫu-số của những phân-số sau đây :

$$\frac{2}{5} \text{ và } \frac{3}{7}; \frac{4}{5} \text{ và } \frac{7}{9}; \frac{1}{3}, \frac{2}{5} \text{ và } \frac{3}{4}$$

$$\frac{2}{3} \text{ và } \frac{5}{27}; \frac{11}{54} \text{ và } \frac{5}{9}; \frac{1}{4}, \frac{2}{3} \text{ và } \frac{7}{36}$$

3. Minh tiêu $\frac{2}{7}$ số tiền em có ; Đức tiêu $\frac{3}{8}$ số tiền em có.
Hỏi ai tiêu nhiều hơn biết hai em có số tiền ngang nhau.

TÍNH TRĂM

HỌC ÔN : NHÂN VỚI 0,125

BÀI TẬP

Mỗi chai dầu thơm đựng 0,125. Hãy tính số lít dầu thơm đựng trong các chai trong bảng dưới đây :

Số chai dầu thơm :	72	168	88	160	80
Số lít dầu thơm :	?	?	?	?	?

Uen

TOÁN ĐÓ XÉP LOẠI

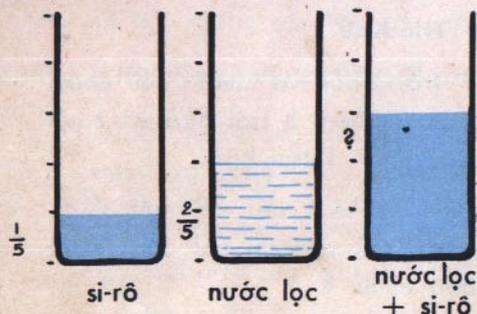
ÔN LẠI : THÉ KHỦ

1. Buổi sáng má em mua 2 trái bưởi và một nải chuối hết 36\$; buổi chiều má em mua thêm 3 trái bưởi và 1 nải chuối hết 46\$. Tìm giá 1 nải chuối, 1 trái bưởi.
2. Tuần trước Minh mua 1 cuốn vở và 1 viết chì hết 7\$,5. Tuần này em mua 5 cuốn vở và 2 viết chì hết 28\$5. Hỏi 1 cuốn vở, 1 viết chì giá bao nhiêu ?
3. Hôm qua chị Sáu mua 2 hộp sữa và 3 ổ bánh mì hết 58\$; hôm nay chị lại mua 10 hộp sữa và 2 ổ bánh mì hết 199\$. Tìm giá 1 hộp sữa, 1 ổ bánh mì.

49. Cộng phân-số có mẫu-số chung

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1) Cộng 2 phân-số :



Thí-dụ: $\frac{1}{5} + \frac{2}{5}$

Em pha nước si-rô để uống. Em lấy ly thứ nhất rót $\frac{1}{5}$ ly nước si-rô. Ly thứ hai em rót $\frac{2}{5}$ nước lọc. Em đổ cả vào 1 ly thứ 3 thì đầy tới đâu ?

LỜI GIẢI :

Ly nước si-rô pha chứa được :

$$\frac{1}{5} \text{ ly} + \frac{2}{5} \text{ ly} = \frac{3}{5} \text{ ly}$$

Đáp số: $\frac{3}{5}$ ly

Em chỉ cộng tử-số với tử-số, còn giữ nguyên mẫu-số :

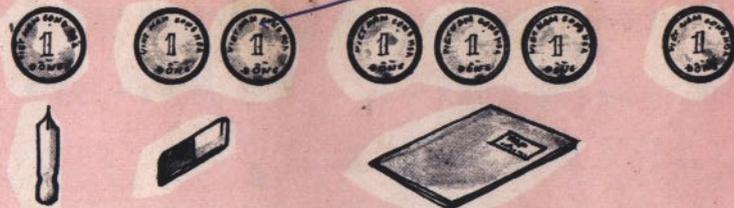
$$\frac{1}{5} + \frac{2}{5} = \frac{1+2}{5} = \frac{3}{5}$$

2) Cộng nhiều phân-số :

Thí-dụ: $\frac{1}{7} + \frac{2}{7} + \frac{3}{7}$

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Em có 7\$ mua một ngòi bút hết 1\$. Vậy tiền ngòi bút hết mấy phần số tiền em có ? Em lại mua 1 cục tẩy (gôm) hết 2\$. Tiền cục gôm hết mấy phần số tiền em có ? Sau hết em lại mua 1 cuốn tập giá 3\$. Tiền cuốn tập bằng mấy phần số tiền em có. Mua cả 3 thứ, em đã tiêu hết mấy phần số tiền em có ?



LỜI GIẢI

Ngòi bút giá bằng $\frac{1}{7}$ số tiền; cục gôm giá bằng $\frac{2}{7}$ số tiền; cuốn tập giá bằng $\frac{3}{7}$ số tiền.

Tiền mua 3 thứ :

$$\frac{1}{7} \text{ s.t.} + \frac{2}{7} \text{ s.t.} + \frac{3}{7} \text{ s.t.} = \frac{6}{7} \text{ s.t.}$$

Đáp số: $\frac{6}{7}$ số tiền

Em chỉ cộng các tử-số, em giữ nguyên mẫu-số :

$$\frac{1}{7} + \frac{2}{7} + \frac{3}{7} = \frac{1+2+3}{7} = \frac{6}{7}$$

GHI NHỚ : Muốn cộng 2 hay nhiều phân-số có mẫu-số chung, thì cộng các tử-số với nhau và giữ nguyên mẫu-số.

BÀI TẬP

1. Làm các toán sau đây :

$$\frac{1}{7} \text{ kg} + \frac{4}{7} \text{ kg}; \quad \frac{6}{11} \text{ l} + \frac{5}{11} \text{ l}; \quad \frac{7}{15} \text{ m} + \frac{4}{15} \text{ m} + \frac{2}{15} \text{ m}$$

2. Tối thứ hai nhà em đốt đèn hết $\frac{1}{10}$ lít dầu, tối thứ ba hết $\frac{3}{10}$ lít, tối thứ tư hết bằng cả hai tối kia. Hỏi trong cả ba tối nhà em đốt hết mấy phần lít dầu ?

TÍNH TRĂM

NHÂN MỘT SỐ VỚI 1,25

Nhận-xét: $1,25$ là $1 + 0,25 = 1 \frac{1}{4} = \frac{5}{4}$ hay $\frac{10}{8}$.

Thí-dụ : Giá buôn 1 cục gôm 1\$.25. Tính giá buôn 16 cục gôm.

$$\text{Thực-hành} : 16 \times 1,25 = 16 + \frac{16}{4} = 16 + 4 = 20$$

$$\text{hay } \frac{16}{4} \times 5 = 4 \times 5 = 20; \text{ hoặc } : \frac{16}{8} \times 10 = 2 \times 10 = 20$$

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 1,25 thì thêm vào số ấy $\frac{1}{4}$ của nó hoặc chia số ấy cho 4 rồi nhân với 5 hay chia số ấy cho 8 rồi nhân với 10.

BÀI TẬP

Tính tròn :

$$32\$ \times 1,25; 4l \times 1,25; 64\text{kg} \times 1,25; 72\text{m} \times 1,25; 120\text{kg} \times 1,25.$$

TOÁN ĐỒ

- Một tiệm buôn nước mắm, đem đóng vào chai để bán. Lúc đóng chai, thùng thứ nhất hao mất $\frac{1}{5}$ lít; thùng thứ hai hao mất $\frac{3}{5}$ lít. Tính xem cả hai thùng hao mất bao nhiêu phần của lít?
- Tiệm Đông-Lai bán lần đầu $\frac{1}{15}$ tấm vải, lần thứ nhì bán $\frac{4}{15}$ tấm vải, lần thứ ba bán $\frac{7}{15}$ tấm vải. Hỏi: lần thứ nhất và lần thứ nhì bán được mấy phần tấm vải? lần thứ nhì và lần thứ ba bán được mấy phần tấm vải? Cả ba lần bán được mấy phần tấm vải?
- Thím Hoa có 6.000\$; lần đầu thím tiêu $\frac{1}{5}$ số tiền, lần sau $\frac{3}{5}$ số tiền. Hỏi thím còn lại bao nhiêu tiền?
- Ông Văn chia kẹo cho hai đứa cháu. Cháu lớn được $\frac{3}{7}$ gói kẹo; cháu nhỏ được $\frac{4}{7}$ gói kẹo nhưng bị bớt đi 6 chiếc. Hỏi mỗi cháu ông Văn được mấy cái kẹo, biết gói kẹo có tất cả 42 chiếc.

50. Cộng phân-số không có mẫu-số chung

I. Cộng 2 phân-số:

$$\text{Thí-dụ} : \frac{1}{3} + \frac{1}{2}$$

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

Em rót si-rô tới $\frac{1}{3}$ ly thứ nhất,

Em rót nước lọc tới $\frac{1}{2}$ ly thứ hai,

Em đổ chung vào 1 ly thứ ba thì ly này đầy tới mấy phần?

LỜI GIẢI

Hóa-đồng mẫu-số của 2 phân-số trên:

$$\frac{1}{3} \text{ ly } \times \frac{2}{2} = \frac{2}{6} \text{ ly}$$

$$\frac{1}{2} \text{ ly } \times \frac{3}{3} = \frac{3}{6} \text{ ly}$$

Ly thứ 3 chứa được :

$$\frac{1}{3} + \frac{1}{2} \text{ ly} = \frac{2}{6} \text{ ly} + \frac{3}{6} = \frac{5}{6} \text{ ly}$$

Đáp số : $\frac{5}{6}$ ly.

• Em hóa-đồng mẫu-số rồi cộng tử-số với tử-số, còn giữ nguyên mẫu-số.

2. Cộng nhiều phân-số :

$$\text{Thí-dụ} : \frac{1}{3} + \frac{2}{5} + \frac{1}{10}$$

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

I. Má em mang đi chợ một số tiền. Má mua cái mũ hết $\frac{1}{3}$ số tiền và mua 1 cái áo hết $\frac{2}{5}$ số tiền mang đi. Sau hết má mua thêm cái khăn mặt hết $\frac{1}{10}$ số tiền. Hỏi má em đã tiêu hết bao nhiêu phần số tiền mang đi?

LỜI GIẢI:

Hóa đồng mẫu-số của 3 phân-số trên.
Mẫu-số chung là 30.

$$\frac{1}{3} \text{ số tiền} \times \frac{10}{10} = \frac{10}{30} \text{ số tiền.}$$

$$\frac{2}{5} \text{ số tiền} \times \frac{6}{6} = \frac{12}{30} \text{ số tiền.}$$

$$\frac{1}{10} \text{ số tiền} \times \frac{3}{3} = \frac{3}{30} \text{ số tiền.}$$

Số tiền đã tiêu bằng:

$$\frac{1}{3} \text{ st} + \frac{2}{5} \text{ st} + \frac{1}{10} \text{ st} = \frac{10}{30} + \frac{12}{30} + \frac{3}{30} = \frac{25}{30}$$

hay $\frac{5}{6}$ số tiền

Đáp số: $\frac{5}{6}$ số tiền.

• Em hóa-đồng mẫu-số, rồi cộng tử-số với tử-số, còn giữ nguyên mẫu-số.

GHI NHỚ: Muốn cộng hai hay nhiều phân-số không có mẫu-số chung thì:

- Hóa-đồng mẫu-số của các phân-số,
- đoạn cộng các tử-số với nhau và giữ nguyên mẫu-số chung.

BÀI TẬP

1) Làm những toán sau đây:

$$\frac{3}{2}l + \frac{2}{5}l; \quad \frac{6}{7}m + \frac{8}{15}m; \quad \frac{4}{9}kg + \frac{5}{12}kg.$$

2) Hôm qua chị em mua $\frac{2}{5}$ kg thịt, hôm nay chị em mua hơn hôm qua $\frac{1}{5}$ kg thịt. Hỏi trong hai ngày chị em mua mấy phần kg thịt?

Mưu

TÍNH TRĂM

ÔN LẠI: NHÂN MỘT SỐ VỚI 1,25

Trả lời câu hỏi:

- 1,25 có thể đổi ra những phân-số nào để rút lấy phương-pháp tính trăm?
- Muốn nhân một số với 1,25 thì làm thế nào?

BÀI TẬP

Tính trăm những kết-quả sau đây:

$$9m \times 1,25; \quad 28\$ \times 1,25; \quad 46kg \times 1,25;$$
$$176m \times 1,25; \quad 720l \times 1,25$$

TOÁN ĐỒ

1. Một người thợ chi tiêu về tiền ăn hết $\frac{5}{8}$ số lương; thuê nhà hết $\frac{1}{16}$ số lương; chi tiêu vặt hết $\frac{3}{16}$ số lương. Sau đó lại may quần áo hết $\frac{1}{4}$ số lương. Hỏi người thợ đã tiêu hết bao nhiêu phần lương?
2. Ba vòi nước chảy chung vào một cái hồ, nếu để riêng từng vòi một, vòi thứ nhất chảy 5 giờ mới đầy, vòi thứ hai chảy 3 giờ, vòi thứ ba chảy 4 giờ. Hỏi 1 giờ mỗi vòi chảy được mấy phần hồ? Nếu mở cả 3 vòi thì 1 giờ được bao nhiêu phần hồ?
3. Một tốp người đào mương, ngày thứ nhất đào được $\frac{1}{9}$ con mương, ngày thứ hai đào được $\frac{5}{12}$ con mương. Con mương cần đào dài 0km,72. Hỏi trong hai ngày tốp người đào được bao nhiêu mét mương?

51. Học ôn: cộng phân-số

BÀI TẬP

1. Câu hỏi :

- Muốn cộng 2 phân-số có mẫu-số chung em làm thế nào ?
- Muốn cộng nhiều phân-số có mẫu-số chung em làm thế nào ?
- Muốn cộng 2 phân-số không có mẫu-số chung em làm thế nào ?
- Muốn cộng nhiều phân-số không có mẫu-số chung em phải làm thế nào ?

2. Làm những toán sau đây :

$$\frac{1}{5}m + \frac{3}{5}m; \quad \frac{3}{8}l + \frac{5}{8}l; \quad \frac{7}{9}m + \frac{1}{9}m$$
$$\frac{3}{7}l + \frac{5}{6}l + \frac{25}{42}l; \quad \frac{1}{5}kg + \frac{3}{4}kg + \frac{7}{10}kg$$

TÍNH TRỪM
NHÂN MỘT SỐ VỚI 0,1; 0,01

Nhận-xét :

$$\text{Đổi ra phân-số thập-phân : } 0,1 = \frac{1}{10}$$

$$0,01 = \frac{1}{100}$$

Thí-dụ 1 : Một em bán vé số kiến-thiết, bán mỗi vé lời 0\$,10. Tuần vừa qua em bán được 855 vé. Hỏi em kiếm được bao nhiêu tiền ?

Thực-hành :

$$855 \times 0,1 = 855 \times \frac{1}{10} = \frac{855}{10} = 85,5$$

Em đó kiếm được : 85\$,5.

muu

GHI NHỚ: Muốn nhân một số với 0,1 thì chia số ấy cho 10, nghĩa là dịch dấu phẩy sang bên trái một hàng.

Thí dụ 2 : Một mét vải đem hồ bị co mất 0m,01. Đem hồ một tấm vải dài 250m thì bị co mất bao nhiêu ?

Thực-hành :

$$250 \times 0,01 = 250 \times \frac{1}{100} = \frac{250}{100} = 2,5$$

Số vải bị co mất là : 2m,50.

GHI NHỚ : Muốn nhân một số với 0,01 thì chia số ấy cho 100 nghĩa là dịch dấu phẩy sang bên trái hai hàng.

BÀI TẬP

Tính trừm những kết-quả sau đây :

$$376m \times 0,1; \quad 350m \times 0,1; \quad 806m \times 0,1;$$
$$981m \times 0,01; \quad 750kg \times 0,01; \quad 874l \times 0,01.$$

TOÁN ĐỒ

1. Một nhà nông bán $\frac{1}{3}$ số bắp đã thu được ; sau lại bán $\frac{5}{12}$ số bắp. Hỏi còn lại bao nhiêu kg bắp biết rằng ông đã thu hoạch được 693kg,72 bắp ?
2. Chị Lan bán xoài, lần thứ nhất bán $\frac{1}{4}$ số xoài, lần thứ nhì bán $\frac{2}{3}$ số xoài. Chị ấy còn lại 42 trái. Hỏi số xoài có tất cả bao nhiêu trái ?
3. Mẹ tôi đi chợ mua một con gà hết $\frac{2}{5}$ số tiền mang đi. Mua xoài hết $\frac{1}{4}$ số tiền, mẹ tôi lại mua lật-vật hết $\frac{3}{10}$ số tiền. Tính xem :
 - Mua gà và xoài hết mấy phần số tiền ?
 - Chi tiêu tất cả hết mấy phần số tiền ?
 - Nếu mẹ tôi mang đi 200\$, thì đã tiêu hết bao nhiêu tiền ?

52. Trừ hai phân số có mẫu số chung

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí-dụ : $\frac{7}{8} - \frac{2}{8}$

Mẹ tôi mở hộp phở-mát thấy còn 7 miếng (nguyên hộp có 8 miếng). Vậy số phở-mát còn lại bằng mấy phần hộp ? Mẹ tôi lấy 2 miếng cho hai anh em tôi, vậy mẹ tôi đã lấy thêm mấy phần hộp ? Trong hộp còn lại mấy phần ?

LỜI GIẢI

Hộp phở-mát còn 7 miếng
 vậy là còn : $\frac{7}{8}$ hộp

Mẹ tôi lấy đi hai miếng
 tức là lấy $\frac{2}{8}$ hộp.

Vậy trong hộp còn lại :

$$\frac{7}{8} h - \frac{2}{8} h = \frac{5}{8} \text{hộp.}$$

Đáp số : $\frac{5}{8}$ hộp.

• Em chỉ trừ tử-số với tử-số còn giữ nguyên mẫu-số :

$$\frac{7}{8} - \frac{2}{8} = \frac{7-2}{8} = \frac{5}{8}.$$

GHI NHỚ : Muốn trừ với nhau hai phân số có mẫu số chung, thì trừ tử-số với nhau còn giữ nguyên mẫu-số.

BÀI TẬP

Làm các toán sau đây :

$$\frac{7}{8} \text{ g} - \frac{5}{8} \text{ g} ; \quad \frac{7}{12} \text{ l} - \frac{5}{12} \text{ l} ;$$

$$\frac{17}{25} \text{ m} - \frac{12}{25} \text{ m} ; \quad \frac{37}{40} \text{ kg} - \frac{23}{40} \text{ kg}.$$

Trần

TÍNH TRỪ

HỌC ÔN : NHÂN MỘT SỐ VỚI 0,1 ; 0,01

BÀI TẬP

1. Trả lời câu hỏi :

- Đổi 0,1 ra phân số thập-phân.
- Đổi 0,01 ra phân số thập-phân.
- Muốn nhân một số với 0,1 em làm thế nào?
- Muốn nhân một số với 0,01 em làm thế nào?

2. Tính trừ các kết-quả sau đây :

$$18\text{m} \times 0,1 ; \quad 24\$ \times 0,1 ; \quad 43\text{l} \times 0,1.$$

$$64\$ \times 0,01 ; \quad 92\text{kg} \times 0,01 ; \quad 76\text{l} \times 0,01.$$

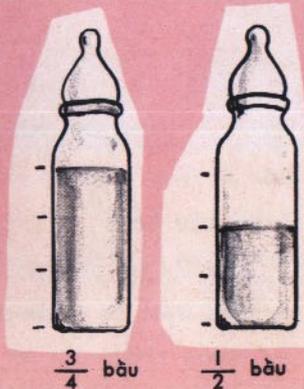
TOÁN ĐỒ

1. Mẹ tôi có một túi kẹo, cho tôi $\frac{1}{8}$ túi và cho em tôi $\frac{3}{8}$ túi. Hỏi mẹ tôi còn mấy phần túi kẹo ?
2. Chai si-rô của tôi còn được $\frac{1}{5}$; tôi đổ thêm vào $\frac{3}{5}$ chai nước nữa. Hỏi chai chứa được mấy phần nước và si-rô pha loãng ? Tôi rót ra cho em tôi $\frac{2}{5}$ thì trong chai còn lại bao nhiêu ?
3. Ông Toàn bán lúa, lần đầu bán $\frac{1}{5}$ số lúa, lần sau $\frac{2}{5}$; còn lại 120 giạ. Hỏi ông Toàn có tất cả bao nhiêu giạ lúa ?

53. Trừ hai phân-số không có mẫu-số chung

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí-dụ : $\frac{3}{4} - \frac{1}{2}$



Bầu nào nhiều sữa hơn ?

Ta nhận-xét thấy : $\frac{1}{2}$ bầu = $\frac{2}{4}$ bầu

Một em bé bú $\frac{3}{4}$ bầu ; một em bú $\frac{2}{4}$ bầu thì hơn nhau $\frac{1}{4}$ bầu sữa. Và $\frac{2}{4}$ tức là : $\frac{1}{2} \times \frac{2}{2} = \frac{2}{4}$

Ta hóa-đồng mẫu-số của phân-số $\frac{1}{2}$, rồi mới làm tính trừ :

$$\frac{3}{4} - \frac{2}{4} = \frac{3-2}{4} = \frac{1}{4}$$

(Chỉ trừ tử-số, để nguyên mẫu-số)

GHI NHỚ : Muốn trừ với nhau hai phân-số không có mẫu-số chung thì hóa-đồng mẫu-số của chúng, rồi trừ tử-số với nhau, và giữ nguyên mẫu-số chung.

BÀI TẬP

Làm những toán trừ sau đây :

$$\frac{7}{2}l - \frac{1}{6}l; \quad \frac{9}{20}m - \frac{2}{5}m; \quad \frac{6}{7}kg - \frac{13}{42}kg$$

$$\frac{5}{6} - \frac{4}{9}; \quad \frac{17}{12} - \frac{3}{5}; \quad \frac{4}{5} - \frac{2}{11}$$

Handwritten signature or name in blue ink.

TÍNH TRỪ

ÔN LẠI : NHÂN MỘT SỐ VỚI 1,5, 15, 150

Nhắc lại : Cách nhân một số với 1,5, với 15, với 150

BÀI TẬP

Tính trừ :

$$2m \times 1,5; \quad 12l \times 1,5; \quad 48\$ \times 1,5$$

$$4kg \times 15; \quad 6l \times 15; \quad 24\$ \times 15; \quad 60m \times 15$$

$$6kg \times 150; \quad 16\$ \times 150; \quad 26kg \times 150; \quad 42l \times 150$$

TOÁN ĐÒ

- Chị tôi đã mua $\frac{1}{4}$ kg đường, sau lại mua thêm $\frac{1}{5}$ kg nữa. Đem nấu chè hết $\frac{3}{10}$ kg thì còn mấy phần kg đường ?
- Bà Năm mang bán một giỏ măng-cụt, lần trước bán $\frac{2}{5}$ giỏ, lần sau $\frac{2}{7}$ giỏ. Lần trước bán hơn lần sau 4 tá. Hỏi bà Năm có tất cả bao nhiêu trái măng-cụt ?
- Di Tám mang tiền đi chợ, mua thịt hết $\frac{3}{5}$ số tiền, mua rau hết $\frac{2}{25}$ số tiền, đi còn lại 64\$. Hỏi Di Tám mang bao nhiêu tiền đi chợ ?

54. Học ôn: Trừ phân-số

BÀI TẬP

1. Trả lời những câu hỏi sau đây :

- Muốn trừ hai phân-số có mẫu-số giống nhau thì làm thế nào ?
- Muốn trừ hai phân-số có mẫu-số không giống nhau thì làm thế nào ?
- Hãy cho một thí-dụ : trừ hai phân-số có mẫu-số chung.
- Hãy cho một thí-dụ : trừ hai phân-số không có mẫu-số giống nhau.

2. Làm những toán trừ sau đây :

$$\frac{3}{5}l. - \frac{2}{5}l. ; \frac{19}{34}m - \frac{7}{34}m ; \frac{105}{45}kg - \frac{37}{45}kg$$
$$\frac{5}{9} - \frac{7}{36} ; \frac{27}{30} - \frac{9}{15} ; \frac{4}{9} - \frac{3}{5} ; \frac{12}{13} - \frac{7}{8}$$

TÍNH TRỪM

ÔN LẠI : NHÂN MỘT SỐ VỚI 0,125 ; 1,25
NHÂN MỘT SỐ VỚI 0,1 ; 0,01

BÀI TẬP

1. Trả lời câu hỏi :

- Những phân-số thập-phân 0,125 ; 1,25 ; 0,1 ; 0,01 có thể đổi thành những phân-số nào để rút lấy phương-pháp tính trừm ?
- Muốn nhân một số với 0,125 thì làm thế nào ?
- Muốn nhân một số với 1,25 thì làm thế nào ?
- Muốn nhân một số với 0,1 thì làm thế nào ?
- Muốn nhân một số với 0,01 thì làm thế nào ?

Handwritten signature or scribble in blue ink.

2. Tính trừm :

$$8m \times 0,125 ; 16l. \times 0,125 ; 48\$ \times 1,25 ; 94kg \times 1,25$$
$$36\$ \times 0,1 ; 75kg \times 0,1 ; 18m \times 0,01 ; 760l. \times 0,01$$

TOÁN ĐỒ

1. Hôm qua ông Tư đã uống $\frac{1}{10}$ lít rượu, hôm nay ông uống $\frac{1}{15}$ lít. Hỏi ông Tư đã uống hết mấy phần lít rượu ?
2. Áo của em may hết $2m \frac{1}{4}$ vải; áo của chị em may hết $\frac{12}{5}m$ vải. Hỏi áo của ai may tốn nhiều vải hơn ? Hơn là bao nhiêu phần của mét ?
3. Chị Hà mang 250\$ đi chợ ; chị mua thịt hết $\frac{3}{5}$ số tiền, mua rau hết $\frac{1}{4}$ số tiền. Hỏi chị Hà còn lại bao nhiêu ?
4. Ba anh em Mai, Lan, Trúc chia nhau một số kẹo. Mai được $\frac{1}{3}$ số kẹo, Lan được $\frac{2}{7}$ số kẹo. Trúc lấy số còn lại được 16 chiếc. Tìm số kẹo tổng-cộng.
5. Tiệm Nhân-Hải bán cà-phê cho hai khách hàng. Người thứ nhất mua $1kg \frac{1}{5}$; người thứ nhì mua $\frac{3}{4}kg$. Hỏi người thứ nhất mua hơn người thứ nhì mấy phần kg ? Mỗi kg cà-phê giá 180\$. Hỏi tiệm Nhân-Hải thu được bao nhiêu tiền ?

CHƯƠNG III

55. Tạp-số

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1) Tạp-số là gì ?

So-sánh

1l. = 10dl. 1kg = 10hg
1dl. = 10cl. 1hg = 10dag
1cl. = 10ml. 1dag = 10g

1 tháng có 30 ngày
1 ngày có 24 giờ
1 giờ có 60 phút

l, dl, cl... kg, hg, dag, g...
theo hệ-thống thập-phân.

Tháng, ngày, giờ, phút không
theo hệ-thống thập-phân.

Tháng, ngày, giờ, phút... là những tạp-số.

Những đơn-vị ghi thời-giờ, ghi vòng cung độ ($^{\circ}$), phút ($'$), giây ($''$) đều là tạp-số.

GHI NHỚ : Tạp-số là những số không theo hệ-thống thập-phân, bách-phân.

2) Sự trắc-định thời-giờ.

Ngày là thời-gian trái đất quay chung quanh nó 1 vòng.

Năm là thời-gian trái đất quay chung quanh mặt trời 1 vòng.

Thời-gian tính theo dương-lịch :

Một năm có 365 ngày $\frac{1}{4}$ nhưng thường thường ta chỉ tính có 365

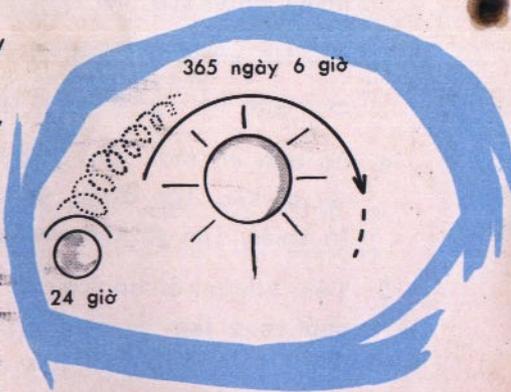
ngày, và cứ 4 năm lại có 1 năm

366 ngày, được gọi là năm nhuận.

Vào năm nhuận, người ta thêm

vào tháng hai 1 ngày. Tháng hai năm nhuận có 29 ngày.

Những năm... 1964, 1968, 1972... là những năm nhuận.



meu

Một năm có 12 tháng, 1 tháng có 30 hoặc 31 ngày ; riêng tháng hai có 28 ngày, trừ năm nhuận.

Một năm có 2 lục-cá-nguyệt, hoặc 4 tam-cá-nguyệt ; mỗi năm có 52 tuần-lễ.



3) Giờ, phút, giây

- 1 ngày chia làm 24 giờ (viết tắt là : g.)

- 1 giờ chia làm 60 phút (viết tắt là : ph.)

- 1 phút chia làm 60 giây (viết tắt là : gy.)

4) Đọc và viết tạp-số

• Đọc tạp-số : Phải đọc tên tất cả các đơn-vị, cũng có thể đọc tên đơn-vị chính kèm theo những số sau.

Thí-dụ : 2g15ph... đọc là... hai giờ, mười lăm phút, hoặc hai giờ mười lăm. 15 phút có thể đọc là một khắc ; 30 phút có thể đọc là nửa giờ.

• Viết tạp-số : khi viết tạp-số không đánh dấu phẩy... 2g 5ph ; 5g45ph.

BÀI TẬP

1. Tạp-số là gì ?

2. Ngày là gì ? Năm là gì ? Kể các tháng trong năm với số ngày của mỗi tháng. Trong năm nhuận tháng hai có mấy ngày ?

- Một ngày có mấy giờ? Một giờ có mấy phút? Một phút có bao nhiêu giây?
- Cách viết thập-số và cách viết số thập-phân khác nhau thế nào?

TÍNH TRỪM

CHIA MỘT SỐ CHO 0,5

Thí-dụ: $8 : 0,5 = 16$

Nhận-xét: 16 tức là 2 lần 8 ($8 \times 2 = 16$)

GHI NHỚ: Muốn chia một số cho 0,5 thì nhân số ấy với 2. (gấp đôi số ấy).

BÀI TẬP

Chia trảm những số sau đây cho 0,5 :

4m , 9l , 25kg , 32m² ; 2m,5 , 3l,5 , 4kg,8 , 3m²,72

TỐÁN ĐỒ

- Mỗi năm ba tôi mua thuốc 1.664\$. Tính xem mỗi tuần-lẽ ba tôi dùng mấy bao thuốc lá, biết 1 bao giá 16\$.
- Từ ngày 1 tháng giêng đến ngày 15 tháng hai, mẹ em Mỹ tiêu mất 4.600\$ tiền chợ. Hỏi trong một năm 365 ngày mẹ em Mỹ tiêu hết bao nhiêu tiền?

Uuuu

56. Thập-số

ĐỔI ĐƠN-VỊ TRONG NHỮNG SỐ GHI THỜI-GIAN
ĐỔI ĐƠN-VỊ LỚN RA ĐƠN-VỊ NHỎ

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



1) Đồng-hồ này chỉ mấy giờ?

— 3 giờ 25 phút, bằng bao nhiêu phút?

Em nhân : $60 \text{ ph} \times 3 = 180 \text{ ph}$

Em cộng : $180 \text{ ph} + 25 \text{ ph} = 205 \text{ ph}$

Em nói : 3 giờ 25 phút = 205 phút

2) Thí-dụ khác : Đổi 1 giờ 5 phút ra giây :

1 giờ = 3.600 giây 5 ph = 5 ph \times 60 gy = 300 gy

1 giờ 5 ph = 3.600 gy + 300 gy = 3.900 gy

GHI NHỚ: Muốn đổi giờ ra phút, phút ra giây thì đổi giờ ra phút, ra giây rồi tổng-cộng lại.

BÀI TẬP

- Đổi ra giây : 2 giờ ; 3 giờ 25 phút ; 58 phút.
- Đổi ra phút : 6 giờ ; 8 giờ 9 phút ; 4 giờ 54 ph 16 gy.
- Mỗi ngày em đi học một buổi, lượt đi mất 1 giờ 5 ph ; lượt về mất 1 giờ 10 ph. Hỏi cả đi lẫn về hết bao nhiêu phút?

TÍNH TRĂM

CHIA MỘT SỐ CHO 0,25

Thí-dụ : $2 : 0,25 = 8$

Nhận-xét : 8 tức là 4 lần 2 ($2 \times 4 = 8$)

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 0,25 thì nhân số ấy với 4,

BÀI TẬP

Chia những số sau đây cho 0,25:

4m, 5l, 8kg, 10m²

2\$, 5 7kg, 7, 4m, 05, 8m, 25

TOÁN ĐỒ

- Một vòi nước mỗi giờ chảy được 12da/. Hỏi trong 3 giờ 30ph vòi ấy chảy được bao nhiêu h/ nước?
- Từ nhà anh Ba đến quận, anh đi xe đạp hết 20 phút; lúc trở về hết 30 phút. Hỏi trung-bình cả đi lẫn về anh đi được bao nhiêu km một giờ, biết đường từ nhà anh đến quận dài 4km,8.

57. Tập-số

ĐỔI ĐƠN-VỊ TRONG NHỮNG SỐ GHI THỜI-GIAN ĐỔI ĐƠN-VỊ NHỎ RA ĐƠN-VỊ LỚN

1. Câu chuyện :

Thầy : Mỗi ngày các em ra chơi 15 phút thì một tuần-lễ các em ra chơi mấy giờ ?

Giải đáp : Mỗi ngày ra chơi 15 phút thì 6 ngày không kể (chủ-nhật) các em ra chơi : $15 \text{ ph} \times 6 = 90 \text{ ph}$.

Đổi 90 phút ra giờ thì được 1 giờ 30 phút.

2. Thí-dụ khác : Đổi 62.460 giây ra giờ, phút.

$62.460 \text{ gy} : 60 \text{ gy} = 1.041 \text{ phút}$

$1.041 \text{ ph} : 60 \text{ ph} = 17 \text{ giờ } 21 \text{ phút}$

Vậy thì : $62.460 \text{ gy} = 17 \text{ giờ } 21 \text{ phút}$

GHI NHỚ : Muốn đổi giây ra giờ, phút thì đổi giây ra phút; đổi phút ra giờ rồi viết số giờ, phút tìm thấy và số giây (nếu còn thừa).

BÀI TẬP

- Đổi ra phút : 300 gy ; 815 gy.
- Đổi ra giờ : 460 ph, 7.800 gy ; 36.248 gy ; 360 ph 40 gy.
- Mỗi buổi học em ra chơi 15 phút, ngồi trong lớp 3 giờ 45 ph. Hỏi tổng cộng là mấy giờ ?

**TÍNH TRĂM
CHIA MỘT SỐ CHO 0,2**

Thí-dụ : $4 : 0,2 = 20$

Nhận-xét : $20 = \frac{4}{2} \times 10$

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 0,2 thì nhân một nửa số ấy với 10.

BÀI TẬP

Làm những toán chia trăm sau đây :

$2m : 0,2 ; 6da1 : 0,2 ; 12kg : 0,2 ; 40dm,2 : 0,2$

$1m,5 : 0,2 ; 4h1,5 : 0,2 ; 3hl,6 : 0,2 ; 12cm,24 : 0,2$

TOÁN ĐỒ

- Mỗi ngày anh Đông làm việc ở sở 7 giờ 15 phút, đi từ nhà tới sở hết 45 ph, trở về nhà hết 48 ph. Hỏi anh Đông làm việc và đi về hết bao nhiêu thời giờ ?
- Mỗi ngày ba em đọc sách trong 15 phút, nằm nghỉ trong 1 giờ 45 ph. Tính xem trong 5 tuần lễ cha em đọc sách và nằm nghỉ hết bao nhiêu ngày giờ (1 ngày tính 12 giờ).

58. Học ôn : Tập-số



- Tập-số là gì ?
- Cách viết tập-số khác cách viết số thập-phân ở điểm nào ?
- Theo dương-lịch một năm có bao nhiêu ngày ? năm nhuận có bao nhiêu ngày ?
- Năm 1968 là một năm nhuận, em hãy biên số ngày của mỗi tháng vào bảng kê dưới đây ?

Tháng	Giêng	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu
Số ngày	?	?	?	?	?	?
Tháng	Bảy	Tám	Chín	Mười	M. một	Chạp
Số ngày	?	?	?	?	?	?

- Đổi ra giờ : 13.600 ph ; 45.000 gy
Đổi ra phút : 12 giờ ; 640.000 gy
Đổi ra giây : 2 giờ ; 150 phút

BÀI TẬP

1. Cộng: $2g + 4g$; $2g\ 18ph + 5g\ 57ph$; $9g\ 48ph + 3g\ 57ph$.
2. Ngày hôm qua trời mưa trong $1g\ 48ph$, tạnh một lát rồi lại mưa trong $38ph$. Hôm qua trời đã mưa trong bao nhiêu lâu ?
3. Một người đi xe đạp từ Thủ-đức lên Sài-gòn. Đi được 24 phút thì ngừng lại trong $25ph$ rồi lại tiếp-tục trong 36 phút nữa thì đến nơi. Hỏi từ Thủ-đức đến Sài-gòn người ấy đã đi hết bao nhiêu thì giờ ?

TÍNH TRĂM

CHIA MỘT SỐ CHO 0,125

Thí-dụ: $4 : 0,125 = 32$

Nhận-xét: 32 tức là 8 lần 4 ($32 = 4 \times 8$).

GHI NHỚ: Muốn chia một số cho $0,125$ thì nhân số ấy với 8 .

BÀI TẬP

Chia cho $0,125$ những số sau đây :

$2m$; $3kg$; $12s$; $3l,4$; $4s,5$; $8kg,5$

**TOÁN ĐÓ XẾP LOẠI
VỀ ĐỘNG-TỬ**

Công-thức I :

$$\text{Thời-gian} = \frac{\text{Đường vượt}}{\text{Vận-tốc}}$$

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Mỗi giờ tôi đi bộ được $3km$; đường từ nhà tôi đến trường dài $1km,8$. Hỏi tôi đi hết bao nhiêu thì giờ ?

(Áp-dụng công-thức trên)

LỜI GIẢI

$3km = 3.000m$; $1km,8 = 1.800m$

Mỗi phút tôi đi được: $3.000m : 60 = 50m$

Từ nhà đến trường tôi đi hết :

$$1ph \times \frac{1.800}{50} = 36 \text{ phút}$$

TOÁN ĐỒ TƯƠNG TỰ

1. Một xe hơi vận-tốc giờ $60km$ cần vượt một chặng đường dài $18km$ xe khởi hành lúc $8g\ 45ph$. Hỏi xe đến nơi lúc mấy giờ ?
2. Một phi-cơ khởi-hành từ tỉnh A đi tỉnh B lúc 13 giờ $15ph$. Hỏi phi-cơ đến tỉnh B lúc mấy giờ, biết con đường không-trung dài $108km$ và vận-tốc giờ của phi-cơ là $180km$.

• Lời chú :

- a. Động-tử là những vật như xe cộ, phi-cơ, thuyền bè, người đi lại, súc-vật xê dịch v.v...
- b. Trong các bài toán về động-tử, người ta chấp-nhận sự chuyển-động bao giờ cũng đều đều.
(Thí-dụ : Xe chạy trong 3 giờ mỗi giờ $25km$ thì giờ nào cũng tỉnh $25km$; nếu có nhanh, chậm thì sẽ nói rõ).
- c. Trong việc động-tử chuyển-động có 3 yếu-tố được nêu ra là : Thời-gian, đường vượt, và vận-tốc.
- d. Ba công-thức căn-bản :

I. Thời-gian = $\frac{\text{Đường vượt}}{\text{Vận tốc}}$

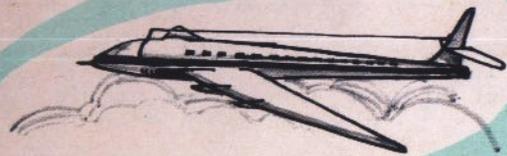
II. Đường vượt = Vận-tốc \times Thời-gian

III. Vận-tốc = $\frac{\text{Đường vượt}}{\text{Thời-gian}}$

60. Cộng tạp-số (tiếp theo)

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1. Thí-dụ : 3g 15 ph 30 gy + 55 ph 30 gy.



Toán đố : Một chiếc phi-cơ cất cánh từ phi-trường Tân-sơn-nhút đi Huế, bay trong 3g 15 ph 30 gy, ghé Nha-trang trong 55 ph 30gy. Hỏi từ Tân-sơn-nhút đi Huế hết bao nhiêu thì giờ ?

$$\begin{array}{r} 3 \text{ g } 15 \text{ ph } 30 \text{ gy} \\ + \quad 55 \text{ ph } 30 \text{ gy} \\ \hline \end{array}$$

3 g 70 ph 60 gy *hay* 3 g 71 ph *hay* 4g 11 ph.

2. Thí-dụ khác : Cộng $\begin{array}{r} 6 \text{ g } 42 \text{ ph } 48 \text{ gy} \\ + 1 \text{ g } 37 \text{ ph } 15 \text{ gy} \\ \hline 7 \text{ g } 79 \text{ ph } 63 \text{ gy} \\ \text{hay } 7 \text{ g } 80 \text{ ph } 3 \text{ gy} \\ \text{hay } 8 \text{ g } 20 \text{ ph } 3 \text{ gy} \end{array}$

GHI NHỚ : Muốn cộng tạp-số thì cộng riêng từng cột giờ, phút, giây (nếu có). Cứ 60gy thì đổi ra 1 phút rồi đem cộng sang cột phút. Cứ 60 phút thì đổi ra 1 giờ rồi đem cộng sang cột giờ.

BÀI TẬP

1. Cộng: 6g45ph30gy + 1g57ph ; 4g42ph27gy + 1g35ph45gy
2. Một máy bay cất cánh lúc 8giờ30ph, bay trong 45ph30gy thì hạ cánh. Hỏi máy bay hạ cánh lúc mấy giờ ?
3. Hôm qua ở khu nhà tôi bị cúp hơi điện trong 1g3ph50gy, Hôm nay trong 2g56ph40gy. Hỏi trong hai ngày điện bị cúp trong bao nhiêu lâu ?

Uwe
TÍNH TRĂM

CHIA MỘT SỐ CHO 1,25

Thí-dụ : 6m : 1,25 = 4m, 8

Nhận-xét : $1,25 = \frac{8}{10}$; $6m : 1,25 = \frac{6m}{10} \times 8 = 4m, 8$

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 1,25 thì chia cho 10 rồi nhân với 8.

BÀI TẬP

Chia trăm :

4\$: 1,25; 8m : 1,25; 9hl : 1,25; 12kg : 1,25; 36dal : 1,25

TOÁN ĐỐ XẾP LOẠI

- VỀ ĐỘNG-TỬ

Công-thức II : $\text{Đường vượt} = \text{Vận-tốc} \times \text{Thời-gian}$

TOÁN ĐỒ DẪN GIẢI

Một xe đồ vận-tốc giờ 30km. Xe chạy trong 2 giờ thì được bao nhiêu km ?

(Áp-dụng công-thức trên)

LỜI GIẢI :

Trong 2 giờ xe vượt được : $30\text{km} \times 2 = 60\text{km}$

Đáp số : 60km

TOÁN ĐỒ TƯƠNG-TỰ

1. Một xe tắc-xi chạy 2 cuộc; cuộc thứ nhất trong 30 phút, cuộc thứ nhì lâu hơn cuộc thứ nhất 10 phút. Mỗi giờ xe chạy được 24 km. Hỏi trong 2 cuộc, xe đã chạy được bao nhiêu km ?
2. Anh Tư và anh Bảy đi bộ từ hai làng để gặp nhau. Mỗi giờ anh Tư đi được 3km,6 ; anh Bảy đi được 4km,2. Họ gặp nhau sau khi đi được 12 phút. Hỏi hai anh đã vượt được bao nhiêu km ?

61. Học ôn: Cộng tạp-số

BÀI TẬP

1. Làm những toán cộng sau đây:

$$7\text{ g } 15\text{ ph} + 7\text{ g} ; 4\text{ g } 38\text{ ph } 50\text{ gy} + 2\text{ g } 17\text{ ph } 45\text{ gy}$$

$$23\text{ g } 15\text{ ph} + 0\text{ g } 15\text{ ph } 25\text{ gy} + 3\text{ g } 45\text{ gy}$$

2. Một đoàn xe lửa khởi-hành lúc 5 g 15 ph, xe lăn bánh trong 4 g 45 ph, ngừng lại dọc đường 5 lần, mỗi lần 5 phút. Hỏi xe đến nơi lúc mấy giờ?

TÍNH TRĂM

ÔN LẠI: CHIA MỘT SỐ CHO 0,125 ; 1,25

- Chia cho 0,125 : 2l, 4m, 6\$, 16kg, 24m
- Chia cho 1,25 : 1kg, 2dm, 8da/, 16hg, 1m, 04

TOÁN ĐỒ

- Từ Sài-gòn đến Biên-hòa, một xe hơi chạy hết 50 phút. Mỗi giờ xe chạy được 36km. Hỏi đường Sài-gòn - Biên-hòa dài bao nhiêu km?
- Từ Sài-gòn đến Tân-an, một xe hỏa lăn bánh trong 2 giờ 48 phút, ngừng lại ở các ga trong 30 phút. Xe khởi-hành lúc 7 g 40 ph thì đến nơi vào lúc mấy giờ?
- Mỗi bước chân của em Huệ dài 40 cm. Từ nhà đến trường, em phải đi 500 bước. Hỏi từ nhà tới trường, em phải đi trọng bao nhiêu lâu, biết mỗi giờ em đi được 3km.
- Một hướng-đạo-sinh leo dốc hết 1 g 20 ph, mỗi giờ anh leo được 3km; lúc xuống dốc, mỗi giờ đi được 4km,8. Tính thời-gian xuống dốc.

62. Trừ tạp-số

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Thí-dụ : 3 g 48 ph - 3 g 45 ph



1. Đồng-hồ này đúng giờ Đồng-hồ này chạy nhanh

Đồng-hồ bên phải nhanh mấy phút?

$$\begin{array}{r} \text{Đồng-hồ bên phải nhanh: } - 3\text{ g } 48\text{ ph} \\ \phantom{\text{Đồng-hồ bên phải nhanh: }} \underline{3\text{ g } 45\text{ ph}} \\ \phantom{\text{Đồng-hồ bên phải nhanh: }} 0\text{ g } 3\text{ ph} \end{array}$$

Nhận-xét : Số phút ở dòng trên lớn hơn ở dòng dưới, nên làm như toán trừ thường.

2. Thí-dụ khác :

$$\begin{array}{r} \text{Nhận-xét : Số phút ở dòng} \quad 5\text{ g } 15\text{ ph} \text{ hay } 4\text{ g } 75\text{ ph} \\ \text{trên nhỏ hơn số phút ở} \quad - 4\text{ g } 50\text{ ph} \quad - 4\text{ g } 50\text{ ph} \\ \text{dòng dưới} \quad \underline{\phantom{0\text{ g } 25\text{ ph}}} \quad \underline{0\text{ g } 25\text{ ph}} \end{array}$$

GHI NHỚ : Trong toán trừ tạp-số, khi số phút ở dòng trên nhỏ hơn số phút ở dòng dưới thì phải đổi 1 giờ ở dòng trên ra 60 ph, đem cộng sang số phút sẵn có, rồi trừ giờ với phút với phút.

BÀI TẬP

1. Làm toán trừ:

$$17\text{ g} - 9\text{ g} ; 12\text{ g } 57\text{ ph} - 0\text{ g } 42\text{ ph}$$

$$10\text{ g } 43\text{ ph} - 7\text{ g } 59\text{ ph} ; 23\text{ g } 2\text{ ph} - 13\text{ g } 45\text{ ph}$$

BÀI TẬP

- Trừ : $15g - 9g$; $12g\ 45ph - 0g\ 16ph$
 $4g\ 45ph\ 38gy - 2g\ 27ph\ 19gy$
 $8g\ 12ph\ 47gy - 3g\ 36ph\ 15gy$
 $7g\ 27ph\ 26gy - 4g\ 17ph\ 58gy$
- Bữa qua tôi đi học về tới nhà lúc $11g\ 45ph$, em tôi về lúc $11g\ 46ph\ 5gy$. Hỏi tôi về trước em tôi bao nhiêu lâu ?
- Một xe hơi khởi-hành từ Biên-hòa lúc $6g\ 50ph$, lên tới Sài-gòn thì đồng-hồ chỉ $7g\ 48ph\ 30gy$. Hỏi xe này đã chạy bao nhiêu lâu ?

TÍNH TRĂM

CHIA MỘT SỐ CHO 0,01

Thí-dụ : $6 : 0,01 = 600$

Nhận-xét : 600 tức là 100 lần 6 ($6 \times 100 = 600$)

GHI NHỚ : Muốn chia một số cho 0,01 thì nhân số ấy với 100.

TOÁN ĐỒ

- Một tàu thủy khởi-hành từ $6g\ 45ph$, chạy đến $8g\ 15ph$ thì được bao nhiêu km, nếu mỗi giờ tàu chạy được 10 hải-lý. (Mỗi hải-lý là 1.852m.)
- Anh Văn vào xưởng làm từ $7g\ 30ph$ sáng đến $5g\ 30ph$ chiều thì ra về. Trưa anh nghỉ $1g\ 30ph$. Mỗi giờ anh được trả công 7\$,20. Hỏi lương công-nhật của anh Văn là bao nhiêu ?

64. Học ôn : Cộng, trừ tạp-số

BÀI TẬP

- Muốn cộng tạp-số thì làm thế nào ?
- Muốn trừ tạp-số thì làm thế nào ?
- Cộng : $4g47ph + 6g7ph8gy$; $3g58ph9gy + 1g47ph52gy$
- Trừ : $4g\ 8ph - 2g\ 57ph$; $3g\ 24ph\ 30gy - 1g\ 50ph\ 45gy$;
 $8\ \text{ngày}\ \frac{1}{2} - 21g\ 30ph$

TÍNH TRĂM

- Chia trăm những số sau đây cho 0,1 :
 $2l$; $8dm$; $8cm^2$; $4dl$; $15hg$; $4kg,8$; $70\$$.
- Chia trăm những số sau đây cho 0,01 :
 $2m$; $6l$; $7kg$; $15dag$; $9kg,4$; $80m^2$; $84\$$.

TOÁN ĐỒ

- Anh Phú cày ruộng, sáng từ $7g\ 30$ đến $11g$, chiều từ $4g$ đến $6g\ 15ph$. Hỏi anh Phú đã cày ruộng trong mấy giờ ?
- Một xe hơi đi từ Saigon đến Tân-an hết $1g\ 14ph$; ngừng lại $5ph$ rồi lại tiếp-tục đi trong $1g\ 40ph$ nữa. Hỏi xe ấy đã đi và ngừng lại trong bao nhiêu lâu ?
- Một phi-cơ bay trong $1g\ \frac{2}{3}$ thì được 1.505km. Tính vận-tốc giờ của phi-cơ ấy ?
- Một tàu thủy rời bến đến một bến khác rồi lại trở về, tàu đã vượt 60km. Tìm vận-tốc giờ của tàu, biết tàu khởi hành lúc $8g\ 45ph$, ngừng lại $40ph$, trở về đến bến lúc $12g\ 45ph$.
- Một đồng-hồ mỗi giờ nhanh $\frac{1}{2}$ giây. Hôm nay, 8 giờ ngày thứ ba, lấy lại giờ đúng. Hỏi sau một tuần-lễ đồng-hồ -hĩ mấy giờ ?

Uen

Uen

PHẦN THỨ HAI

ĐO-LƯỜNG

CHƯƠNG I : Ôn lại chương-
trình lớp Ba

CHƯƠNG II : Mét vuông -
Đo diện-tích

CHƯƠNG III : Cao tây, sào
tây, mẫu tây

CHƯƠNG IV : Học về trọng
lượng - Bội-số và ước-số của kg.

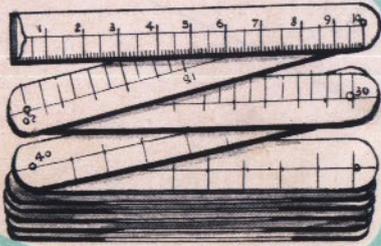
Uen

are

CHƯƠNG I

1. Giải nghĩa về hệ-thống thập-phân

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



Đây là một cái thước gấp có 10 đoạn bằng nhau, mỗi đoạn là 1 dm ; $1\text{ m} = 10\text{ dm}$.

Ngược lại: $1\text{ dm} = \frac{1}{10}\text{ m}$ hay $0\text{ m},1$.
Đếm các đoạn ghi trên 1 deci-mét, ta cũng thấy có 10 đoạn bằng nhau. Mỗi đoạn là 1 cm ; $1\text{ dm} = 10\text{ cm}$.

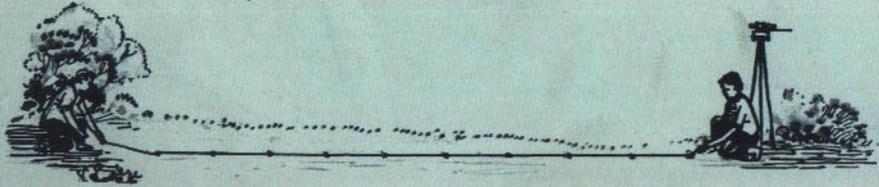
Ngược lại : $1\text{ cm} = \frac{1}{10}\text{ dm}$ hay $0\text{ m},01$.

Đếm các đoạn ghi trên 1 centi-mét, ta thấy có 10 đoạn bằng nhau. Mỗi đoạn là 1 mm ; $1\text{ cm} = 10\text{ mm}$.

Ngược lại : $1\text{ mm} = \frac{1}{10}\text{ cm}$ hay $0\text{ m},001$.

Dm, cm, mm đều là ước-số của mét.

Kết-luận : Mỗi ước-số của mét lớn bằng 10 lần đơn-vị ở liền dưới và nhỏ bằng $\frac{1}{10}$ đơn-vị liền trên.



Đây là cái dây xích đo đất 1 dam. Nó gấp 10 lần 1 m.
 10 m là 1 dam ; $10\text{ dam} = 1\text{ hm}$; $1\text{ dam} = \frac{1}{10}\text{ hm} = 0\text{ hm},1$.
 $10\text{ hm} = 1\text{ km}$; $1\text{ hm} = \frac{1}{10}\text{ km} = 0\text{ km},1$
 $1\text{ km} = 10\text{ hm} = 100\text{ dam} = 1.000\text{ m}$.

cantia

Dam, hm, km đều là bội-số của mét.

Kết-luận : Mỗi bội-số của mét lớn bằng 10 lần đơn-vị ở liền dưới, nhỏ bằng $\frac{1}{10}$ đơn-vị ở liền trên.

GHI NHỚ : Mỗi bội-số hoặc ước-số của đơn-vị chính (mét, lít, kilô-gam) đều 10 lần lớn hơn đơn-vị liền dưới hoặc 10 lần nhỏ hơn đơn-vị liền trên.
Như vậy gọi là theo hệ-thống thập-phân.

Chú ý : Các bội-số và ước-số của mét, lít và kilô-gam đều theo hệ-thống thập-phân.

Tóm-tắt :

Bội-số			Đơn-vị chính	Ước-số		
km	hm	dam	m	dm	cm	mm
	hl.	dal.	l.	dl.	cl.	ml.
kg	hg	dag	g	dg	cg	mg

BÀI TẬP

- $4\text{ m} = 40\text{ dm}$; $6\text{ m} = \dots\text{ dm}$; $42\text{ m} = \dots\text{ dm}$; $100\text{ m} = \dots\text{ dm}$
 $3\text{ m} = 300\text{ cm}$; $12\text{ m} = \dots\text{ cm}$; $60\text{ m} = \dots\text{ cm}$; $148\text{ m} = \dots\text{ cm}$
 $2\text{ m} = 2.000\text{ mm}$; $3\text{ m} = \dots\text{ mm}$; $7\text{ m} = \dots\text{ mm}$;
 $10\text{ m} = \dots\text{ mm}$; $46\text{ m} = \dots\text{ mm}$.
- Đổi ra l : 20 dl ; 300 cl ; 4.500 ml .
 Đổi ra dl : 4 l ; 60 cl ; 1.500 ml .
 Đổi ra cl : 7 l ; 90 dl ; 6.800 ml .
 Đổi ra ml : 2 l ; 30 dl ; 430 cl .
- Mỗi bước tôi đi được 4 dm ; 5 bước đi được bao nhiêu mét?

TOÁN ĐỒ

- Chị Tám mua 4 dam vải giá 35\$ một mét và 20 dm hàng giá 42\$ một mét. Hỏi chị phải trả nhà hàng bao nhiêu tiền? 1480
- Mẹ tôi mua một tĩn chứa được 35 dl nước mắm, giá 12\$ một lít. Mẹ tôi còn mua 1 lít dầu lửa giá 6\$. Hỏi mẹ tôi phải trả nhà hàng tất cả bao nhiêu tiền? 153

2. Mét – Bội-số và Ước-số của mét

ĐỌC VÀ VIẾT NHỮNG SỐ GHI CHIỀU DÀI

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



1. Người nào thường dùng dây xích-đạc 1 déca-mét? Người nào thường dùng cái mét vải? Người nào thường dùng cái déci-mét? Đề làm gì? Đề làm gì? Đề làm gì?

Đéci-mét là bội-số hay ước-số của mét? Hãy kể các ước-số của mét?

Đéca-mét là ước-số hay bội-số của mét? Hãy kể các bội-số của mét?

Đéci-mét nhỏ hơn mét bao nhiêu lần? Déca-mét lớn hơn mét bao nhiêu lần? Như thế gọi là theo hệ-thống gì?

GHI NHỚ : Những bội-số của mét là : km, hm, dam.

Những ước-số của mét là : dm, cm, mm.

Các bội-số và ước-số của mét theo hệ-thống thập-phân.

2. Cách đọc những số ghi chiều dài :

Thí-dụ : 3m đọc là 3 mét ; 36m, 025 đọc là 36 mét 25 mili-mét.

GHI NHỚ : Muốn đọc một số ghi chiều dài thì :

- Nếu là số nguyên thì đọc như một số nguyên kèm theo tên đơn-vị.
- Nếu là số thập-phân thì đọc số nguyên kèm theo tên đơn-vị rồi đọc phần thập-phân kèm theo tên đơn-vị của con số cuối cùng.

3. Cách viết những số ghi chiều dài :

Theo cách viết số nguyên và số thập-phân.

Thí-dụ : Lấy m làm đơn-vị : 3 dam 4 dm viết là 30m, 4 ; 50 cm 7 mm viết là 0m, 507.

GHI NHỚ : Muốn viết một số ghi chiều dài thì viết phần số nguyên kèm theo đơn-vị chính, rồi viết phần thập-phân với đủ các bậc kể từ con số của bậc cuối cùng.

Bậc nào thiếu thì thay bằng 1 con số 0.

Tóm-tắt

Thí-dụ :

km	hm	dam	m	dm	cm	mm
9	7	2	8	0	5	6

- a) Lấy m làm đơn-vị chính đọc là 9.728m, 056.
b) Lấy cm làm đơn-vị chính: 972.805cm, 6.

BÀI TẬP

1. Đọc những số sau đây (lấy đơn-vị là mét) :
1 km, 450 ; 0 hm, 37 ; 6 dam, 4 ; 3 dm, 8 ; 7 cm, 9.
2. Viết những số sau đây (lấy đơn-vị là m) :
3 km, 7 dm ; 7 hm 9 dam ; 7.000 mm ; 6 dam 40 cm 3 mm.
3. 7 km = ... m ; 8 hm = ... m ; 3.000 cm = ... m ;
34.000 mm = ... m.

TOÁN ĐỒ

1. Dây diều của tôi dài 100m. Sau khi thả, dây bị đứt mất 2 dam. Như vậy tôi còn lại bao nhiêu mét? 80m
2. Mẹ tôi mua 1m, 75 vải rồi lại mua thêm 0 m, 25. Hỏi mẹ tôi phải trả bao nhiêu tiền, biết 1 m vải giá 45\$. 90\$

3. Đổi đơn-vị trong những số ghi chiều dài

ĐỔI ĐƠN-VỊ LỚN RA ĐƠN-VỊ NHỎ

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1. Thí-dụ : Trò Lan có một băng giấy màu, dài 4 dm,8. Em cắt ra thành từng miếng dài 2 cm để làm thủ-công. Hỏi trò Lan cắt được mấy miếng ?



Thực-hiện : Trò Lan nhận-xét : Trong 4 dm,8 có 4 dm,8 cm tức là 48 cm. Lan thấy rằng sẽ cắt được 24 miếng.

Khi đổi 4 dm,8 ra 48 cm, trò Lan đọc 4 dm,8 cm, rồi viết $4\text{ dm},8 = 48\text{ cm}$.

Kết-luận : Lan đã đổi đơn-vị trong những số ghi chiều dài từ đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ.

2. Thí-dụ : Đổi 73 km,6 ra m.
– Em đọc 73 km 6 hm 0 dam 0 m.
– Em viết : $73\text{ km},6 = 73.600\text{ m}$.
– Em đã thay mỗi đơn-vị thiếu bằng 1 con số 0.
3. Thí-dụ : Đổi 3 hm,8562 ra m.
– Em đọc : 3hm 8dam 5m 6dm 2cm.
– Em viết : $3\text{ hm},8562 = 385\text{ m},62$.
– Em dịch dấu phẩy hai hàng từ bên trái sang bên phải.

GHI NHỚ : Muốn đổi đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ hơn 10, 100 hoặc 1.000 lần, thì dịch dấu phẩy, từ trái sang phải, 1, 2 hoặc 3 con số.
Đơn-vị nào thiếu thì thay bằng 1 con số 0.

BÀI TẬP

1. Thực-hành.

- Hãy dùng mét đo xem bạn mình cao bao nhiêu rồi tính ra đơn-vị nhỏ hơn.
- Hãy dùng mét đo chiều dài bàn học của em rồi tính ra đơn-vị nhỏ hơn.

2. Đọc ra m những số sau đây : 20hm ; 3km ; 6dam ; 12hm.

3. Viết những số sau đây theo thứ-tự từ lớn đến nhỏ :

10dm ; 3km,7 ; 8hm,05 ; 9cm,6 ; 23mm ;

59m ; 4dam ; 17dm ; 5dam,9 ; 38cm,9.

4. Đổi ra m : 6km ; 9cm,6 ; 74mm ; 5hm,07 ; 9dam,06.

Đổi ra cm : 5km,06 ; 19dam ; 700mm ; 3dm,8 ; 6m,805.

TOÁN ĐỒ

1. Chị Thu mua vải, về nhà đo lại thấy chỉ có 3m,96 mà thực ra thì chị đã trả tiền mua 4m. Hỏi cái mét của người bán hàng hụt mấy cm ? 0m01

Chỉ dẫn : Đây là một toán đố thuộc loại mét thừa, mét thiếu. Hãy chia chỗ thiếu cho 4 sẽ biết hụt là bao nhiêu.

2. Bà Tám mua 10m hàng, về nhà đo lại thấy được 10m,10. Hỏi người bán hàng đã đo thừa mỗi mét là bao nhiêu ? 0,2

3. Một người mua 20m hàng ; người bán hàng đã dùng cái mét thiếu chỉ dài có 99cm để đo, nên người mua bị thiệt. Tìm số tiền thiệt mất, biết 1m hàng giá 80\$. 16đ

4. Đổi đơn-vị trong những số ghi chiều dài

ĐỔI ĐƠN-VỊ NHỎ RA ĐƠN-VỊ LỚN

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1. *Thí-dụ*: Em Lê đo gang bàn tay của mình thấy dài 125mm.

Em muốn biết gang bàn tay dài mấy dm mà không phải đo lại.

Thực-hành: Em nhận-xét trong 125 mm, kẻ từ phải sang trái, có 5mm 2 cm 1 dm.

Em viết : $125 \text{ mm} = 1 \text{ dm}, 25$.

Em đánh dấu phẩy ngay sau số 1dm.

Kết-luận: Em đã đổi đơn-vị trong những số ghi chiều dài từ đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn.

Em đã dịch dấu phẩy 2 hàng từ bên phải sang bên trái.

2. *Thí-dụ*: Đổi 3m,5 ra km.

Em đọc 5dm 3m 0dam 0hm 0km.

Em viết : $3\text{m},5 = 0\text{km},0035$.

Em đã dịch dấu phẩy 3 hàng từ bên phải sang bên trái.

Em đã thay đơn-vị thiếu bằng 1 con số 0.

GHI NHỚ: Muốn đổi đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn hơn 10, 100 hoặc 1.000 lần thì dịch dấu phẩy từ phải sang trái 1, 2 hay 3 con số. Đơn-vị nào thiếu thì thay bằng 1 con số 0.



BÀI TẬP

1. Thực-hành:

Em hãy dùng cái déci-mét đôi đo một bước đi của bạn rồi đổi ra mét.

Dùng cái mét đo chiều dài lớp học rồi đổi ra những đơn-vị lớn hơn.

2. Đọc ra mét những số sau đây : 200cm ; 3.500mm ; 720dm.

Đọc ra km những số sau đây : 2.000m ; 300dam ; 5.450hm.

3. Đổi ra km : 300m ; 40hm ; 39dam,5.

Đổi ra m : 60dm ; 1.800mm ; 10cm,4.

TOÁN ĐO

1. Chị Lan mua 4m vải trắng, đem về giặt, thấy mỗi mét co mất 15mm. Hỏi tất cả co mất bao nhiêu cm? 10 cm

2. Một thợ may mua 100m hàng, khi giặt phơi khô rồi, thấy giãn ra được 1m,50. Hỏi mỗi mét hàng giãn ra được bao nhiêu mm? 15 mm

5. Học ôn



Đây là ba chị em : Lan, Đức và Nga.

- Lan cao hơn Nga mấy cm? Nga thấp hơn Đức mấy dm?
- Đọc đủ tên các đơn-vị trong những số sau đây :

4m,06 — 5m,098 — 3m,358 — 2km,09 — 3dm96 — 96cm,5.

- Viết những số sau đây (lấy đơn-vị là m) :
3m,2dm — 7dam,09cm — 2hm,08dm — 2km,65m — 9.000mm.
- Viết những số sau đây (lấy đơn-vị là cm) :
3m,7 dm — 7 dm — 1 hm,98 dm — 1 km 4 hm 5 dm.
- Đổi ra m : 50dm7cm — 6.000mm — 4dam3m — 5km9cm8mm.
Đổi ra km : 92m 4dm — 5hm9dam — 80.100cm — 90.000mm.

TOÁN ĐỒ

- Chị Quý mua vải, chị trả 100\$ giá tiền 4m, nhưng về nhà đo lại chỉ còn 3m,80. Hỏi chị thiệt bao nhiêu tiền? 15\$
- Ông Ba thợ may mua 12m lụa để may áo, lụa giặt rồi bị co mất 20cm. Hỏi ông Ba may một cái áo hết bao nhiêu mét vải đã giặt, biết ông may được 5 cái áo? 2m35
- Tôi đi từ nhà đến trường qua hai quãng đường : quãng đường đá dài 3hm,6, quãng đường nhựa dài 1km,75. Hỏi đường từ nhà tôi đến trường dài mấy km? 2km11
- Mẹ tôi mua hai đoạn vải, đoạn thứ nhất dài 1m,65 ; đoạn thứ nhì dài 85cm. Giá 1m vải là 20\$. Tìm số tiền mẹ tôi phải trả. 10\$
- Một toán thợ rải đá một con đường dài 3km,75. Hôm trước rải được 35dam ; hôm sau rải được hơn hôm trước 10m,5. Hỏi còn lại bao nhiêu m đường cần phải rải nữa? 3389m5

6. Lít – Bội-số và Ước-số của lít

ĐỌC VÀ VIẾT NHỮNG SỐ GHI DÙNG-TÍCH

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



- Người bán hạt khô (gạo, đậu, bắp...) thường dùng cái lít, cái lít đôi, cái nửa lít, cái gạ (40 lít) vv... bằng sắt hoặc bằng cây để đong.
- Người bán chất lỏng (dầu, rượu, giấm...) thường dùng cái lít, cái nửa lít, cái nửa deca-lít, cái déci-lít v.v... bằng kẽm hoặc cái chai lít để đong.

GHI NHỚ : Lít là đơn-vị chính để lường dung-tích.
Lít viết tắt là (l.).

- Deca-lít là một bội-số của lít — Déci-lít là một ước-số của lít.

GHI NHỚ : Bội-số và ước-số của lít

Tên đơn-vị		Viết tắt	Trị-số ra lít	Hệ-thống
Bội-số	Hecto-lít	h/	100/	Những bội-số và ước-số của lít theo hệ-thống thập-phân như những bội-số và ước-số của mét.
	Déca-lít	da/	10/	
	Lít	l	1/	
Ước-số	Déci-lít	d/	0/, 1	
	Centi-lít	c/	0/, 01	
	Mili-lít	m/	0/, 001	

3. Cách đọc và viết những số ghi dung-tích :

Trong những số ghi dung-tích các đơn-vị ở liền nhau cũng hơn nhau hoặc kém nhau 10 lần, nên cách đọc và viết những số chỉ đơn-vị về dung-tích cũng giống như cách đọc và viết những số chỉ đơn-vị về phép đo chiều dài.

Bội-số		Đơn-vị chánh	Ước-số				
Đọc là	h/	da/	l	dl	cl	ml	viết là
3 da/		3	0				= 30 l
5 dl/7 ml			0	5	0	7	= 0 l, 507

BÀI TẬP

1. Thực-hành :

— Ước lượng một chậu nước chứa được bao nhiêu lít, rồi dùng chai lít kiểm-soát lại.

— Ước lượng một rá gạo chứa được mấy lít hoặc mấy nửa lít rồi dùng cái lít hoặc cái nửa lít kiểm-soát lại.

2. Trong số 48 da/, 783 số nào chỉ h/, l, cl, dl?

3. Đọc những số sau đây : 3 l, 75 — 5 da/, 79 — 4 h/, 9857.

4. Viết những số sau đây (lấy đơn-vị l) :

6 h/, 2 l — 3 da/, 9 cl — 30 dl — 560 cl — 42.000 ml.

5. 1 chai chứa được 0 l, 6, 10 chai, 100 chai dung-tích bằng nhau chứa được bao nhiêu lít? bao nhiêu da/? bao nhiêu h/?

TOÁN ĐÒ

1. Một cơn mưa, tôi hứng được 4 h/, 80 nước; cơn mưa sau hứng được hơn cơn mưa trước 6 da/. Hỏi trong hai cơn mưa tôi hứng được bao nhiêu lít nước tất cả?

2. Một vòi nước chảy vào một cái hồ, mỗi giờ được 800 l nước. Sau 2 giờ còn phải đổ thêm 1 h/, 5 nữa mới đầy. Tìm dung-tích cái hồ.

3. Một nông-gia cân bắp thấy 1 h/ bắp nặng 72 kg. Ông bán 5 h/. Tìm số tiền thu được biết 1 kg bắp giá 4\$, 50.

7. Đổi đơn-vị trong những số ghi dung-tích

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1. Đổi đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ :



Bà nội-trợ này vơi nước mắm ra chai lít. Bà thấy thùng 20 l. (2 da/) được 20 chai lít.

Nói khác đi : Bà đã đổi đơn-vị dung-tích từ bậc lớn ra bậc nhỏ.

Thí-dụ khác : — Đổi 3 da/, 5 ra lít.
3 da/, 5 = 35 l.

— Đổi 2 h/, 075 ra da/.
2 h/, 075 = 20 da/, 75.

GHI NHỚ : Muốn đổi đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ hơn 10, 100 hoặc 1.000 lần thì xê-dịch dấu phẩy, từ trái sang phải, 1, 2 hoặc 3 con số.
Đơn-vị nào thiếu thì thay bằng 1 con số 0.

2. Đổi đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn :



Em nhỏ đang gạo đổ vào cái giạ (4 da/). Em thấy đồ 80 nửa lít thì đầy.

Nói khác đi : Em đã đổi đơn-vị từ bậc nhỏ ra bậc lớn.

Thí-dụ khác : — Đổi 2 dl, 5 ra lít.
2 dl, 5 = 0 l, 25

— Đổi 300 cl. ra lít.
300 cl = 3 l.

GHI NHỚ : Muốn đổi đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn hơn 10, 100 hoặc 1.000 lần thì xê-dịch dấu phẩy từ phải sang trái 1, 2 hoặc 3 con số.
Đơn-vị nào thiếu thì thay bằng 1 con số 0.

BÀI TẬP

- Thực-hành : — Dùng cái lít đong gạo đổ vào cái déca-lít coi bao nhiêu lít thì đầy ?
— Đổ 1 chai lít nước ra cái nửa lít coi được mấy nửa lít ?
- Đổi ra l : 3 h/5 ; 13 da/09 ; 70 dl ; 306 cl ; 700ml ; 2h/087.
Đổi ra hl : 800 cl ; 456 l. ; 45 da/97 ; 76.500ml ; 400 dl/95.
- Một cái chai chứa được 6dl ; 10 chai được mấy lít ? 50 chai chứa được bao nhiêu da/?

TOÁN ĐÒ

- Cái hồ nhà tôi chứa được 2 h/5 nước. Chị tôi đổ vào đó 5 đôi nước. Hỏi còn thiếu bao nhiêu déca-lít nước nữa thì đầy ? (1 đôi: 2 thùng sắt tây, mỗi thùng 20 l.).
- Ông Sáu gặt được 300 gạ lúa. Lần đầu ông bán đi một nửa, lần sau bán kém lần trước 50 gạ. Hỏi : 1) Hai lần ông Sáu bán bao nhiêu gạ ? 2) Nếu bán mỗi gạ được 145\$, thì thu được bao nhiêu tiền ?

8. Học ôn :

- Mỗi loại lít này dùng để đong gì ?

Loại				
Đong	?	?	?	?

- Đóng kịch mua bán, đong bằng lít :
— Nhóm 1 : Bán gạo (1 trò đong gạo, vài trò mua 3 l, 5 l...)
— Nhóm 2 : Mua nước mắm (1 trò đong nước mắm, vài ba trò mua 0 l, 5 - 2 l - 1 l, 50...).
- Đổi ra l. : 2 h/5 - 3 da/07 - 60 da/8 - 400 cl - 3.500 ml.
— Đổi ra hl : 3 l - 9 da/7 - 9.060 dl - 48.000 ml - 592 cl/8.
- Một lu nước dung-tích 1 h/6 ; đổ thêm 2 da/5 nữa thì đầy. Hỏi trong lu nước đã có bao nhiêu lít nước ?

TOÁN ĐÒ

1. Một hồ nước dung-tích. 15 h/. Sau một cơn mưa thì đầy được $\frac{1}{3}$ hồ. Hỏi còn cần phải đổ vào bao nhiêu da/ nữa mới đầy?
2. Một tiệm buôn 10 tĩn nước mắm. Mỗi tĩn chứa được 31,5. Mỗi lít nước mắm giá 12\$. Tiệm ấy bán hết chỗ nước mắm thì thu được 460\$. Tìm tiền lời.
3. Mỗi ngày anh Tý uống 0,15 rượu đế. Giá mỗi lít rượu là 18\$. Nếu trong 30 ngày, anh không uống rượu thì tiết-kiệm được bao nhiêu tiền?
4. Thùng xăng xe máy dầu của ông Tư chứa sẵn 31, ông đổ thêm 21,50. Sau khi đi xa về chỉ còn 01,75.
Hỏi : 1) Xe của ông Tư đã chạy hết mấy lít xăng?
2) Ông Tư phải tiêu bao nhiêu tiền mua số xăng ấy biết 1 lít xăng giá 10\$.
5. Mỗi tối bà Tư thắp đèn dầu lửa trong 3 giờ, mỗi giờ đốt hết 2 d/ dầu. Hỏi trong một tuần lễ bà Tư tiêu hết bao nhiêu tiền dầu lửa, biết 1 lít dầu giá 6\$?

CHƯƠNG II

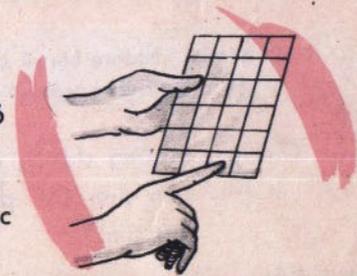
9. Mét vuông – Bội-số và ước-số của mét vuông

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1. Ý-niệm về mét vuông :

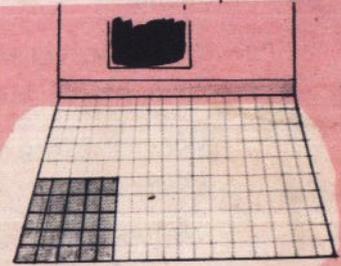
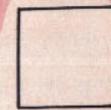
Em hãy đếm coi mảnh giấy có mấy ô ? Mỗi ô hình gì ?

Em thấy nền nhà thường được lát gạch bông hình vuông.



Em đếm 25 viên gạch bông ghép liền thành hình vuông, rồi đo mỗi cạnh của hình vuông ấy thì thấy mỗi cạnh đúng 1 mét.

Kết-luận: Đó là hình một mét vuông. Mét vuông là một hình vuông mỗi cạnh đo được 1 mét.



GHI NHỚ : Mét vuông là đơn-vị chính để đo diện-tích.
Mét vuông viết tắt là : m².

2. Ước-số và bội-số của mét vuông :

Nếu em cắt những miếng giấy hình vuông mỗi cạnh đo được :
1 dm ; 1 cm ; 1 mm
em sẽ được hình 1 dm² ; 1 cm² ; 1 mm².

Kết-luận : dm², cm², mm² là những ước-số của mét vuông.

— Em hãy tưởng-tượng ra một hình vuông lớn có cạnh 1 dam, 1 hm, 1 km em sẽ có hình 1 dam², 1 hm², 1 km².

Kết-luận : dam², hm², km² là những bội-số của mét vuông.

GHI NHỚ : Những bội-số của mét vuông là: km^2 , hm^2 , dam^2 .
 Những ước-số của mét vuông là: dm^2 , cm^2 , mm^2 .

Chú-y : Những đơn-vị đo diện-tích không có thực-tại. Khi cần đến thì phải dùng phép toán về hình-học mà tìm.

BÀI TẬP

1. Thực-hành.

- Hãy dùng cái mét kẻ trên bảng đen một hình vuông cạnh 1m (để biết diện-tích 1m^2).
- Cắt một miếng giấy màu, cạnh 1 dm (để biết diện-tích 1dm^2).
- Vẽ trên sân trường một hình vuông cạnh 1 dam (để biết diện-tích 1dam^2).

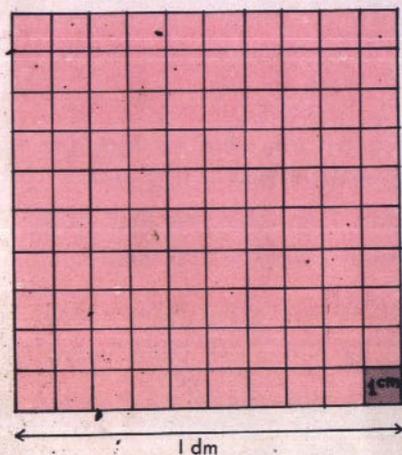
2. Đo cạnh một viên gạch vuông rồi tính diện-tích.

TOÁN ĐÒ

1. Chu-vi sân nhà em đo được 16m. Diện-tích nền nhà em đo được 36m^2 . Hỏi diện-tích nền nhà hơn diện-tích sân bao nhiêu mét vuông, biết sân hình vuông.
2. Trên một thửa đất rộng 540m^2 có một căn nhà rộng 48m^2 và một cái sân rộng gấp đôi nhà; còn lại là vườn. Hỏi vườn rộng bao nhiêu mét vuông ?

10. Sự liên-lạc giữa những đơn-vị ghi diện-tích cơ-bản 100

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



Em đếm thấy 100 ô vuông.

Nếu mỗi cạnh đo được 1m (cạnh của 1m^2) thì đếm được 100dm^2 .

Nếu mỗi cạnh đo được 1 dm (cạnh của 1dm^2) thì đếm được 100cm^2 .

Nếu mỗi cạnh đo được 1 cm (cạnh của 1cm^2) thì đếm được 100mm^2 .

Và, cứ như thế cho các bội-số của m^2 thì thấy :

GHI NHỚ :

1 km^2	$=$	100 hm^2	
1 hm^2	$=$	100 dam^2	$=$ $0\text{ km}^2,01$
1 dam^2	$=$	100 m^2	$=$ $0\text{ hm}^2,01$
1 m^2	$=$	100 dm^2	$=$ $0\text{ dam}^2,01$
1 dm^2	$=$	100 cm^2	$=$ $0\text{ m}^2,01$
1 cm^2	$=$	100 mm^2	$=$ $0\text{ mm}^2,01 = 0\text{ m}^2,0001$
1 mm^2	$=$		$=$ $0\text{ cm}^2,01 = 0\text{ m}^2,000001$
		1 m^2	$=$ $1.000.000\text{ mm}^2$

Những đơn-vị ghi diện-tích lớn bằng 100 lần đơn-vị ở liền dưới, và nhỏ hơn đơn-vị ở liền trên 100 lần.

Nói vắn-tắt : ở liền nhau thì những đơn-vị ghi diện-tích lớn hơn hoặc nhỏ hơn nhau 100 lần.

Như vậy nói rằng :

Đổi tên là: Cũ Xương Lộ

Sinh năm (AT) tại Ôp

GHI NHỚ : Những đơn-vị ghi diện-tích theo cơ-bản 100.
Mỗi đơn-vị ghi diện-tích được biểu-thị bằng 2 con số 0.

BÀI TẬP

1. Thực-hành EK

Vẽ trên giấy một hình vuông cạnh 1 dm, chia ra làm 100 ô vuông đều nhau để chứng-minh: $1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2$.

Vẽ trên sân một hình vuông cạnh 1 m, chia ra làm 100 ô vuông đều nhau để chứng-minh: $1 \text{ m}^2 = 100 \text{ dm}^2$.

- 5 dm vuông = ... cm vuông ; 10 m vuông = dm vuông ;
7 hm vuông = ... m vuông ; 2 km vuông = dam vuông.
- Một khu đất rộng 50 dam² có thể chia thành bao nhiêu lô nhỏ 25 m² ?

TOÁN ĐỒ

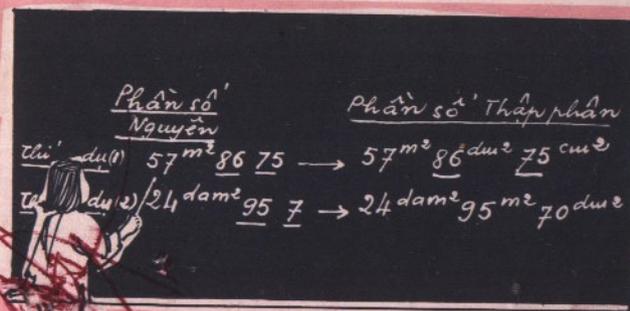
- Một cửa kính có gắn 6 miếng kính, diện-tích mỗi miếng là 12 dm². Hỏi tiền mua kính hết bao nhiêu biết 1 m² kính giá 80\$.
- Phòng học nhà em rộng 4 m, dài 5 m có lát gạch bông vuông, mỗi cạnh 2 dm. Hỏi tất cả có bao nhiêu viên gạch ?
- Chú Hai thuê trảng xi-măng một cái sân tốn 1.040\$, trong số có 200\$ tiền công thợ, còn lại là tiền cát và xi-măng. Tính diện-tích cái sân biết tiền mua cát và xi-măng trảng 1 mét vuông là 60\$.

11. Cách đọc những số ghi diện-tích

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

- Nhớ lại :
 - Mỗi đơn-vị ghi diện-tích gồm một đoạn 2 con số.
 - Đoạn nào thiếu hoàn toàn thì thay bằng 2 con số 0.
 - Đoạn nào thiếu 1 số thì thay bằng 1 con số 0.

Cách đọc những số ghi diện-tích :



- Em nhận-xét thấy ở thí-dụ 1 : Trong phần số thập-phân có 2 đoạn, mỗi đoạn có 2 con số, kể từ bên phải sang bên trái dấu phẩy.
- Em đọc phần số nguyên trước kèm theo đơn-vị chính, rồi đọc riêng từng đơn-vị của phần thập-phân :
Số 57 m², 86 75 .. được đọc là 57 m² 86 dm², 75 cm².

- Em có thể đọc phần số nguyên kèm theo đơn-vị chính, rồi đọc tất cả các con số thập-phân kèm theo tên đơn-vị cuối cùng :

Số $57\text{ m}^2, 86\ 75\dots$ được đọc là $\dots 57\text{ m}^2, 8675\text{ cm}^2$.

- Em nhận-xét thấy ở thí-dụ 2 : Trong phần số thập-phân, đơn-vị cuối cùng dm^2 chỉ có con số 7 ; cần phải thêm 1 con số 0 nữa (vì phải có 2 con số cho mỗi đơn-vị).
- Em đọc phần số nguyên rồi đến phần thập-phân :
Số $24\text{ dam}^2, 957$ đọc là : $24\text{ dam}^2\ 95\text{m}^2\ 70\text{ dm}^2$ hoặc là : $24\text{ dam}^2, 9570\text{ dm}^2$.

BÀI TẬP

1. Đọc những số sau đây, lấy đơn-vị là m^2 :
 $4\text{ dm}^2 ; 2\text{ dam}^2 ; 37\text{ hm}^2 ; 645\text{ cm}^2 ; 650.150\text{ mm}^2 ; 4\text{ km}^2\ 02$.
2. Có bao nhiêu dm^2 trong : $2\text{ m}^2 ; 45\text{ m}^2 ; 4\text{ dam}^2 ; 3\text{ km}^2$.
3. Có bao nhiêu cm^2 trong : $5\text{ m}^2 ; 4\text{ dm}^2,6 ; 7\text{ dm}^2 ; 500\text{mm}^2$.

TOÁN ĐÒ

1. Em Mai có một tờ giấy màu rộng 40 dm^2 ; em cắt thành những mảnh nhỏ hình vuông cạnh 2 cm . Hỏi em Mai cắt được bao nhiêu mảnh ?
2. Một nền nhà lát gạch bông vuông, cạnh 2 dm ; tất cả có 350 viên. Tìm diện-tích nền nhà tính ra m^2 . Lát 1 m^2 thì tốn 240\$. Hỏi lát cả nền nhà thì tốn bao nhiêu ?

12. Cách viết những số ghi diện-tích

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



- Em viết các đơn-vị từ lớn đến nhỏ, mỗi đơn-vị 2 con số ; đơn-vị nào thiếu hoàn-toàn thì thay bằng 2 con số 0. Đơn-vị nào thiếu 1 con số thì thêm 1 con số 0 vào bên trái số đã có sẵn.
- Khi viết đến đơn-vị chính thì viết tên đơn-vị, đặt dấu phẩy rồi mới tiếp-tục viết những đơn-vị khác.

BẢNG TÓM TẮT

km^2	hm^2	dam^2	m^2	dm^2	cm^2	mm^2	Lấy m làm đơn-vị chính thì viết là :
		09	05	47			- $905\text{ m}^2, 47$
			00	04	00	13	- $0\text{ m}^2, 040013$
02	85	09	86	00	94		- $2850986\text{ m}^2, 0094$

BÀI TẬP

- Lấy m^2 làm đơn-vị chính, viết những số sau đây :
 $5 m^2 63 dm^2$; $4 dam^2 9 m^2$; $8 km^2 7 hm^2$; $6.150 cm^2$.
- Lấy cm^2 làm đơn-vị chính, viết những số sau đây :
 $2 m^2$; $5 dm^2$; $2 dam^2$; $4 m^2 20 dm^2$; $6 hm^2 89 dam^2$;
 $3 hm^2 67 dam^2 13 m^2$; $3 km^2 97 m^2 89 mm^2$.
- Lấy dam^2 làm đơn-vị chính, viết những số sau đây :
 $8.700 m^2$; $35 m^2 5 dm^2$; $2 hm^2 47 m^2$; $4 km^2 3 hm^2$; $3 km^2 9 dam^2 56 dm^2$.

TỐÁN ĐỒ

- Ông Hai lát ván một sàn lâu dài 5m rộng 4m bằng những mảnh ván hình chữ nhật, diện-tích $100dm^2$. Hỏi số mảnh ván ông Hai cần dùng là bao nhiêu ?
- Một căn nhà có 3 cửa sổ, mỗi cửa có lắp 4 miếng kính dài 30cm, rộng 2dm. Hỏi phải tốn bao nhiêu tiền, biết $1m^2$ kính giá 80\$.

13. Đổi đơn-vị trong những số ghi diện-tích

ĐỔI ĐƠN-VỊ NHỎ RA ĐƠN-VỊ LỚN

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

I. Câu chuyện :

Lan: Chị Thu, em đồ chị biết tấm bản-đồ này bao nhiêu mét vuông ?

Thu: Bản-đồ này dài chừng 10cm, rộng 8cm ; diện-tích được $80cm^2$; đề chị tính coi đã rồi mới trả lời đích xác được.

Chị Thu làm bầm : $80 cm^2 00 dm^2 00 m^2$, rồi nói : Bản-đồ này rộng $0m^2, 0080$.

Kết-luận : Chị Thu đã đổi đơn-vị những số ghi diện-tích từ đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn.

- Chị đọc bắt đầu từ phải sang trái, lần lượt các đơn-vị (mỗi đơn-vị 2 con số) ; đơn-vị nào thiếu hoàn toàn thì được chị thay bằng 2 con số 0.
 - Chị đặt dấu phẩy ngay sau đơn-vị m^2 (lấy làm đơn-vị chính tức là đơn-vị muốn đổi).
2. Thí-dụ khác :
- Đổi $2m^2, 45$ ra km^2 thì được : $0km^2, 00 00 02 45$.
- Trong thí-dụ này đơn-vị m^2 thiếu 1 con số nên phải thay bằng 1 con số 0 viết liền trước; đơn-vị dam^2 , hm^2 thiếu hoàn toàn nên phải thay mỗi đơn-vị bằng 2 con số 0 ; dấu phẩy được dịch 6 hàng (6 con số) từ phải sang trái.



- GHI NHỚ :** — Muốn đổi một đơn-vị ghi diện-tích ra một đơn-vị lớn hơn thì dịch dấu phẩy từ phải sang trái, 2, 4, 6 ... con số.
- Đơn-vị nào thiếu hoàn toàn thì thay bằng 2 con số 0.
- Đơn-vị nào thiếu 1 con số thì thay bằng 1 con số 0.

BÀI TẬP

1. Thực-hành :

- Em hãy dùng cái déci-mét đôi, đo kích thước bàn thầy giáo, rồi tính diện-tích ra mét vuông.
 - Em hãy dùng cái mét đo kích thước lớp học, rồi tính diện-tích ra dam², ra hm².
2. Đổi ra m² : 2.500 mm² ; 95 cm², 76 ; 3 dm², 0978.
3. Đổi ra km² : 4 hm², 75 ; 92 dam², 89 ; 0 m², 9.756.
60.000 dm² ; 756.000 cm² ; 195.000 mm².

TOÁN ĐỒ

1. Một thửa ruộng hình chữ nhật dài 125 m, rộng 80 m. Tính diện-tích ruộng ra km vuông.
2. Ông Vinh có một thửa đất rộng 300 m² và một cái vườn rộng 1 dam², 5. Ông bán đồ đồng được 5.300\$ một dam². Hỏi ông thu được bao nhiêu tiền ?
3. Trò Mai có một tờ giấy màu hình chữ nhật dài 0m,40 rộng 25 cm. Em cắt thành hình vuông 25 cm². Hỏi em sẽ được bao nhiêu miếng nhỏ ?

14. Đổi đơn-vị trong những số ghi diện-tích

ĐỔI ĐƠN-VỊ LỚN RA ĐƠN-VỊ NHỎ

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

1. Bài dẫn giải :

Trò Minh có một miếng giấy màu hình chữ nhật dài 2 dm, rộng 1 dm, 5. Em muốn cắt thành những miếng 20 cm² để làm thủ-công. Em muốn biết trước sẽ được bao nhiêu miếng thì phải làm cách nào ?



- Cách làm :** — Em làm toán : $2 \text{ dm} \times 1 \text{ dm}, 5 = 3 \text{ dm}^2$.
- Em đổi 3 dm^2 ra cm^2 , được 300 cm^2 .
- Em chia : $300 : 20 = 15$ miếng.

(Khi đổi 3 dm^2 ra 300 cm^2 , em đọc lần lượt các đơn-vị, bắt đầu từ số 3 : $3 \text{ dm}^2 \text{ } 00 \text{ cm}^2 ; 3 \text{ dm}^2 = 300 \text{ cm}^2$).

Kết-luận : Trò Minh đã đổi đơn-vị ghi diện-tích từ đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ.

- Đơn-vị cm^2 không có, em thay bằng 2 con số 0.

2. Thí-dụ khác : Đổi $3 \text{ m}^2 \text{ } 6 \text{ dm}^2 \text{ } 25 \text{ mm}^2$ ra cm^2 .
 $3 \text{ m}^2 \text{ } 6 \text{ dm}^2 \text{ } 25 \text{ mm}^2 = 30.600 \text{ cm}^2 \text{ } 25$

Trong thí-dụ này : Đơn-vị dm^2 thiếu một con số nên phải thay bằng 1 con số 0 viết bên trái số 6.

Đơn-vị cm^2 thiếu tất cả, nên phải thay bằng 2 con số 0.

Sau đơn-vị cm^2 lấy làm đơn-vị chính phải đánh dấu phẩy và viết tiếp đơn-vị mm^2 . Dấu phẩy được dịch 4 hàng (4 con số) từ trái sang phải.

GHI NHỚ : — Muốn đổi một đơn vị ghi diện-tích ra một đơn vị nhỏ hơn thì dịch dấu phẩy từ trái sang phải 2, 4, 6... con số.
— Đơn-vị nào hoàn toàn thiếu thì thay bằng 2 con số 0. Nếu thiếu 1 con số thì thay bằng 1 con số 0.

BÀI TẬP

1. Thực-hành :

— Hãy dùng cái mét đo chiều dài, chiều rộng lớp em, tính diện-tích ra mét vuông, rồi đổi ra cm vuông.

— Hãy dùng cái déci-mét đôi đo kích thước cuốn vở của em.

Tìm diện-tích ra cm vuông rồi đổi ra mm vuông.

2. Đổi ra m^2 : $3 \text{ km}^2, 75$; $5 \text{ hm}^2, 80$; 60 dam^2 ; $0 \text{ km}^2, 856$.

3. Đổi ra cm^2 : 1 km^2 ; $2 \text{ hm}^2, 18$; $3 \text{ dam}^2, 7$; $6 \text{ m}^2, 04$; $4 \text{ dm}^2, 0374$.

TOÁN ĐỒ

1. Cuốn sách toán của em dài bao nhiêu cm, rộng bao nhiêu cm ? Tìm diện-tích sách coi được bao nhiêu dm^2 , cm^2 , mm^2 ?

2. Ông Lý có một lô đất rộng $81 \text{ dam}^2, 60$, ông chia thành từng lô 80 m^2 và bán mỗi lô $4.500\$$.

Hỏi : 1) Có bao nhiêu lô đất ? 2) Được bao nhiêu tiền ?

15. Học ôn

1. Thực-hành :

Hãy dùng dây xích-đạc 1 dam đo sân trường, rồi tính ra m^2 , dam^2 .

2. Thêm vào hoặc bớt đi cho đủ :



1 cm^2	1 m^2	1 dam^2	1 km^2
$3 \text{ mm}^2 + (?)$	$250 \text{ dam}^2 - (?)$	$109 \text{ m}^2 - (?)$	$90 \text{ hm}^2 + (?)$

3. Đổi ra m^2 : $2 \text{ km}^2, 5$; $6 \text{ hm}^2, 98$; $0 \text{ dam}^2, 05$; 450 dm^2
 $0 \text{ cm}^2, 45$; 90.000 mm^2 .

TOÁN ĐỒ

1. Một miếng vải hình chữ nhật dài $1 \text{ m}, 2$, rộng $0 \text{ m}, 75$. Người ta cắt bớt một miếng rộng $0 \text{ m}^2, 50$. Hỏi còn lại bao nhiêu ?

2. Trên một vườn vuông cạnh 15 m có một sân vuông cạnh 4 m .

Tính ra dam^2 diện-tích còn lại của cái vườn.

3. Một căn phòng rộng $3 \text{ m}, 6$, chu-vi $16 \text{ m}, 16$. Tìm diện-tích căn phòng.

4. Trên một trang giấy trắng hình chữ nhật $0 \text{ m}, 22 \times 0 \text{ m}, 16$ có dán một miếng giấy thủ-công hình bình-hành cao $2 \text{ cm}, 5$, chiều nằm 4 cm . Hỏi diện-tích giấy trắng còn lại là bao nhiêu ?

5. Ông Đức có một miếng đất hình chữ nhật dài 60 m , rộng $32 \text{ m}, 5$, ông bán một nửa được $2.400\$$ một dam^2 , một nửa được $30\$$ một m^2 . Hỏi ông Đức thu tất cả được bao nhiêu tiền ?

CHƯƠNG III

16. Cao tây - sào tây - mẫu tây

CÁCH ĐỌC VÀ VIẾT NHỮNG ĐƠN-VỊ ĐO RUỘNG ĐẤT

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

I. Những đơn-vị đo ruộng đất :



Bác nông-phu này đang ngắm ruộng lúa. Bác tự nhủ : « Năm nay lúa tốt, may ra mỗi sào gặt được trội hơn năm rồi vài ba chục kí lúa. Sang năm ta cố mua thêm 2 sào 3 cao nữa cho đủ một mẫu ».

Nhận xét : Bác nông-phu nói đến cao (tây), sào (tây), mẫu (tây).

Kết-luận : Cao, sào, mẫu là những đơn-vị ghi diện-tích ruộng đất.

Carvats

TÓM TẮT

Đơn-vị	viết tắt là	do tiếng	trị-số bằng
Mẫu tây	ha	hectare	100a
Sào tây	a	are	100ca
Cao tây	ca	centiare	$\frac{1}{100}a$

GHI NHỚ : Những đơn-vị đo ruộng đất hơn nhau hoặc kém nhau 100 lần.

— Mỗi đơn-vị đo ruộng đất được biểu-thị bằng một đoạn 2 con số, tức là theo cơ-bản 100 (cũng như những đơn-vị đo diện-tích thường).

2. Cách đọc những số ghi diện-tích ruộng đất cũng giống như cách đọc những số ghi diện-tích thường.

Thí-du : — 5ha, 7683 đọc là ... 5ha 76a 83ca hoặc là 5ha 7.683ca.

— 8ha, 245 đọc là ... 8ha 24a 50ca hoặc là 8ha 2.450ca.

Chú ý : Đơn-vị cuối cùng thiếu 1 con số nên phải thêm 1 con số 0 vào bên phải.

3. Cách viết những đơn-vị đo ruộng đất cũng giống như cách viết những đơn-vị đo diện-tích thường.

Thí-du : — Lấy đơn-vị là a : 3ha 65a 24ca = 365a,24.

— Lấy đơn-vị là ca : 3ha 00a 24ca = 30.024ca.

Chú ý : Đơn-vị nào thiếu một con số thì thay thế bằng 1 con số 0 viết ngay liền trên.

Đơn-vị nào thiếu cả 2 con số thì thay thế bằng 2 con số 0.

BÀI TẬP

- Kể những đơn-vị đo ruộng đất.
- Những đơn-vị đo ruộng đất theo cơ-bản 100 nghìn là thế nào ?
- Tính ra a : 2 ha, 5 ; 800 ca.
ha : 500 a ; 5.000 ca.
ca : 1 ha, 8 ; 45 a.
- Thêm vào hoặc bớt đi cho đủ :

1 ha	1 a	5 ha	5 a
$25 a + (...?)$	$185 ca - (?)$	$4 ha, 8 + (?)$	$754 ca - (?)$

TOÁN ĐỒ

- Ông Nam cấy 1 ha, 5 lúa, mỗi ha gặt được 1.400 kg lúa. Hỏi ông Nam gặt được bao nhiêu kg lúa ?
- Một nông-gia trồng mía, mỗi a được 60 kg, ông nói : « Nếu tôi trồng thêm được nửa ha thì tôi được 7.500 kg ». Hỏi thửa ruộng của ông rộng bao nhiêu a ?

Chỉ-dẫn : Hãy tìm xem tất cả ruộng và nửa ha được bao nhiêu ha, rồi trừ đi.

17. Đòi đơn-vị trong những số ghi diện-tích ruộng đất

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

1. Đòi đơn-vị :

Nông-gia A nói với nông-gia B : Tôi có 58 sào mía. Anh có mấy sào bắp ?

Nông-gia B : Tôi có nửa mẫu.

Nông-gia A : Vậy tôi hơn anh..... sào.

— Em hãy trả lời giúp nông-gia A.

— Em tính : Nửa mẫu tức là 0 ha 5, đổi ra sào thì được 50 sào.

Nông-gia A hơn nông-gia B 8 sào.

Kết-luận : Em đã đòi đơn-vị trong những số ghi ruộng đất từ đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ.

1. Đòi đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ :

Thí-du : $1 ha, 5 = 150 a$; $1 ha 2 a 7 ca = 102 a, 07$.

2. Đòi đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn :

Thí-du : $1 a, 25 = 0 ha, 0125$; $28 ca = 0 ha, 0028$.



GHI NHỚ : Cách đổi đơn-vị trong những số ghi ruộng đất cũng giống như cách đổi đơn-vị trong những số ghi diện-tích thường.

BÀI TẬP

1. Đổi ra ca : 2 ha,75 ; 3 a,09 ; 3 ha,9 ca.
2. Đổi ra a : 2 ha,04 ; 760 ca ; 0 ha,45 ca.
3. Đổi ra ha : 27 a ; 3.700 ca ; 4 a,75 ca.
4. Đã có 12 a,50 thì phải thêm bao nhiêu a nữa cho đủ nửa ha ? Phải bớt đi bao nhiêu để còn lại 500 ca ?

TOÁN ĐỒ

1. Chú Bình trồng 2 ha,75 mía. Mỗi a chú thu được 70 kg mía. Hỏi chú thu được tất cả bao nhiêu kg mía ?
2. Ông Hiếu trồng 1 ha đậu phộng được 2.500 kg, đem bóc vỏ đi cân thì thấy 100 kg trái đậu phộng được 80 kg hạt. Hỏi nếu chỉ trồng 1 a thì được bao nhiêu kg hạt ?

18. Học ôn

1. Ngày thứ Hai anh nông-phu này cày được 2 a,75 ruộng, ngày thứ Ba, anh cày được 2 a,25. Hỏi trong 2 ngày anh cày được bao nhiêu tất cả ?



2. Chỉ cho biết số nào sai, số nào đúng :

Đổi đơn-vị		Sai	Đúng
3 ha, 5	305 a		
6 a, 7	670 ca		
2 a, 24 ca	204 ca		
503 ca	0 ha, 503		
6 ha, 7 ca	60.007 ca		

3. Làm những bài toán sau đây :

$7 \text{ ha}, 5 + 0 \text{ a}, 7 = \dots\dots\dots$; $9 \text{ a } 6 \text{ ca} + 7 \text{ ha} = \dots\dots\dots$
 $94 \text{ ha}, 7 - 18 \text{ a}, 6 = \dots\dots\dots$; $34 \text{ a } 7 \text{ ca} - 100 \text{ ca} = \dots\dots\dots$

TOÁN ĐỒ

1. Một nông-gia trồng hai ruộng mía diện-tích 1 ha, 07 và 78 ha 5 ca. Mỗi ha được 60 tấn mía. Hỏi nông-gia này được bao nhiêu tấn mía ?
2. Bác Hai cấy 0 ha, 75 lúa, vì mất mùa nên chỉ gặt được 30 tạ lúa. Hỏi nếu bác cấy 1 a thì thu được bao nhiêu lít lúa ?
3. Ông Phú chia đất cho 2 con, con lớn được 3 ha, 75, con nhỏ được kém con lớn 25 a. Hỏi thửa ruộng của ông Phú rộng bao nhiêu ha ?
4. Ông Quý có 1 ha, 65 ruộng, ông chia làm 2 lô ; lô thứ nhất rộng hơn lô thứ nhì 0 ha, 25. Lô thứ nhất bán được 200\$ một a ; lô thứ nhì bán được tất cả 25.000\$. Tìm giá thửa ruộng.
5. Một người đổi một thửa ruộng 42 a, giá 250\$ một a lấy một thửa vườn chữ nhật dài 60 m, 5, rộng 42 m, giá 45\$ một mét vuông. Hỏi người ấy thiệt hay lợi ? bao nhiêu tiền ?

19. So-sánh những đơn-vị đo ruộng đất

VỚI NHỮNG ĐƠN-VỊ ĐO DIỆN-TÍCH THƯỜNG
ĐỔI ĐƠN-VỊ ĐO DIỆN-TÍCH RA ĐƠN-VỊ
ĐO RUỘNG ĐẤT VÀ NGƯỢC LẠI

1. So-sánh những đơn-vị đo ruộng đất với những đơn-vị đo diện-tích thường

BẢNG SO SÁNH

	1 hm ²	1 ha					
	1 dam ²	1 a					
	1 m ²	1 ca					
Đơn-vị đo diện-tích thường	km ²	hm ²	dam ²	m ²	dm ²	cm ²	mm ²
Đơn-vị đo ruộng đất		ha	a	ca			



- GHI NHỚ :** — Các đơn-vị đo diện-tích thường và các đơn-vị đo ruộng đất đều theo cơ-bản 100.
— Có 7 đơn-vị đo diện-tích thường.
— Có 3 đơn-vị đo ruộng đất.

2. Đổi đơn-vị (l)

Thí-dụ : Đổi a ra m^2 : $25a,75 = 25 \text{ dam}^2, 75 = 2.575m^2$

Đổi hm^2 ra a : $9 \text{ hm}^2,5 = 950 \text{ dam}^2 = 950a$

Lời chú : Khi đã thông-thạo rồi thì có thể đổi thẳng, không cần qua đơn-vị tương-đương. Thí-dụ : $25a, 75 = 2575m^2$ (không qua dam^2).

BÀI TẬP

- Đổi ra m^2 : $2a,5$; 92 ca ; $5 \text{ ha}, 07$.
- Đổi ra ca : $45 m^2$; 2 dam^2 ; $8 \text{ hm}^2,9$; $1 \text{ km}^2, 9856'$.
- Thêm vào cho đủ 1 a :
 $67m^2 \xrightarrow{+293} 1a$; $0 \text{ dam}^2,78 \xrightarrow{+22} 1a$; $800.000 \text{ cm}^2 \xrightarrow{+20} 1a$.
- Bớt đi cho đủ $2 m^2$:
 $0 \text{ ha},05 - \dots = 2 m^2$; $1a,9 - \dots = 2 m^2$; $7 \text{ ca} - \dots = 2 m^2$.

TOÁN ĐỒ

- Tìm tiền bán một vườn hình chữ nhật $24 \text{ m} \times 25 \text{ m}$, giá 1 sào tây là 8.500\$.
- Một ruộng hình chữ nhật chiều rộng là 75 m. Giá ruộng là 15.000\$. Tìm chiều dài biết 1 mẫu tây giá 25.000\$.

20. Học ôn

Thực-hành : Tìm diện-tích sân trường, lớp học.

Toán 1 : Đo ; Toán 2 : Biên chép ; Toán 3 : Tính diện-tích ; Toán 4 : Đổi đơn-vị (ra a, ca, m^2 vv...)

TOÁN ĐỒ

- Ba anh Xuân có 3 ha, 6 đất. Ông bán bớt đi $\frac{1}{3}$ thì còn lại bao nhiêu mét vuông ?
- Một người có 3a, 25 vườn, bán đi 1a,75 được 20\$ một cao tây, chỗ còn lại giá 3.000\$ 1 sào tây. Tìm số tiền thu được nếu bán hết.
- Ông Tín bán $\frac{1}{3}$ thửa ruộng được 4.000\$, một mét vuông giá 4\$. Hỏi diện-tích thửa ruộng là bao nhiêu ha ?
- Trên một bản-đồ Nam-phần Việt-Nam diện-tích đo được $0m^2,2560$. Hãy nhân số đó với 500.000 rồi tính xem được bao nhiêu mẫu tây ?
- Trên một thửa đất hình bình-hành, chiều năm 125 m, chiều cao 45 m, có một lối đi theo chiều năm ; lối đi rộng 3 m, 4. Tìm diện-tích chỗ đất ở hai bên lối đi rồi tính ra sào tây.

CHƯƠNG IV

21. Ý-niệm về trọng-lượng và tìm trọng-lượng

ĐƠN-VỊ CĂN-BẢN : GAM – ĐƠN-VỊ CHÍNH:KILO-GAM

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1. Ý-niệm về trọng-lượng và tìm trọng-lượng

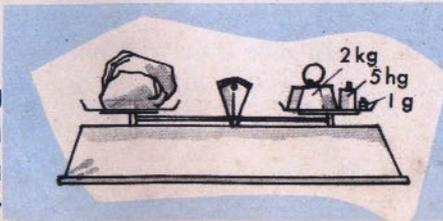


- Em đặt cây viết chì trên bàn tay, cây viết chì đè nhẹ trên bàn tay.
- Em đặt cục đá trên bàn tay, cục đá đè nặng trên bàn tay. Bút chì và cục đá đều có sức nặng (hoặc gọi là trọng-lượng). Mọi vật đều có một trọng-lượng.
- Em nhắc cây viết chì một cách dễ-dàng; cây viết chì nhẹ.

- Em nhắc cục đá một cách khó khăn hơn; cục đá nặng.
- Bút chì nhẹ hơn cục đá; cục đá nặng hơn bút chì.
- Em đã ước-lượng trọng-lượng của bút chì và của cục đá; nhưng bút chì, cục đá nặng bao nhiêu? — Muốn biết đích-xác trọng-lượng của bút chì, cục đá hoặc một vật khác thì phải cân. Muốn cân thì phải dùng cái cân và quả cân.

2. Gam và Kilo-gam

Trong việc tìm trọng-lượng của một vật, người ta dùng cân và những quả cân. Những quả cân được chế-tạo căn-cứ



vào cái gốc là Gam lấy làm đơn-vị căn-bản và Kilo-gam lấy làm đơn-vị chính thông-thường.

GHI NHỚ : Tìm coi một vật nặng hay nhẹ là tìm trọng-lượng của nó. Gam là đơn-vị căn-bản, kilo-gam là đơn-vị chính dùng trong việc tìm trọng-lượng của một vật. Gam viết tắt là g. Kilo-gam viết tắt là kg.

BÀI TẬP

1. Cho nhắc lại ý-niệm về trọng-lượng và tìm trọng-lượng với thí-dụ khác với bài giảng.
2. Một người ốm mỗi ngày dùng 4 lần, mỗi lần 1 viên thuốc nặng $\frac{1}{2}$ gam. Hỏi mỗi ngày người ấy dùng mấy gam thuốc.
3. Má tôi mua 4kg thịt heo, mỗi kg giá 85\$. Tìm số tiền má tôi phải trả.

TOÁN ĐÒ

1. Chị Hồng mua 5 trăm gam rau, mỗi trăm giá 8\$,50 và 2 kg thịt bò giá 75\$ một kg. Chị Hồng có 200\$. Hỏi chị còn lại bao nhiêu?
2. Một h/ lúa cân nặng 60 kg; mỗi kg giá 6\$,25. Anh Bảy đã bán 5 h/4 lúa. Hỏi anh thu được bao nhiêu tiền?

22. Ước-số của Gam

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



Ông dược-sĩ này cân thuốc Âu-Mỹ bằng những quả cân lá: 1 dg, 5 cg.



Bà chủ tiệm vàng này cân chiếc cà-rá bằng những quả cân lá: 2 dg, 5 mg.

Dg, cg, mg đều là những ước-số của Gam.

GHI NHỚ : 1 gam = 10 déci-gam
Gam có những ước-số sau đây :

Tên đơn-vị	viết tắt là	bằng	Trị-số ra gam
Déci-gam	dg	10 cg	$\frac{1}{10}$ g ... 0g,1
Centi-gam	cg	10 mg	$\frac{1}{100}$ g ... 0g,01
Mili-gam	mg		$\frac{1}{1.000}$ g ... 0g,001

— Những ước-số của gam đều hơn nhau hoặc kém nhau 10 lần.

BÀI TẬP

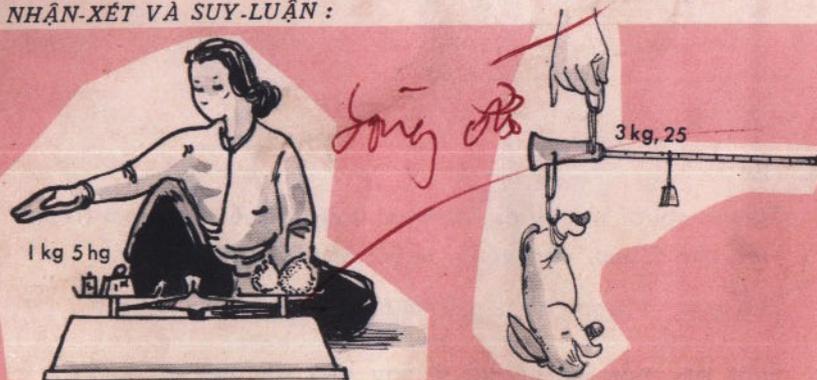
- Tại sao người ta thường dùng những ước-số của gam trong việc cân thuốc, cân vàng, ngọc, kim-cương (hột xoàn) v.v..
- Mỗi con số trong số 2g,096 chỉ những đơn-vị nào ?
- Gấp đôi, gấp ba những số sau đây rồi tính ra gam :
20 dg, 70 cg, 1.500 mg.
- Thêm hoặc bớt trong những số sau đây để cho thành ra 5 déci-gam : 2g ; 1g,08 ; 90 cg ; 800 mg.

TOÁN ĐỒ

- Em Bình bị cúm, má em cho uống 2 gói thuốc, một gói $\frac{1}{2}$ gam và một gói $\frac{1}{5}$ gam. Hỏi tất cả hai gói thuốc nặng mấy déci-gam ?
- Một tiệm thuốc có 5.000 gam thuốc tím, đem gói một nửa số thuốc thành những gói 10 gam ; còn lại thành những gói 2g,5. Hỏi tất cả được bao nhiêu gói thuốc tím ?

23. Bội-số của Gam và của Kilô-gam

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :



Bà bán hoa quả này cân 1 Kí rưỡi (1 kg 5hg) sầu riêng. Con thỏ này nặng bao nhiêu kg ?

- Hécto-gam, kilô-gam đều là những bội-số của gam.
- Khi cân những thứ như gạo, củi, than v.v... người ta thường tính ra tạ. Tạ bằng 100 kg, tạ là 1 bội-số của kg.

GHI NHỚ : — Gam có những bội-số sau đây :

Tên đơn-vị	viết tắt	Trị-số ra gam
Déca-gam	dag	10 g
Hecto-gam	hg	100 g
Kilô-gam	kg	1.000 g
— Kilô-gam có 2 bội-số là :		
Tạ	q	100 kg
Tấn	t	1.000 kg

— Những bội-số và ước-số của gam và của kilô-gam theo hệ-thống thập-phân.

Lời chú: Chữ q do tiếng Pháp quintal mà có. Quintal = 100kg.

BÀI TẬP

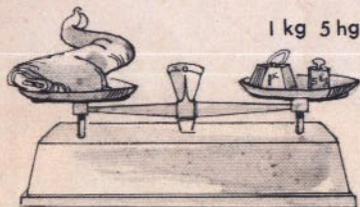
1. Khi cân heo, cân gạo, cân than... người ta thường dùng những đơn-vị đo-lường nào? Nói tại sao?
2. Trong số 2.354 g, 87, mỗi con số chỉ những đơn-vị nào?
3. Những bội-số và ước-số của gam đều theo hệ-thống nào? Nghĩa là thế nào?
4. Một tạ than cây giá 480\$. Tìm giá 1 kg, 10 kg, 50 kg.

TOÁN ĐỒ

1. Dì Huệ mua 1 tạ $\frac{1}{2}$ than cây giá 480\$ một tạ. Chủ vựa bớt cho 15\$. Hỏi dì Huệ còn phải trả bao nhiêu tiền?
2. Anh Bảy dùng dây kẽm gai rào vườn dài 40m, rộng 24m. Anh rào 3 lượt. Hỏi anh phải mua bao nhiêu kg kẽm gai, biết 1 m dây kẽm nặng 2 hécto-gam?

24. Cách đọc và viết những số ghi trọng-lượng

I. Cách đọc những số ghi trọng-lượng.



— Cái cân heo này cân nặng 1 kg 5 hg tức là 1 kg, 5.

1 kg, 5 đọc là : 1 kg 5 hg, hoặc là 15 hg, (cũng đọc là 1 kí rưỡi).

— Thí-dụ khác: 45 g, 27 đọc là 45 g 27 cg hoặc là 4.527 cg.

GHI NHỚ : Muốn đọc một số ghi trọng-lượng :

- Nếu số đó là một số nguyên thì đọc như số nguyên;
- Nếu số đó là một số thập-phân thì đọc số nguyên kèm theo tên đơn-vị, rồi đọc phần thập-phân kèm theo tên đơn-vị của con số cuối cùng.

2. Cách viết những số ghi trọng-lượng.

Thí-dụ 1 : Lấy gam làm đơn-vị chính : 3 dag 8 dg viết là 30g, 8.

Thí-dụ 2 : Lấy kg làm đơn-vị chính : 450 g viết là 0 kg, 450.

— Trong thí-dụ 1, đơn-vị g bị thiếu, phải thay bằng 1 con số 0; trong thí-dụ 2, đơn-vị kg bị thiếu, phải thay bằng 1 con số 0.

GHI NHỚ : — Muốn viết một số ghi trọng-lượng thì viết số nguyên kèm theo tên đơn-vị chính, rồi viết phần thập-phân với đủ các bậc đơn-vị kể từ bậc của con số cuối cùng.

Đơn-vị nào thiếu thì thay bằng 1 con số 0.

TÓM TẮT

Bội-số			Lấy làm đơn vị chính	Ước-số		
kg	hg	dag	g	dg	cg	mg
2	8	0	0			
		6	0	0	7	9

Đọc là : 2kg 8 hg hoặc : 28 hg.
6dag 7cg 9mg hoặc : 60.079 mg.

Viết là : 2.800g và 60g,079.

BÀI TẬP

1. Đọc ra gam những số sau đây :
2 kg ; 4 hg ; 12dag, 5 ; 17 dg ; 200 g ; 45.000 mg.
2. Viết những số sau đây ra kg :
8.000 dg ; 46 hg ; 45.000 cg ; 24 dag ; 3 tạ ; 2 tấn.
3. Một thân cây cân nặng 5 tạ ; người ta xẻ ra từng khúc 25 kg thì được bao nhiêu khúc ?

TOÁN ĐỒ

1. Em cân nặng 29 kg ; bạn em nặng hơn em 5 hg. Hỏi cả hai người cân nặng bao nhiêu kg ?
2. Nhà máy xay Hóa-Sơn xay 7 tấn lúa. Xay 1 tạ lúa thì được 72 kg gạo. Bán mỗi tạ gạo được 820\$. Hỏi bán hết số gạo xay ra thì nhà máy thu được bao nhiêu tiền ?

25. Học ôn

1. Muốn biết con gà này nặng hay nhẹ, em làm cách nào ?
Cách nào chính-xác hơn ?



2. Kể những ước-số và những bội-số của gam.
3. Những bội-số và ước-số của gam theo hệ-thống nào ?
Hãy giải-thích, rồi cho một vài thí-dụ.

TOÁN ĐỒ

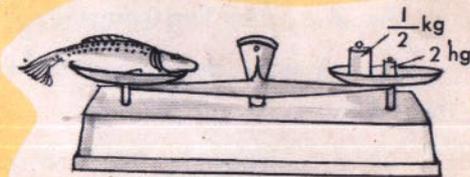
1. Chị Năm mua 3 tạ $\frac{1}{2}$ than, mỗi tạ 840\$; tiền thuê chở về tốn 30\$. Hỏi chị Năm phải tiêu tất cả bao nhiêu tiền ?
2. Tiệm An-Hóa buôn 60 bao bắp, mỗi bao cân nặng 75 kg ; vì để lâu nên bắp bị hư mỗi bao mất 5 hg. Hỏi chỗ bắp còn lại cân nặng bao nhiêu tạ ?
3. Một toa xe lửa chỉ chở được 8 tấn hàng. Người ta xếp lên toa 105 phiến gang, mỗi phiến nặng 84 kg. Như vậy có nặng quá không ? Nếu có thì nặng quá bao nhiêu kg ?
4. Má em mua 2 kg 5 hg thịt heo, giá 8\$,2 một trăm (tức 1 hg) và $\frac{1}{2}$ kg rau đậu giá 12\$ một kg. Tính xem má em phải tiêu bao nhiêu tiền ?
5. Gia-đình anh Bá có 5 người, trung-bình mỗi người ăn một tháng hết 9 kg gạo. Gần cuối tháng đó có thêm một người bạn ở chơi nên ăn hết thêm 2 kg gạo nữa. Vợ anh Bá mua 1 tạ gạo từ đầu tháng thì cuối tháng còn lại bao nhiêu kg ?

26. Đổi đơn-vị trong những số ghi trọng-lượng

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

- 1) Đổi đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn

Con cá này cân nặng bao nhiêu kg ?
..... 0 kg,70



$$5 \text{ hg} + 2 \text{ hg} = 7 \text{ hg} = 0 \text{ kg},70$$

- Thí-dụ khác: Đổi 3:865 gam ra kilô-gam.

Từ bên phải sang bên trái, em đọc: 5 gam 6 dag 8 hg 3 kg;
em viết: 3.865 g = 3 kg, 865.

Em đặt dấu phẩy ngay sau con số 3 là con số ghi đơn-vị kg lấy làm đơn-vị chính.

Em đã dịch dấu phẩy 3 hàng từ phải sang trái.

- Đổi 7 cg ra gam.

Em đọc: 7 cg 0 dg 0 g ; Em viết: 7 cg = 0 g 07.

Đơn-vị dg không có, em thay bằng 1 con số 0 ; đơn-vị g cũng không có, em cũng thay bằng 1 con số 0.

Em đặt dấu phẩy ngay sau con số 0 ghi đơn-vị g lấy làm đơn-vị chính. Em đã dịch dấu phẩy 2 hàng từ phải sang trái.

GHI NHỚ : Muốn đổi đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn hơn 10, 100, 1.000 lần thì dịch dấu phẩy từ phải sang trái 1, 2, 3 hàng.

Đơn-vị nào thiếu thì thay bằng 1 con số 0.

2) Đổi đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ

Thí-dụ 1: Đổi 5 kg 3 hg ra gam.

Em đọc: 5 kg 3 hg 0 dag 0 g; Em viết: $5\text{ kg } 3\text{ hg} = 5.300\text{ g}$.

Em đã thay đơn-vị dag thiếu bằng 1 con số 0, đơn-vị g thiếu bằng 1 con số 0.

Thí-dụ 2: Đổi 2 kg, 0765 ra gam.

Em đọc: 2 kg 0 hg 7 dag 6 g 5 dg;

Em viết: $2\text{ kg}, 0765 = 2.076\text{ g}, 5$. Em đã dịch dấu phẩy 3 hàng từ trái sang phải.

GHÌ NHỚ: Muốn đổi đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ hơn 10, 100, 1.000... lần thì dịch dấu phẩy từ trái sang phải 1, 2, 3... hàng.
Đơn-vị nào thiếu thì thay bằng 1 con số 0.

BÀI TẬP

- Đổi ra g: 5 kg; 10 hg; 15 dag; 60 dg; 500 cg; 5000 mg.
- Đổi ra kg: 75.000 mg; 607.000 cg; 80.100 dg; 70 dag 90; 45.000hg; 3 tạ; 1 tấn $\frac{1}{2}$.
- $\frac{1}{2}$ kg cộng với $\frac{1}{2}$ hg cộng với $\frac{1}{2}$ dag = (?) gam.

TOÁN ĐỒ

- Tiệm Đông-Phú buôn 1 tấn $\frac{1}{2}$ gạo, giá 720\$ một tạ. Tiền chuyên-chở tốn 200\$. Nếu bán được 786\$ một tạ thì được lãi bao nhiêu tất cả?
- Một xe vận-tải sức chở được 4 tấn, hiện đã chở sẵn 600 viên gạch, mỗi viên nặng 2 kg, 5. Hỏi xe còn có thể chở được bao nhiêu bao xi-măng nữa, biết 1 bao nặng 50kg.

27. Kilô-gam và những đơn-vị thực-tại về trọng-lượng

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

1. Kilô-gam



Quả cân này bằng đồng thau.

Quả cân này bằng gang.

- Loại quả cân bằng đồng thau: hình khối viên trụ, trên có núm để cầm, gồm có những quả: 5 kg, 2 kg, 1 kg

5 hg, 2 hg, 1 hg
5 dag, 2 dag, 1 dag
5 g, 2 g, 1 g

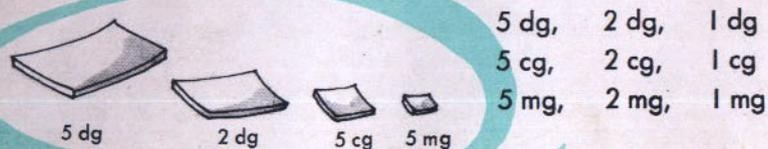


- Loại quả cân bằng gang: hình thân tháp, mặt trên có quai tròn để xách, có thứ đáy hình chữ nhật (50kg, 20kg); có thứ đáy hình lục-lăng. Những quả cân bằng gang gồm có những quả:

50 kg, 20 kg, 10 kg, 5 kg, 2 kg, 1 kg
5 hg, 2 hg, 1 hg
5 dag



4. Loại cân lá bằng đồng, nhôm, kền hoặc bạc v.v... : Hình vuông, mỏng, cắt 4 góc hoặc uốn cong một góc. Những quả cân này dùng để cân những dược-phẩm, những chất hóa-học, những loại kim quý v.v... Loại quả cân này gồm có :



BÀI TẬP

- Vẽ vào vở : quả kg bằng đồng, quả kg bằng gang;
- Quả kilô-gam đồng có gì khác quả kilô-gam gang.
- Có mấy loại quả cân, hãy kể ra và nói mỗi loại thường được dùng để cân gì ?

TOÁN ĐO

- Một ông hàng thịt cân một đùi heo kê cả xương. Ông đã dùng những quả cân sau đây : 20 kg, 3 hg. Tìm tiền bán đùi heo, biết đồ đồng cả thịt lẫn xương giá 65\$ một kilô-gam.
- Tiệm Nam-Hà buôn 3 thùng xà-bông, thùng thứ nhất cân nặng 72 kg ; thùng thứ nhì kém thùng thứ nhất 4 kg, 5 ; thùng thứ ba hơn thùng thứ nhất 8 kg. Tìm trọng-lượng tổng-cộng.

BÀI TẬP

- Vẽ sơ-lược vào vở : cân xách, cân đĩa (Roberval).
- Kể các loại cân.
- Trong những cái cân có hình vẽ ở trên, em thường trông thấy những cái nào ? Dùng để cân gì ?

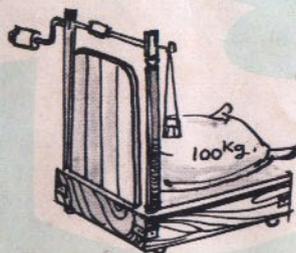
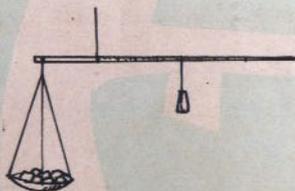
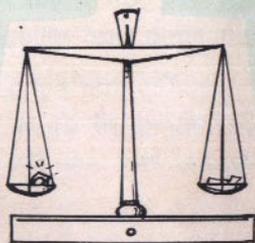
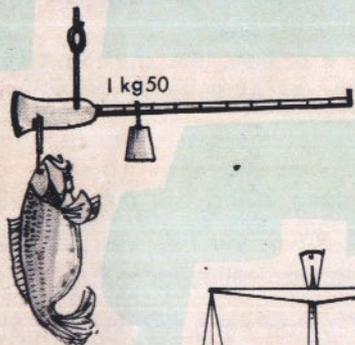
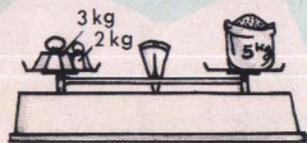
TOÁN ĐO

- Muốn làm bánh ngọt, má em dùng 200 g bột mì, 1 hg bơ, 2 hg đường cát và 2 dag sữa với 3 cái hộp gà, mỗi hộp nặng 5 dag. Hỏi cái bánh nặng bao nhiêu gam ?
- Khi đi Đà-lạt nghỉ mát, em Thu cân nặng 27 kg, 85 ; khi trở về tăng được 1 kg, 3 ; nhưng về được vài ngày em bị đau nên sụt đi mất 500 gam. Hỏi em Thu còn nặng bao nhiêu kg ?

Lời chú : Cũng còn vài loại cân nữa không kể ra đây.

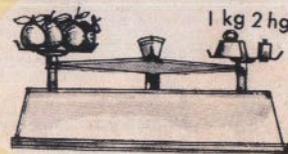
28. Các loại cân

Tả sơ-lược mỗi loại cân có hình dưới đây :



29. Bài thực-tập : Cách dùng cân đĩa (cân Roberval)

Cách dùng cân : Muốn dùng cân đĩa thì đặt vật vào một đĩa cân, rồi đặt vào đĩa bên kia những quả cân nhỏ dần cho tới khi nào kim chỉ số 0 thì thôi (tức là ngang bằng).



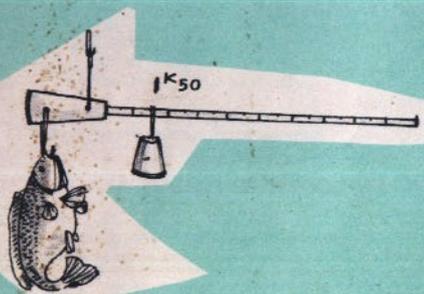
Cộng trọng-lượng các quả cân thì được trọng-lượng của vật cân.

Thực tập : Cân cuốn sách, viên gạch v v . . . ; chậu nước, chai nước v v . . .

TOÁN ĐỘ

- Muốn cân một miếng thịt chú Quay đã dùng 3 quả cân : $\frac{1}{2}$ kg, 2 hg và 5 dag. Thịt giá 120\$ một kg. Tính giá bán miếng thịt.
- Một chiếc ghe chở 75 bao bắp, mỗi bao 1 h/5; một h/ bắp cân nặng 72 kg. Hỏi chỗ bắp nặng bao nhiêu tạ ?

30. Bài thực-tập : Dùng cân xách



Cách dùng : Muốn cân một vật bằng cân xách thì đặt vật ấy vào đĩa cân hoặc móc vào móc cân ; cầm dây xách rồi xê-dịch quả cân cho tới khi cán cân ngang bằng. Lúc ấy, đọc số kg, hg ở chỗ mà dây quả cân chạm vạch cán cân.

Thực-tập : Cho học-sinh cân một gói đồ, một cái bánh (có lật buộc, để có thể móc được) v v

TOÁN ĐỘ

- Một thùng chứa đầy dầu cân nặng 22 kg, 5. Thùng trống cân nặng 2 kg, 5. Nếu múc bớt đi 3 kg, 5 dầu thì chỗ dầu còn lại nặng bao nhiêu gam ?
- Một thùng đầy nước cân nặng 20kg,5. Người ta múc bớt $\frac{1}{3}$ nước đi thì thùng và nước chỉ còn nặng 1.545 dag. Hỏi nước còn lại nặng bao nhiêu kg ? Thùng trống nặng bao nhiêu kg ?

31. Sự liên-lạc giữa trọng-lượng và dung-tích của nước « 4^o »

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

- 1 lít nước lã trong cân nặng 1 kg.
(1 l = 1 kg)
- Suy ra thì thấy :
10 l. (1 da l) nước cân nặng 10 kg.
100 l. (1 hl) nước cân nặng 100 kg.



và : 1 dl (0 l, 1) nước cân nặng 0 kg, 1 = 100 g.

1 cl (0 l, 01) nước cân nặng 0 kg, 01 = 10 g.

1 ml (0 l, 001) nước cân nặng 0 kg, 001 = 1 g.

Tóm tắt : Các đơn-vị dung-tích và đơn-vị trọng-lượng có liên-lạc tương-đương với nhau.

	Bội-số		đơn-vị chính	Ước-số		
	h l	da l	l	dl	cl	ml
Dung-tích	h l	da l	l	dl	cl	ml
Trọng-lượng	tạ	10kg	kg	hg	dag	g

BÀI TẬP

- Thực-hành : — Cân một cái thùng trống.
— Đổ 2 lít nước vào thùng rồi cân lại.
— Kiểm-soát xem có phải 2 lít nước là cân nặng 2 kg không ?
— Nếu thấy không đúng thì nói tại sao ?
- Đổi ra lít : 6 kg ; 500 g ; 15 dag ; 180 cg ; 50.000 mg.
- Đổi ra kg : 3 l ; 2 h, 5 ; 30 dl ; 200 cl ; 805 ml.

TOÁN ĐỒ

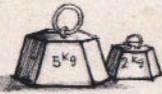
- Một thùng chứa 18 lít dầu, mỗi lít nặng 900 g. Tìm trọng-lượng của dầu tính ra kg.
- Một thùng chứa nước tới $\frac{1}{3}$ thì được 0 h, 08. Đễ đầy nước thì cân nặng 34 kg kể cả thùng. Hỏi thùng trống cân nặng bao nhiêu ?

32. Học ôn

- Thực-tập : Cân một vật đặc, thí-dụ viên gạch ; một vật lỏng, thí-dụ nước đựng trong chai.
- Điền vào những ô trống dưới đây :

Vật						
muốn cân thì dùng	cân xách	?	?	?	?	?

- Trả lời :

Quả cân này			
ché-tạo bằng	?	?	?

TOÁN ĐỒ

1. Một thùng dầu nặng 10 kg, 75, thùng trống cân nặng 1 kg, 75. Tìm dung-tích thùng biết 1 lít dầu nặng 0 kg, 9.
2. Trong một cơn mưa bắt đầu từ 9 giờ đến 10 giờ 15 ph, nước mưa chảy đầy một hồ dung-tích 4 hl, 5. Tìm trọng-lượng nước mưa chảy vào hồ trong 1 giờ.
3. Một hộp sữa cân nặng 435 gam, hộp trống cân nặng 55 gam. Tìm trọng-lượng của sữa chứa trong một thùng có 48 hộp.
4. Một thùng chứa 18 lít dầu, mỗi lít cân nặng 0 kg, 9. Dầu được đóng vào chai 0 l, 25 ; mỗi chai bán được 2\$, 50. Tìm số tiền bán dầu. 160\$ 00
5. Một thùng đầy nước cân nặng 120 kg ; thùng trống cân nặng 15 kg. Hiện thùng có chứa dầu đầy tới $\frac{4}{5}$ thùng. Tìm giá chỗ dầu ấy biết 1 lít dầu giá 6\$.

PHẦN THỨ BA

HÌNH HỌC và vẽ hình học

CHƯƠNG I : Hình vuông,
hình chữ nhật, hình bình hành

CHƯƠNG II : Hình thoi, hình
tam giác, hình thang

CHƯƠNG III : Hình đa giác,
hình tròn, hình vành khăn

CHƯƠNG I

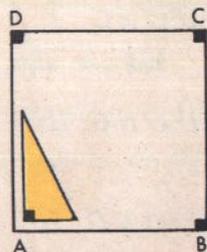
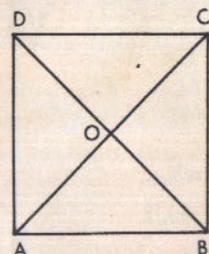
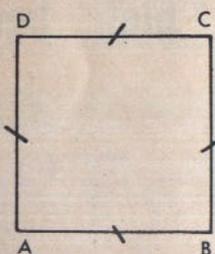
1. Hình vuông

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

1. Tỷ nhận-xét một viên gạch vuông.
Tỷ đếm số cạnh của viên gạch, em thấy có 4 cạnh : AB, BC, CD, DA.

Tỷ đo các cạnh, thấy mỗi cạnh dài 2 dm, tức là các cạnh bằng nhau.

Em thấy : Hình vuông là một hình tứ-giác có 4 cạnh bằng nhau.



2. Tỷ vẽ hai đường chéo AC và BD rồi đo thì thấy $AC = BD$. Tỷ đo AO và OC thì thấy $AO = OC$. Tỷ đo BO và OD thì thấy $BO = OD$.

Em thấy : Hình vuông có 2 đường chéo bằng nhau và cắt nhau ở đúng giữa.

3. Tỷ dùng ê-ke kiểm lại 4 góc của hình vuông.

Em thấy : Hình vuông có 4 góc vuông $\widehat{A} = \widehat{B} = \widehat{C} = \widehat{D}$.

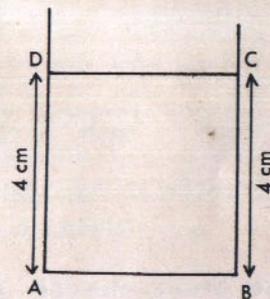
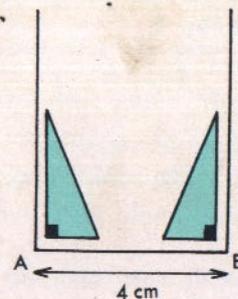
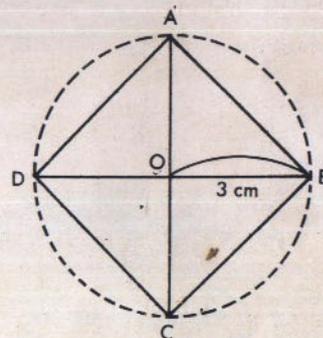
GHI NHỚ : Hình vuông là một hình tứ-giác có bốn cạnh bằng nhau và bốn góc vuông.

Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau ở đúng giữa.

BÀI TẬP

1. Dùng com-pa và déci-mét-đôi vẽ một hình vuông đường chéo 6 cm.

Cách vẽ : Vẽ một vòng tròn, bán-kính OB bằng 3 cm, kẻ 2 đường kính AC và DB thẳng góc với nhau.



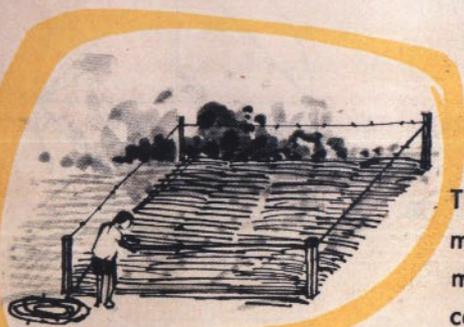
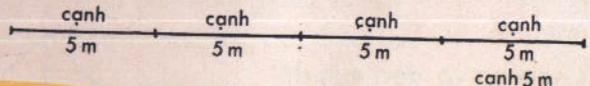
2. Dùng ê-ke và déci-mét-đôi vẽ một hình vuông cạnh bằng 4 cm.

Cách vẽ : Kẻ cạnh AB bằng 4 cm rồi dùng ê-ke kẻ đường $AD = BC = 4$ cm, sau cùng nối DC.

2. Tìm chu-vi hình vuông (biết cạnh)

Tìm cạnh hình vuông (biết chu-vi)

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :



Thí-dụ 1 : Ông Lý muốn căng một dây kẽm bao quanh một miếng đất hình vuông mỗi cạnh 5 m. Hỏi dây kẽm dài bao nhiêu ?

$$\underbrace{5m}_{\text{cạnh}} + \underbrace{5m}_{\text{cạnh}} + \underbrace{5m}_{\text{cạnh}} + \underbrace{5m}_{\text{cạnh}} = 5m \times 4 = 20m$$

Suy-luận : Dây kẽm bao quanh vườn dài bằng 4 lần chiều dài một cạnh.

GHI NHỚ : Muốn tìm chu-vi hình vuông thì nhân cạnh với 4.

$$\text{Chu-vi} = \text{cạnh} \times 4$$

Thí-dụ 2: Muốn căng một dây kẽm bao quanh miếng đất hình vuông, ông Lý đã phải dùng 20 m dây kẽm. Tính chiều dài cạnh hình vuông.

Suy-luận : Dây kẽm dài bằng 4 cạnh.

$$\text{Vậy 1 cạnh dài : } 20m : 4 = 5m.$$

GHI NHỚ : Muốn tìm cạnh hình vuông mà biết chu-vi thì chia chu-vi cho 4.

BÀI TẬP

1. Chép và bổ-túc bảng dưới đây :

Cạnh hình vuông	15 cm	25 cm	35 m	45 m	56 m	68 m	75 m
Chu-vi	?	?	?	?	?	?	?
Chu-vi	48 cm	60 cm	72 m	88 m	96 m	120 m	160 m
Cạnh	?	?	?	?	?	?	?

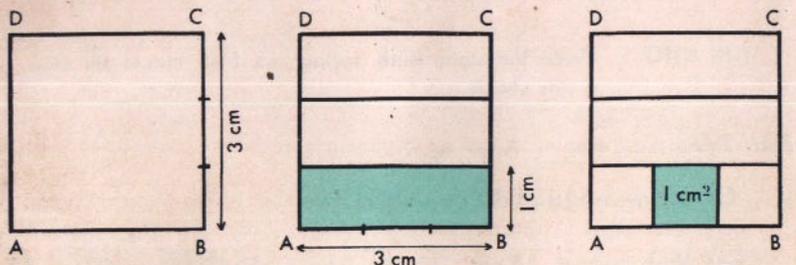
- Chị Hai muốn viền xanh 20 chiếc khăn hình vuông cạnh 4 dm. Hỏi chị phải mua bao nhiêu mét viền xanh ?
- Chú tôi muốn đóng cọc bao quanh một thửa vườn hình vuông rồi căng 5 vòng dây kẽm bao quanh vườn qua các cọc. Biết cạnh vườn bằng 20 m. Hỏi chú tôi phải mua bao nhiêu mét dây kẽm nếu nút buộc cần 2 m ?

TOÁN ĐỒ

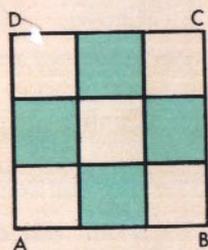
- Muốn rào dây kẽm quanh một miếng đất hình vuông, cạnh 32 m, ông Nam mua dây kẽm, mỗi mét giá 2\$, 5. Hỏi ông Nam tiêu hết bao nhiêu tiền ?
- Chú Sáu rào chung quanh một cái vườn hình vuông tốn hết 1.800\$, mỗi mét rào tốn 20\$. Cửa vườn rộng 2 m. Tìm chu-vi cái vườn.

3. Diện-tích hình vuông

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



1. Chia cạnh AD và BC của hình vuông làm 3 phần đều nhau mỗi phần 1 cm.
2. Nói những điểm phân chia đối diện sẽ được 3 băng mỗi băng dài 3 cm và rộng 1 cm.
3. Mỗi băng có thể chia làm 3 phần đều nhau, mỗi phần là 1 cm^2 . Vậy mỗi băng có 3 cm^2 .
4. Cả hình vuông ABCD gồm mấy băng như vậy? (3 băng).
 Vậy diện-tích hình vuông bằng 3 lần 3 cm^2 tức là $3 \text{ cm}^2 \times 3 = 9 \text{ cm}^2$ hay là $3 \text{ cm} \times 3 \text{ cm} = 9 \text{ cm}^2$
 (cạnh \times cạnh)



GHI NHỚ : Muốn tìm diện-tích hình vuông thì nhân cạnh với cạnh.

$$\text{Diện-tích} = \text{cạnh} \times \text{cạnh}$$

$$\text{Chú ý: } \begin{cases} \text{cm} \times \text{cm} = \text{cm}^2 \\ \text{dm} \times \text{dm} = \text{dm}^2 \\ \text{m} \times \text{m} = \text{m}^2 \end{cases}$$

BÀI TẬP

1. Chép và bổ-túc bảng dưới đây :

Cạnh hình vuông	15m	25m	35m	45m	55m	65m	75m	85m	95m
Diện-tích	?	?	?	?	?	?	?	?	?

2. Trong một tờ giấy màu rộng 100 cm^2 , trò Đông cắt lấy một hình vuông cạnh 7 cm. Tìm diện-tích hình vuông; diện-tích miếng giấy màu còn lại.

TOÁN ĐỒ

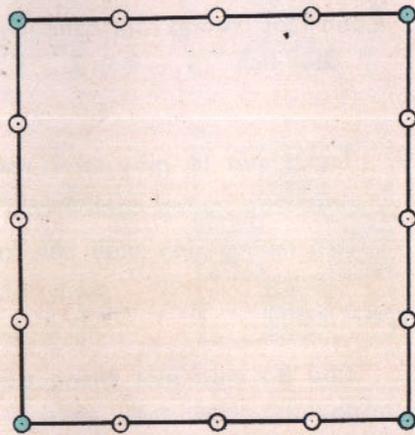
1. Chú Ba mua một miếng đất hình vuông cạnh dài 15 m giá 1 m^2 là 800\$. Tính giá mua miếng đất.
2. Nhà tôi có 5 cửa sổ, mỗi cửa sổ có lắp 12 miếng kính vuông cạnh bằng 20 cm. Tính diện-tích tổng-cộng của những miếng kính.
3. Ông Bá thuê sơn một cái trần nhà hình vuông cạnh 4 m, cứ mỗi m^2 tiền sơn hết 10\$. Ở bốn phía sát tường thợ sơn còn kẻ thêm một đường sơn viền, mỗi mét sơn viền hết 2\$. Tìm số tiền chi phí.

4. Học ôn: hình vuông

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

Ứng-dụng : Tìm số cọc, số cây trồng chung quanh vườn hoặc đất hình vuông, số cọc, số cây ở mỗi cạnh.

Thí-dụ 1 : Ở mỗi cạnh một thửa đất hình vuông, người ta đóng 5 cái cọc cách đều nhau. Tìm số cọc cần dùng.



Nhận-xét : Coi hình vẽ bên đây : Dùng 4 ngón tay bịt 4 cọc (4 cái chấm) ở đầu 4 góc đi, sẽ thấy rằng mỗi cạnh chỉ còn 3 cọc. Tạm bỏ 4 cọc ở 4 đầu góc thì số cọc ở 4 cạnh là : $3 \text{ cọc} \times 4 = 12 \text{ cọc}$. Thêm vào 4 cọc ở đầu 4 góc thì được $12 \text{ cọc} + 4 \text{ cọc} = 16 \text{ cọc}$. Tóm lại : ở mỗi cạnh bớt đi 2, đem nhân với 4 rồi cộng thêm 4 thì sẽ được tổng-số.

GHI NHỚ : Muốn tìm số cọc quanh hình vuông thì lấy số cọc ở mỗi cạnh trừ bớt 2, rồi nhân với 4, sau cùng cộng thêm 4 cọc ở đầu góc.

Thí-dụ 2 : Số cọc đóng cách đều nhau quanh một miếng đất hình vuông được 16 cọc. Hỏi số cọc đóng ở mỗi cạnh.

Nhận-xét : Đây là bài tính ngược lại bài tính thứ nhất. Hãy coi lại hình vẽ ở thí-dụ 1 sẽ thấy mỗi cạnh có 5 cọc. Vậy phải giải bài tính này cách nào ?

Trước hết các em hãy dùng 4 ngón tay bịt 4 cọc ở đầu góc đi. Các em sẽ thấy số cọc còn lại là $16 \text{ cọc} - 4 \text{ cọc} = 12 \text{ cọc}$. Số 12 cọc này được chia làm 4 phần đều. Mỗi phần tức mỗi cạnh có :

$$12 \text{ cọc} : 4 = 3 \text{ cọc}$$

Cộng thêm 2 cọc ở hai đầu góc là :

$$2 \text{ cọc} + 3 \text{ cọc} = 5 \text{ cọc.}$$

GHI NHỚ : Muốn tìm số cọc ở mỗi cạnh thì phải lấy số cọc ở 4 cạnh trừ đi 4, rồi chia cho 4, sau cùng cộng thêm 2.

TOÁN ĐỒ

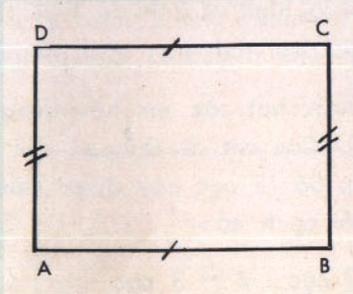
1. Một người trồng 64 cây cách đều nhau ở 4 cạnh một miếng đất hình vuông. Hỏi mỗi cạnh có mấy cây ?
2. Nếu mỗi cạnh một miếng đất hình vuông trồng cây cách đều nhau được 18 cây thì số cây tổng-cộng trồng ở 4 cạnh là bao nhiêu ?
3. Ông Bảy có một miếng đất vuông. Ông đóng cọc bao quanh miếng đất, để căng dây kẽm bao quanh. Số cọc cần dùng là 96 cọc. Cọc nọ cách đều cọc kia 2 m. Tính số cọc ở mỗi cạnh và diện-tích miếng đất.

5. Hình chữ nhật

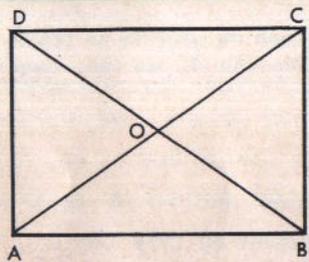
NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

1. Tỷ nhận - xét miếng kính hình chữ nhật lắp ở cửa sổ.

- Tỷ đếm số cạnh miếng kính thấy có hai cạnh dài AB và DC, và hai cạnh ngắn hơn là AD và BC. Tỷ dùng thước dây đo cạnh trên và cạnh dưới. Em thấy: hai cạnh này bằng nhau. AB bằng DC và song song với nhau.

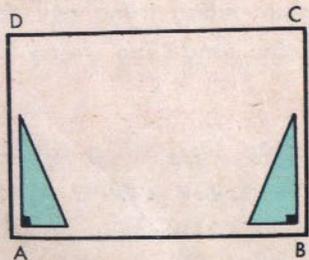


- Tỷ đo 2 cạnh ở bên phải và bên trái. Em thấy : hai cạnh này bằng nhau AD bằng BC và song song với nhau.



- Tỷ đo 2 đường chéo AC và BD. Em thấy hai đường chéo bằng nhau AC bằng BD.

- Tỷ đo AO và OC, DO và OB. Em thấy AO bằng OC, DO bằng OB. Như vậy là hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau ở đúng giữa.



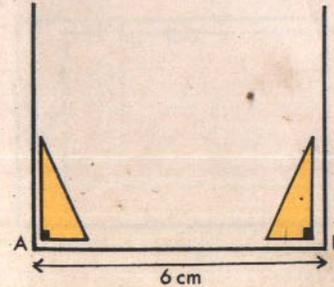
- Tỷ dùng ê-ke áp vào góc hình chữ nhật thấy 4 góc, góc nào cũng vuông:

$$\widehat{A} = \widehat{B} = \widehat{C} = \widehat{D} = 90 \text{ độ.}$$

GHI NHỚ : Hình chữ nhật là một hình tứ-giác có :

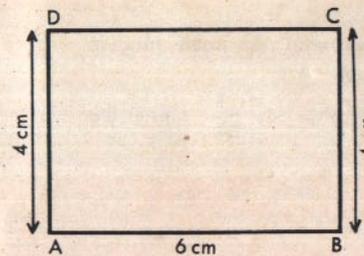
- 2 cạnh dài là 2 chiều dài, hai cạnh ngắn là 2 chiều rộng, những cạnh đối-diện đều nhau và song song.
- 4 góc vuông.
- Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau ở đúng giữa.

BÀI TẬP



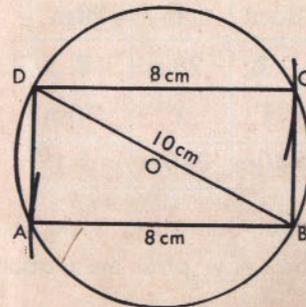
1. Dùng ê-ke và déci-mét-đôi vẽ một hình chữ nhật dài 6 cm rộng 4 cm.

Cách vẽ : Kẻ đường AB dài 6 cm rồi dùng ê-ke kẻ đường thẳng góc xuống A và đường thẳng góc xuống B. Lấy AD = 4 cm, BC bằng 4 cm và nối DC.



2. Dùng com-pa và déci-mét-đôi vẽ một hình chữ nhật biết đường chéo bằng 10 cm và chiều dài bằng 8 cm.

Cách vẽ : Quay một vòng tròn tâm O đường kính DB bằng 10 cm. Lấy D làm tâm, kẻ một cung có bán kính bằng 8 cm ; cung này cắt vòng tròn ở C. Lấy B làm tâm, kẻ một cung bán kính bằng 8 cm cung này cắt vòng tròn ở A. Nối 4 điểm ABCD.



6. Chu-vi hình chữ nhật

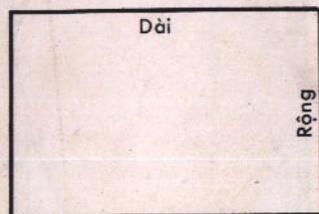
NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

$$\text{Dài} + \text{Rộng} = \frac{1}{2} \text{ chu-vi}$$

$$\text{Chu-vi} = (\text{Dài} + \text{Rộng}) \times 2$$

$$\text{Dài} = \frac{1}{2} \text{ chu-vi} - \text{rộng}$$

$$\text{Rộng} = \frac{1}{2} \text{ chu-vi} - \text{dài}$$



- GHI NHỚ :**
- Muốn tìm chu-vi hình chữ nhật thì nhân tổng-số chiều dài và chiều rộng với 2.
 - Muốn tìm chiều này thì phải lấy $\frac{1}{2}$ chu-vi trừ bớt chiều kia đi.

BÀI TẬP

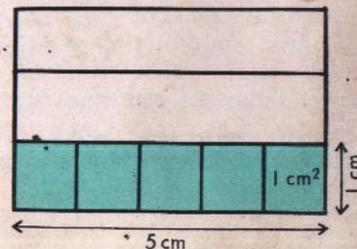
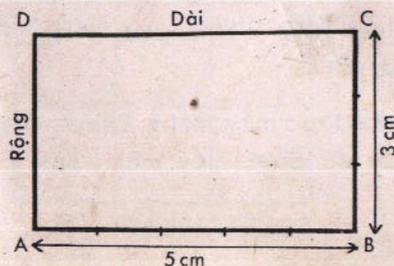
1. Chép và bổ-túc bảng dưới đây:

Chiều dài	60 m	72 m	68 m	86 m	?	98 m
Chiều rộng	45 m	38 m	40 m	?	28 m	?
$\frac{1}{2}$ Chu-vi	?	?	?	?	?	110 m
Chu-vi	?	?	?	240 m	240 m	?

2. Một chiếc khăn tay hình chữ nhật dài 3dm rộng 2dm,50. Muốn viền 10 chiếc khăn tay như vậy phải mua bao nhiêu mét viền?

7. Diện-tích hình chữ nhật

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



Hình chữ nhật này dài 5 cm, rộng 3 cm. Chiều rộng được chia làm 3 đoạn đều nhau. Nếu nối những điểm phân chia đối diện sẽ được 3 băng, mỗi băng dài 5 cm và rộng 1 cm. Mỗi băng có thể chia làm 5 phần đều nhau, mỗi phần là 1 cm^2 và mỗi băng là 5 cm^2 . Hình chữ nhật trên gồm mấy băng như vậy? (3 băng).

Diện-tích của nó = 3 lần 5 cm^2 tức là: $5 \text{ cm}^2 \times 3 = 15 \text{ cm}^2$
 hay là: $5 \text{ cm} \times 3 \text{ cm} = 15 \text{ cm}^2$
 (dài) \times (rộng)

- GHI NHỚ :** Muốn tìm diện-tích hình chữ nhật thì nhân chiều dài với chiều rộng.
 Diện-tích = dài \times rộng

BÀI TẬP

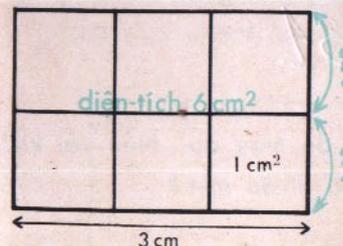
1. Dùng cái déci-mét-đôi đo chiều dài, chiều rộng cuốn tập của em, rồi tính diện-tích ra cm^2 .
2. Chiều dài lớp học của em đo được mấy mét? Chiều rộng đo được mấy mét? Diện-tích đo được mấy mét vuông?

TOÁN ĐỒ

1. Tờ giấy in báo hàng ngày dài 88 cm, rộng 61 cm. Tính diện-tích số giấy cần dùng ra m^2 , nếu muốn in 5.000 tờ báo.
2. Chu-vi sân trường tiểu-học Mỹ-Lương đo được 180 m. Chiều dài gấp đôi chiều rộng. Giờ chơi có 90 học-sinh nô-giỡn. Hỏi trung-bình mỗi học-sinh chơi trên một khoảng đất là bao nhiêu m^2 ?
3. Ba tôi mua một miếng đất hình chữ nhật dài 30 m, rộng 20 m. Tiền đất hết 44.800\$, tiền trước-bạ hết 7.200\$. Hỏi mỗi mét vuông đất thành giá bao nhiêu?

8. Tìm chiều của hình chữ nhật

(khi biết diện-tích và chiều kia)



— Trong hình chữ nhật bên trái đây, mỗi băng theo chiều dài có mấy cm^2 ? Có mấy băng giống nhau?

— Em phải làm toán gì để biết rằng có 2 băng? Em chia số nào cho số nào?

— Vậy muốn tìm một chiều của hình chữ nhật thì chia diện-tích cho gì?

GHI NHỚ : Khi chia diện-tích hình chữ nhật cho chiều này thì thấy chiều kia.

Chiều dài = diện-tích : chiều rộng

Chiều rộng = diện-tích : chiều dài

BÀI TẬP

I. Chép và bổ-túc bảng dưới đây:

Diện-tích	: 45 cm^2	200 cm^2	2.700 m^2	3.000 m^2	3.120 m^2	4.550 m^2
Chiều dài	: 9 cm	?	?	75m	60m	?
Chiều rộng	: ?	8cm	45m	?	?	65m

$2700 \div 60 = 45$
 $45 \times 15 = 675$
 $675 \times 2 = 1350$
 $1350 \times 2 = 2700$

2. Một thửa đất hình chữ nhật diện-tích 2.700 m², chiều dài 60 m; muốn rào chung quanh thì tốn bao nhiêu tiền, nếu mỗi mét rào tốn 15\$.

ĐÁP SỐ: 3150\$

TOÁN ĐỒ

- Má em Tuấn cần 210 dm² vải để may áo. Nếu vải khổ rộng 7 dm thì bà phải mua bao nhiêu mét?
- Ông Sáu mua 600 viên gạch bông để lát nền nhà hình chữ nhật. Diện-tích một trăm viên gạch là 4 m². Tìm chiều rộng nền nhà, biết chiều dài đo được 6 m.
- Ba tôi có một thửa đất hình chữ nhật diện-tích 1.200 m², chiều rộng 20 m. Theo đường song song với chiều rộng, ba tôi chia thửa đất ra làm 2 lô: lô A và lô B. Lô A rộng gấp đôi lô B. Tìm chiều dài lô A. Lô B hình gì?

ĐÁP SỐ: Lô B = 20 m, Lô A = 40 m

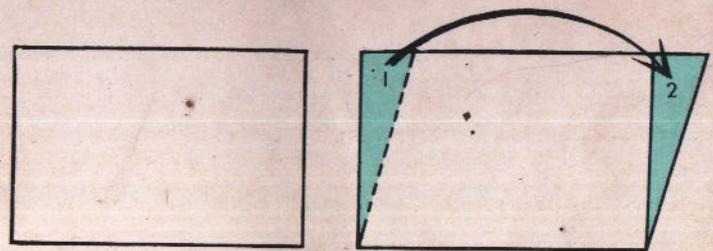
$210 \div 7 = 30$
 $30 \times 2 = 60$
 $60 \times 2 = 120$
 $120 \div 4 = 30$
 $30 \times 2 = 60$
 $60 \times 2 = 120$



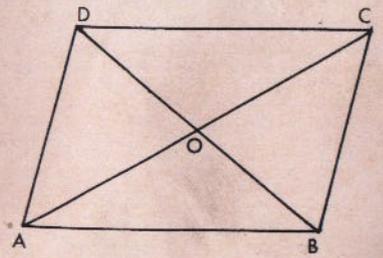
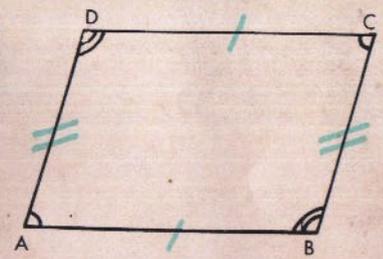
9. Hình bình-hành

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN:

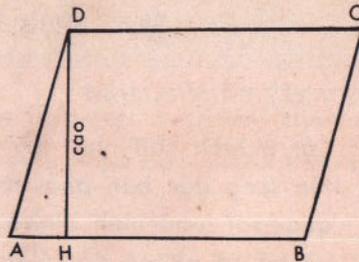
- Cắt ở hình chữ nhật lấy hình tam-giác 1' đặt theo mũi tên sang góc bên phải ta sẽ có một hình bình-hành. Hãy quan-sát xem hình bình-hành khác hình chữ nhật thế nào và nó có những đặc-điểm gì?



- Nhận-xét và đo cạnh đối-diện của hình bình-hành ta nhận thấy chúng cũng bằng nhau và song song.
- Nhưng hình bình-hành không có góc vuông như hình chữ nhật. Nó có 2 góc nhọn đối diện bằng nhau và 2 góc tù đối diện bằng nhau.
- Đo hai đường chéo AC và BD thì thấy không bằng nhau nhưng hai đường chéo cũng cắt nhau ở đúng giữa (AO = OC BO = OD).



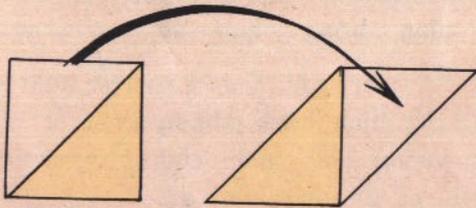
5. Nếu lấy AB làm đường đáy thì đoạn DH thẳng góc xuống đường đáy AB là chiều cao của hình bình hành.



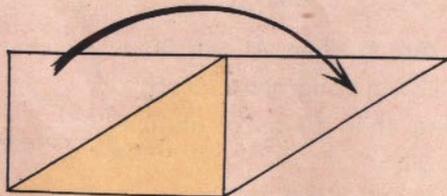
- GHI NHỚ :**
- Hình bình hành là một hình tứ-giác có hai cạnh đối diện bằng nhau và song song.
 - 2 góc tù đối diện bằng nhau.
 - 2 góc nhọn đối diện bằng nhau.
 - 2 đường chéo không bằng nhau nhưng cắt nhau ở giữa.

BÀI TẬP

1. Vẽ một hình vuông, và một hình bình-hành bằng nhau.



2. Vẽ một hình chữ nhật và một hình bình-hành bằng nhau.



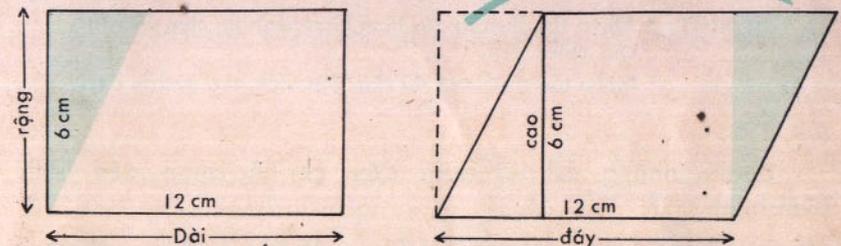
10. Diện-tích hình bình-hành

TÌM ĐƯỜNG ĐÁY, CHIỀU CAO

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

- 1) Tìm diện tích hình bình-hành.

Nếu ta cắt của hình chữ nhật một tam-giác ở góc trái để rồi di sang góc mặt, theo mũi tên, thì ta sẽ được một hình bình-hành.



Hãy so-sánh diện-tích hình bình-hành với diện-tích hình chữ nhật. Hai diện-tích này có thay đổi không? (Không) – Tại sao? (Vì ta chỉ đổi chỗ một miếng của hình chữ nhật mà thôi).

Hãy so-sánh chiều dài của hình chữ nhật với đường đáy của hình bình-hành: Có khác nhau không?

Hãy so-sánh chiều rộng của hình chữ nhật với chiều cao của hình bình-hành: Có bằng nhau không?

Tóm lại: đường đáy của hình bình-hành tức là chiều dài của hình chữ nhật; chiều cao của hình bình-hành tức là chiều rộng của hình chữ nhật.

Muốn tìm diện-tích hình chữ nhật thì nhân chiều nào với chiều nào? Muốn tìm diện-tích hình bình-hành thì nhân chiều nào với chiều nào?

- GHI NHỚ :**
- Diện-tích hình bình-hành bằng diện-tích hình chữ nhật.
 - Muốn tìm diện-tích hình bình-hành thì nhân đường đáy với chiều cao.

$$\text{Diện-tích} = \text{Đường đáy} \times \text{Chiều cao}$$

2) Tìm đường đáy, chiều cao.

Nhận-xét : Trong hình chữ nhật, muốn tìm chiều dài thì chia diện-tích cho chiều rộng; và ngược lại.

Hình bình-hành còn gọi là hình chữ nhật lệch; cũng tương-đương với hình chữ nhật.

- GHI NHỚ :**
- Muốn tìm đường đáy hình bình-hành thì chia diện-tích cho chiều cao.
 - Muốn tìm chiều cao thì chia diện-tích cho đường đáy.

BÀI TẬP

Bổ-túc những chi-tiết dưới đây có liên-quan đến hình bình-hành:

Đường đáy:	15 cm	40 m	?	45 m	?	90 m
Chiều cao :	8 cm	?	60 m	30 m	70 m	?
Diện-tích :	?	600m ²	4.800m ²	?	5.600m ²	6.300m ²

TOÁN ĐỒ

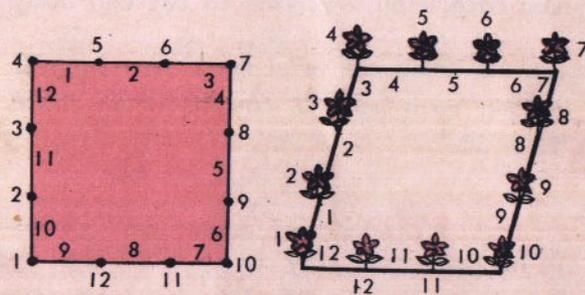
1. Chú Hoàng muốn lót nền phòng ăn diện-tích 15 m², 40 bằng những viên gạch bông hình bình-hành, đường đáy 20 cm, chiều cao 12 cm. Hỏi chú cần dùng bao nhiêu viên gạch?
2. Một sàn lầu bằng gỗ gồm 500 mảnh gỗ hình bình-hành, đường đáy 20 cm, chiều cao 10 cm. Nếu gỗ giá 100\$ một m² thì cái sàn lầu này đáng giá bao nhiêu?
3. Ông Phúc đòi một thửa ruộng hình bình-hành chiều cao 18 m, lấy một vườn hình vuông cạnh 15 m. Tính đường đáy của thửa ruộng, biết diện-tích vườn bằng $\frac{1}{2}$ diện-tích ruộng.

11. Học ôn : Hình chữ nhật và hình bình-hành

Ứng-dụng : Tính khoảng cách trồng cây; đóng cọc chung quanh vườn, đất.

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

Hãy đếm số cây hoa và số khoảng cách trong hình vẽ.



Em thấy có : 12 cây, 12 khoảng. Số cây = số khoảng.

Chu-vi của một hình nhiều cạnh là một đường khép kín.

GHI NHỚ : Trên đường khép kín số cây, số cọc v.v... bằng số khoảng cách.

BÀI TẬP

1. Vẽ một hình vuông cạnh 10 cm, chấm trên chu-vi hình vuông 16 chấm cách đều nhau (hình tượng-trung cho một thửa vườn, chấm tượng-trung cho cây trồng.)
2. Chung quanh một vườn hình vuông cạnh 24 m, người ta đóng cọc cách nhau 2 m. Tính số cọc cần dùng.
3. Chung quanh một cái vườn người ta trồng 50 cây hoa. Tính khoảng cách giữa 2 cây hoa biết chu-vi vườn đo được 22 m, 50.

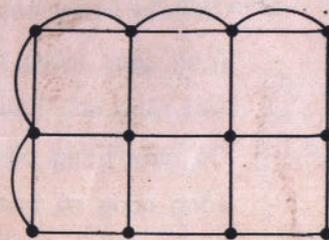
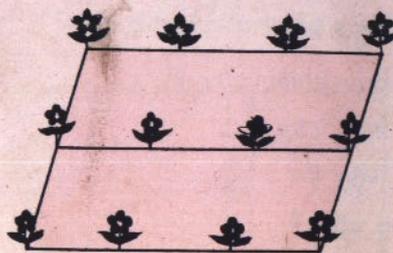
TOÁN ĐỒ

1. Có 40 học-sinh dang tay hợp thành một vòng tròn. Em nọ cách em kia 1 m, 25. Tìm chu-vi cái vòng tròn tạo nên.
2. Một bánh xe đạp chu-vi 220 cm có gắn 36 nan-hoa. Đầu nan-hoa ở vành bánh cách đều nhau bao nhiêu cm?
3. Chung quanh một vườn chữ nhật, ông Phú trồng 48 cái cọc đề rào, cọc nọ cách đều cọc kia 2 m, 50. Tìm chiều dài, chiều rộng của vườn, biết chiều dài bằng $\frac{3}{2}$ chiều rộng.

12. Ứng-dụng tính khoảng cách trồng cây ở trong vườn

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

1. Coi hình vẽ dưới đây và tính số cây hoa trồng được.



Đếm xem mỗi hàng ngang có mấy khoảng và mấy cây hoa ?

(Số cây hoa bằng số khoảng + 1)

Có mấy hàng ngang ? (3 hàng)

Sao biết có 3 hàng ? (Vì ở chiều rộng có 2 khoảng)

(Số hàng = số khoảng + 1)

2. Chiều dài có 3 khoảng

thì mỗi hàng có:

$$3 + 1 = 4 \text{ cây.}$$

Chiều rộng có 2 khoảng

thì có : $2 + 1 = 3$ hàng

ngang.

Số cây trồng được là 3 hàng 4 cây tức là $\text{cây} \times 3 = 12$ cây.

Chú-ý : Nếu tính số cây ở hàng dọc thì cũng có thể nói 4 hàng 3 cây.

GHI NHỚ : Muốn tìm số cây trồng ở trong vườn thì tìm số cây ở mỗi hàng dọc hay hàng ngang, rồi xem có bao nhiêu hàng như vậy mà nhân lên.

BÀI TẬP

Trong một vườn chữ nhật, chú tôi trồng cây. Đếm số khoảng ở chiều dài thấy có 9 khoảng, chiều rộng có 4 khoảng.

- Ở chiều dài mỗi hàng có mấy cây ?
 - Có mấy hàng cây như vậy ?
 - Tổng cộng trồng được bao nhiêu cây ?
- Ở chiều rộng mỗi hàng có mấy cây ?
 - Có mấy hàng cây như vậy ?
 - Tổng cộng có bao nhiêu cây ?

TOÁN ĐÒ

1. Trong một vườn dài 28 m, rộng 20 m, bác tôi trồng cây cách đều nhau 4 m. Ở chiều dài cũng như ở chiều rộng hàng cây ngoài cùng tứ phía cách bờ rào 2 m. Tính số cây trồng được.
2. Chung quanh một miếng đất hình vuông có đóng 40 cái cọc; cọc nọ cách cọc kia 2 m, 50. Tìm diện-tích miếng đất.
3. Trên một khoảng đất chữ nhật dài 10 m tôi trồng được tất cả 30 cây. Biết rằng cây nọ cách cây kia 2 m, ở chiều dài cũng như ở chiều rộng miếng đất. Hỏi chiều rộng miếng đất đo được bao nhiêu mét ?

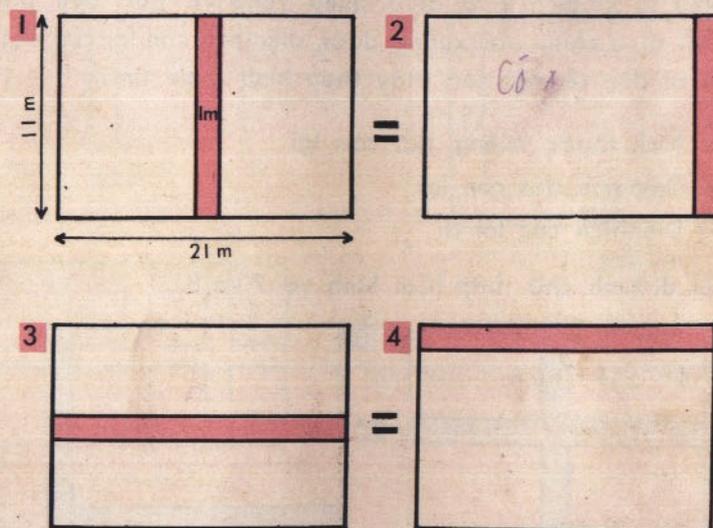
Hướng dẫn : Ở chiều dài có bao nhiêu khoảng ? Bao nhiêu cây ? Cả miếng đất có 30 cây thì tức là có mấy hàng 6 cây ? Có 6 hàng thì chiều rộng có mấy khoảng ? Mỗi khoảng dài 2 m thì chiều rộng bao nhiêu mét ?

13. Ứng-dụng : Lối đi và đường viền

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

- Lối đi hướng theo chiều rộng hoặc chiều dài.

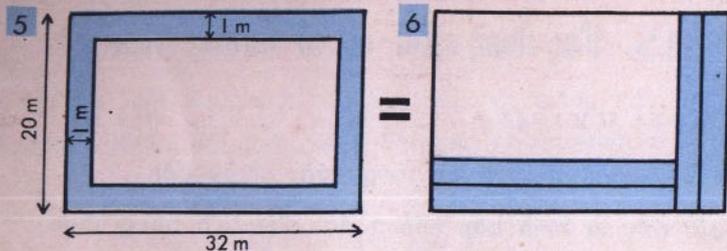
Dưới đây là hình bốn miếng đất diện-tích bằng nhau :



Coi hình 1 và 2 : Nếu xê-dịch lối đi cho sát chiều rộng miếng đất thì diện-tích còn lại có thay đổi không ? Hãy theo hình 2 để tính diện-tích còn lại đó.

Coi hình 3 và 4 : Nếu xê-dịch lối đi cho sát chiều dài thì diện-tích còn lại của miếng đất có thay đổi không ? Hãy theo hình 4 để tính diện-tích còn lại đó.

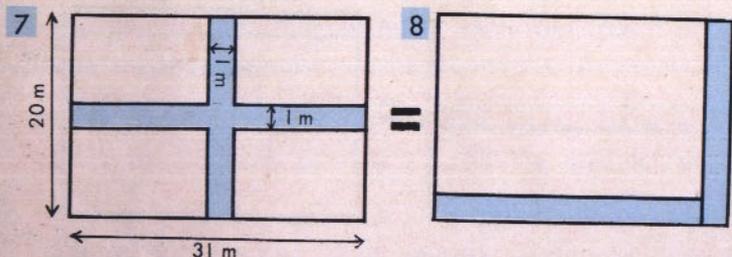
2. Lối đi chung quanh vườn : (Coi hình 5 và 6)



Nếu ta xô-dịch 2 lối đi ở chiều rộng về góc bên phải, và 2 lối đi ở chiều dài xuống dưới, diện-tích còn lại của miếng đất sẽ bị dồn về một góc. Hãy theo hình 6 để tìm:

- Kích thước miếng đất còn lại.
- Diện-tích đất còn lại.
- Diện-tích các lối đi.

3. Lối đi hình chữ thập (Coi hình vẽ 7 và 8).



Nếu xô-dịch một lối đi sát chiều rộng và một lối đi sát chiều dài, diện-tích còn lại sẽ được dồn về một góc.

Hãy tìm:

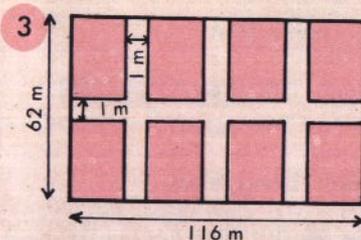
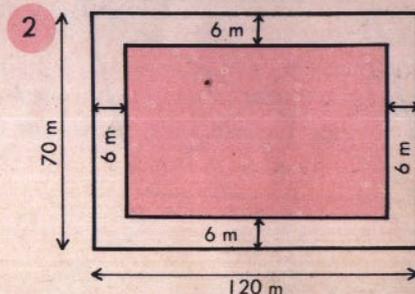
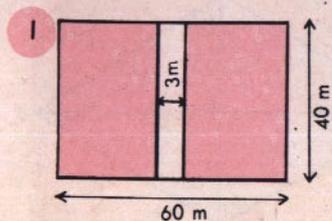
- Kích-thước miếng đất còn lại.
- Diện-tích miếng đất còn lại.
- Diện-tích lối đi.

GHI NHỚ :

- Lối đi dẫu có xô-dịch, diện-tích còn lại vẫn không thay đổi và tính sẽ dễ dàng hơn.
- Muốn tìm diện-tích lối đi thì lấy diện-tích tổng cộng trừ diện-tích còn lại.

Chú-ý : Cũng có thể cắt lối đi đặt ra ngoài kề nhau thành một hình chữ nhật dài (theo hình vẽ).

BÀI TẬP



1. Tìm diện-tích còn lại.
2. Tìm kích-thước miếng đất còn lại.
3. Tìm diện-tích lối đi.

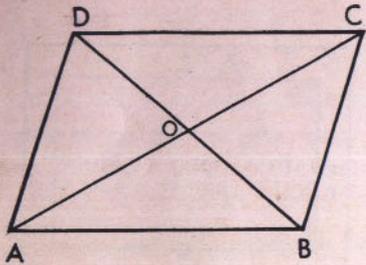
TOÁN ĐỒ

1. Trong một phòng khách dài 6m rộng 5m có một tấm thảm đặt cách bốn bức tường một khoảng đều là 2m. Tính diện-tích tấm thảm.
2. Một vườn dài 40m rộng 28m trong có hai lối đi hình chữ thập rộng 3m. Tính diện-tích còn lại để trồng-tiêu.
3. Một miếng đất dài 80m rộng 50m, giữa có một cái hồ nước dài 3m rộng 2m, 5 và chung quanh miếng đất có lối đi rộng 2m. Tìm diện-tích còn lại để trồng-tiêu.

CHƯƠNG II
14. Hình thoi

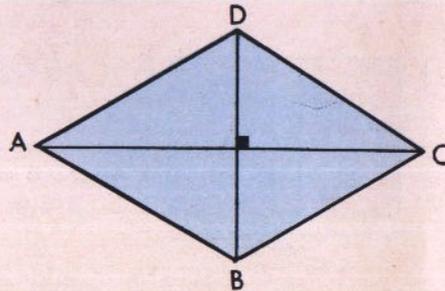
NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

So-sánh hai hình



Hình bình-hành

- Hai cạnh đối diện bằng nhau và song song.
- Bốn cạnh.....(?)
- Hai góc tù đối diện bằng nhau.
- Hai góc nhọn đối diện bằng nhau.
- Hai đường chéo không bằng nhau nhưng cắt nhau ở chính giữa.
- Hai đường chéo.....(?)



Hình thoi

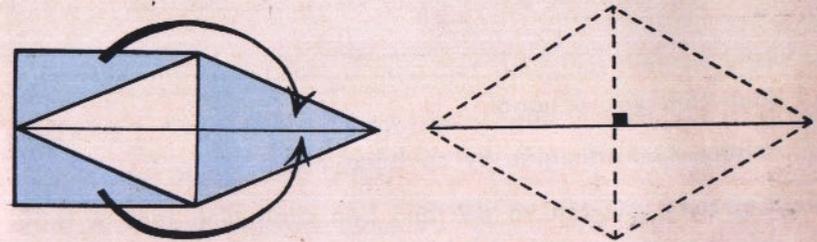
- Hai cạnh đối diện.....(?)
- Bốn cạnh bằng nhau.
- Hai góc tù đối diện.....(?)
- Hai góc nhọn đối diện.....(?)
- Hai đường chéo không bằng nhau nhưng cắt nhau.....(?)
- Hai đường chéo thẳng góc.

Handwritten signature or mark in red ink.

GHI NHỚ : Hình thoi là một hình tứ-giác có bốn cạnh bằng nhau, hai cạnh đối diện song song, hai góc tù đối diện đều nhau, hai góc nhọn đối diện đều nhau, hai đường chéo không bằng nhau nhưng cắt nhau ở chính giữa và thẳng góc với nhau.

BÀI TẬP

1. Vẽ một hình chữ nhật và một hình thoi bằng nhau.



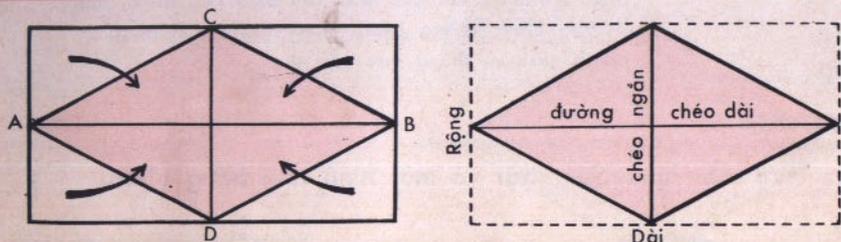
2. Vẽ một hình thoi, biết đường chéo dài là 6cm; đường chéo ngắn là 4 cm.

15. Diện-tích hình thoi

TÌM ĐƯỜNG CHÉO BIẾT DIỆN-TÍCH

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

1. Tìm diện-tích hình thoi :



- Hãy so-sánh mỗi hình tam-giác ở trong hình thoi với mỗi hình tam-giác ở ngoài.
- Những hình tam-giác ấy có bằng nhau không ?
- Cắt theo mũi tên và để theo bốn cạnh hình thoi sẽ thấy bốn tam-giác ngoài phủ kín 4 tam-giác trong. Vậy những hình tam-giác ấy bằng nhau.
- Hình chữ nhật gồm mấy hình tam-giác ấy ? (8)
- Hình thoi gồm mấy hình tam-giác ấy ? (4)

Kết-luận : Diện-tích hình thoi chỉ bằng $\frac{1}{2}$ diện-tích hình chữ nhật.

- Hãy so-sánh đường chéo dài của hình thoi với chiều dài hình chữ nhật. Hai đường này có bằng nhau không ?
- Hãy so-sánh đường chéo ngắn của hình thoi với chiều rộng hình chữ nhật. Hai đường này có bằng nhau không ?

- Như thế thì nhân đường chéo dài với đường chéo ngắn cũng ví như nhân chiều dài với chiều rộng, và sẽ tìm thấy diện-tích hình gì ?
- Chia diện-tích đã tìm được cho 2 sẽ thấy diện-tích hình gì ? (Diện-tích hình thoi.)

GHI NHỚ : Muốn tìm diện-tích hình thoi thì nhân đường chéo dài với đường chéo ngắn, rồi chia cho 2.

$$\text{Diện-tích} = \frac{\text{chéo dài} \times \text{chéo ngắn}}{2}$$

Cũng có thể nhân đường chéo ngắn với $\frac{1}{2}$ đường chéo dài.

$$\text{Diện-tích} = \text{chéo dài} \times \frac{1}{2} \text{ chéo ngắn}$$

$$\text{hoặc} \quad \text{chéo ngắn} \times \frac{1}{2} \text{ chéo dài}$$

Thí-dụ : Chéo dài = 10 cm, chéo ngắn = 6 cm

$$\text{Diện-tích} = 1 \text{ m}^2 \times \frac{10 \times 6}{2} = \frac{60}{2} = 30 \text{ cm}^2$$

$$\text{Diện-tích} = 10 \text{ cm} \times \frac{6 \text{ cm}}{2} = 10 \times 3 = 30 \text{ cm}^2$$

$$6 \text{ cm} \times \frac{10 \text{ cm}}{2} = 6 \times 5 = 30 \text{ cm}^2$$

2. Biết diện-tích và một đường chéo mà muốn tìm đường chéo kia thì làm cách nào ?

GHI NHỚ : Muốn tìm đường chéo kia thì chia diện-tích cho $\frac{1}{2}$ đường chéo kia.

Theo thí-dụ trên : Biết diện-tích hình thoi là 30 cm², tìm một đường chéo.

$$\text{Chéo dài} = 1 \text{ cm} \times 30 : 3 = 10 \text{ cm}$$

$$\text{Chéo ngắn} = 1 \text{ cm} \times 30 : 5 = 6 \text{ cm}$$

BÀI TẬP

1. Chép và bổ-túc những chi-tiết dưới đây có liên-hệ đến hình thoi.

Chéo dài :	8 m	8 m	?	18 m	?
Chéo ngắn :	6 m	?	6 m	10 m	10 m
Diện-tích :	?	24 m ²	36 m ²	?	90 m ²

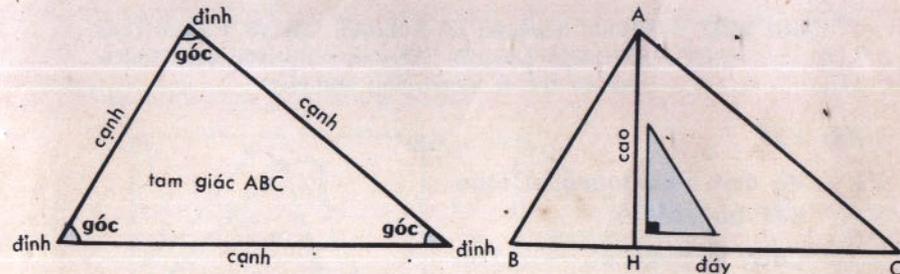
TOÁN ĐỒ

- Em Thu cắt một miếng bìa màu hình thoi làm thủ-công. Đường chéo dài và đường chéo ngắn của miếng bìa là 12 cm và 8 cm. Tính diện-tích miếng bìa.
- Giữa một miếng đất chữ nhật dài 30 m, rộng 20 m người ta đặt một vườn bông hình thoi. Hai đường chéo của vườn bông bằng 3 m và 2 m. Tính diện-tích trồng hoa, diện-tích còn lại của miếng đất.
- Một nền nhà lát bằng 200 viên gạch hình thoi có diện-tích tổng-cộng là 875 dm². Đường chéo ngắn viên gạch là 25 cm. Hỏi đường chéo dài là bao nhiêu ?
- Một nền nhà chữ nhật dài 10 m, 80 được lát bằng 2700 viên gạch hình thoi. Đường chéo mỗi viên gạch hình thoi bằng 24 cm và 15 cm. Tính chiều rộng nền nhà.

16. Hình tam-giác

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

1. Nhận-xét hình tam-giác ABC dưới đây :

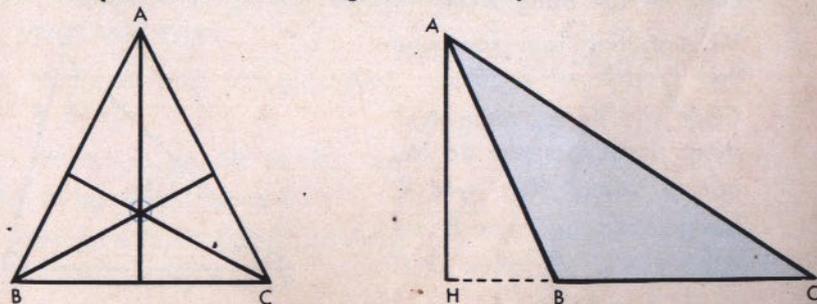


- Đếm số cạnh, số đỉnh, số góc.
 - Nếu từ một đỉnh, kéo một đường thẳng góc xuống cạnh đối diện thì sẽ có một chiều cao.
- Đường AH là đường cao của hình tam-giác.
Đường BC là đường đáy của hình tam-giác.

GHI NHỚ :

- Hình tam-giác có 3 cạnh, 3 góc, 3 đỉnh.
- Chiều cao của hình tam-giác là đường thẳng góc từ một đỉnh xuống cạnh đối diện. Cạnh đối diện này là đường đáy của hình tam-giác.

2. Nhận-xét 2 hình tam-giác dưới đây :



- Từ mỗi đỉnh hãy kéo một đường cao xuống cạnh đối diện. Những chiều cao ấy gặp nhau ở đâu?
- Trong hình tam-giác ở bên mặt, chiều cao ở trong hay ngoài hình tam-giác?

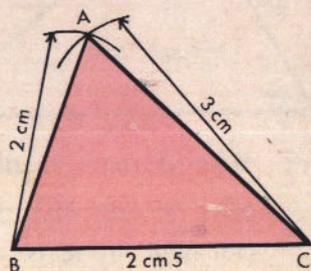
GHI NHỚ :

- Hình tam-giác có 3 đường đáy và 3 chiều cao.
- Ba chiều cao cắt nhau ở cùng một điểm. Chiều cao có thể ở ngoài hình tam-giác.

BÀI TẬP

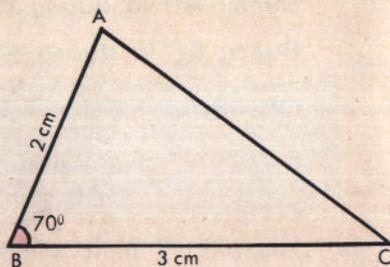
1. Vẽ một hình tam-giác (cho biết ba cạnh).

Cách vẽ : Kẻ $BC = 2,5\text{ cm}$ lấy B làm tâm, vẽ một cung bán kính bằng 2 cm. Lấy C làm tâm, vẽ một cung bán kính 3 cm. Hai cung này cắt nhau ở A. Sau cùng nối AB và AC.



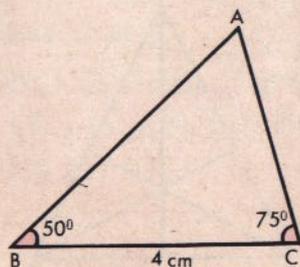
2. Vẽ một hình tam-giác (cho biết 1 góc và 2 cạnh).

Cách vẽ : Kẻ BC bằng 3 cm, rồi dùng thước đo góc đo lấy góc B bằng 70° , sau cùng kẻ BA bằng 2 cm.



3. Vẽ một hình tam-giác (cho biết 1 cạnh và 2 góc).

Cách vẽ : Kẻ BC bằng 4 cm, dùng thước đo góc đo lấy góc B bằng 50° , góc C bằng 75° , cạnh góc B và cạnh góc C cắt nhau ở A là đỉnh tam-giác.

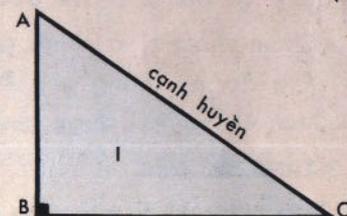
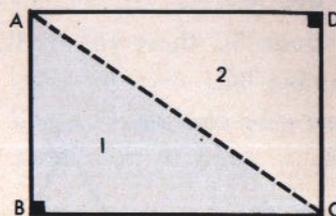


17. Tam-giác đặc-biệt

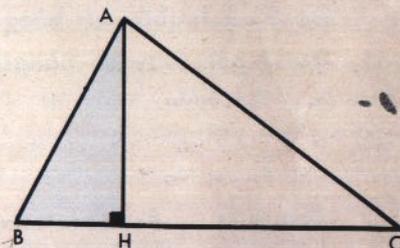
NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

TAM-GIÁC VUÔNG GÓC

1. Trong hình chữ nhật ABCD, kéo đường chéo AC sẽ được 2 hình tam-giác. Nếu cắt theo đường chéo và để lên nhau thì hai hình tam-giác sẽ phủ kín nhau. Như vậy là hai hình tam-giác bằng nhau.



2. Mỗi hình tam-giác này đều có một góc vuông. Đó là hình tam-giác vuông góc. Đường cao chia hình tam-giác ABC thành 2 tam-giác vuông góc AHB và AHC.



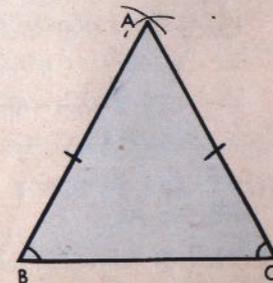
GHI NHỚ : Tam-giác vuông góc là tam-giác có một góc vuông. Cạnh đối diện với góc vuông là cạnh huyền.

TAM-GIÁC CÂN

1. Nhận-xét hình tam-giác ABC ở bên:

Đo hai đoạn AB và BC, có thấy bằng nhau không?

Đo góc B và góc C, có thấy bằng nhau không?



GHI NHỚ : Tam-giác có 2 cạnh đều nhau và 2 góc đều nhau là tam-giác cân.

2. Vẽ tam-giác cân cách nào ?

— Cách vẽ thứ 1 : Trước hết kẻ đường đáy BC.
Rồi lấy B làm tâm và cạnh BA làm bán-kính, vẽ một cung.
Sau đó lấy C làm tâm và cạnh CA bằng BA làm bán-kính, vẽ một cung. Hai cung này cắt nhau ở đỉnh A của tam-giác.

— Cách vẽ thứ 2 : Kẻ đường đáy BC.
Chấm điểm H ở chính giữa đoạn BC được $HB = HC$.
Kéo đường thẳng góc AH xuống BC.

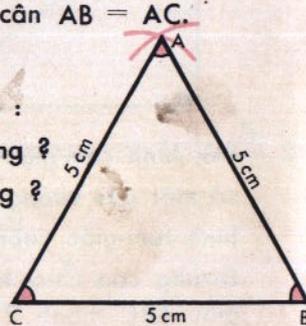
Nối AB và AC được hình tam-giác cân $AB = AC$.

• TAM-GIÁC ĐỀU

Nhận-xét hình tam-giác ở dưới đây :

Đo 3 cạnh thấy có bằng nhau không ?

Đo 3 góc thấy có bằng nhau không ?



GHI NHỚ : Hình tam-giác có 3 cạnh bằng nhau và 3 góc bằng nhau là tam-giác đều.

BÀI TẬP

1. Dùng com-pa và déci-mét-đôi vẽ một tam-giác đều, cạnh 5cm.

Cách vẽ : (coi hình trên)

- Kẻ $BC = 5$ cm.
- Lấy B làm tâm và lấy bán-kính 5 cm, vẽ một cung.
- Lấy C làm tâm và lấy bán-kính 5 cm, vẽ một cung.
- Hai cung này cắt nhau ở đỉnh A của tam-giác, nối AB và AC.

2. Vẽ một tam-giác cân, đường đáy = 8 cm, chiều cao = 5 cm.

18. Diện-tích hình tam-giác

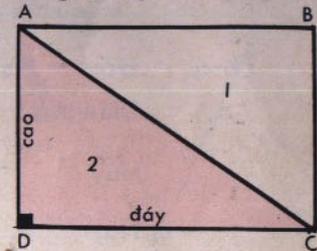
NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

1. Hãy nhận-xét hình chữ nhật ABCD ở góc mặt :

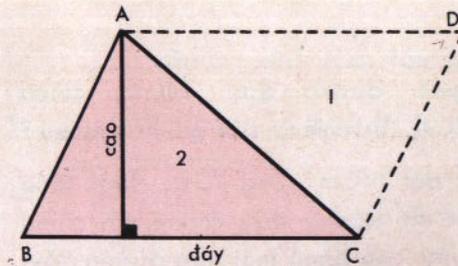
Nếu cắt theo đường chéo AC và để lên nhau thì tam-giác 1 sẽ phủ kín tam-giác 2.

Vậy 2 tam-giác bằng nhau.

Diện-tích hình chữ nhật ABCD bằng 2 diện-tích hình tam-giác ABC hoặc là bằng 2 diện-tích hình tam-giác ACD.



Nói cách khác : diện-tích hình tam-giác bằng $\frac{1}{2}$ diện-tích hình chữ nhật. Diện-tích hình chữ nhật = dài \times rộng. Nếu thay chiều dài bằng đường đáy và chiều rộng bằng đường cao rồi chia với 2 thì được diện-tích hình tam-giác ; vậy diện-tích hình tam-giác = $\frac{\text{đường đáy} \times \text{chiều cao}}{2}$



2. Hãy nhận xét hình bình-hành ABCD ở góc trái : Nếu cắt theo đường chéo AC và để lên nhau thì tam-giác 1 sẽ phủ kín tam-giác 2. Vậy 2 tam-giác bằng nhau.

Rồi cũng suy luận như ở hình chữ nhật trên thì thấy diện-tích hình tam-giác bằng $\frac{1}{2}$ diện-tích hình bình-hành tức là : $\frac{\text{đường đáy} \times \text{chiều cao}}{2}$

GHI NHỚ : Muốn tìm diện-tích hình tam-giác thì nhân đường đáy với chiều cao rồi chia cho 2.

$$\text{Diện-tích} = \frac{\text{đường đáy} \times \text{chiều cao}}{2}$$

Cũng có thể nhân đường đáy với $\frac{1}{2}$ chiều cao hoặc nhân chiều cao với $\frac{1}{2}$ đường đáy.

Thí-dụ : Đáy = 8 m Cao = 6 m

$$\text{Diện-tích} = 1 \text{ m}^2 \times \frac{8 \times 6}{2} = \frac{48}{2} = 24 \text{ m}^2$$

$$\text{Hay} = 8 \text{ m} \times \frac{6}{2} = 8 \times 3 = 24 \text{ m}^2$$

$$\text{Hay} = 6 \text{ m} \times \frac{8}{2} = 6 \times 4 = 24 \text{ m}^2$$

BÀI TẬP

Chép và bổ-túc những chi tiết dưới đây liên-quan đến hình tam-giác:

Đường đáy :	14 m	24 m	150 m	4 m, 8	54 m
Chiều cao :	8 m	12 m	70 m	3 m	24 m, 5
Diện-tích :	?	?	?	?	?

TOÁN ĐỒ

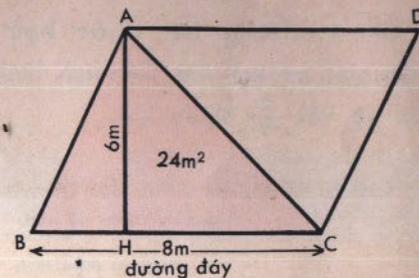
- Một miếng đất tam-giác đường đáy 140 m, chiều cao 25 m. Nếu 1 m² giá 200\$, thì miếng đất giá bao nhiêu?
- Một vườn hình chữ nhật dài 140 m, rộng 75 m, được tăng thêm một miếng tam-giác có đường đáy chung với chiều dài hình chữ nhật và chiều cao bằng một nửa đường đáy. Tính giá tiền cái vườn nếu 1 m² giá 130\$.
- Một chủ thuyền may một chiếc buồm tam-giác bằng thứ vải giá 95\$ một m². Tính giá tiền vải cần dùng biết chiếc buồm có đường đáy bằng 3 m, 5 và cao 4 m, 2.

19. Diện-tích hình tam-giác (tiếp theo)

TÌM MỘT CHIỀU

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

- Hãy nhận-xét hình bình-hành ABCD và hình tam-giác ABC : Đường đáy BC của hình bình-hành cũng là đường đáy của hình tam-giác.



Chiều cao AH của hình bình-hành cũng là chiều cao của hình tam-giác.

Diện-tích hình bình-hành = 2 diện-tích hình tam-giác.

- Tìm đường đáy của hình bình-hành tức là tìm đường đáy của hình tam-giác.

$$\text{Đường đáy hình bình-hành} = \frac{\text{diện-tích}}{\text{chiều cao}}$$

$$\text{Đường đáy hình tam-giác} = \frac{2 \text{ diện-tích}}{\text{chiều cao}}$$

- Tìm chiều cao của hình bình-hành tức là tìm chiều cao của hình tam-giác.

$$\text{Chiều cao hình bình-hành} = \frac{\text{diện-tích}}{\text{đường đáy}}$$

$$\text{Chiều cao hình tam-giác} = \frac{2 \text{ diện-tích}}{\text{đường đáy}}$$

GHI NHỚ :

- Muốn tìm đường đáy hình tam-giác thì nhân diện-tích với 2 rồi chia cho chiều cao.
- Muốn tìm chiều cao hình tam-giác thì nhân diện-tích với 2 rồi chia cho đường đáy.

Chú-ý : Trong bài trước học về diện-tích hình tam-giác ta đã biết có thể tìm diện-tích hình tam-giác bằng cách nhân chiều nọ với $\frac{1}{2}$ chiều kia.

GHI NHỚ : Muốn tìm một chiều ta cũng có thể chia diện-tích cho nửa chiều đã biết.

$$\text{Đáy} = \text{diện-tích} : \frac{1}{2} \text{ cao}$$

$$\text{Cao} = \text{diện-tích} : \frac{1}{2} \text{ đáy}$$

Thí-dụ : Hình tam-giác ABC trên có diện-tích = 24 cm^2 .

$$\text{Đường đáy} = 1 \text{ cm} \times 24 : \frac{6}{2} = 24 : 3 = 8 \text{ cm.}$$

$$\text{Chiều cao} = 1 \text{ cm} \times 24 : \frac{8}{2} = 24 : 4 = 6 \text{ cm.}$$

BÀI TẬP

Chép và bổ-túc những chi-tiết dưới đây liên-quan đến hình tam-giác :

Diện-tích	48 m^2	120 m^2	720 m^2	3.500 m^2
Đáy	12 m	?	?	100 m
Cao	?	9 m, 60	24 m	?

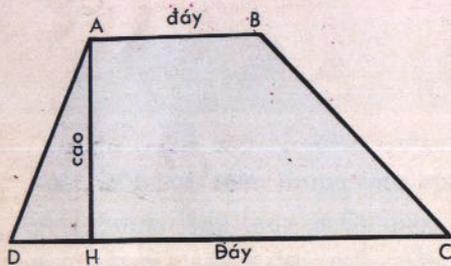
TOÁN ĐỒ

- Ông Ba chia đều cho 2 con mỗi người một lô đất. Con lớn được 1 lô hình vuông cạnh 12 m, con nhỏ được 1 lô hình tam-giác đường đáy 18 m. Tìm chiều cao lô đất hình tam-giác.
- Một miếng đất chữ nhật chu-vi 110 m, chiều dài hơn chiều rộng 15 m. Chủ miếng đất này đòi lấy một miếng đất tam-giác đồng diện-tích có chiều cao bằng chiều rộng miếng đất chữ nhật. Hỏi đường đáy miếng đất tam-giác đó được bao nhiêu mét ?
- Chú tôi có một miếng đất chữ nhật dài 80 m, rộng 35 m, đem đòi lấy một miếng đất tam-giác cao 60 cm. Cả hai miếng đất tuy diện-tích khác nhau nhưng đều có giá 1 m² là 200\$. Chú tôi được chủ miếng đất tam-giác trả thêm cho 40.000\$. Hỏi đường đáy miếng đất tam-giác dài bao nhiêu ?

20. Hình thang

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

• HÌNH THANG THƯỜNG



— Quan-sát cái thang, ta thấy các bậc thang song song với nhau. Hai cọc thang đoãng ra.

— Hãy tìm những đặc-điểm ấy trong hình thang ở bên đây : hai cạnh song

song AB và DC là hai đường đáy của hình thang. Còn hai cạnh không song song là hai cạnh xiên. Đường AH thẳng góc với hai đường đáy là chiều cao của hình thang.

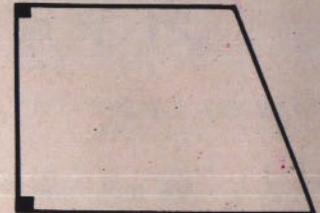
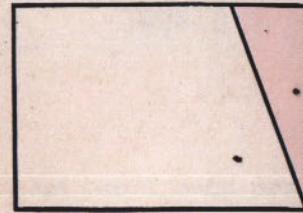
— Trong hình thang thường, các góc không bằng nhau.

GHI NHỚ : Hình thang là một hình tứ-giác có hai cạnh song song gọi là hai đường đáy. Đường thẳng góc với hai đường đáy là chiều cao của hình thang.

• HÌNH THANG ĐẶC-BIỆT

1. Hình thang vuông góc

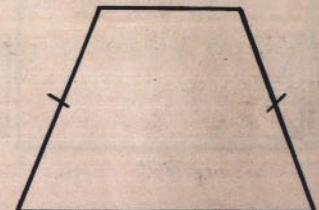
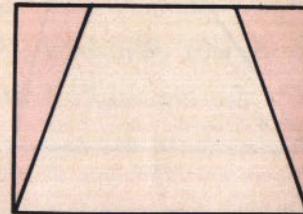
Cắt ở hình chữ nhật ra một tam-giác vuông góc; chỗ còn lại là một hình thang có 2 góc vuông. Đó là hình thang vuông góc.



Hình thang vuông góc

2. Hình thang cân

Cắt ở hình chữ nhật ra 2 tam-giác vuông góc bằng nhau, ta sẽ còn lại một hình thang có 2 cạnh xiên bằng nhau. Đó là hình thang cân.



Hình thang cân

GHI NHỚ :

- Hình thang vuông góc có hai góc vuông.
- Hình thang cân có hai cạnh xiên bằng nhau, hai góc tù bằng nhau và hai góc nhọn bằng nhau.

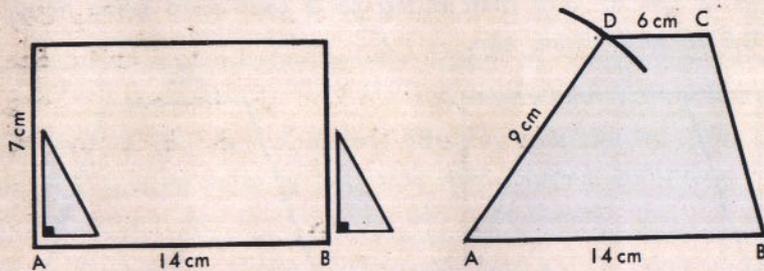
BÀI TẬP

1. Lấy một miếng bìa màu hình chữ nhật. Gấp và cắt thành một hình thang vuông góc rồi dán vào vở.
2. Cắt và dán một hình thang bằng giấy màu.
3. Gấp, cắt và dán một hình thang cân bằng bìa màu.

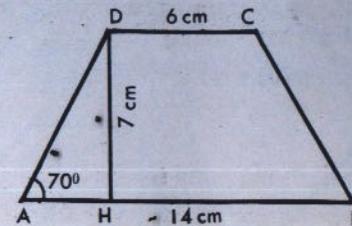
21. Vẽ hình thang theo kích-thước

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

Thí-dụ 1 : Vẽ một hình thang, chiều cao bằng 7 cm ; hai đường đáy bằng 14 cm và 6 cm ; một cạnh xiên bằng 9 cm ; hai đường đáy phải song song cách đều nhau 7 cm.



Cách vẽ : Trước hết phải vẽ :
2 đường song song, sau đó lấy $AB = 14$ cm tức là đường đáy lớn rồi từ A và B kẻ 2 đường thẳng góc với 2 đường đáy, mỗi đường dài 7 cm tức là chiều cao của hình thang ; kẻ đó lấy A làm tâm-điểm vẽ một cung bán-kính bằng 9 cm, cung này cắt đường đáy nhỏ ở D. Nối AD sẽ có cạnh xiên bằng 9 cm. Sau chót, lấy DC bằng 6 cm rồi nối CB.



Thí-dụ 2 : Vẽ một hình thang, chiều cao bằng 7 cm, hai đường đáy bằng 14 cm và 6 cm, biết một góc ở đáy bằng 70° .

Cách vẽ : Theo như lời chỉ-dẫn ở trên, vẽ 2 đường đáy song song và chiều cao ; lấy AB bằng 14 cm ; chiều cao bằng 7 cm. Sau đó dùng thước đo góc đo lấy góc \widehat{A} bằng 70° ; cạnh xiên của góc \widehat{A} cắt đường đáy nhỏ ở D. Lấy DC bằng 6 cm rồi nối CB.

BÀI TẬP

1. Vẽ một hình thang kích thước như sau :

- Đường đáy = 8 cm và 6 cm
- Chiều cao = 4 cm
- Một cạnh xiên = 5 cm.

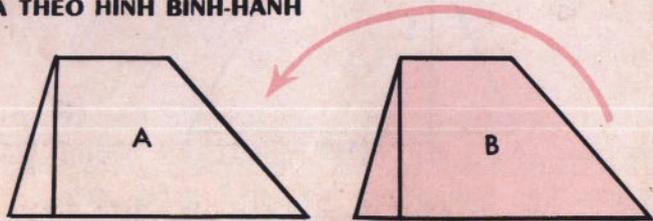
2. Vẽ một hình thang kích-thước như sau :

- Đường đáy = 10 cm và 8 cm.
- Chiều cao = 6 cm
- Một góc ở đáy = 70° .

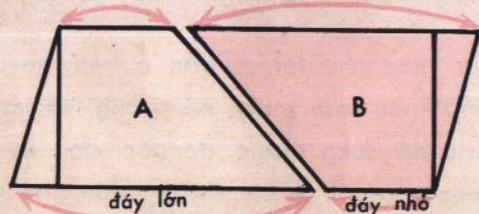
22. Diện-tích hình thang

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

• DỰA THEO HÌNH BÌNH-HÀNH



Trên đây là 2 hình thang bằng nhau (A và B)



Nếu ta xoay theo mũi tên để ghép B vào A thì ta sẽ có một hình bình hành.

Và, như vậy thì: diện-tích hình bình-hành bằng 2 diện-tích hình thang, chiều cao của hình bình-hành bằng chiều cao của hình thang; đường đáy của hình bình-hành bằng tổng số 2 đường đáy của hình thang.

- Muốn tìm diện-tích hình bình-hành thì nhân đường đáy với chiều cao.
- Tìm thấy diện-tích hình bình-hành rồi đem chia đôi thì sẽ thấy diện-tích hình gì? (hình thang)

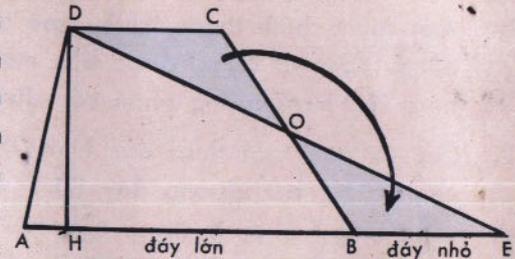
Tóm tắt: Diện-tích hình thang = $\frac{1}{2}$ diện-tích hình bình hành.

GHI NHỚ : Muốn tìm diện-tích hình thang thì nhân tổng-số 2 đường đáy với chiều cao rồi chia cho 2.

$$\text{Diện-tích} = \frac{(\text{Đường đáy lớn} + \text{đường đáy nhỏ}) \times \text{chiều cao}}{2}$$

• DỰA THEO HÌNH TAM-GIÁC

Nếu từ O là giữa cạnh xiên BC, ta xén của hình thang lấy hình tam-giác DOC, rồi đem ghép vào theo như mũi tên chỉ trong hình vẽ thì sẽ có một hình tam-



giác (tam-giác ADE). Như vậy, diện-tích của hình thang vẫn không thay đổi và bằng diện-tích hình tam-giác; đường đáy của tam-giác bằng tổng-số 2 đường đáy của hình thang; chiều cao trong hai hình bằng nhau.

Tóm lại: Diện-tích hình thang bằng diện-tích một hình tam-giác mà chiều cao bằng chiều cao hình thang và đường đáy bằng tổng-số 2 đường đáy hình thang.

GHI NHỚ : Muốn tìm diện-tích hình thang thì nhân tổng-số hai đường đáy với chiều cao rồi chia cho 2, hoặc nhân tổng-số 2 đường đáy với $\frac{1}{2}$ chiều cao, hoặc nhân chiều cao với $\frac{1}{2}$ tổng-số 2 đường đáy.

$$\text{Diện-tích hình thang} = \text{tổng-số 2 đường đáy} \times \frac{1}{2} \text{ chiều cao.}$$

$$\text{hoặc: } \text{chiều cao} \times \frac{1}{2} \text{ tổng-số 2 đường đáy.}$$

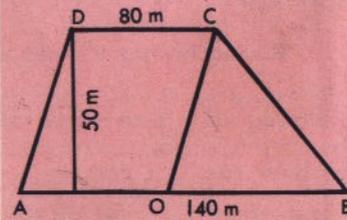
BÀI TẬP

Bổ-túc những chi-tiết dưới đây liên-quan đến hình thang.

Đường đáy	8cm - 6cm	60cm - 32cm	100m - 80m	12m,8 - 4m,5
Chiều cao	5cm	40cm	50m	4m
Diện tích	?	?	?	?

TOÁN ĐỒ

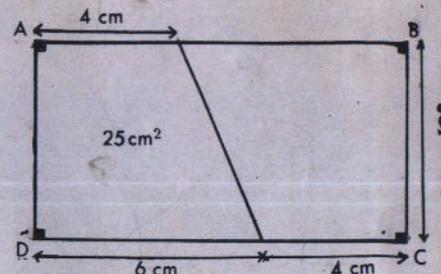
1. Một ruộng hình thang, chiều cao 80 m, hai đường đáy bằng 140m và 60 m, được bón mỗi ha 150 kg phân hóa học. Tính trọng-lượng phân cần dùng.
2. Cha tôi mua một thửa đất hình thang vuông góc, chiều cao 30 m, hai đường đáy 80 m và 50 m; theo đường song song với cạnh chung của hai góc vuông cha tôi kẻ một đường để có một miếng đất hình vuông, và một miếng hình thang vuông góc. Cha tôi bán miếng đất hình thang và giữ miếng đất hình vuông lại. Hỏi cha tôi được bao nhiêu tiền, biết một m² đất giá 500\$.
3. Ông Bá có một sớ đất hình thang, chiều cao 60 m, hai đường đáy bằng 125 m và 75 m. Chính-phủ đặt một con đường rộng 8 m, song song với chiều cao, xuyên qua đất của ông Bá. Ông được bồi thường theo giá 50\$ một mét vuông. Hỏi ông Bá còn lại bao nhiêu đất và được bồi thường bao nhiêu tiền?
4. Hai ông Mỹ và Lâm chia đôi nhau một miếng đất hình thang ABCD, chiều cao 50 m, hai đường đáy đo được 140m và 80 m. Hai ông thỏa-thuận chia thửa đất theo đường CO song song với AD. Người nào lấy nhiều đất hơn sẽ phải bù thêm tiền cho người kia. Giá 1m² đất là 200\$. Tính giá lô đất hình bình hành, giá lô đất hình tam-giác. Ông nào phải bù thêm tiền? Bù bao nhiêu tiền?



140
80

23. Tìm một chiều của hình thang

NHÂN-XÉT VÀ SUY-LUẬN



Diện-tích hai hình thang trên đây bằng nhau.

Hai hình thang này vuông góc và hợp lại thành một hình chữ nhật; chiều cao của hình thang cũng là chiều cao (chiều rộng) của hình chữ nhật.

Tìm chiều rộng của hình chữ nhật cách nào?
(Chia diện-tích cho chiều dài)

Diện-tích hình chữ nhật trong hình vẽ là bao nhiêu cm²?
(2 lần 25 cm² = 50 cm²)

Chiều dài hình chữ nhật tức là gì?
(là tổng-số 2 đường đáy của hình thang).

Tổng-số này bằng bao nhiêu cm trong hình trên?
(6 cm + 4 cm = 10 cm).

Vậy thì chiều rộng của hình chữ nhật là:
 $1 \text{ cm} \times 50 : 10 = 5 \text{ cm}$ tức cũng là chiều cao của hình thang.

GHI NHỚ : Muốn tìm chiều cao của hình thang thì nhân đôi diện-tích rồi chia cho tổng-số 2 đường đáy.

$$\text{Chiều cao} = \frac{\text{diện-tích} \times 2}{\text{tổng-số 2 đường đáy}}$$

Tìm tổng-số 2 đường đáy cách nào?
(Chia 2 diện-tích cho chiều cao)

GHI NHỚ : Muốn tìm tổng-số 2 đường đáy một hình thang thì nhân diện-tích với 2 rồi chia cho chiều cao.

$$\text{Tổng-số 2 đường đáy} = \frac{\text{diện-tích} \times 2}{\text{chiều cao}}$$

Hãy coi toán chia như một phân-số và đơn-giản phân-số $(\frac{2 \text{ diện-tích}}{\text{cao}})$ bằng cách chia tử-số cho 2, mẫu-số cho 2, ta sẽ có công-thức sau đây:

$$\text{Tổng-số 2 đường đáy} = \frac{\text{diện-tích}}{\frac{1}{2} \text{ chiều cao}}$$

Theo cách suy-luận trên thì muốn tìm chiều cao ta cũng có thể chia diện-tích cho $\frac{1}{2}$ tổng-số 2 đường đáy.

$$\text{Chiều cao} = \frac{\text{diện-tích}}{\frac{1}{2} \text{ tổng-số 2 đường đáy}}$$

BÀI TẬP

Bổ-túc những chi-tiết dưới đây liên-quan đến hình thang.

Tổng-số 2 đường đáy	30 cm	40 cm	50 m	?
Chiều cao	8 cm	?	?	12 m
Diện-tích	?	280cm ²	200m ²	300m ²

TOÁN ĐỒ

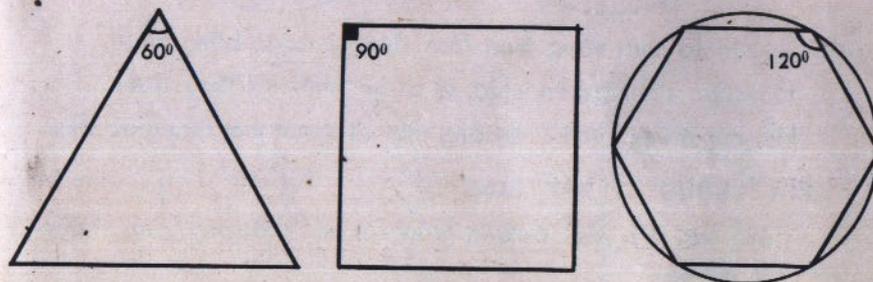
- Một sỏ đất hình thang diện-tích 120 m², có chiều cao bằng 8 m. Tính mỗi đường đáy, biết đường đáy lớn hơn đường đáy nhỏ 6 m.
- Một hình thủ-công hình thang, diện-tích 30 cm², đường đáy lớn dài 10 cm²; đường đáy nhỏ bằng $\frac{1}{2}$ đường đáy lớn. Tính chiều cao của hình thủ công.

CHƯƠNG III

24. Hình đa-giác

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

— Hãy nhận-xét các hình dưới đây:



Các hình đều có nhiều góc. Vì vậy ta gọi là hình đa-giác. Hình đa-giác có nhiều cạnh.

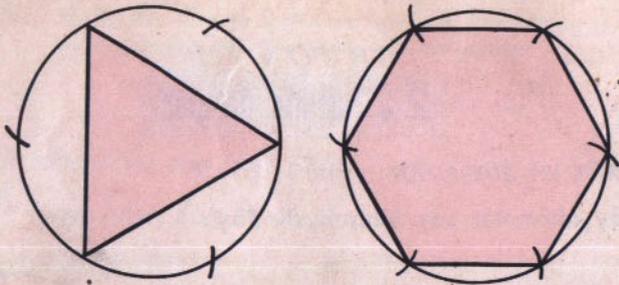
- Đo các góc và cạnh của mỗi hình:
Ta nhận thấy các góc đều nhau, các cạnh cũng đều nhau. Vì vậy ta gọi là hình đa-giác đều.
- Hình tam-giác đều, hình vuông, hình lục-lăng, hình bát-giác đều là những hình đa-giác đều.

GHI NHỚ : Hình đa-giác là hình có nhiều góc, nhiều cạnh. Nếu các góc đều nhau và các cạnh cũng đều nhau thì gọi là đa-giác đều.

CÁCH VẼ HÌNH ĐA-GIÁC ĐỀU

- TAM-GIÁC ĐỀU và LỤC-LĂNG

Cách vẽ : Dùng com-pa khoanh vòng tròn rồi lấy độ mở



com-pa đó ta chia vòng tròn làm đúng 6 đoạn bằng nhau.

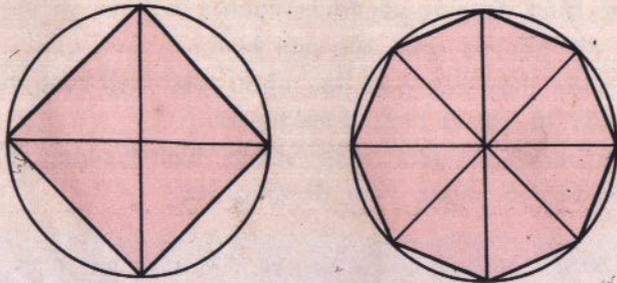
Nối các điểm phân chia sẽ được hình lục-lăng đều.

Nối các điểm, cách 2 khoảng một sẽ được một tam-giác đều.

• HÌNH VUÔNG và BÁT GIÁC

Cách vẽ : Vẽ một đường tròn rồi kẻ 2 đường kính thẳng góc với nhau.

Nối những điểm đường kính gặp đường tròn sẽ được hình vuông.



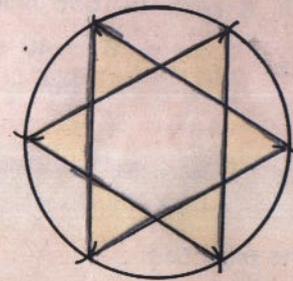
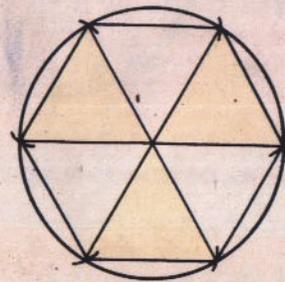
Bằng com- pa kẻ đường phân-giác của góc vuông ở tâm rồi kéo dài ra, kẻ đó kẻ đường thẳng góc với đường phân-giác nói trên thì sẽ có thêm 4 điểm gặp đường tròn. Tổng cộng sẽ có 8 điểm gặp đường tròn.

Nối 8 điểm đó ta sẽ có hình bát-giác đều.

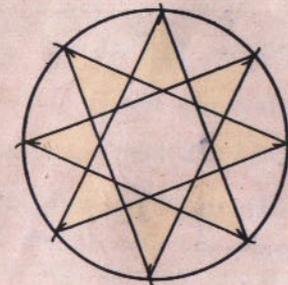
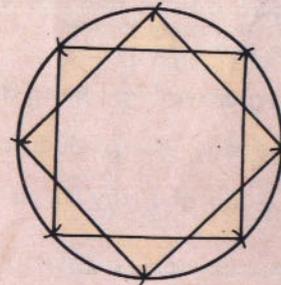
BÀI TẬP

Vẽ và tô màu những hình dưới đây :

Hướng-dẫn : 1. Dùng com- pa chia đường tròn làm 6 khoảng đều nhau.



2. Dùng com- pa chia đường tròn làm 8 khoảng đều nhau như đã giảng ở bài học trên.



25. Chu-vi và diện-tích hình đa-giác đều .

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN

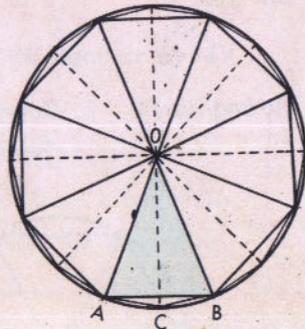
1. TÌM CHU-VI

Hãy đếm số cạnh ở hình bát-giác.

Có 8 cạnh, nếu mỗi cạnh dài 5 cm thì 8 cạnh là bao nhiêu cm ?

$$5 \text{ cm} \times 8 = 40 \text{ cm.}$$

(Chu-vi hình bát-giác).



GHI NHỚ : Muốn tìm chu-vi hình đa-giác đều thì nhân chiều dài một cạnh với số cạnh.

2. TÌM DIỆN-TÍCH

Hãy nhận-xét hình tam-giác OAB trong hình đa-giác : Chiều cao OC của tam-giác gọi là đường trung-đoạn của hình đa-giác. Nếu là hình bát-giác thì có mấy tam-giác cân có chung đỉnh là tâm O ? (Có 8 tam-giác).

Muốn tìm diện-tích hình tam-giác đó thì nhân gì với gì ? (Nhân đáy AB với $\frac{1}{2}$ chiều cao OC).

Như vậy tức là nhân cạnh đa-giác với $\frac{1}{2}$ trung-đoạn.

Diện-tích hình tam-giác = đường đáy $\times \frac{1}{2}$ chiều cao.

Diện-tích hình bát-giác bằng 8 lần như vậy vì có 8 hình tam-giác cân như đã nói ở trên.

Vậy, diện-tích hình bát-giác:

$$8 \text{ cạnh} \times \frac{1}{2} \text{ trung-đoạn} = \text{chu-vi} \times \frac{1}{2} \text{ trung-đoạn.}$$

GHI NHỚ : Muốn tìm diện-tích hình đa-giác đều thì nhân chu-vi với $\frac{1}{2}$ đường trung-đoạn.

Chú-ý : Muốn tìm diện-tích hình tam-giác có thể nhân $\frac{1}{2}$ đáy với chiều cao, nghĩa là nhân $\frac{1}{2}$ cạnh đa-giác với trung-đoạn.

Vậy muốn tìm diện-tích hình đa-giác đều có thể nhân $\frac{1}{2}$ chu-vi với đường trung-đoạn.

GHI NHỚ : Diện-tích đa-giác đều = $\frac{1}{2}$ chu-vi \times trung-đoạn.

BÀI TẬP

1. Tìm chu-vi một hình lục-lăng cạnh 5 cm.
2. Tìm cạnh một hình bát-giác chu-vi 40 cm.
3. Diện-tích một cái bảng quảng-cáo hình lục-lăng là $3 \text{ m}^2,744$; đường trung-đoạn là 1 m,04. Tìm cạnh của cái bảng.
4. Tìm diện-tích hình lục-lăng có cạnh 6 cm và đường trung-đoạn 5 cm,196.

TOÁN ĐỒ

1. Chung quanh một vườn hoa hình lục-lăng người ta trồng 60 cây hoa, cây nọ cách cây kia 0 m,40. Tìm chiều dài mỗi cạnh vườn hoa.
2. Trong một miếng đất hình chữ nhật dài 30 m rộng 25 m người ta đào một cái hồ lục-lăng, cạnh 4 m và đường trung-đoạn 3 m,464. Tính diện-tích còn lại để trồng-tía.
3. Trong một cái vườn dài 40 m rộng 30 m có một cái hồ bát-giác cạnh 6 m, đường trung-đoạn 7 m,242. Tính diện-tích còn lại để trồng-tía ?

26. Hình đa-giác không đều

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

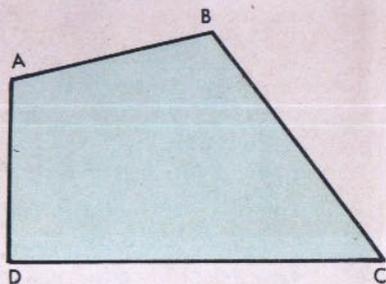
1. Hãy nhận-xét hình ở góc mặt. Hình này có nhiều góc, nhiều cạnh không?

Hình này cũng là hình đa-giác.

Hãy đo các cạnh và các góc hình ấy:

Các cạnh không bằng nhau; các góc cũng không bằng nhau.

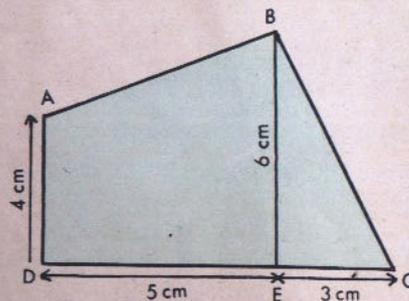
Hình đa-giác có cạnh và góc không bằng nhau gọi là đa-giác không đều.



GHI NHỚ : Hình đa-giác có các cạnh và các góc không bằng nhau gọi là hình đa-giác không đều.

2. Đồng, ruộng, vườn, ao hồ thường không có hình đều-đặn. Đó là những hình đa-giác không đều như ta vừa nói ở trên.

Muốn tìm diện-tích những hình ấy thì làm cách nào?



Hãy coi hình đa-giác ABCD; kẻ đường BE thẳng góc xuống DC ta sẽ có 2 hình là : hình tam-giác BEC và hình thang BEDA vuông góc.

Hãy tìm diện-tích tam-giác vuông góc BEC. Trước hết đo hai cạnh của góc vuông
BE = 6 cm ; EC = 3 cm.

$$\text{Diện-tích tam-giác BEC} = 1 \text{ cm}^2 \times \frac{6 \times 3}{2} = 9 \text{ cm}^2$$

Tìm nốt diện-tích hình thang BEDA :

Đo 2 đường đáy EB và AD được 6 cm và 4 cm.

Đo chiều cao DE được 5 cm.

$$\text{Diện-tích hình thang BEDA là } 1 \text{ cm}^2 \times \frac{(6 + 4) \times 5}{2} = 25 \text{ cm}^2.$$

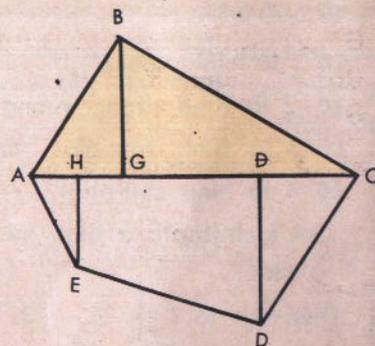
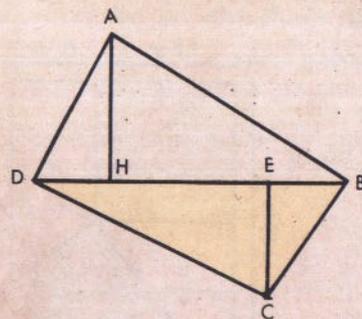
Cộng diện-tích 2 hình sẽ được diện-tích hình đa-giác ABCD không đều.

$$\text{Diện-tích đa-giác ABCD là } 9 \text{ cm}^2 + 25 \text{ cm}^2 = 34 \text{ cm}^2.$$

GHI NHỚ : Muốn tìm diện-tích một hình đa-giác không đều thì cắt hình đó thành những hình giản-dị hơn rồi đo kích-thước và tìm diện-tích mỗi hình. Sau cùng tổng-cộng các diện-tích lại.

BÀI TẬP

Tìm diện-tích những hình đa-giác không đều dưới đây :



$$AH = 9 \text{ cm}$$

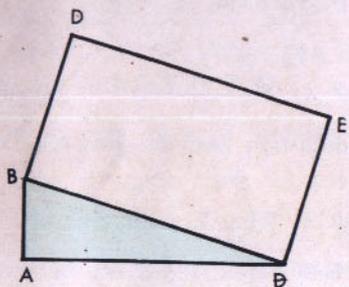
$$EC = 8 \text{ cm}$$

$$DB = 16 \text{ cm}$$

$$AH = 35 \text{ cm} \quad BG = 70 \text{ cm}$$

$$HĐ = 105 \text{ cm} \quad EH = 80 \text{ cm}$$

$$ĐC = 65 \text{ cm} \quad ĐĐ = 120 \text{ cm}$$



$$\begin{aligned} AB &= 8 \text{ cm} \\ BA &= 6 \text{ cm} \\ BD &= 10 \text{ cm} \\ BD &= 7 \text{ cm} \end{aligned}$$

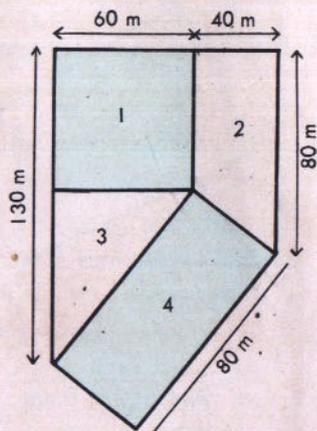
TOÁN ĐỒ

Một người mua 4 lô đất liền nhau diện-tích tổng-cộng là : 12.500 m².

- Lô 1 là hình vuông ;
- Lô 2 là hình thang vuông góc ;
- Lô 3 là hình tam-giác vuông góc ;
- Lô 4 là hình chữ-nhật.

Coi kích-thước ở hình vẽ bên và tính :

- a) Diện-tích lô 1 - 2 - 3.
- b) Chiều rộng lô 4.



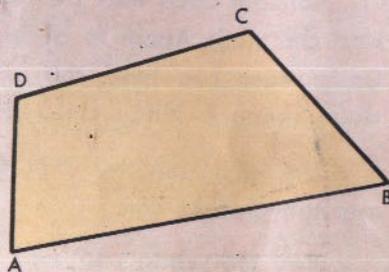
27. Hình đa-giác không đều (tiếp theo)

NHẬN XÉT VÀ SUY LUẬN

Hãy nhận-xét hình đa-giác ABCD ở góc mặt :

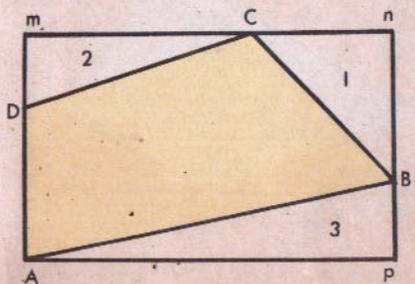
Cạnh và góc nó có đều-đặn không ?

Tìm diện-tích hình ấy cách nào ?



Trong bài trước các em đã biết : muốn tìm diện-tích hình đa-giác không đều thì phải chia cắt thành những hình giản-dị hơn và đo kích-thước mỗi hình ; rồi tìm diện-tích mỗi hình. Đoạn làm gì nữa ?

Muốn đo kích-thước của miếng đất hình đa-giác, người ta phải đặt chân vào miếng đất ấy để đo. Nhưng nếu không phải là miếng vườn, hay thửa ruộng mà là cái ao nước sâu, người ta không thể lội xuống được thì phải làm thế nào ? Các em hãy nghĩ coi có cách nào đo kích-thước cái ao đó không ?



Nếu ta kẻ những đường bao quanh ao thành hình chữ nhật như hình vẽ bên, thì ta sẽ có 3 hình tam-giác ở ngoài ao và lẽ dĩ-nhiên ta có thể bước vào những mảnh đất tam-giác ấy để đo kích-thước và tìm diện-tích những hình tam giác ấy.

Rồi làm cách nào để tìm diện-tích ao ? Chiều dài của hình chữ nhật Apmn là đường nào ? Có thể đo được không ? Chiều rộng của hình chữ nhật là đường nào ? Có thể đo được không ? Nhân chiều dài với chiều rộng thì thấy gì ?

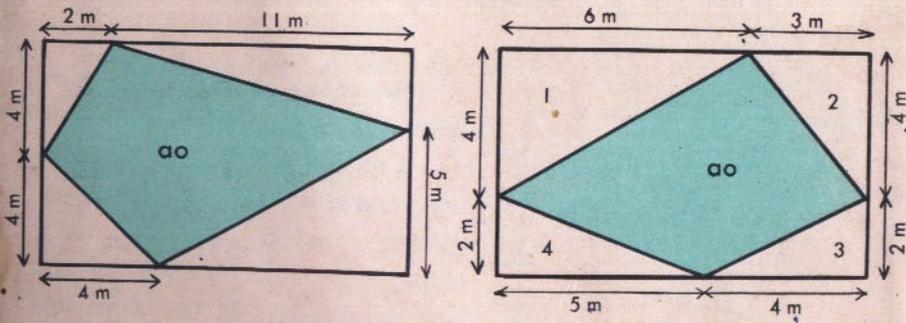
Diện-tích hình chữ nhật gồm diện-tích cái ao và diện-tích các tam-giác kế-cận.

Bây giờ chắc các em đã biết làm gì để tìm diện-tích cái ao .

GHI NHỚ : Nếu hình đa-giác là ao, hồ không lội xuống đo được thì phải kẻ đường bao quanh hồ, ao thành hình chữ nhật, sau đó tìm diện-tích những hình kế-cận vừa được tạo ra, rồi trừ với diện-tích hình chữ nhật.

BÀI TẬP

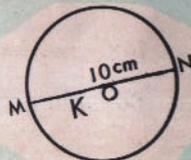
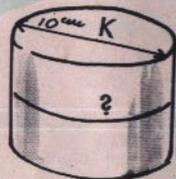
Tìm diện-tích cái ao vẽ trong hình dưới đây :



28. Hình tròn_chu-vi hình tròn

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

Hình tròn : Hình bên đây là một hộp tròn. Mặt trên và mặt dưới là một hình tròn. Đường thẳng mn, chạy qua tâm O gọi là đường kính của hình tròn (viết tắt là K). Nửa đường kính là đường bán-kính (viết tắt là bk) :



Tìm chu-vi hình tròn cách nào ?

— Đường kính mặt hộp tròn ở hình bên đo được bao nhiêu ? (10 cm).

— Hãy nhân 10 cm với số 3,14 : $10 \text{ cm} \times 3,14 = 31 \text{ cm},4$. 31 cm,4 là chu-vi của hình tròn.

— Số 3,14 được gọi là số π (pi).

GHI NHỚ : Muốn tìm chu-vi hình tròn thì nhân đường kính với π (pi).

Số π (pi) do đâu mà có ?

Trong bất cứ hình tròn nào, dù to dù nhỏ, khi chia chu-vi cho đường kính (K) sẽ thấy một số vô tận không thay đổi là : 3,14 16 ... Số này được gọi là π (pi).

Trong các bài toán ở bậc tiểu-học thường thường người ta chỉ dùng $\pi = 3,14$ hoặc 3,14 16, và đôi khi được thay thế bằng phân số $\frac{22}{7}$ để tính cho chẵn số (thí-dụ đường kính là 14 cm, thì chu-vi sẽ là : $14 \text{ cm} \times \frac{22}{7} = 2 \text{ cm} \times 22 = 44 \text{ cm}$).

Tìm đường kính cách nào ?

Thí-dụ: Muốn biết đường kính của mặt đáy thân cây mà không cần xẻ thì làm cách nào ?

— Coi hình bên, ta thấy người thợ dùng dây vòng quanh thân cây để đo chu-vi.



Ta đã biết là chia cho đường kính thì ta thấy số π (pi).

— Vậy nếu ta chia chu-vi cho π ta sẽ được đường kính.

GHI NHỚ: Muốn tìm đường kính thì chia chu vi cho π (pi).

BÀI TẬP

- Vẽ một hình tròn đường bán-kính 5 cm.
- Chép và bổ-túc những chi-tiết dưới đây liên-quan đến hình tròn :

Đường kính	26 cm	40 cm	8 dm 4	(?)	(?)	(?)
Chu-vi hình tròn	(?)	(?)	(?)	88 cm	110 cm	13 m,2

TOÁN ĐỒ

- Huy đẩy một bánh xe chạy trong sân. Lúc em ngừng lại thì bánh xe đã quay được 100 vòng. Biết rằng đường kính bánh xe là 42 cm. Hỏi Huy đã lăn bánh xe chạy được bao nhiêu mét ?
- Một con chó bị cột vào một cột tròn. Nó quấn 5 vòng dây vào cột. Đoạn dây chưa bị quấn vào cột dài 40 cm. Biết chiều dài tổng-cộng dây xích chó là 1 m, 50. Tìm đường kính cái cột.

29. Diện-tích hình tròn

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

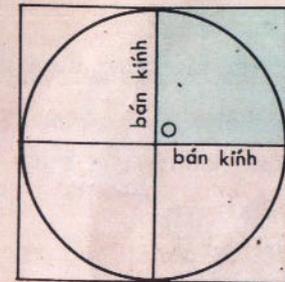
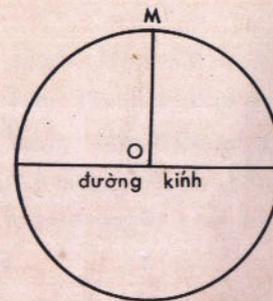
Dưới đây là những đồ-vật có mặt hình tròn.



Hãy kể thêm những đồ-vật có mặt hình tròn mà em thường thấy.

Tìm diện-tích hình tròn cách nào ? Muốn tìm diện-tích hình tròn cần phải biết đường bán-kính.

Hãy coi hình dưới đây: nếu từ tâm-điểm O, ta kẻ một đường thẳng gặp đường tròn ở M, ta sẽ có đường O M tức là đường bán-kính.



Nếu ta nhân đường bán-kính với đường bán-kính ta sẽ được diện-tích hình gì? (hãy coi hình mà trả lời).

Nếu ta nhân hình vuông nhỏ với 4 thì sẽ thấy diện-tích hình vuông lớn.

Hãy so sánh diện-tích hình vuông lớn với diện-tích hình tròn: Hình nào nhỏ hơn?

Vậy muốn tìm diện-tích hình tròn ta phải nhân diện-tích 1 hình vuông nhỏ với một số nhỏ hơn 4; số ấy là số π (pi).

Chú ý: Khi ta nhân một số với chính nó thì ta nói là ta lấy bình phương của nó.

GHI NHỚ: Muốn tìm diện-tích hình tròn thì nhân bán-kính với bán-kính rồi nhân với π . Cũng nói là: lấy bình-phương bán-kính nhân với π .

$$\text{Diện-tích} = \text{bán-kính} \times \text{bán-kính} \times \pi$$

tức là: bình-phương bán-kính $\times \pi$.

$$bk \times bk \times \pi = bk^2 \times \pi$$

BÀI TẬP. Bỏ-tức bảng dưới đây:

Bán kính	4 cm	?	3 m, 4	?
Đường kính	?	10 m	?	4 m, 8
Chu - vi	?	?	?	?
Diện - tích	?	?	?	?

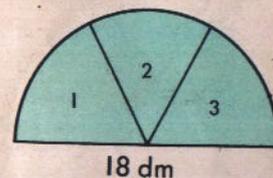
TOÁN ĐỒ

1. Tìm diện-tích một cái giếng biết đường kính đo được 1 m, 60, (lấy $\pi = 3,14$).

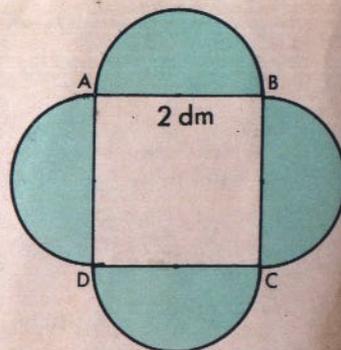
2. Giữa một cái sân hình vuông cạnh 40 m, người ta để một khoảnh tròn để trồng hoa, đường kính đo được 8 m.

Tính: chu-vi khoảnh đất tròn; diện-tích khoảnh đất tròn; diện-tích còn lại của sân.

3. Một cửa sổ hình bán-nguyệt gồm 3 miếng kính diện-tích bằng nhau (coi hình vẽ). Tìm diện-tích một miếng kính biết đường kính cửa sổ đo được 18 dm.



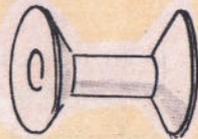
4. Muốn lắp một cửa kính như hình bên thì hết bao nhiêu tiền? Biết: cạnh hình vuông ở giữa là 2 dm; 4 miếng kính chung quanh hình bán-nguyệt; 1 m² kính giá 100\$.



30. Hình vành khăn

NHẬN-XÉT VÀ SUY-LUẬN :

Đây là những đồ-vật có hình vành khăn :

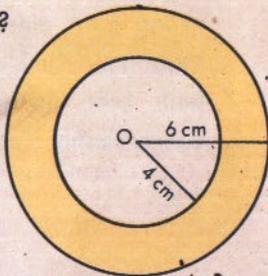


Hãy kẻ thêm vài đồ-vật có hình vành khăn.

Tìm diện-tích hình vành khăn cách nào ?

Hãy nhận xét hình bên :

Phần màu ở giữa hai đường tròn là hình vành khăn. Nếu ta cắt bỏ mặt tròn trắng ở giữa đi thì diện-tích còn lại là diện-tích của hình gì ?



Hãy tìm diện-tích hình tròn lớn :

$$1 \text{ cm}^2 \times 6 \times 6 \times 3,14 = 113 \text{ cm}^2, 04.$$

Rồi tìm diện-tích hình tròn nhỏ :

$$1 \text{ cm}^2 \times 4 \times 4 \times 3,14 = 50 \text{ cm}^2, 24.$$

Trừ bớt diện-tích hình tròn nhỏ đi sẽ được diện-tích hình vành khăn : $113 \text{ cm}^2, 04 - 50 \text{ cm}^2, 24 = 62 \text{ cm}^2, 80.$

GHI NHỚ : Muốn tìm diện-tích hình vành khăn thì lấy diện-tích hình tròn lớn trừ diện-tích hình tròn nhỏ, hoặc là nhân hiệu-số bình-phương bán-kính với π .

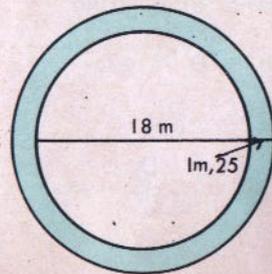
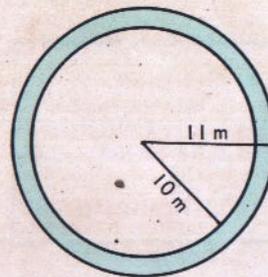
$$\text{Diện-tích} = (\pi \times \text{BK} \times \text{BK}) - (\pi \times \text{bk} \times \text{bk})$$

hoặc : $(\text{BK}^2 - \text{bk}^2) \times \pi$.

BÀI TẬP

Bổ-túc bảng dưới đây :

Bán-kính nhỏ	6 cm	10 cm	12 m	20 m
Bán-kính lớn	8 cm	18 cm	20 m	32 m
Diện-tích hình vành khăn	(?)	(?)	(?)	(?)



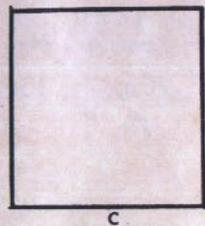
TOÁN ĐÒ

1. Chung quanh một hồ tròn, người ta xây một bờ hồ bằng xi-măng rộng 1m. Tính diện-tích mặt bờ xi-măng, biết đường kính của hồ đo được 20 m.
2. Chung quanh một cái giếng chu-vi 5 m, 024, người ta lót xi-măng một khoảng rộng 1 m. Mỗi m² xi-măng lót như thế tốn 80%. Hỏi tiền phí-tôn là bao nhiêu ? (lấy $\pi = 3,14$).
3. Một vườn bông hình tròn đường kính 18 m ; bao quanh vườn có bờ cỏ rộng 1 m, 25. Tính diện-tích bờ cỏ.

31. Học ôn tổng-quát : Công-thức cần-thiết

Ghi chú : Viết tắt

Cạnh : c	Chéo dài : cd	Trung-đoạn : td
Dài : d	Chéo ngắn : cn	Đường kính : K
Rộng : r	Đường đáy lớn : Đ	Bán-kính lớn : Bk
Chu-vi : Cv	Đường đáy nhỏ : đ	Bán-kính nhỏ : bk
Diện-tích : Dt		



Hình vuông

$$Cv = c \times 4$$

$$c = Cv : 4$$

$$Dt = c \times c$$

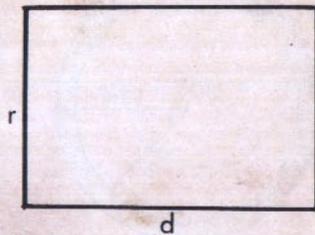
Hình chữ nhật

$$Cv = (d + r) \times 2$$

$$Dt = d \times r$$

$$d = \frac{Dt}{r}$$

$$r = \frac{Dt}{d}$$

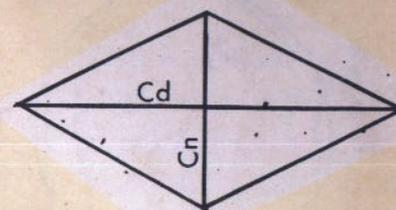
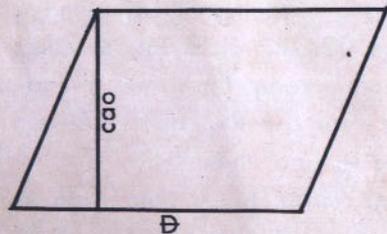


Hình bình-hành

$$Dt = Đ \times \text{cao}$$

$$Đ = \frac{Dt}{\text{cao}}$$

$$\text{cao} = \frac{Dt}{Đ}$$



Hình thoi

$$Dt = Cd \times \frac{Cn}{2} = Cn \times \frac{Cd}{2}$$

$$Cd = Dt : \frac{1}{2} Cn$$

$$Cn = Dt : \frac{1}{2} Cd$$

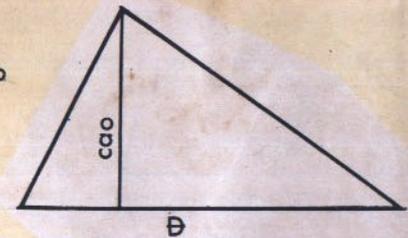
Hình tam-giác

$$Dt = \frac{Đ \times \text{cao}}{2} = Đ \times \frac{1}{2} \text{cao}$$

$$= \text{cao} \times \frac{1}{2} Đ$$

$$Đ = Dt : \frac{1}{2} \text{cao}$$

$$\text{Cao} = Dt : \frac{1}{2} Đ$$



Hình thang

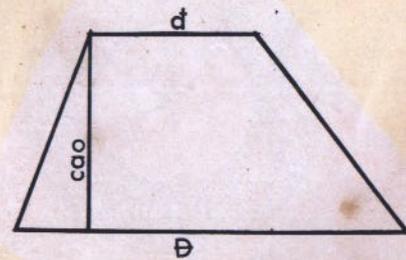
$$Dt = \frac{(Đ + đ)}{2} \times \text{cao}$$

$$= \frac{1}{2} (Đ + đ) \times \text{cao}$$

$$= \frac{1}{2} \text{cao} \times (Đ + đ)$$

$$\text{Cao} = Dt : \frac{1}{2} (Đ + đ)$$

$$(Đ + đ) = Dt : \frac{1}{2} \text{cao}$$



Hình đa-giác đều

$$C_v = c \times \text{số cạnh}$$

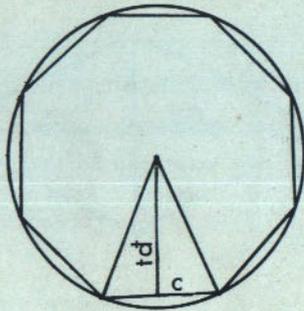
$$c = C_v : \text{số cạnh}$$

$$Dt = \frac{C_v \times td}{2} = \frac{1}{2} C_v \times td$$

$$= \frac{1}{2} td \times C_v$$

$$C_v = Dt : \frac{1}{2} td$$

$$td = Dt : \frac{1}{2} C_v$$



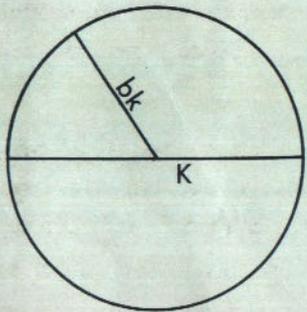
Hình tròn

$$C_v = K \times \pi$$

$$K = C_v : \pi$$

$$Dt = bk \times bk \times \pi$$

$$= bk^2 \times \pi$$

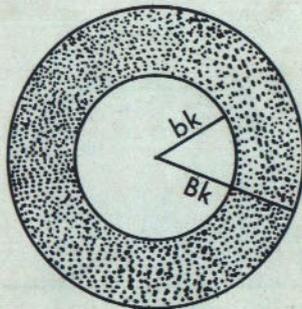


Hình vành khăn

$$Dt = \pi Bk^2 - \pi bk^2$$

$$= (\pi \times Bk \times Bk) - (\pi \times bk \times bk)$$

$$= \pi (Bk^2 - bk^2)$$



32. Toán đố

- Ông Minh phải bước 400 bước, mỗi bước 0,65m, mới hết một vòng thửa vườn hình vuông của ông. Tính cạnh thửa vườn ấy.
- Chú Năm rào quanh một vườn hình vuông tốn mất 3.200\$, giá 1m rào là 25\$. Tính diện-tích của vườn.
- Anh Hòa trồng cây chung quanh một vườn hình vuông, tất cả có 56 cây. Mỗi cạnh vườn trồng một số cây ngang nhau. Hỏi ở mỗi cạnh có bao nhiêu cây?
- Một người trồng cây hoa chung quanh một vườn hình vuông; mỗi cạnh đều có 25 cây; mỗi cây giá 25\$, 50. Tính số tiền mua cây.
- Muốn rào một sở đất vuông, cạnh 72m, ông Quý phải đóng những cái cọc cách nhau 3m và mua dây kẽm gai quây quanh. Mỗi mét dây kẽm gai giá 1\$, 50; mỗi cái cọc giá 10\$. Ông Quý đã quây ba lần dây kẽm quanh sở đất. Hỏi tất cả phí-tồn hết bao nhiêu?
- Một tấm thảm vuông, cạnh 5m, có viền chung quanh; mỗi mét viền giá 20\$. Tấm thảm ấy lúc chưa viền thì giá 50\$ một m². Hỏi lúc được viền rồi thì tấm thảm giá bao nhiêu?
- Nhà của bạn tôi có 4 cửa sổ, mỗi cửa có lắp 8 miếng kính vuông, cạnh miếng kính đo được 2dm. Tính số phí-tồn, biết công lắp kính là 100\$ và mỗi mét vuông kính giá 120\$.

8. Ông Ba thuê đánh xi một sàn gỗ hình chữ nhật dài 8 m, rộng 4 m, 50, mỗi mét vuông giá 12\$. Khi được trả tiền, thợ đòi 550\$. Hỏi thợ có tính làm không? Làm bao nhiêu tiền?
9. Một thửa ruộng hình bình-hành đường đáy 80 m, chiều cao 40 m. Theo chiều cao người ta đặt một con đường rộng 3 m. Tính diện-tích còn lại để trồng-tía.
10. Một cánh đồng cỏ hình tam-giác, đường đáy 275 m, chiều cao 185 m, mỗi năm, 1 ha sản-xuất được 6 tấn cỏ khô. Tính giá lô cỏ khô sản-xuất ra nếu mỗi tạ giá 300\$.
11. Một ruộng hình tam-giác đường đáy 80 m, chiều cao 30 m. Một ruộng khác hình chữ nhật chiều dài 35 m, chiều rộng 25 m. Hỏi diện-tích ruộng nào lớn hơn? Lớn hơn bao nhiêu m^2 ?
12. Ông Phú có một vườn hình chữ nhật dài 80 m; diện-tích $4.000 m^2$ ông thuê rào chung quanh hết 20\$ một mét. Tìm số tiền phí-tồn.
13. Hai người đổi cho nhau 2 miếng đất đồng diện-tích; một miếng hình vuông chu-vi 160 m; một miếng hình chữ nhật chiều rộng đo được 25 m. Tính chiều dài của miếng đất chữ nhật.
14. Bà Huệ muốn dùng 3 m vải khổ rộng 1 m, 20 để may bộ quần áo, giá vải là 40\$ một mét. Nếu bà mua thứ vải khổ rộng 0 m, 80 giá 25\$ một mét thì có lợi hơn không? Nếu có lợi thì được bao nhiêu tiền?

15. Trong một thửa ruộng hình chữ nhật diện-tích $5.805 m^2$ song song với chiều rộng người ta xẻ một đường mương rộng 1 m, 50. Diện-tích còn lại để trồng-tía là $5.526 m^2$. Tìm chiều dài thửa ruộng.
16. Mẹ tôi có tấm nệm hình vuông cạnh 5 m để trải trên sàn gác. Muốn bọc tấm nệm đó ở cả hai mặt trên dưới thì phải mua bao nhiêu mét vải khổ rộng 0 m, 75?
17. Một nền nhà được lát bằng 300 viên gạch hình thoi; đường chéo ngắn của viên gạch là 2 dm 5. Tính đường chéo dài của viên gạch, biết diện-tích lát gạch là $875 dm^2$.
18. Một lưới xẻng hình thang, chiều cao 20 cm, đường đáy nhỏ 14 cm. Tính đường đáy lớn biết bề mặt lưới xẻng đo được $300 cm^2$.
19. Một miếng đất hình thang chiều cao 40 m, diện-tích $4.000 m^2$. Tính mỗi đường đáy, biết đường đáy lớn hơn đường đáy nhỏ 40 m.
20. Một thửa vườn hình bình-hành chu-vi 270 m. Chiều cao kéo xuống cạnh lớn là 40 m. Cạnh lớn gấp đôi cạnh nhỏ. Tìm diện-tích thửa vườn và chiều cao kéo xuống cạnh nhỏ.
21. Một cái bàn ăn hình chữ nhật dài 2 m, rộng 1 m, 20 được kéo dài ra ở hai đầu bằng hai hình bán-nguyệt có đường kính bằng chiều rộng của bàn. Tính diện-tích tổng-cộng mặt bàn.
22. Trong một bãi cỏ hình chữ nhật dài 91 m, 6, người ta đào một hồ chứa nước hình tròn, bán-kính 14 m. Biết diện-tích

còn lại của bãi cỏ gấp 4 lần diện-tích hồ nước. Tính chiều rộng của bãi cỏ.

$$\left(\text{Lấy } \pi = \frac{22}{7}\right)$$

23. Tính diện-tích một cái đĩa hát rộng 9 cm và đường kính của chỗ trống ở giữa là 3 cm.
24. Hai anh em Hải chia nhau một sớ đất hình thang vuông góc, kích thước như sau : 2 đường đáy đo được 140 m và 60 m ; chiều cao 40 m. Họ định chia 2 phần đều nhau theo đường song song với cạnh chung của 2 góc vuông. Hỏi phải đặt đường phân ranh này cách 2 đỉnh của góc vuông bao nhiêu mét ?

MỤC-LỤC

SỐ-HỌC

CHƯƠNG I : ÔN LẠI 4 PHÉP TÍNH VỚI NHỮNG SỐ LỚN

1. Học ôn : Số nguyên - Số thập-phân 10
Tính trăm - Cộng một số với một số chẵn chục
2. Cộng số nguyên : Toán cộng, ý-nghĩa của toán cộng. 14
Tính trăm - Học ôn : Cộng một số với một số chẵn chục
3. Cộng số thập-phân. 16
Tính trăm - Cộng một số với một số gần chẵn chục
4. Phép thử toán cộng 19
Tính trăm - Học ôn : Cộng một số với một số gần chẵn chục
5. Học ôn : Toán cộng 21
Tính trăm - Học ôn : Cộng một số với một số chẵn chục - Cộng một số với một số gần chẵn chục
6. Toán trừ : Ý-nghĩa của toán trừ 23
Tính trăm - Trừ một số với một số chẵn chục
7. Trừ số nguyên 26
Tính trăm - Học ôn : Trừ một số với một số chẵn chục
8. Trừ số thập-phân 29
Tính trăm - Trừ một số với một số gần chẵn chục
9. Phép thử toán trừ 32
Tính trăm - Học ôn : Trừ một số với một số gần chẵn chục

10. Học ôn : Toán trừ 34
*Tính trăm — Trừ một số với một số chẵn chục
 — Trừ một số với một số gần chẵn chục.*
11. Toán nhân : Ý-nghĩa của toán nhân —
 Nhân số nguyên : Trường-hợp mỗi thừa-
 số chỉ có một con số 36
Tính trăm — Nhân một số với 10, 100, 1.000
12. Nhân số nguyên : Trường-hợp số phải nhân
 có nhiều con số ; số nhân chỉ có 1 con số . . . 40
*Tính trăm — Học ôn : Nhân một số với 10, 100,
 1.000*
13. Nhân số nguyên : Trường-hợp số phải nhân
 và số nhân cùng có nhiều con số. 43
Tính trăm — Nhân một số với 20, 30, 40
14. Nhân số nguyên : Trường-hợp số phải nhân
 có nhiều con số — Số nhân tận cùng bằng
 số 0. 47
Tính trăm — Học ôn : Nhân một số với 20, 30, 40
15. Nhân số nguyên : Trường-hợp số phải nhân
 tận cùng bằng số 0 49
*Tính trăm — Học ôn : Nhân một số với 10, 100,
 1.000 ; với 20, 30, 40*
16. Nhân số nguyên : Trường-hợp số phải nhân
 và số nhân đều tận cùng bằng số 0 52
Tính trăm — Nhân một số với 5, 50
17. Nhân số nguyên : Trường-hợp số nhân có
 số 0 xen vào giữa 55
Tính trăm — Học ôn : Nhân một số với 5, 50.
18. Học ôn : Nhân số nguyên. 58
*Tính trăm — Nhân một số có 2 con số với 11 ;
 tổng-số không quá 9,*

19. Nhân số thập-phân : Trường-hợp chỉ có
 một số-hạng là số thập-phân. 60
*Tính trăm — Nhân một số có 2 con số với 11 ;
 tổng-số quá 9.*
20. Nhân số thập-phân : Trường-hợp cả hai số-
 hạng đều là số thập-phân. 63
Tính trăm — Học ôn : Nhân một số với 11.
21. Phép thử toán nhân 65
*Tính trăm — Nhân một số thập-phân với 10, 100,
 1.000.*
22. Học ôn : Toán nhân 68
*Tính trăm — Học ôn : Nhân một số thập-phân
 với 10, 100, 1.000.*
23. Toán chia — Ý-nghĩa của toán chia — Nhận-xét
 về toán chia 70
*Tính trăm — Nhân một số với 20, 30, 40, 10,
 100, 1.000, 5, 50*
24. Chia số nguyên : Trường-hợp số chia và thương-
 số chỉ có 1 con số. Số chia chỉ có 1 con số . . 73
*Tính trăm — Học ôn : Nhân một số với 11 ;
 nhân một số thập-phân với 10, 100, 1.000*
25. Chia số nguyên : Trường-hợp số phải chia
 và số chia đều tận cùng bằng số 0 76
Tính trăm — Chia một số cho 10, 100, 1.000
26. Chia số nguyên : Trường-hợp thương-số có
 số 0 xen vào giữa. 79
Tính trăm — Chia một số cho 20, 30, 40
27. Chia số nguyên : Trường-hợp số phải chia và
 số chia có nhiều con số, thương-số có một con
 số. Cả ba số-hạng đều có nhiều con số . . 81
Tính trăm — Chia một số cho 0,5
28. Chia số nguyên : Trường-hợp thương-số là số

thập-phân. Số phải chia nhỏ hơn số chia	84
<i>Tính trăm — Chia một số cho 0, 5</i>	
29. Học ôn về toán chia	86
<i>Tính trăm — Học ôn : Chia một số cho 10, 100, 1000, 20, 30, 40</i>	
30. Chia số thập-phân : Chia số thập-phân cho số nguyên. Số phải chia là số nguyên ; số chia tận cùng bằng số 0.	88
<i>Tính trăm — Chia một số cho 5.</i>	
31. Chia số thập-phân : Chia số nguyên cho số thập-phân	91
<i>Tính trăm — Học ôn : Chia một số cho 5.</i>	
32. Chia số thập-phân : Chia số thập-phân cho số thập-phân	93
<i>Tính trăm — Chia một số cho 50.</i>	
33. Phép thử toán chia	97
<i>Tính trăm — Học ôn : Chia một số cho 50.</i>	
34. Học ôn : Toán chia	100
<i>Tính trăm — Học ôn : Chia một số cho 0,5, 5, 50.</i>	

CHƯƠNG II : PHÂN-SỐ

35. Phân số : ý-niệm về phân-số. Cách đọc, cách viết phân-số	102
<i>Tính trăm — Nhân một số với 0, 5</i>	
36. Phân số thập-phân. Cách đổi ra phân-số thường và ngược lại	107
<i>Tính trăm — Học ôn : Nhân một số với 0,5</i>	
37. So-sánh phân-số với đơn-vị	111
<i>Tính trăm — Nhân một số với 0,25</i>	
38. So-sánh phân-số	114
<i>Tính trăm — Học ôn : Nhân một số với 0,25</i>	

39. Số phân-số	117
<i>Tính trăm — Nhân một số với 0,2</i>	
40. Học ôn : Phân-số	121
<i>Tính trăm — Học ôn : Nhân một số với 0,5 0,25, 0,2</i>	
41. Phân-số bằng nhau. Đơn-giản phân-số	123
<i>Tính trăm — Nhân một số với 1,5.</i>	
42. Đơn-giản phân-số (t. t.)	127
<i>Tính trăm : Học ôn — Nhân một số với 1,5.</i>	
43. Học ôn : Đơn-giản phân-số	130
<i>Tính trăm : Nhân một số với 15.</i>	
44. Hóa đồng mẫu-số. Trường-hợp 2 phân-số	132
<i>Tính trăm — Học ôn : Nhân một số với 15.</i>	
45. Hóa đồng mẫu-số (t. t.) : Trường hợp nhiều phân-số	135
<i>Tính trăm : Nhân một số với 150.</i>	
46. Hóa-đồng mẫu-số (t. t.) : Trường-hợp đặc-biệt I : Mẫu-số lớn là bội-số của mẫu-số nhỏ	137
<i>Tính trăm — Học ôn : Nhân một số với 150.</i>	
47. Hóa-đồng mẫu-số : Trường-hợp đặc-biệt II : Mẫu-số lớn nhất là bội-số chung của các mẫu-số nhỏ.	140
<i>Tính trăm — Nhân một số với 0,125.</i>	
48. Học ôn : Hóa-đồng mẫu-số	144
<i>Tính trăm — Học ôn : Nhân một số với 0,125.</i>	
49. Cộng phân-số có mẫu-số chung	146
<i>Tính trăm — Nhân một số với 1,25.</i>	
50. Cộng phân-số không có mẫu-số chung.	149
<i>Tính trăm — Học ôn : Nhân một số với 1,25.</i>	
51. Học ôn : Cộng phân-số.	152
<i>Tính trăm : Nhân một số với 0,1, 0,01.</i>	

Trừ hai phân-số có mẫu-số chung	154
<i>Tính trăm · Học ôn : Nhân một số với 0,1, 0,01</i>	
Trừ hai phân-số không có mẫu-số chung	156
<i>Tính trăm — Học ôn : Nhân một số với : 1,5, 15, 150.</i>	
54. Học ôn : Trừ phân-số	158
<i>Tính trăm — Học ôn : Nhân một số với 0,125, 1,25, 0,1, 0,01.</i>	
CHƯƠNG III : TẬP-SỐ	
55. Tập-số là gì ? — Sự xác-định thời-giờ. — Viết, đọc tập-số	160
<i>Tính trăm — Chia một số cho 0,5.</i>	
56. Đơn-vị trong những số ghi thời-gian : Đơn-vị lớn ra đơn-vị nhỏ	163
<i>Tính trăm — Chia một số cho 0,25.</i>	
57. Tập-số : (t.t.) : Đơn-vị nhỏ ra đơn-vị lớn	165
<i>Tính trăm — Chia một số cho 0,2.</i>	
58. Học ôn : Tập-số	167
<i>Tính trăm — Học ôn : Chia một số cho 0,5, 0,25, 0,2.</i>	
59. Cộng tập-số	169
<i>Tính trăm — Chia một số cho 0,125.</i>	
60. Cộng tập-số (t.t.)	172
<i>Tính trăm — Chia một số cho 1,25.</i>	
61. Học ôn : Cộng tập-số	174
<i>Tính trăm — Học ôn : Chia một số cho 0,125, 1,25.</i>	
62. Trừ tập-số	175
<i>Tính trăm — Chia một số cho 0,1.</i>	
63. Trừ tập-số (t.t.)	177
<i>Tính trăm — Chia một số cho 0,01</i>	
64. Học ôn : Cộng, trừ tập-số	179
<i>Tính trăm — Học ôn : Chia một số cho 0,1, 0,01.</i>	

PHẦN ĐO-LƯỜNG

CHƯƠNG I : ÔN LẠI CHƯƠNG - TRÌNH LỚP BA : GIẢI-NHĨA VỀ HỆ-THỐNG THẬP-PHÂN — MÉT — LÍT

1. Giải-nhĩa về hệ-thống thập-phân	182
2. Mét — Bội-số và ước-số của mét. Đọc và viết những số ghi chiều dài	184
3. Đơn-vị trong những số ghi chiều dài	186
4. Đơn-vị trong những số ghi chiều dài (t.t.)	188
5. Học ôn	190
6. Lít. Bội-số và ước-số của lít. Đọc và viết những số ghi dung-tích	191
7. Đơn-vị trong những số ghi dung-tích	193
8. Học ôn	195

CHƯƠNG II : MÉT VUÔNG — ĐO DIỆN-TÍCH

9. Mét vuông. Ước-số và bội-số của mét vuông	197
10. Sự liên-lạc giữa những đơn-vị ghi diện-tích cơ-bản 100	199
11. Cách đọc những số ghi diện-tích	201
12. Cách viết những số ghi diện-tích	203
13. Đơn-vị trong những số ghi diện-tích	205
14. Đơn-vị trong những số ghi diện-tích (t. t.)	207
15. Học ôn	209

CHƯƠNG III : CAO TÂY — SÀO TÂY — MẪU TÂY

16. Cao tây — Sào tây — Mẫu tây — Cách đọc và viết những đơn-vị đo ruộng đất	210
17. Đơn-vị trong những số ghi ruộng đất	213
18. Học ôn	215
19. So sánh những đơn-vị đo ruộng đất với những đơn-vị đo diện-tích thường	217
20. Học ôn	219

CHƯƠNG IV : HỌC VỀ TRỌNG LƯỢNG BỘI-SỐ VÀ ƯỚC-SỐ CỦA KI-LÔ-GAM

Ý-niệm về trọng-lượng và tìm trọng-lượng —	
và Kg	220
Số-số của gam	222
Số số của gam và của kg	224
4. Đọc và viết những số ghi trọng lượng	226
25. Học ôn	228
26. Đỗi đơn-vị trong những số ghi trọng lượng	229
27. Kilô-gam và những đơn-vị thực tại về trọng-lượng	231
28. Các loại cân	234
29. Cách dùng cân đĩa	235
30. Cách dùng cân xách	236
31. Sự liên-lạc giữa trọng-lượng và dung-tích của nước 4°	237
32. Học ôn	239

PHẦN HÌNH HỌC VÀ VẼ HÌNH HỌC

CHƯƠNG I: HÌNH VUÔNG, HÌNH CHỮ NHẬT,

HÌNH BÌNH-HÀNH

1. Hình vuông	242
2. Chu-vi hình vuông — Cận hình vuông	244
3. Diện-tích hình vuông	246
4. Học ôn : Ứng-dụng : Tìm số cọc, số cây trồng chung quanh vườn, đất hình vuông	248
5. Hình chữ nhật	250
6. Chu-vi hình chữ nhật	252
7. Diện-tích hình chữ nhật	253
8. Tìm chiều của hình chữ nhật	255
9. Hình bình-hành	257
10. Diện-tích hình bình-hành	259
11. Học ôn : Ứng-dụng — Tính khoảng-cách trồng cây chung quanh vườn, đất hình chữ nhật và hình bình hành	261
12. Ứng dụng (tiếp theo) — Tính khoảng cách trồng cây ở trong vườn	263
Ứng-dụng — Lối đi và đường viền	265